

NGUYỄN CÔNG HOAN

ĐỒNG RÁC CŨ

Tiểu thuyết • TẬP MỘT



Đồng rác cũ

tập 1

Nguyễn Công Hoan

đồng rác cũ

Nguyễn Công Hoan

Bìa: *NXB Thanh Niên*

Nguồn: *Internet*

đồng rác cũ

NGUYỄN CÔNG HOAN

THANH NIÊN
xuất bản 1989



Nhà văn Nguyễn Công Hoan
(1903 – 1977)

Mục lục

1. Một ngôi nhà của một người	23
2. Con bò lạc	81
3. Cu-li cắt-kít	131
4. Ma-ri	181
5. Lại một nghề nữa không có ghi ở trong lòng minh tinh	259
6. Mặc cả với con cái của một người đã dày công tu nhân tích đức	318

7. Một cuộc diễn kịch: ngoài sân khấu và trong hậu trường	341
8. Tin bất thường	445
9. Những mặt bất thường	471
10. Việc bất thường	560
11. Vỡ lòng	598

Người cứu tiểu thuyết “Đống rác cũ”

Ngày 27.8.2012, Hội Nhà văn VN tổ chức hội thảo nhằm làm rõ sự đóng góp của nhà văn Lê Minh (85 tuổi) đối với nền văn học cách mạng, kháng chiến và đề tài công nhân.

Tại hội thảo, bài phát biểu của nhà văn Xuân Cang đã cung cấp nhiều thông tin mới về Lê Minh. Năm 1956, truyện ngắn Nhật ký một người mẹ của bà bị lên án trong vụ Nhân văn giai phẩm và Lê Minh cùng một nhóm văn nghệ sĩ phải đi “cải tạo lao động” ở Nam Định,

Thái Nguyên.

Năm 1982, trên cương vị Trưởng ban VHVN Báo Nhân dân, Lê Minh đã thẳng thắn phản đối bài phê bình có tính “chụp mũ” đối với tiểu thuyết Búp sen xanh của Sơn Tùng.

Vào năm nhà văn Nguyễn Công Hoan gặp nạn vì tiểu thuyết Đồng rác cũ tập 1 in ở NXB Văn học bị cấm, Lê Minh đã thực sự hành động để cứu tác phẩm của cha. Một mặt, bà an ủi chăm sóc sức khỏe của cha, một mặt thu giấu, giữ gìn bản thảo, mặt khác ngăn chặn những tin đồn thổi. Sau đó, Lê Minh đã sắp xếp rất kỹ với NXB Thanh Niên một kế hoạch thật kín kẽ để xuất bản được toàn tập Đồng rác cũ cùng một thời điểm.

Nhà văn Lê Minh sinh năm 1928, là con gái của nhà văn lỗi lạc Nguyễn Công Hoan. Đến nay, bà đã in 35 tập truyện ngắn, truyện dài, ký và tiểu thuyết, từng đoạt 2 giải nhất thi ký và truyện ngắn của Hội Nhà văn năm 1962 và năm 1969, 2 giải nhất về văn học đề tài công nhân của Hội Nhà văn từ 1980–1995.

Nguyễn Việt Chiến

28/08/2012

<https://thanhnien.vn/nguoi-cuu-tieu-thuyet-dong-rac-cu-185286600.htm>

ĐỒNG RÁC CŨ ĐÃ ĐƯỢC TÁI BẢN NHƯ THỂ

Phạm Thế Cường

Năm 1963, sau một thời gian thai nghén, *Đồng rác cũ* tập 1 được Nhà xuất bản Văn Học in và phát hành, độc giả miền Bắc hoan nghênh và đánh giá cao, ngay giới phê bình cũng có nhiều người khen. Vì vậy tập 2 đã được lên khuôn và in dập thử đến chương áp chót. Bỗng nhiên có lệnh đình chỉ xuất bản và thu hồi tập 1 đã in mà không có lý do chính thức nào được đưa ra.

Trước đó với niềm hồ hởi, lạc quan

khi miền Bắc được giải phóng, Nguyễn Công Hoan về làm việc ở Hội Văn nghệ Việt Nam, nhà văn làm việc hăng say, phấn khởi hầu như năm nào cũng viết và xuất bản 1 tập truyện dài và hàng chục truyện ngắn.

Năm 1954 xuất bản tập truyện ngắn *Nông dân và địa chủ* và tiểu thuyết *Tôi quyết sống*. Năm 1956 với tập bản thảo tưởng bị thất lạc từ năm 1946 nhà văn Tô Hoài tìm được đưa lại, nhà văn đã hoàn thiện và cho in tiểu thuyết *Tranh tối tranh sáng*. Năm 1957 viết xong sơ thảo *Đời viết văn của tôi*. Rồi năm 1961 với *Hồn canh hồn cừ*; năm 1962 tập bút ký *Thăm nhà người anh em chiến đấu dũng cảm*.

Do vậy khi *Đống rác cũ* bị cấm, Nguyễn Công Hoan rất buồn, nhà văn chán nản và sinh bệnh.

Thấy tình cảnh của cha như vậy, bà Nguyễn Tài Hồng con gái nhà văn với bút danh Lê Minh cũng đã bị vướng vào vụ Nhân văn giai phẩm với tác phẩm *Nhật kí một người mẹ* nên rất hiểu hoàn cảnh của cha, bà đã luôn ở bên an ủi chăm sóc sức khoẻ cho cha, một mặt bà thu giữ cất giấu và bảo quản bản thảo *Đống rác cũ* để chờ điều kiện thuận lợi sẽ in tiếp.

Năm 1986 dưới ánh sáng nghị quyết đại hội 6, luồng không khí đổi mới đã thổi vào giới văn nghệ. Bắt đầu từ đây một số tác phẩm văn học bị cấm nay dần dần được in lại. Bà Lê Minh mang bản thảo *Đống rác cũ* đưa cho ông Trần Trọng Tân, lúc đó là Trưởng ban Tư tưởng - Văn

hoá trung ương Đảng đọc và xin ý kiến.

Ông Trần Trọng Tân đọc xong, đưa lại cho bà, bà Lê Minh hỏi:

- Anh thấy thế nào?

Ông Tân trả lời.

- Tác phẩm tốt quá, nó lên án mạnh mẽ giới quan lại phong kiến lại vừa bi vừa hài.

Bà Lê Minh mỉm cười nói.

- Vậy mà bị cấm đấy.

- Sao lại cấm, ông Tân hỏi lại.

Bà Lê Minh hóm hỉnh và trả lời cũng rất thật đúng cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

- Đến bố tôi cũng chẳng biết.

Đúng thế thật *Đồng rác cũ* bị cấm mà Nguyễn Công Hoan cùng giới văn học và độc giả không hề biết tại sao.

Rồi bà nói với ông Tân.

- Tôi sẽ cho in lại tác phẩm và cam đoan có gì tôi chịu trách nhiệm mà không để ảnh hưởng tới ông.

Được sự khuyến khích của ông Trần Trọng Tân, bà Lê Minh mang bản thảo trở lại Nhà xuất bản Văn học, nơi đã in lần đầu (năm 1963). Nhưng rất tiếc nhà xuất bản đã thắng thùng từ chối.

Không nản, bà mang bản thảo tới *Nhà xuất bản Thanh Niên*, tại đây sau khi đọc kỹ bản thảo Ban giám đốc nhà xuất bản quyết định cho in.

Ông Hoàng Phong, chịu trách nhiệm xuất bản nói với bà Lê Minh.

- Chúng tôi sẽ cho in cùng một lúc 4 phần ở 4 nơi khác nhau và phát hành cùng một thời điểm, nếu có gì thì cũng đã ra mắt được trọn bộ.

Nhờ sự quyết tâm và dũng cảm của *Nhà xuất bản Thanh Niên*, tháng 5/1989 trọn bộ tiểu thuyết *Đống rác cũ* gồm 4 cuốn lần đầu tiên ra mắt bạn đọc cả nước.

Nhà xuất bản Thanh niên đã trân trọng đóng cả 4 cuốn thành 1 tập bìa cứng in chữ vàng tặng gia đình nhà văn để đặt lên bàn thờ Nguyễn Công Hoan.

Tác phẩm *Đống rác cũ* ra mắt được ít lâu, nhà thơ Xuân Diệu một lần đi qua nhà bà Lê Minh, ông đứng ngoài cổng gọi bà ra và vẫn ngồi trên xe đạp, nói.

- Tôi nói cho bà nghe, Nguyễn Công Hoan thật hạnh phúc có người con gái như bà và bà cũng thật hạnh phúc có người cha là Nguyễn Công Hoan.

Nói xong ông đạp xe đi ngay, còn bà thì vui và thật hạnh phúc khi đã làm tròn chữ hiếu với người cha thân thương đã khuất của mình.

Đến nay *Đống rác cũ* vẫn được bạn đọc cả nước tìm đọc và đã được tái bản đến lần thứ 6.

(Theo lời kể của nhà văn Lê Minh)

<https://nhavannguyenconghoan.blogspot.com/2012/03/dong-rac-cu-duoc-tai-ban-nhu-pham-cuong-n.html>

I

MỘT NGÔI NHÀ CỦA MỘT NGƯỜI

Ngôi nhà này bè bè, thô thô như một anh chàng to ngang mà lùn. Đó là tại khi xây dựng, không có kiểu vẽ trước? Hay tại toán thợ nề quê mùa nào đó, muốn khoe là tay cừ mỹ thuật? Họ đem nhồi nhét, trộn hồ lộn vào trong tác phẩm cón con này tất cả những cái họ đã nhìn qua loa thấy ở nhà kiểu Tàu, ở nhà kiểu Tây làm theo thời trung cổ, thời hiện đại? Hay tại tiền khoán nhà thì

to mà tài thợ thì nhỏ? Cho nên để nuốt món đó cho khỏi hóc, họ đành liều lĩnh, phóng tay làm cho cái nhà trở thành không ra lối lằng gì.

Thôi mặc kệ. Ta tìm hiểu làm gì cái điều không lợi cho ta ấy? Nhà này dù đẹp, dù khéo, dù xinh, hay lố lằng, kệch cỡm, lòe loẹt, thì nó cũng là một sự kiện đã rồi.

Nhà có hai tầng. Tầng gác dẹt đen dẹt như bụng người nhịn đói. Vì ở phía trước, có cửa ra một cái sân rộng. Ở hai tường hai bên, trên bộ cửa chớp sơn xanh, có đắp một cái gờ dài. Gờ là mặt hồ phù dẹt hai chân trước. Mặt hồ phù có đủ cả mắt, mũi, miệng, răng, râu. Chân hồ phù có năm móng cong và nhọn. Mắt, mũi, miệng, răng, râu và móng, đều bôi đen, vàng, đỏ, nâu, trắng, tím.

Mình hồ phù trở vây mặt nguyệt, nhỏ li ti, mỗi mặt nguyệt tô một màu sắc sỡ khác nhau. Xin nói thêm, cửa đây là cửa chớp giả, mà ngay thời Dân chủ cộng hòa này, ta còn trông thấy ở nhiều nhà trong thị xã Hải Dương. Không mở được vì nó đắp bằng vữa. Nhưng ở cửa chớp thật bằng gỗ, hàng răng lắp vào khung thế nào, thì ở cửa chớp giả này, cũng y hệt như thế. Lại có đủ cả từng ấy chiếc bản lề, cũng đắp bằng vữa, nhuộm đúng màu sắt. Phía trước mặt tầng dưới, dưới ba cái mái cong, nổi lên những dòng ngói ống kiểu tàu sơn tím, có ba cửa tò vò, nhưng lại xây bịt kín. Lèo cửa bộ giữa chạy nho sóc, hai bộ bên chạy qua điệp. Để lên gác, một cái thang cuốn xây áp vào tường, gồm chừng hai chục bậc. Thang có mái, là một con rồng uốn tròn, đứng bằng mười chân, dính vào bậc, tức là tay vịn. Ba mặt sân gác có ba hàng bao

lớn, mỗi cái bao lớn nặn hình con tiện, mỗi con tiện sơn một màu khác nhau. Ở một góc sân gác, dựng một cái giàn xây, với hàng xà ngang xi-măng xếp đều tăm tắp, như kiểu giàn dây leo ở công viên các thành phố. Mái gác trát nhẵn bằng vữa màu gạch. Trên đường bờ chính giữa, gắn một chiếc đồng hồ giả, kim ngắn chỉ thẳng lên con số 12, nhưng kim dài nằm ngang với con số 3. Những con số đều viết chữ La-mã. Trên đỉnh đồng hồ, có nhoi lên cái cổ nậm rượu, dưới thắt cổ bông, trên phình ra, rồi thon dần. Dọc đường bờ, bên phải và bên trái cái đồng hồ, đi bát tiên bằng xi-măng. Và ở hai đầu, hai con phượng ngậm cuốn thư, uốn quặt cái đuôi lại.

Phía mặt gác trông ra sân, có ba bộ cửa. Hai bên tả hữu, là lối cửa bức bàn, cánh nào phần trên cũng là đường triện

triết chi lá giát, và phần dưới, bịt kín, trở bốn thứ cây mai, lan, cúc, trúc. Tôi quên không nói là nhà này không làm bằng tí gỗ nào, dù là các cánh cửa, toàn là xi-măng và vữa thôi. Chỉ trừ có cái cửa giữa gác, vì cần cho ánh sáng lọt vào trong, nên là kính. Cả một mặt kính lắp sau bức diềm y môn vữa màu đỏ. Tuy mưa nắng lâu ngày đã làm kính hơi mờ đi, nhưng ở ngoài trông vào vẫn rõ. Rõ là rỗng trống. Trên sàn, không bày bàn ghế, tủ sập. Và trên tường, không treo hoành phi, câu đối. Chỉ có mỗi một cái. Cái này là tấm truyền thần bán thân một người bằng sơn màu. Tấm truyền thần dựng kín cả mặt tường hậu. Xin mở một dấu ngoặc để than thở vài câu về cái công trình thuộc về mỹ thuật này. Nhất định tấm truyền thần đây không phải là vẽ. Thời này, muốn truyền ai, nhất là những người giàu, thích hết ảnh màu, thì mấy ông

thợ vẽ lười vẽ đã phát minh ra một cách làm việc, vừa đỡ tốn công, vừa giống in như ảnh. Có gì đâu. Các ông nhận ảnh của khách hàng, đem chụp lại vào kính, rồi phóng cho to ra. Quần áo và các thứ trang trí, ai muốn thế nào, các ông cho được như thế tuốt. Vì đã có sẵn những mẫu cũ. Chỉ cần khách trả một món tiền ngang với giá trị những thứ làm tăng giá trị con người vẽ. Còn cái mặt, đáng lẽ truyền khó và lâu nhất mới giống thì các ông có ở ảnh rồi. Chỉ còn việc lấy thuốc màu, tô cho nước da hồng, cho đôi môi đỏ. Rồi phết một lượt quang dầu lên trên. Thế là chu. Giống ảnh không chê được! Và bền cố hỉ!

Bức truyền thần bày trong nhà này là chân dung một ông. Thường thì các ông đi mượn vẽ hay bắt bẻ người thợ vẽ đã vẽ không giống mình trong ảnh mà mình

thuê phóng, chứ không bao giờ quan tâm đến việc ảnh có giống mình hiện tại, tức là lúc mình đến đưa nó cho người ta vẽ hay không. Bởi vì bao giờ các ông cũng chọn cái ảnh đã chụp bất cứ vào năm nào, miễn là nó đẹp nhất. Nghĩa là nó phải đáp ứng đủ ba tiêu chuẩn: mặt mũi trắng béo, quần áo bảnh chọe, và đáng điệu oai vệ. Nếu khi chụp, người thợ ảnh đã có thói quen về một thứ mỹ thuật nào đó, biết xóa hết trong kính đã rửa những nét nhăn nheo trên mặt, để khi in ra giấy, cái mặt ấy được chỉnh lý, cải biên nhiều nhiều, cho xinh đẹp nhiều nhiều, thì khi ngắm ảnh, khách hàng càng khen nhiều nhiều.

Cái ông trong tấm truyền thần này, mặt ngửa lên. Rõ ràng là người tự hào hơn cả một người có cái gì đáng tự hào. Về mặt tự hào của ông này lại đi đến mức

độ có thể gọi là vênh váo. Ông ta đã dùng một vật trang trí nhân tạo, làm cảnh cho đôi mắt, để mình được ngò là học giả. Đó là cặp kính trắng tròn, lớn, gọng đôi môi. Rìa ông ta cũng làm cảnh cho miệng ông. Vật trang trí này tuy thiên nhiên, nhưng không khỏi không được đặt vào đó công lao động sáng tạo. Nó đen nhánh, hai bên đối nhau. Đầu rìa hướng phía nhân trung thì rậm và to, nhưng đuôi rìa quấy ra phía cạnh mép thì cắt nhọn hoắt và uốn vênh lên. Thuở này, gọi kiểu râu này là râu Tây, dù nó mọc trên môi bất cứ người nước nào. Đáng lẽ một nạm râu chổi sể còn phải đâm thẳng từ cằm ông ta xuống nữa mới hợp lý. Nhưng Tây cạo nó đi, thì ông ta cũng cạo nó đi. Cho nên đôi môi mỏng và cái cằm lẹm của ông, vì phải theo thời, mà không được nguy trang. Tóc ông ta cũng đen như râu. Rẽ

giữa. Hai bên chải lật hai múi, gỗ và cong như hai cái cổng tò vò.

Tóm lại, ông này, mặt phình và nhẵn như mặt một cậu con trai, nhưng lại lặc vào đó hai con nong nóc ở trên mép. Khó lòng mà đoán được ông ta bao nhiêu tuổi.

Ông ta mặc Âu phục. À, ra nếu ông ta để râu cằm, thì làm sao ta nhìn thấy được cái cổ cồn là bóng lộn và cái ca-vát màu cánh trà, gài vào sơ mi bằng chiếc ghim có đầu bằng hạt ngọc xanh. Ở lỗ khuyết ve áo len màu tím, có đeo lủng lẳng cái vuốt hổ trắng bịt vàng, lòng thòng một cái dây vàng, chui vào miệng cái túi con ở áo ngực bên phải. Đây là dây đồng hồ. Để người ngoài hiểu ngầm rằng nó thả vào trong túi một chiếc đồng hồ quả quýt, và tất nhiên, cũng bằng vàng. Trên

ngực này của áo ông ta đeo hai cái để ai cũng phải chú ý. Một cái hình chữ nhật, ngang độ hai đốt, dọc độ ba đốt ngón tay, màu kem, giữa là một dòng năm chữ nhỏ, tô đỏ, đủ cả nét rất rõ. Đó là tấm bài ngà. Và năm chữ là Hàn lâm viện đãi chiếu. Cạnh thẻ ngà, là cái mà thời ấy gọi là mền-day. Mền-day này là thứ có miếng vải sọc xanh và vàng, đeo toòng teng một cái đầu rồng ngoác mõm bằng kim khí. Đó là tấm An-nam long bội tinh của vua ban.

Vậy thì, ái chà chà! Nhà này là nhà của một vị rất danh giá và rất đáng kính trọng. Vì có quan tước và có công với triều đình. Nhưng chắc hẳn lão ta không là quan thật. Vì mặc Tây, chứ không vận phẩm phục. Vả lại, cái Hàm đãi chiếu là thứ hàm hạng bát, mà ngay một chức quan hạng bát cũng được đổi ngay với

một hàm cao hơn nhiều. Các bạn muốn biết lão ta là ai làm nghề ngỗng gì, xin đọc những chữ đề ở dưới bức truyền thân:

Monsieur TRAN ĐUC THUA

dit ALBERT THUA

Medecin annamite brevete de la Chine

Journaliste Concessionnaire Amateur

Membre de la Chambre des Représen-
tants du peuple du Tonkin

Han lam vien Dai chieu

Decore du Dragon d'Annam

Decede le 20 du 2e mois de la 12e annee
du règne Bao Dai

Vậy đây là một nhà cứu dân độ thế, một nhà doanh nghiệp, một tay ngôn luận, một nghị sĩ, đã đội nhiều ơn mưa móc. Và cái biệt thự này là cố cư của ông ta. Xin nhận rằng người thật đúng thể thật. Nhưng nhà không phải là cố cư. Vì tôi quên chưa nói nhà này không ở được. Nó chỉ có tầng gác là rỗng, còn tầng dưới thì lèn đặc những đất thó. Và tôi cũng quên, không nói ngay từ trên kia, là nhà này bé thôi, chỉ rộng có một thước một, dài hai thước, và cao một thước hai. Nó xây ở giữa đồng.

Vậy nó là cái mã?

Phải. Mã ông Trần Đức Thừa, tức An-be Thừa, thầy thuốc An-nam đồ bằng của nước Trung Hoa, nhà báo, chủ đồn điền, chủ tàu thủy, nghị viên viện Nhân dân đại biểu Bắc kỳ, Hàn lâm viện

đãi chiếu, thưởng thụ An-nam long bội tinh, tạ thế ngày 20 tháng thứ 2 năm thứ 12 triều vua Bảo Đại. Dịch theo minh tinh bằng tiếng Pháp trên kia là như thế.

Mả ông An-be Thừa nằm giữa một khu năm sào, vuông vắn, xung quanh bao vây bằng tường gạch cao ba thước. Có cái cổng xây mái kiểu mái nhà táng. Dưới mái, đắp một dòng chữ Pháp, gần giống với những chữ: CIMETIÈRE DE FAMILLE. Nghĩa là nghĩa trang gia đình. Hẳn là yết thị cho người ngoài đừng chôn ẩu xị vào đó. Bên niên hiệu, đề Long phi Đình sữu niên. Bên lạc khoản ghi Thế nghị Đế tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân Thái thường tự khanh. Tuần phủ chi sự Lê Văn Bản bái văn.

Đôi câu đối này, một vế ý nói Nghị trường vắng tiếng từ nay, những tư tưởng

nhân đạo, những trang báo nảy lửa đã vang động đến cửu trùng, đổi nắng hạn thành mưa Âu móc Á. Một vế ý nói âm phủ muốn chùng thiếu thầy thuốc giỏi, hai mươi năm xây dựng cơ đồ, làm giàu cho nhà, cho nước, nêu tấm gương sáng về Pháp – Nam thân thiện.

Câu đối là thứ văn chương xa xỉ phẩm để thù tạc. Khen ngợi người chết không biết cãi và không biết ngượng, câu đối được mặc sức nói huênh hoang. Huống hồ chữ nghĩa của một vị đại khoa, nghĩ ra để “lạy và than” người “bạn thân” đã khuất, thì phần văn chương nhất định được coi là cần thiết hơn sự thật.

– Sung sướng quá! Sống ở nhà đẹp, chết ở nhà cũng đẹp!

Người thềm tiền nói thế. Nhưng người thềm ruộng thì mỉa:

– Chỗ này còn chôn được khối người họ Trần mới chạt hết đất!

* * *

Nhưng nghĩa trang này đã chôn thêm ai đâu? Từ Bảo Đại thập nhị niên tới nay, Cũng mới chỉ có thon lớn có mỗi một ngôi trong khu vực mênh mông này.

Thế thì người trong gia đình ấy đâu? Không có ai, hay chưa có ai chết? Chưa có ai chết, hay đã có người chết mà chôn ở chỗ khác? Cái đó khó lòng mà đoán được. Lý do thế nào, chốc nữa ta sẽ rõ. Còn như trong gia đình có những ai thì ta có thể biết được một cách tương đối đúng. Tương đối thôi.

Ngày ông An-be Thừa chết không kể một nghìn cáo phó in giấy riêng, bay như bướm bướm ra khắp bốn phương trong nước, báo tin buồn cho các cụ, các quan, các ông, các bà, thân bằng cố hữu, còn có cáo phó thuê đăng trên tất cả các báo hằng ngày ở Hà thành. Thì những hôm cữu còn quàn trong nhà, ngày đầu tiên, lần lượt có ba người con trai, trạc mười lăm mười sáu tuổi trở lại, đến nhận là con ông và xin mũ gậy. Ngày hôm thứ hai, buổi sáng, một thiếu phụ, mặt mũi hiền lành, dắt đứa con độ lên hai tuổi đến, xin cho cả hai mẹ con được mặc đại tang. Vì bà ta nói cả bà lẫn con đều là con ông An-be. Không ai hiểu là tại làm sao. Lại đến buổi chiều, một bà độ ngót bốn mươi, vừa đến cổng, đã bù lu bù loa lên: “Ồi anh ơi là anh ơi, anh đi đâu anh bỏ tôi!”. Rồi ngồi xổm bên quan tài, quệt nước mũi vào gót chân, bà ta tự giới

thiệu: “Tôi là ma-đam An-be Thừa!”

Và vân vân.

Tất cả những nhân vật tự xưng là vợ, là con ông Thừa, hẳn là vợ con phi pháp, đều chưa một lần nào gặp những người gọi là vợ, là con hợp pháp của ông. Họ cũng chưa một lần nào gặp mặt nhau. Cho nên tất cả cùng làm cho nhau ngỡ ngác. Và, sau khi họ cãi nhau không đến nổi kịch liệt lắm, thì những người lạ mặt bị một thứ tiếng the thé dọa kiện đến danh giá, mắng chửi cho thêm vài câu, và bị đuổi đi hết.

Song, có một bà thân hình gầy đét đến, không làm ai ngỡ ngác tí nào, còn làm cho nhiều người e ngại nữa. Bà này tóc đã hoa râm, chân đi tập tễnh. Đôi mắt đau có che bằng mảnh the thâm, rú

từ khăn xuống kín một nửa mặt. Bà mặc cái váy cũn cốn và cái áo dài nâu bỏ xống tràng. Bà đến nhà ông An-be vào lúc năm giờ sáng, trước lễ chuyển cữu hai giờ đồng hồ. Vừa đến cổng, bà đã nước mắt ròn ròn. Bà không chào hỏi ai, đi thẳng tuột vào chỗ thờ, vắt miếng the che mắt lên khăn để nhìn cho rõ, rồi ôm áo quan vật vã khóc: “Thầy thằng Mão ơi!”. Bà kể lể là giận nhưng vẫn thương. Đến khi thấy đông người đứng quanh, bà chuyển những lời tâm sự với người chết sang những lời xói móc người sống. Đứng cạnh bà là một người thanh niên lẹm cằm, tức là Mão, con bà. Tóc Mão để sù, bông lên. Mặt Mão đầy nốt trứng cá. Tay Mão đút trong túi quần, hình như thủ một cái gì đó, hung hăng nhìn mọi người. Rõ ràng là Mão đứng đó để yểm hộ cho mẹ, sẵn sàng ứng chiến với ai dám gây sự với mẹ hoặc với mình.

Bà này là vợ cưới lần thứ nhất của ông Thừa. Và Mão là con thứ nhất còn sống của ông ta. Song, họ chỉ là vợ cái con cột trên lý luận thôi. Thực tế, họ đã bị ông Thừa ruồng bỏ từ lâu. Muốn dứt khoát với những người mà ông coi như chướng ngại vật, cản trở hạnh phúc của ông, ông nhờ pháp luật vịn vào cơ vợ hư, con đốn, để ly dị vợ và tử con. Không có chứng cứ rõ ràng, pháp luật đành chịu bất lực. Vì vậy, ông phải tự lực đuổi hai mẹ con Mão ra khỏi nhà.

Từ hơn hai chục năm nay, ông Thừa ở với người vợ khác. Người này là Tây lai – chứ không phải đầm lai, vì không mặc đầm – tên là Ma-ri. Ma-ri đã lần lượt đẻ ở nhà ông tám lần, nhưng còn lại hai trai và ba gái, năm nay con út đã mười lăm tuổi. Cả năm cô cậu đều đặt tên Tây hết. Hai trai là Pôn Thừa, và Giảng Thừa. Ba

gái là Rô-da-lin Thừa, Ma-gơ-rít Thừa và Ca-mê-li-a Thừa. Cả năm cô cậu đều học trường Tây, trường Lít-xê. Đến năm ba tiểu thư choai choai, thu hút được nhiều bạn trai, thì bọn bạn gái của Pôn và Giăng xui các cô đặt biệt hiệu Việt Nam. Rô-da-lin lấy tên là Bạch Hường, Ma-gơ-rít là Kim Cúc, Ca-mê-li-a là Trà Mi.

Người ngoài, những kẻ hiếu sự, thường đem việc ông Thừa đặt tên Tây cho con, có dính tiếng Thừa vào sau tên tiếng Tây, để đánh năm cái dấu hỏi khá lớn. Họ thì thầm rằng tại sao không có đứa nào lấy họ Trần, và đứa nào cũng “thừa”. Ý họ tán rằng những đứa con này đều là con thừa, do Tây đúc cốt. Ông Thừa chỉ làm việc tráng men thôi.

Rất hả hê về dư luận này, bà mẹ Mão thêm một ý kiến đanh thép. Bà vin vào tiêu chuẩn cụ thể là máu mủ ông Thừa thì phải lẹm cầm. Bà tựa vào cái thứ kinh nghiệm chủ nghĩa ấy để gây chiến tranh lạnh với bà Ma-ri. Cho đến năm bọn con của người Tây lai lớn lộc ngọc, đứa nào cũng ngỗ nghịch, hung hăng, thì bà đâm hoảng, đành ngậm miệng mà vĩnh viễn chịu cái tai nạn xâm lăng. Bây giờ, nghe tin ông Thừa chết, bà mới đến nhà ông, để khóc ông một tiếng. Thôi thì nghĩa tử là nghĩa tận. Dù sao cũng ăn ở cho phải đạo làm vợ.

Mão là con trai, nên cứng hơn mẹ. Hắn không chịu nước ỨC. Thỉnh thoảng hắn đón đường, gặp bố, để vùi tiền. Nhưng thấy hắn lêu lổng, hư đốn quá, không bao giờ ông Thừa thí cho một xu. Hắn dọa giết Ma-ri, giết lũ con riêng của

ông và giết ông. Ông sợ quá, phải đi trình cấm.

Không hiểu vì sao lần này ông Thừa ốm, Mão lại biết tin. Hấn nhân lúc nhà vắng người, lọt vào được với ông. Hấn bắt ông chia của. Nhưng ông còn đủ sức để chửi hấn và đuổi hấn ra khỏi ngoài, ông ra lệnh cho gia nhân từ nay phải cấm cửa hấn. Nếu hấn cứ xông xộc vào, thì lập tức phải đi báo đội sếp. Ông lại bắt Pôn và Giăng luôn luôn ở cạnh ông để canh cho ông.

Từ hôm Mão đến, ông Thừa bực mình, đâm ra ốm nặng thêm. Bà Ma-ri không dám dùng đơn của đốc-tờ Pi-ca là bác sĩ của gia đình nữa, mà mời ông thầy Cẩm-xênh ở Quảng Đông mới sang, để xem mạch bốc thuốc cho ông. Rồi cả bác sĩ Tây, bác sĩ Ta, lẫn ông lang Tàu, ông

lang Ta, đều cam đoan rằng bệnh ông không can gì, chỉ vì ông nghĩ ngại phiền uất, nên có vẻ nặng mà thôi. Bà Ma-ri đến cả điện ở nhà cô Bé Tý Hàng Bạc để cầu và xin thẻ. Ngài dạy bản mệnh vững. Bà càng yên lòng.

Song, ông Thừa chết, chết một cách đột ngột. Hôm ấy bà Ma-ri đi lễ, Pôn và Giảng đã không nghe lời bố mà canh cho bố, lại nghe lời bạn gái nó rủ đi đánh cá ngựa. Thế là Mão lọt được vào trong nhà. Hắn vào buồng ông Thừa, khóa trái cửa lại. Hắn ở đấy độ mười phút rồi ra. Nhưng vừa mới đến cổng, bất thành linh, hắn gặp bà Ma-ri về. Biết là có sự chẳng lành, bà hô hoán lên, sai người bắt Mão lại, nhốt hắn vào nhà ô tô.

Lúc bấy giờ, trên giường bệnh, ông An-be đang phì phò thở rốc. Chân tay

ông co quắp, mặt mũi ông nhăn nhó. Trông y như người đương dùng hết sức lực để đánh nhau. Bà Ma-ri lay gọi, nhưng ông bất tỉnh. Bà bật đèn lên, thấy chân đệm xô lệch và miệng ông méo xệch, môi dưới lại rơm rớm máu. Ông không cựa được và cũng không nói được. Rồi độ năm phút sau, chân tay vẫn co quắp, mặt vẫn nhăn nhó, miệng vẫn méo xệch, ông lịm dần. Bà Ma-ri bật ra tiếng khóc. Từ giờ phút này, ông là người thiên cổ, là bạn trăm năm của bà có một phần năm thời gian.

Nghi là Mão giết ông An-be, song bà Ma-ri vẫn giữ được nghị lực. Tuy một mặt bà lo tang lễ sao cho xứng đáng, tuy một mặt bà định trình tòa khám nghiệm tử thi của chồng, nhưng bà không quên sai các con bà lục soát nhiều lần rất kỹ trong buồng, để tìm chùm chìa khóa

kết. Song, cuộc khám nghiệm không tìm ra dấu vết khả nghi. Trên da thịt không có một thương tích. Trong máu không có một chất gì có thể ngờ là thuốc độc. Không có hiện tượng để kết luận rằng đây là vụ giết người, tự sát hay bức tử. “Sở dĩ ở môi dưới của người chết có tí máu, là vì trước khi thở hơi cuối cùng, trong một trường hợp nào đó, và vì một lý do nào đó, ví dụ vì lý do tắt thở bất ngờ và trong trường hợp người ốm đã mê man loạn óc, thì có thể là tự mình mím miệng để chính răng của mình cắn vào thịt. Chỗ sây sát của môi là do răng gây nên. Bề ngang bề dọc của vết thương và bề ngang bề dọc của răng đã được đo và khớp với nhau rất đúng”.

Vì vậy, việc ông An-be Thừa chết, theo biên bản của tòa, không phải là một vụ án bí mật có thể viết thành truyện

trình thám ly kỳ. Vả lại, bà Ma-ri cũng mong nó như thế thôi. Để khỏi gây ra dư luận, để khỏi mấy ông nhà báo đến điều tra, phỏng vấn, và dọa phóng đại để làm tiền. Lôi thôi và phiền phức lắm.

Nhưng khi tìm khắp buồng, thì bà vẫn không thấy chùm chìa khóa. Việc mất trộm này mới là hệ trọng! Bà đoán chắc rằng Mão đã cố cướp chùm chìa khóa ở trong túi áo ông An-be. Mà ông thì nhất định chống giữ. Cho nên môi ông mới mím chặt, mặt ông mới nhăn nhó và chân tay ông mới co quắp. Chùm chìa khóa ấy, ông vẫn bảo với bà là phải để ông giữ. Ông sợ giao cho bà thì, chiều nuông lũ con, bà mở két, lấy tiền cho chúng nó tiêu xài, vung phí hết.

Mất chùm chìa khóa là mất cả. Tiền ở trong két, chúc thư, văn tự cũng ở

trong két. Không thể nào những thứ này lại lọt vào tay Mão. Nhưng, trong lúc ông An-be vừa nằm xuống, tang gia bối rối, thì bà là chủ nhà, càng phải bình tĩnh. Bà đã giam Mão lại một nơi rồi. Thế là yên trí. Người còn ở trong nhà, thì chìa khóa chưa thể ra ngoài. Mai kia, đòn hội chợ của nhà sảng-tan sẽ giúp bà lấy lại được. Bây giờ, bà phải để hết tâm lo lắng ma chay cho ông. Kẻo thiên hạ người ta trông vào.

Nhưng bà Ma-ri có được để hết tâm trí vào việc lo lắng ma chay cho ông An-be đâu. Chốc chốc lại một vợ, chốc chốc lại một con của ông đến khóc lóc, xin khăn áo, xin mũ gậy. Bà đã cương quyết được với bọn này, thì thành linh bà mẹ của Mão tới. Và cũng không hiểu là làm thế nào, cũng lúc này, Mão ra thoát nhà xe, chạy đến chỗ thờ, đứng cạnh mẹ hần.

Nhìn thấy Mão, bà Ma-ri không lo hấn sinh sự, đánh hay giết người, bằng lo hấn mang chùm chìa khóa ra khỏi nhà. Bà sai Pôn và Giăng phải cởi áo sô, bỏ mũ nùn rơm ra, cố sống cố chết, lấy lại cho kỳ được. Pôn và Giăng rình khởi thế công. Mão cũng ngấm giữ thế thủ. Lúc nào tay hấn cũng thu thu trong túi quần, hình như sẵn sàng rút khí giới ra để nghênh chiến.

Từ lúc bà mẹ Mão thấy có con đứng cạnh, thì bà được vững tâm. Bà không kể lễ, nói cạnh nói khoe bà Ma-ri nữa. Bà có thể để không cần làm chiến tranh lạnh. Và bà Ma-ri cũng muốn gây ra chiến tranh nóng, để trong lúc loạn xạ, hai con bà có dịp xông vào Mão, cố cướp lại chùm chìa khóa. Bà bỏ mũ mấn, cởi áo sô bằng vải màn, và tụt cái quần chúc

bâu xơ gấu. Bà búi tóc ngược lên, gài cho thật chặt.

Khi hai bên đối phương đã tự nguyện tự giác đánh nhau, thì chiến tranh dễ bùng nổ thôi. Bắt đầu là những lời lăng mạ trực tiếp. Bà mẹ Mão chửi bà Ma-ri là con đĩ lang ben. Bà Ma-ri chửi bà mẹ Mão là con nhà thổ. Hai bà cùng đổ lẫn tội cho nhau là cướp chồng của mình. Thế là giai đoạn quân sự kế tục giai đoạn chính trị ngay. Chiến tranh được dàn ra hai trận tuyến. Một trận tuyến là hai bà. Ở đây, có những tiếng soàn soạt vải bị xé. Trên thực tế, hai bà không ai cầm khí giới, nên không có việc đổ máu. Nhưng trên lý luận, tai người ngoài có nghe thấy những tiếng khí và tiếng máu. Kịch liệt hơn là ở trận tuyến bọn thanh niên. Pôn và Giăng có lợi thế, là đứng hẳn lên trên mặt áo quan cho cao. Hai anh em nhảy

vào Mão. Vật lộn khá lâu. Cuối cùng, vì biết một mình không địch nổi với hai đứa, Mão làm kế thoát thân. Hấn không dùng tay để chống với Pôn và Giăng, mà dùng tay để thọc vào túi quần. Ai cũng tưởng hấn rút dao ra đâm. Chẳng hóa ra hấn rút chùm chìa khóa, rồi quăng ra thật xa. Tiếng loảng xoảng như reo. Có lẽ cả bà Ma-ri lẫn các con của bà cũng như reo ở trong bụng. Tức thì, cả ba người bỏ địch đấy, chạy đến góc nhà vô lấy chùm chìa khóa. Bà mẹ Mão vừa thở, vừa ngồi vắt lại khăn. Còn Mão thì đứng sát lưng vào tường để giữ thế thủ, rồi dứt tọt một cái gì cầm ở trong tay vào miệng. Pôn đâm nghi, chạy lại phía Mão. Bất thành linh, một vật nữa ở tay Mão rơi xuống đất. Mão vội vàng cúi xuống nhặt, và lại dứt tọt vào miệng. Vật ấy, mọi người đã trông thấy, nó nhỏ như hạt ngô, cũng màu vàng như màu ngô, nhưng óng ánh.

Pôn ôm lấy Mão. Giăng bóp cổ Mão.
Cuộc xô xát lại tiếp diễn.

* * *

Trong nhà trong ồn ào là thế, nhưng vì cửa đóng kín, lại cách nhà ngoài một cái sân dài, nên khách khứa tịnh không ai nghe thấy tiếng gì. Các cụ tuần, cụ án, các quan phủ, quan huyện các quan nghị, quan hàn, vốn quan liêu đã đành, cho đến các ông chủ thầu, chủ báo, nhà văn, các ông lang, các bạn bè ông An-be, các bạn bè bà Ma-ri, các bạn bè của Pôn, của Giăng, các bạn bè của Rô-da-lin, của Ma-gơ-rít và của Ca-mê-li-a không ai biết gì hết. Rô-da-lin và Ma-gơ-rít, vì lớn tuổi và thạo đời, được cắt vào việc tiếp khách. Hai cô vẫn đánh

phấn, bôi son, chải tóc bóng nhẫy như ngày thường. Hai cô còn thấy mình đẹp hơn ngày thường, vì mặc toàn đồ trắng bằng voan, chứ không bằng vải màn như mẹ. Quần áo trắng làm nổi nước da trắng những phấn. Lắm lúc soi mình vào gương, hai cô hãnh diện và tự hào, thấy mình không khác gì những cô đầm khoác tay người yêu vào nhà thờ làm lễ cưới. Hai cô giống giả người nhà pha nước, lấy thuốc lá, lấy trầu, như những cô gái đảm đương và quán xuyến.

Khách đứng hoặc ngồi thành từng bọn, theo nghề nghiệp của họ. Khách quý được mời vào buồng đặc biệt. Họ nói chuyện với nhau về nghề nghiệp, về sinh hoạt hàng ngày. Ít người nhắc đến ông An-be. Nhiều người nhắc đến việc làm ăn, đến canh mạt chược hoặc châu hát tối hôm trước. Ít người để ý đến kẻ

khác giới của mình. Nhưng nhiều người giới nam để ý đến những người giới nữ, nhất là đến hai chị em cô Rô-da-lin và Ma-gơ-rít nhí nhảnh. Nhà văn Thanh Xuân đã nhân dịp này, tặng được hai Nàng Thơ một bài cú Đường luật, mà ông làm đã lâu, nhưng chưa đưa tận tay. Cụ án Trần cũng quên tuổi mình mà nói giỡn rất lâu với hai cô, như với bạn.

Song, tuy hai cô tiếp khách văn có vẻ niềm nở, chu đáo, mà không phải trong bụng không có điều gì băn khoăn. Hai cô biết là trong nhà có con mẹ nhà thổ và thằng du côn, thì thế nào, cũng xảy ra chuyện lôi thôi, không khéo thì có án mạng. Nhưng nếu hai cô chỉ băn khoăn về việc này, thì tất nhiên thỉnh thoảng phải lảng tai hoặc để mắt vào phía trong. Hai cô chỉ lảng tai và để mắt ra phía ngoài cổng. Cho đến bảy giờ kém bảy

phút, một chiếc xe cao su đỗ xích ở hè, một người Pháp bụng tròn, khệ nệ chống ba-toong đi vào, thì hai cô mới mừng rỡ. Hai cô đón đả đón, nhoẻn miệng, nhún cẳng, bắt tay và mời vào. Đây là trạng sư Rô-măng, ân nhân của gia đình, được ông An-be bao để thầu tất cả các việc thuộc về pháp luật của ông. Người Pháp vào buồng khách đặc biệt. Tất cả tiếng ồn ào bằng ngôn ngữ Việt Nam đều im lặng. Dân thuộc địa đứng cả dãy để tỏ lòng kính trọng quan bảo hộ. Người da trắng được đưa đến ngồi cùng bàn với các quan cụ da vàng. Cô Ma-ga-rít giới thiệu từng vị. Cô cũng kéo ghế ngồi ở đó và sai người mở rượu bia.

Cô Rô-da-lin ở nhà ngoài. Cô vẫn chưa hết băn khoăn, chốc chốc cô lại nhìn ra cổng. Đám ma cha cô có một người Pháp đi đưa, đã là giá trị lắm rồi. Nhưng

cô chưa thỏa mãn. Gia đình quen thân với rất nhiều quý quan. Những vị này đã nhận được cáo phó cả rồi. Thế nào ông đốc tờ Pi-a, bác sĩ riêng của nhà, chẳng đến. Thế nào ông cấm mật thám Pha-lăng-xô chẳng đến. Song, cô mong nhất một người Pháp nữa, đã hẹn là thế nào cũng đến. Người này là một công chức trẻ ở sở Lục Lộ, người bạn cưới mở đầu tiên trong đời con gái của cô. Đưa cha đến chỗ ở cuối cùng, cô buồn lắm. Có chàng cùng đi, thì cô vui. Vắng chàng trong lúc này, cô chịu sao nổi trống trải gấp đôi ở trong lòng. Cô mong từng phút từng giây. Có chiếc xe nhà sơn màu cánh dán nào sắp tới, cô cũng hồi hộp. Thấy không phải người mình mong đợi, cô lại thở dài, bụng trách ngầm ai lỗi hẹn.

Song, ý trung nhân của Rô-da-lin không lỗi hẹn. Người Pháp thấy cái đến

được hơn ba phút, thì người Pháp Lục lộ đến. Cô gái mừng rơn, chạy ra, nói cười rối rít. Miệng chum chim, cô đi song song với bạn thân ái, đưa hấn vào trong buồng đặc biệt. Rồi cô sực nhớ rằng trong nhà trong đương có chuyện rắc rối, không khéo thì phải hoãn giờ chuyển cữu. Sai lời là phụ lòng quý khách. Nghĩ vậy, cô vội vàng bỏ bạn, chạy vào. Cô định dọa dẫm mọi người ở trong nhà là có hai ông Tây đến đưa đám, thì đúng bảy giờ, thế nào cũng phải chuyển cữu. Để người trên phải chờ đợi, là bất nhã.

Lúc ấy là bảy giờ kém một phút. Cô Rô-da-lin gõ cửa mạnh để gọi, nhưng ở phía trong, không có tiếng trả lời. Cô sốt cả lòng cả ruột. Phen này thì mất hết sĩ diện. Từ ngoài cổng đi vào người chủ hiệu đèn đám ma, đã lừng lững dẫn hai mươi phu đèn đương tiến vào. Cô giờ

cổ tay, nhìn chiếc đồng hồ vàng nhỏ xíu: kém ba giây nữa là đúng bảy giờ. Ruột cô như mớ bòng bong. Rồi kém hai giây, một giây nữa. Rồi đúng bảy giờ. Cô thở dài đánh thượt. Bỗng tiếng khóa kêu lạch xạch: hai cánh cửa mở toang. Hai lá màn đen từ từ kéo cao lên, như màn sân khấu. Lửa nến trong buồng tối lấp lánh như sao. Người mặc trắng đứng lơ nhố, nhưng im phăng phắc. Thật là không ngờ. Cô Rô-da-lin hỏi lòng hỏi dạ.

* * *

Nguyên là ban nãy, Mão bị Pôn ôm và Giăng bóp cổ, thì hấn đau và ngột thở. Hấn phải há miệng lè lưỡi. Cái vật ngậm ở trong suýt nữa rơi xuống đất. Thì may làm sao, một giọng ồm ồm của

người chú họ ông Thừa, vẫn gọi là cụ điều Hai, nói to:

– Thôi! Đôi bên! Không được đánh nhau nữa! Đến giờ chuyển cữu rồi!

Quả vậy, cụ vừa dứt lời, thì chiếc đồng hồ trăm cầm treo ở tường đã ngân nga buông bốn hồi đàn véo von, báo một vòng của kim lớn đã trọn. Rồi tiếng chuông thứ nhất của bảy giờ bắt đầu điểm.

Pôn và Giăng buông Mão ra. Mặt còn hầm hầm, nhưng nhanh thoăn thoắt, hai người đội nùn rơm, mặc áo sô, cầm chiếc gậy tang, đứng trước gương để buộc cái thắt lưng bện bằng bẹ chuối cho tề chỉnh.

Trong khi ấy không để lỡ dịp tốt, Mão trộn mắt, nhả mặt, cổ nuốt chửng

ba lần cho hết những thứ hẩn đã bỏ vào miệng.

Bà Ma-ri cũng đã chải xong cho bộ tóc xõa xuống vai. Bà buộc dải áo, rồi trùm lên đầu cái mũ mấn. Không ai nhìn thấy mặt bà bị sây sát.

Mọi người chuẩn bị xong thì đồng hồ đánh dứt tiếng thứ bảy. Cụ Hai giờ cao cánh tay cầm cuốn Thọ Mai gia lễ, giao hẹn:

– Im lặng nhé!

Vừa nói, cụ vừa vặn khóa, rồi mở rộng hai cánh cửa.

Sự im lặng làm tăng vẻ tôn nghiêm. Ở nhà ngoài, trong giờ phút thiêng liêng, cũng không có một tiếng động.

Thấy phu đồn tiến vào, bà Ma-ri nhắc khẽ các con bưng miệng và cúi mặt. Bất đồ, lúc ấy, bà thấy áo bà lấm, vì ban nãy bà đã vút vội nó xuống nền gạch để đánh nhau. Sợ mất sĩ diện, bà nhanh trí khôn, vội vàng nằm ềnh xuống đất, lăn lộn cạnh quan tài, cho áo lấm thêm. Các bà bạn thân ở nhà ngoài chạy vào, phải khuyên giải khéo lắm, bà mới chịu lánh ra. Người ta phải cho bà và ôm lưng bà để dìu đỡ cho bà khỏi ngã.

Cửu trùm vải thâm có điểm những chấm trắng như hình giọt lệ, được bốn mươi cánh tay khỏe mạnh của hai mươi người lực lưỡng bắt vào. Người nào cũng mặc quần đen, áo dài đen, đội nón đen. Pôn và Giăng đứng sau, còng xuống, trông thê thảm như người quá buồn phiền, không đủ sức đứng cho lưng thẳng, tay phải bưng miệng, tay trái

chống gậy. Phía dưới hai con trai, bà Ma-ri ôm ngực, vai rung lên. Sát với bà, ba cô con gái đứng ngang hàng. Ba cái mũ mấn nhọn đầu và ba bộ áo voan mỏng tang, trắng muốt, bay bay dưới làn gió của chiếc quạt trần, đẹp như ba cô văn công đóng vai cào trắng sắp nhảy múa. Đứng hàng dưới, là họ hàng ông Thừa, toàn là đàn bà, đếm vừa đúng chục người, cũng mũ mấn trắng, áo dài trắng.

Từ lúc làm lễ phát khốc, các bà này là những người khóc to nhất, và kể lễ thảm thiết nhất.

Cụ điều Hai thay mặt hiếu chủ, ra nhà ngoài, xin lỗi quan khách, là vì bà Ma-ri quá thương ông An-be, nên giờ chuyển cữu chậm mất ba phút.

Viết đến đây, tác giả cần dành một vài dòng để ghi công cụ hai Điều trong mấy ngày hôm nay.

Ông chủ hiệu đòn đám ma chẳng qua là vì tiền mà làm cho rước xách được trọng thể, đẹp mắt. Nhưng cụ Hai thì khác. Là máu mủ trong nhà, cụ chỉ lấy tình mà giúp cho nghi lễ đám tang được đúng như đám những nhà đại gia. Đặc biệt là cụ lại có nhiều sáng kiến. Trong những ngày cữu còn tạm quán ở nhà, thì mỗi lần có ai đến phúng viếng, cụ bắt điểm một tiếng trống cái đánh thùng để làm hiệu báo. Thế là quanh quan tài, nam đứng một bên, nữ ngồi một bên, vợ con ông Thừa đã tập hợp đông đủ, tiếng khóc nổi lên như ri để đón khách.

Không rõ những ai khóc, vì mặt bà Ma-ri và ba cô lấp sau mũ mấn, và hai cậu Pôn và Giăng thì còng lưng, cúi đầu và bưng miệng. Kèn trống nổi lên, lanh lảnh và rộn ràng. Khách lễ một lễ, ngần ấy cái đầu trắng cũng thụp cả xuống đất. Khách lễ một lễ nữa, vợ con ông Thừa lại đáp lại. Theo lời cụ Điều, bất kể khách sang hay hèn, bà Ma-ri và các con chỉ còn tỏ chữ nghĩa chữ hiếu bằng cách thay chồng và cha, không dám nhận một lễ nào của ai. Rồi khách khom lưng vái người chết ở giữa và vái những người sống ở hai bên, vái mấy vái, bà và các con bà phải tạ ngần ấy vái.

Cứ nhìn những mũ áo trắng lom lổp dưới ánh vàng của mấy chục ngọn nến, lại nghe tiếng khóc xót thương người quá cố, thì dù là những bạn ông Thừa, hay bạn bà Ma-ri, hay cả bạn các cô, các

cậu, lúc thường chơi với nhau hay cợt nhả đến mấy, thì lúc này cũng phải hết sức lễ độ với chủ, có khi thấy cảnh thâm, uy nghiêm, còn rợn cả người là đằng khác.

Bởi thế, buổi tối cuối cùng, cậu Pôn có một cô bạn đến chia buồn. Vì không muốn người yếu bóng vía bị xúc động, cậu rủ cô lên buồng riêng ở trên gác. Bỗng nghe tiếng trống tùng báo có khách đến, cậu lúng túng suýt không xuống kịp để đáp lễ. Vì cậu đang ngồi trên đùi cô bạn, và cô này, nghe tiếng trống, lại cứ trêu cậu, miệng cười sằng sặc, hai tay ghì giữ cậu lại, không cho cậu đi. Cậu phải vừa lạy van, vừa quấy mãi, mới đánh tháo được. Cái áo sô bằng vải màn mỏng, vì giằng co, rách soạt mất một miếng ở vạt sau.

Nghi lễ đã tế chỉnh, ông chủ nhà đòn trịnh trọng đến trước hai cậu Pôn và Giăng cùng bà Ma-ri. Ông cầm mũ ở tay, nói mấy lời xin phép cho ông được làm việc. Đứng trước linh sàng, ông chấp tay, vái dài hai vái, rồi móc túi lấy chiếc còi bằng sắt tây, để vào miệng, ông huýt hai tiếng ngắn đều nhau, rồi tiếng thứ ba, kéo dài. Tức thì, như làm động tác thể dục, quan tài được nâng cao, theo nhịp của những tiếng tuýt tuýt lừ lừ tiến ra sân, đến nhà ngoài.

Ở đây, khách đã đứng giạt sang hai bên, nghiêm chỉnh. Ai có mũ thì cầm ở tay. Ai không bận tay cầm thuốc lá để hút thì chấp lại. Ít người nhìn xuống quan tài để tưởng tượng đến người chết nằm ở trong. Nhưng nhiều người nhìn qua ba chiếc mũ voan thấp thoáng. Xem những con mắt huyền có chú ý đến nét

mặt buồn rầu của mình hay không.

Quan tài được đặt trong chiếc xe mui lượn sơn đen, kéo bằng bốn ngựa. Ngựa cũng trùm vải đen. Hai người giong xe cũng mặc đồ đen. Hộ đội thứ mũ riêng, mũ hai sừng, như kiểu mũ đô đốc thủy quân, cũng màu đen.

Ông chủ đèn cũng mặc như đô đốc. Cũng đen từ chân đến đầu. Ông to lớn. Mép ông để một cục ria, kiểu Hoa Kỳ. Áo lông là thứ lễ phục riêng, vạt trước ngắn, vạt sau dài đến gối, như đuôi tôm. Khuy đóng kiểu chàng mạng bằng xà-tanh. Lon cũng bằng xà-tanh. Hai vai đeo hai cái ngù quan binh. Đầu đội mũ hai sừng. Chân đi ủng cao đến bọng. Lúc nào ông cũng dính cái còi ở mồm, và giờ cái gậy chỉ huy lên cao để ra lệnh.

Đám ma mà muốn tổ chức nửa ta nửa Tây, cho đẹp mắt như kiểu đám ma ông An-be, thì phi ông chủ hiệu này, không ai làm được giỏi hơn, Làm nghề nghiệp mà ông cho là phúc đức đã hơn mười năm, ông không hề cạnh tranh một cách ti tiện với đồng nghiệp, ông không bán thiu như họ, thông đồng với các thầy thuốc, để biết tin bệnh nhân, hoặc lễ lạc các viên chức phòng sinh tử giá thú ở sở Đốc lý, để biết hôm ấy có những đám nào chết, ông cũng không cần cho người do thám những nhà có người già ốm. Và ông cũng không thèm nói xấu để dìm dập nhà khác. Hữu xạ tự nhiên hương. Chính một lần muốn phản ông, nhà Quảng Thiện, khi giong xe không từ nghĩa trang về, đã cho ngựa lồng vào ngựa của ông đương kéo một xe tang. Nhưng ông đã đối phó được nguy hiểm. Xe không đổ, quan tài không

văng xuống đất. Chỉ có ít người đi đưa đám yếu bóng vía, chạy toán loạn một lúc thôi.

Đám ma ông An-be được ông sắp xếp rất trật tự. Câu đối bằng lượt, bằng vóc, bằng nhiều, bằng cảm châu, bằng đũa tây, màu trắng màu đen, màu tím, màu lam, cái nào đẹp và của người danh giá mới được rước đi. Còn những cái xấu, cái bằng vải chức bầu và cát bá, cái của người thường đưa đến phúng, thì để ở nhà. Đội kèn bú-dích vui vẻ và hùng tráng thì thổi La-mắc, Ma-đơ-lông trước long đình. Phường nhạc của rạp Quảng Lạc hòa những bài Vương cô nương toán mệnh, Ngọc mỹ nhân, Xuân nữ véo von, thì kèm kiệu linh sa. Kiệu linh sa sơn son thếp vàng hai mươi bốn người mặc áo ni đỏ khênh, trong bày bức truyền thần ông Thừa bằng sơn màu. Túc

là bức rồi sau này để ở mả ông đó. Bức ấy được người thợ vẽ làm rất nhanh, chỉ có hai mươi bốn giờ là xong. Bộ bát âm đi điệu Lâm khốc thê thảm và điệu Lưu thủy Bình bán nhịp nhàng, thì rước cữu, cho tăng vẽ vừa sầu não vừa uy nghi.

Ông chủ đòn lại khéo xếp đặt chỗ rất hợp cho các cụ quan viên đi rước nển. Hai chục cụ, cụ nào cũng râu ria cẩn thận, trông rất đạo mạo, đi hàng đôi trước linh sa. Các cụ đội mũ tế bằng vải trắng, mặc áo thung trắng, cổ nhiên là quần trắng và dận giày Chí Long. Mỗi cụ bưng khuỳnh trước ngực một cây nển đồng, bước thông thả như tiến tước lúc tế. Ai không tưởng là làng cử các cụ chức sắc kỳ mục ra đưa đám quan Hàn Nghị. Nhưng không phải. Khi đến đầu cầu sông Cái, quan tài chuyển từ xe ngựa lên ô tô để về quê, thì các câu đối, câu nào của

khách phúng được xếp riêng vào một cuộn, giao cho cụ điều Hai, còn câu thuê ở hiệu đối trưởng nào, được cuộn riêng vào cuộn ấy, để ông chủ đòn nhận trả hộ. Lúc này, các cụ quan viên cũng biến đâu mất hết. Người ta chỉ còn thấy hai chục ông già, mặt mũi chân tay đen chùi chùi, đầu trần, chân giẫm đất, đương vén ống quần đùi nâu đến bẹn, đứng tổ tổ ngay ở dệ dề. Ông nào cũng cắp ở nách đôi giày Chí Long, cầm ở tay một cuộn nào áo thụng trắng, nào quần trắng, nào mũ tế trắng đã xếp bệt lại, và chiếc nển đồng có cầm ở đầu một ống nhỏ cuộn bằng giấy bìa màu trắng, trông như hệt cây nển. Tất cả các thứ này trả lại ông chủ đòn. Ông này khám cẩn thận từng thứ, để xem có cái nào hư rách, thì mắng và trừ tiền.

Và ông cũng trả tiền luôn một thẻ mười người đàn bà khóc mướn mà ông

thuê cho đám tang, để giả là có đông họ hàng.

Về việc này, ta nên phục tài nhà nghề của ông. Vì ông đã khéo chọn được những người rất tận tâm. Từ hôm làm lễ phát khóc, luôn mấy ngày liền, lúc nào họ cũng tỏ ra mẫn cán. Họ khóc không biết mệt, khóc giỏi nhất, kể lê thảm thiết hơn cả vợ con người chết. Đi đám này, họ hãnh diện là nếu không có họ, thì không thành đám ma.

Họ cũng là những người lắm điều nhất. Thế mà sau khi nhận khăn áo họ trả lại, ông chủ nhà đôn điều đình với họ ổn thỏa ngay, ông chỉ chỉ cho họ tiền khóc khoán. Còn tiền thưởng, ông bảo họ xin cụ hai Điều. Họ bằng lòng, vì họ bảo nhau là đối với ông, bận này còn bận khác.

Nhưng cụ Điều hẹn họ về nhà hãy hay. Vì cụ đương cuống lên về việc đưa tiền phong bao cho những người xúm xít xung quanh cụ.

Lệ đưa phong bao để tiễn tiễn xe cho người đi đưa đám, thì từ xưa đến giờ, ở Hà Nội, chưa có đám ma nào dám làm. Có thể nói ở nước Nam này, lần này là lần đầu tiên, đám ma An-nam có phong bao. Bà Ma-ri đã bắt chước kiểu hào phóng ấy ở đám cụ Thoóng, chủ hãng Tài-fú-dzin ở Hải Phòng. Mỗi phong, bà gói hai tờ giấy một đồng và ba điếu thuốc lá. Cụ hai Điều đưa tiền phong bao cho những người đi đưa đám. Cụ đưa cả cho những người đứng xem, và những người qua đường. Cụ làm thế để tránh tiếng ma chê cười trách.

Sau đám ma linh đình này, cụ hai Điều, tính phác phí tổn. Cụ giật nảy mình, thấy rằng món tiền ấy có thể chôn được bốn người mà không kém sang trọng. Cụ nghiệm nhiều lần rằng quan viên Hà Nội, khôn làm giàu thật, nhưng vẫn đại tiêu tiền. Vì vậy, cụ nhất định xin với bà Ma-ri cho cụ được trả ơn quan Hàn lần cuối cùng, là trông nom việc xây mộ cho quan. Cụ lại nói với bà là nên tậu thêm ruộng ở xung quanh để xây tường cho kín đáo. Lãng – cụ dùng tiếng lãng – một người có quan tước, phải cho có bề thế hẳn hoi. Cụ đã chọn trong các câu đối, thấy rằng câu của cụ Tuần Nghè Lê Văn Bản hay nhất, chí tình nhất. Cụ giảng cho bà Ma-ri nghe, và nói rằng định khắc câu ấy ở cổng. Cụ xin cả việc cày cấy cổ bản mời mọc làng nước. Bà Ma-ri tin cụ, thôi thì sẩy cha còn chú, nên khoán cả những công việc ở quê nhà cho cụ. Kết

quả là cái cimetière de famille này được thành lập. Và cũng kết quả là cụ hai Điều tậu thêm được hai mẫu ruộng riêng cho cụ.

* * *

Năm 1939, sở Mật thám tỉnh xin công sứ bắt các làng mở rộng đường cho ô tô của chúng vào được để bắt hội kín. Việc này được duyệt ý. Sở Lục lộ phụ trách cấm đường và bắt dân đắp. Con đường vào làng ông An-be Thừa lại đi đúng qua mả của ông, Huyện sức cho dân, ai có phần mộ chôn ở mặt đường sắp làm, đều phải chạy đi hết.

Mả ông An-be Thừa, đến ngày cuối hạn, cũng không cất. Có phải vợ con ông

ương ngành với lệnh trên không? Không phải. Họ chỉ ương ngành với nhau thôi. Bà Ma-ri theo đúng đạo tam tông, nói rằng phu tử tông tử. Nhưng các con bà đều giở luân lý và luật pháp ra để đùn cho nhau trách nhiệm phải tiêu tiền. Mấy cô con gái đều đã có chồng, lấy nê là nữ nhân ngoại tộc. Giăng đi vắng, sang Pháp học luật khoa để về nước làm quan. Nhưng mãi hăn chưa đỗ tú tài. Lại có tin là hăn lấy vợ đầm. Vì học luật, nên hăn thạo luật. Hăn viết thư trả lời Pôn rằng chiếu Hoàng việt tân luật, mục chia gia tài, bao giờ người con cả cũng được riêng một phần hương hỏa lấy trước đi, rồi còn đâu mới chia đều cho các đầu con. Thế thì hăn không có bốn phần phải đóng góp vào việc cất mộ. Nhưng Pôn không chịu. Pôn vin một lý do khiến ai nấy cứng họng: hăn là dân Tây, không

nhận bố An-nam. Vả lại vợ hẵn đi đạo, không theo tục lệ bên đời.

Thế là ông An-be Thừa cứ nằm khểnh một mình ở mả.

Đến hôm làm đường sát tới nơi, làng mới nói lần cuối cùng với cụ hai Điều. Nhưng cụ cười khẩy một tiếng ngắn và vẫn đáp:

– Kệ! Việc gì đến tôi!

Sau hết, mộ ông An-be Thừa cũng được chạy đi chỗ khác. Vợ con họ hàng của ông không cáng đáng, thì người dung nước lã cáng đáng. Tuần làng phải bắt tay vào việc này.

Họ làm không kèn không trống ồn ào như ngày họ chôn ông. Họ làm lặng lẽ

như đã cất làm phúc những mả vô thừa
nhận khác.

2 CON BÒ LẠC

Hồi mà con đường xe lửa Hà Nội – Lạng Sơn mới nối thêm đoạn lên đến đồn Na Sầm, thì ở đồn Đồng Đăng, ga Đồng Đăng chưa như bây giờ. Nhà ga nhỏ. Chỉ có hai người làm việc. Một người là sếp ga. Một người là phu kíp.

Ta cần biết một ít về ông sếp ga Đồng

Đảng hồi ấy. Vì, dù đây không phải là chuyện ông ta, nhưng không phải ông ta không dính dáng gì đến tiểu thuyết này.

Ông ta tên là Nguyễn Văn Sơ, người Hải Dương, năm ấy độ ngoài bốn mươi tuổi. Làm việc ở mạn ngược, nước độc, đất lại chưa yên, vì luôn luôn Tây còn phải đánh dẹp toán quân ông Đề Thám, cho nên ông Sơ chỉ đi có một mình, để vợ con ở nhà. Nhà ga có ba gian. Một gian đầu là buồng giấy, chỗ bán vé. Gian giữa để hành khách đợi mua vé. Còn một gian đầu bên kia, là chỗ ở của ông sếp.

Hằng ngày công việc cũng nhàn. Chỉ có hai chuyến xe ngược, hai chuyến xe xuôi. Bất thường lắm mới có chuyến chở hàng đi qua, gọi là tàu vít. Mỗi ngày dây lắt nhắt ra bốn lượt, thật sự ông sếp ga chỉ phải làm việc mất độ một tiếng đồng

hồ. Vì vậy, ông ký Sơ có nhiều thì giờ rồi. Ngoài lúc đi lại giao du với các thầy cai, ngài đội, quan quản ở trên đồn, hoặc với ông chủ nhà dây, tức là nhà bưu điện, và họ cũng hay đến với ông để nhờ tán số tử vi, ông còn có hai cái thú. Một là bóc trước báo hàng ngày ở Hà Nội gửi lên bằng xe lửa, nếu bác phu trạm chưa đến ga để nhận mang về phân phát cho độc giả mua năm. Ở nơi quá tĩnh mịch, cái thèm biết thời sự và ngheu ngao ngâm thơ trở nên một bệnh nghiện. Cái thú thứ hai là đi bắn. Bác Thoan người ở bên phố, có chiếc súng kíp. Lần nào bác đi săn cũng rủ ông cùng đi. Thỉnh thoảng, ông lại mượn súng của bác để vào rừng một mình.

Có một hôm ông mang súng đi một mình. Bỗng trong một khoảng rậm rạp, ông gặp một toán ba thằng thổ phỉ, trói

giải một người. Ông sợ quá. Nhưng tránh chúng không kịp. Chúng trông thấy ông rồi. Về phía bọn kia, chúng cũng không kịp tránh ông. Chúng sợ ông, vì ông có súng. Chúng chỉ có dao và mác. Hai bên thế tất phải đương đầu với nhau, ông nạp đạn, bắn một phát chỉ thiên. Ba tên kẻ cướp chạy tán loạn. Ông bắn theo một phát nữa. Nhưng không trúng. Người bị nạn được ông cời trói. Hắn nói thứ tiếng gì mà ông không hiểu. Nếu phải tiếng Thổ, thì ông có biết lõm bõm. Hắn là tiếng Tàu.

Người Trung Hoa vẫn vừa nói vừa ra hiệu. Thấy hắn có vẻ lương thiện, ông đoán đây là một tay nhà giàu bị bắt cóc để phải chuộc mạng bằng tiền.

Tuy không giết chết chim muông nhưng cứu sống được một người, ông ký

Sơ rất sung sướng. Hấn với ông ngôn ngữ bất đồng, lú lo lú lường, chẳng ai hiểu ai, nhưng ông cũng biết hấn là người được ông cải tử hoàn sinh, thì hấn hấn nói những câu để cảm tạ ông. Ông dẫn hấn ra khỏi rừng, đưa hấn về nhà, cho uống nước, nghỉ ngơi một lát, rồi trở cho hấn lối về cửa ải Nam Quan. Hấn chấp hai tay, vái ông lia lịa, rồi nói một thôi một hồi nữa. Để làm như hiểu, ông cười cười vỗ vai hấn mấy lượt, rồi bắt tay hấn.

Việc cứu người Tàu bị thổ phỉ bắt cóc này, ông sếp ga kể lại cho vợ chồng anh phu kíp nghe. Bởi vì ông ăn cơm trọ nhà anh ta. Vợ chồng anh này cũng người Hải Dương, cho nên ông lấy làm thân.

Về phía anh phu kíp, vì việc không liên quan đến anh, nên anh nghe thoáng

qua thôi. Rồi ngày tháng trôi, chuyện nào cũng thành cũ, ông ký Sơ vẫn làm những việc hằng ngày, bán vé, thu vé, gõ cờ hiệu cho tàu đứng, huýt còi cho tàu chạy, bóc xem trộm nhật trình và mượn súng đi bắn. Ông quên dần việc nghĩa cử của ông.

Vì nhàn rồi, lại ở lâu ngày trên chỗ nước độc, ông Sơ cũng có nhiều thì giờ để ốm nữa. Giữa trưa mùa hè hắc hoi, nắng như đốt lửa, nóng như nấu, như nung, mà đứng thu vé ở cửa, ông vẫn tùm hum cái khăn bịt và xù xù cái ba-đờ-xuy. Hành khách trên các toa đương nhể nhại mồ hôi, khi nhìn xuống, thấy ông ăn mặc trái khoáy thì chỉ trỏ, và nhả răng cười với nhau. Họ không biết ông đương lên cơn sốt rét, run bắn bật.

Ông ký Sơ ốm ngã nước, không có thuốc uống, nên đâm ra kiệt lực. Cơm cháo không ăn được. Một ngày một đêm, ông đi đến năm sáu chục lần, rồi đến trăm lần. Trước ông còn làm việc gượng, sau mệt quá, ông phải nhờ anh phu kíp làm thay hộ. Đến khi tay chân ông chỉ còn cái da bọc cái xương, và được người Tây cắt vế nhìn thấy, ông mới được phép về nhà thương Hà Nội để chữa.

Ga Đồng Đăng vắng sếp, anh phu kíp được tạm quyền.

Anh phu kíp tên là gì, người ngoài không biết. Thấy ông sếp ga gọi anh là bác Kíp, người ta cũng theo thói thông thường, gọi nhau bằng chức vị, cũng gọi anh là bác Kíp. Chả ai tò mò hỏi tên thật của anh làm gì.

Từ ngày anh lên quyền sếp ga, anh được gọi là ông hoặc thầy sếp quyền, ký quyền.

Anh ta trạc ngoài hai mươi tuổi. To lớn khỏe mạnh. Trông người thì ra đáng quē mùa, nhưng muốn chùng đáo để lắm. Ngay hôm mới đến Đồng Đăng, anh ta đã khoe với mọi người rằng anh là viên chức nhà ga kia. Anh làm phu kíp chẳng qua là tạm bợ. Chứ độ sức học, thì anh đáng làm thông ký như ai, hay ít ra, cũng làm cai chào mào đi Tây, chứ không kém.

Anh cũng như mọi anh phu kíp khác, chỉ dám đi lại với những người ngang hàng, như phu trạm, lính đồn. Anh chen chèo với cả ông chủ nhà dây, với các cai đội, chủ hiệu. Những người bốc nên giàu có, như tay Chánh Cù, tay đội Trí, khét

tiếng về buôn lậu, anh cũng mon men làm quen. Anh nói tiếng Tây giả cầy, hoặc chêm tiếng bồi vào câu chuyện với cả những người không biết tiếng Tây. Anh coi thường ông sếp Sơ, cho là sống lâu lên lão làng, chứ so chữ nghĩa với anh, chưa chắc mè nào đã cán nổi mủ nào. Anh tự ví như lưỡi gươm sắc, chưa được dùng đúng, nên bây giờ tạm phải chêm ruồi.

Anh kể với ông Sơ tại sao anh đi làm phu kíp, mà lại lên tận Đồng Đăng này.

Trước kia anh có đi học ở trường Pháp Việt đến lớp ba. Vì cả tổng chỉ có một trường sơ đẳng. Anh học nữa thì thầy hết chữ, nên anh bỏ học. Nhà có ít ruộng, nhưng anh cũng không thích làm. Làm ruộng vất vả, may lắm mới đủ ăn. Anh chỉ muốn kiếm việc ở Hà Nội.

Ở Hà Nội, cái gì cũng sẵn. Người Hà Nội sung sướng, ai cũng đẹp. Tuy Hà Nội người khôn của khó, nhưng hễ tháo vát thì sống được, gặp may thì phong lưu, gặp vận thì giàu, cũng chưa biết chừng.

Anh có một người dì họ làm nghề lấy Tây. Tên người này, khi ở nhà, thì là cái ĩnh con. Nhưng bây giờ, năm thì được gọi là bà Xà-phòng, năm thì được gọi là cô Đội. Chắc là trong những thời gian này, cô ở được anh Tây chủ hiệu Xà-phòng bao, hoặc lấy anh đội lính Tây, hoặc đội sếp nào đó. Cái ngày anh phu kíp nhờ dì kiểm việc hộ, là ngày mà người ấy được gọi là bà Đốc. Bà Đốc về làng chuyển này, trông ra phết lắm. Không kể cổ, tai, tay, ngón lên những hột vàng, hoa vàng, nhân ba-dê vàng, mà ai cũng biết tổng là đồ Mỹ-ký, thì bà Đốc dận giày da mũi nhọn, chứ không lệt sệt đôi dép Nhật Bản

rơm, mặc quần lĩnh hoa thâm, áo the trơn trắng tà viền đặng-ten, vấn tóc trần, lông thông cái đuôi gà giả chấm vai, và đội cái nón dừa bọc vải chúc bầu, rủ một hàng diêm chun xuống chung quanh. Hấn lại hay cười, để khoe hàm răng văn minh mới cạo. Thấy cô ở sang trọng hơn trước, lại khoe với mọi người là “nhà tôi bây giờ là ông Đốc”, người làng biết là hấn khá, đã lên chức. Hạng này không khéo thì sau cũng có tàn có tán như cô Tư Hồng không biết chừng. Quả thế. Hấn về quê để tìm một người kéo xe nhà cho hấn, cơm nuôi, không công. Hấn dỗ dành là: “Chỉ kéo tôi đi chơi mát mỗi chiều một vài giờ, chứ không kéo ông ấy đâu. Ông ấy có xe bình bịch”.

Anh phu kíp đã lớn và đã có vợ con. Mẹ ghẻ anh thấy anh không làm nghề ngỗng gì chỉ ăn hại, nên không ngày nào

không nhieć móc anh. Bà ta xui bố anh bắt vợ chồng anh ra ở riêng. Bởi vậy, muốn đẩy anh đi, bố anh khuyên anh bằng những lý do rất chính đáng.

– Tao ước một nổi cai Tăng cũng đi dẹp giặc như tao, kể công hấn không bằng công tao, nhưng chỉ vì hấn nhanh mồm nhanh miệng, khéo luôn lọt mà hấn được ra làm tri huyện. Còn tao, giặc yên tao không được lên lon cai, về làng, chịu là anh bếp quèn suốt đời. Mà ở làng, ở nước, bao giờ nghèo hèn cũng khổ nhục. Mấy lần mày phải đi phu, bị đàn anh ức hiếp, đánh chửi, mày cũng sáng mắt ra rồi đấy. Bây giờ nhà nước đương cần người sang Tây để dẹp giặc Đức dã man cho Mẫu quốc. Tao tưởng không còn dịp nào tốt cho mày như dịp này. Người ta nghe tin bắt lính thì trốn như trạch, đến nổi hương lý phải lòng bắt.

Vậy mày tình nguyện mà ứng mộ đi chào mào. Chắc rằng cái tâm đó, nhà nước sẽ thấu. Mày có lương để nhà cho vợ mày ăn. Chúng mày không phải bám vào cái khổ rách của bố. Rồi sang bên ấy, mày hết sức trung thành, can đảm, lập được công to, thì thế nào mày cũng được ra làm quan như cai Tăng. Mày giàu sang. Vợ con mày sung sướng. Tao cũng được thơm lây.

Nhưng anh phu kíp không nghe bố. Vì anh nhát. Anh sợ sang Tây thì chết bỏ mạng ở bên ấy.

Song, không lẽ anh làm khổ bố mãi, anh toan liều nhận đi làm với người vợ Tây. Nhưng bố anh càu với anh, vì anh không nghe lời ông, nên lại nghĩ những lý do để ngăn anh:

– Giấy rách phải giữ lấy lề. Tao chả gì cũng đóng lon bếp. Mà lại biết chữ, đã chết đói đâu mà chực đi kéo xe cho con đi!

Sợ bố, anh nhờ người vợ Tây kiếm hộ việc khác. Dì thương cháu mồ cô mẹ, sênh mẹ bú dì, hấn mặc cả với anh là phải tạ ba tháng lương đầu, “vì ông ấy cũng phải đi nói với người ta”. Bất cần biết người ta với người ngô là ai, anh xin vâng. Hấn gặt đầu: “Được, để dì bảo chú một tiếng. Me-xù Giô-dệp Phăng-di thần thế, và hay làm ơn cho người, chẳng lẽ vợ nói mà không đắt!”.

Hơn một tháng sau, cô Ảnh con đánh giấy về gọi cháu đi làm. Nói chống là làm ga. Từ đó, người làng mới rõ me-xù Giô-dệp Phăng-di là thứ đốc gì. Hấn là đốc công nhà máy xe lửa.

Anh thanh niên đương khát khao được dịp bỏ nhà, nay có việc, mà chắc chắn là làm bàn giấy ở Hà Nội, thì mừng rơn. Nhưng gặp dì nói rõ, anh mới ngã ngựa ra, là anh đi làm phu kíp, mà lên tận ga Đồng Đăng này. Dì anh dỗ rằng Đồng Đăng gần Hà Nội, nước lành, công việc phu kíp phải người có chữ nghĩa mới làm nổi. Hấn khuyên anh không nên bỏ lỡ dịp hiếm có mà phụ lòng tử tế của me-xử Giô-dêp Phăng-đi. Nếu anh khéo chiều chuộng quan trên, nót-xê được tư bổng¹ luôn, thì sẽ ăn lên, dần dần thăng làm sếp kíp.

Không lẽ lại quay về làng thì xấu hổ, anh thanh niên đành lên Đồng Đăng làm phu kíp. Để giữ trọn cái tiếng là ra Hà Nội làm ga.

¹ Nót-xê và bổng là do tiếng dossier và tiếng bon đọc giọng bồi, nghĩa là hồ sơ, hồ sơ lý lịch được tư tốt.

Anh phu kíp được ông sếp Sơ là người nhiều tuổi, đứng đắn, hiền lành và tử tế, nên dễ chịu lắm. Công việc của anh rất nhẹ nhàng, nhẹ nhàng hơn cả công việc của ông sếp. Hằng ngày, mỗi khi tàu sắp tới, anh mới phải cầm cờ, cầm pháo ra xem xét đường sắt, nhìn lại đầu ghi. Tàu qua, anh sai vợ quét qua loa cái nền ga cho khỏi rác. Về xơ-vit², ông sếp chả nói được anh chỗ nào. Rồi thì buồn, cho nên những hôm biết chắc chắn không có công-tôn³ Tây lên, anh xui ông ký Sơ cứ đi bắn xa, công việc đã có anh làm hộ đầu vào đấy.

Mấy lần đầu thì đầu vào đấy thật. Nhưng những lần sau, thế nào hành khách cũng ỉ eo. Người phàn nàn thấy ký trả lăm, thiếu mất một hào. Trình thầy

² Service: công tác.

³ contrôleur: kiểm soát viên.

ngay lúc ấy, thì thầy bảo chốc nữa, vì còn đương bận phát vé. Đến chốc nữa, vào kêu, thì thầy đổ lăm lăm là ở mình, thầy không biết. Người ca kiết rằng thầy ký có khối xu lẻ, cất trong ngăn kéo, thế mà trả lại tiền thừa, thầy nói là không đủ, chịu của người này một xu, của người kia hai xu, chả biết bao giờ mới đòi được. Cho nên mỗi bận ông sắp ga đi vắng, thì y như đến buổi chiều, anh phu kíp nhà ta phì phèo thuốc lá, nét mặt hớn hở như một người phát tài. Anh ta thích thú thuốc mê-li-a bọc bằng giấy bóng đỏ, vì mua gói nào cũng được thêm cái ảnh đầm cỏi truồng.

Dư luận về anh phu kíp đến tai ông sắp Sờ. Ông không dám cả tin anh nữa.

Anh ta đến Đồng Đăng, có đem vợ con đi theo. Đứa con gái sáu tháng trông

rất kháu. Nó lành như cục đất. Bú no xong, là nằm cười toét mồm một mình, rồi một lúc, ngủ khì. Ông sắp nhớ con, nên yêu nó lắm. Ngày nào, ăn xong cơm ông cũng gắp nó một lúc. Ông khen nó giống mẹ nó.

Thật thế, chị Kíp không đẹp cũng không xấu. Con gái nhà quê mà như thế thì là có duyên đấy. Chị hiền lành, thật thà. Chỉ phải cái tội ít nói, mà ăn nói thì cộc lốc, cục cằn. Thấy lương chồng có sáu đồng một tháng không đủ, chị buồn bán thêm cặp vào. Chị mở hàng nước và quà bánh ở ngay trước cửa ga. Mỗi tháng lời lãi kiếm thêm được hai, ba đồng.

Đáng lẽ một gia đình hai vợ chồng trẻ và một đứa con thơ thì êm hòa, vui vẻ lắm mới phải. Nhưng đằng này, trái lại, anh chị lục đục với nhau luôn. Hai người

hay cãi nhau nhất là về việc anh chồng mê đánh bạc ở sòng, vợ can bảo thế nào cũng không nổi. Hôm thua, chồng về càu kỉnh với vợ con. Hôm được cũng không yên chuyện. Anh ta có tiền thì chè chén ở đâu, mồm sặc mùi rượu, về cũng gây sự với vợ.

Ông sắp Sớ ở xa gia đình nên nhớ vợ nhớ con. Nay nhìn thấy một người xử với vợ con như vậy, ông càng nhớ vợ con mình và thương vợ con người, ông muốn gia đình anh Kíp được yên ấm để nổi quạnh hiu trong lòng ông được vợi đôi chút. Cho nên ông lấy tình thân là người cùng tỉnh, khuyên bảo anh. Vì anh Kíp chỉ bằng tuổi con ông Sớ, lại sợ ông là người trên, tư nết-xê [noter: nhận xét] anh, cho nên anh ngồi im lặng, chẳng nói chẳng rằng. Vả ông ngọt ngào, giảng giải hết lẽ:

– Tôi vẫn biết là chị ấy ăn nói vụng về, nhưng phốt⁴ là phốt ở anh nhiều hơn. Sòng bạc có phải là chỗ cho mình kiếm tiền đâu. Nhà nước mở ra nó để lấy hồ thay cho thuế, vì trên này người thừa, ruộng ít. Cho nên ở các tỉnh miền ngược, chỗ nào có đông người là có sòng. Tôi ví dụ anh đánh bốn mươi tiếng bạc, hai mươi tiếng thua, còn hai mươi tiếng được. Thế thì anh có lấy lại hòa vốn không? Không. Anh chỉ còn mười chín đồng. Bởi vì mỗi đồng bạc được giam, anh phải trừ ngoém mất năm xu hồ. Cờ bạc là bác thẳng bản. Cần tiền đánh bạc thì đi vay chày, vay cối, ăn bớt ăn xối của công, hoặc lấy cắp tiền ăn của vợ con. Chỉ kẻ đại dột mới đâm đầu vào sòng, để rồi xỏ chân vào cùm. Ta có học, là phong-xon-ne⁵ nhà nước, đàn đúm làm

4 faute: lỗi

5 Fonctionnaire: viên chức; công chức.

gì với những kẻ đại dột cho mang tiếng?

Y như ông bị sắp đi guốc vào trong bụng, anh Kíp có tật giật mình. Anh buộc chỉ cổ tay, thề rằng hễ ông còn nghe nói anh vào sòng nữa, thì anh cứ xin làm kiếp chó ăn cứt.

Ông Sơ thấy lời mình có công hiệu thì mừng lắm. Ông bày cho chị Kíp cách buôn bán có lời hơn, để anh Kíp khỏi sốt ruột về chuyện túng tiền mà quay lại sòng, hòng dạy hóa. Sẵn xe lửa đó, ông bảo chị nhờ mua lên những thứ ở trên này hiếm, là muối và thuốc Lào. Để đem vào các bản đổi lấy thóc lúa, gà vịt, mật ong, v.v...

Thấy vợ làm được đồng ra đồng vào, anh Kíp biết ơn và quý mến ông Sơ. Một hôm, vui miệng, anh nói:

– Thú thực với cụ, ngày trước, cháu mê đồ chữ, có phải là mong có một hai đồng bạc để tiêu vặt đâu. Cháu chỉ muốn kiếm ngay một cái vốn khá để theo gót ông chánh Cù, Ông đội Tri. Làm cái khoản ấy, phát tài lắm, cụ ạ. Rồi bị thua tháy mãi, cháu bực mình, mới lập tâm kiếm tiền bằng cách khác. Cháu định dò đích xác được chuyến buôn lậu nào là cháu đi báo để lĩnh thưởng. Có món hỏa hồng to này mới tính đến chuyện to được. Thấy của thiên hạ, cháu cứ ngốt lên, cụ ạ.

Muốn anh Kíp đừng có thì giờ bỏ không để nghĩ đến làm bậy, ông Sơ lại tập cho anh thói quen giống mình, là bắt nghiệm nhật trình, ông nói:

– Thích cái này thì tự khắc mất hết những cái thích khác.

Ý ông muốn nói là văn chương, thời sự, đăng trong tờ báo.

Anh Kíp chiều ông Sơ, nhưng ngày nào cũng đọc báo mà anh không thấy được mở mang trí tuệ. Là vì động cầm đến nó, y như rằng anh buồn ngủ díp mắt lại. Thấy chồng đặt báo lên bụng, ngáy pho pho, vợ anh cần nhằn:

– Xem nhật trình bằng mắt, chú xem bằng rốn, thì chó cũng làm được.

Ông sắp ga cười:

– Thà ngủ cho béo mắt còn hơn đi đánh đeo với bạn xấu. Thế mới biết, đối với ai, tờ báo cũng có ích.

Có một lần, anh Kíp bộc lộ về lối đọc báo của anh:

– Chả giấu giếm gì cụ. Cháu không xem được những bài dài, cụ ạ. Cháu cũng biết rằng văn chương, ý tứ cao xa thâm thúy thật, nhưng cháu thấy buồn lắm. Cháu nể cụ thì cháu cầm tờ báo, chứ sự thực, cháu chỉ xem những quảng cáo.

– Thì cũng tốt chứ sao. Để biết ở Hà Nội hàng nào bán ở đâu, khi mình về, đi mua, đỡ phải tìm. Trong một tờ báo, mục nào chả có ích.

Anh Kíp lắc đầu:

– Hàng nào à? Bán ở đâu à? Toàn thuốc lậu với tiêm la, cụ ạ. Cháu thuộc lòng hết cả. Ai lại một tờ báo bốn trang, mà đến hai trang rưỡi là quảng cáo. To nhỏ 17 cái quảng cáo, thì 15 cái là thuốc. Mà trong 15 quảng cáo thuốc, 13 cái bán thuốc chữa bệnh phong tình, 2 cái bán

thuốc cai nha phiến! Bất cứ hôm nào rồi, cụ mở ra mà đếm, không đúng thế, cháu cứ đi đằng đâu!

Ông sắp Sơ khuyến khích:

– Anh thuộc lòng những quảng cáo cũng được. Hễ chán quảng cáo, anh phải đọc sang mục khác.

Anh Kíp cho là có lý, song vẫn nói:

– Nhưng buồn lắm cụ ạ. Cháu chỉ ngại hay đọc nhật trình thì dễ ngã nước.

Ông Sơ không hiểu, hỏi, thì anh giảng:

– Tại dễ ngủ.

Một hôm, ông Sơ đi bán một mình đến tối chưa về, anh Kíp chờ cơm mãi, mới nói đùa với vợ:

– Dễ thường cụ cứu được một chú bị Tàu bắt cóc nữa, hay lại bị thổ phỉ nó bắt cóc sang Tàu rồi.

Chị Kíp gắt:

– ĩa vào mồm thầy cái dĩ nói càn!

Lúc ông sắp ăn cơm, ông kể chuyện vì sao ông về chậm:

– Tôi về sớm, nhưng tại lúc lội qua suối, chân tôi vấp phải một cái gì rần rần, tròn tròn, đương trời ở dưới nước. Tôi cúi lấy lên xem, thì ra là cái đầu lâu.

Anh Kíp trợn tròn mắt:

– Ô! Thế thì may cho ông chánh Cừ nhỉ.

Sở dĩ anh Kíp biết ngay đầu lâu này

là của bố chánh Cù, là vì từ sáng đến giờ, Đồng Đăng đồn ầm lên về việc mà bố lão này bị quật và mất cái hoa. Người ta biết cả người đào là đội Trí. Vì hai tay buôn lậu này vốn vẫn hiềm khích với nhau, ít lâu nay vốn triệt nhau ra mặt. Ông sắp gặt đầu:

– Còn của ai vào đấy nữa. Cho nên tôi mách cho ông chánh Cù đi mà tìm về.

Chị Kíp gặt gặt:

– Phúc ông ta mà được cụ thấy hộ, chứ không, nó trôi mãi về xuôi, thì nhà ấy chỉ có mà lụn bại.

– Ông ta có mời tôi ở lại ăn cơm, nhưng tôi không ở. Tôi sợ về chậm, anh chị chờ.

Anh Kíp im lặng một lát, rồi tặc lưỡi:

– Đồ chó đá! Thế mà chỉ mời được bữa cơm.

– Thì cũng là tình cờ, chứ mình có định bụng giúp người ta đâu mà kể là ơn huệ?

Anh Kíp hút thuốc Lào. Bỗng anh sức nghĩ ra một ý. Anh vội vàng dựng điếu, ngồi xồm lên trước mặt ông Sơ:

– Cháu tiếc rằng cháu không vợ được việc này. Phải tay cháu ấy à, thế nào cháu cũng xoay cho lời tiền ra cháu mới bảo. Mà cháu ăn cả của nhà chánh Cù lẫn nhà đội Trí, chứ không tha. Hoài của, cụ vút đi mất toi một trăm bạc. Hai thằng cùng đều, cho một vỏ cũng đáng đời.

Rồi anh bày cái mưu của anh:

– Cháu như cụ, thì cháu cột cái đầu lâu lại, dúi nó vào trong bụi, để giấu đi đã. Rồi cháu đánh tiếng bảo chánh Cừ đến nhờ cụ bấm cho một quẻ độn.

Ông sắp cười:

– Tôi có biết bấm độn đâu?

– Có ai dám ngờ người thạo tử vi mà lại không biết bấm độn không nào? Cụ lấy cho đủ ba chục bạc. Nếu không đủ, cụ dọa rằng quẻ không ứng. Lúc ấy, cụ hãy thắp hương, suyt soát khẩn khứa, giả vờ nói hươu nói vượn một lúc, mới bảo đến nơi là hiện nay vong linh ông cụ đương bị ngâm dưới nước về hướng đông nam, hay tây bắc gì đó.

Anh chép miệng tiếc món hoạnh tài:

– Cụ không thạo cái món giả vờ, chứ cháu mà lờ ai, thì cứ y như thật, đổ ai dám ngờ.

Chị Kíp ôm con vào lòng, dấm dản nói với nó:

– Thế là thầy mày mới được có ba chục. Những một trăm kia mà, dĩ nhĩ.

Anh Kíp quay sang vợ:

– Phải rồi. Thế tao hãy hỏi mày, khi chánh Cừ tìm được đầu lâu bố rồi, nó có đi trình Châu không, và có kiện thằng đào mả là đội Trí hay không? Hả không đời nào nó cam tâm mà ngồi yên. Thế là, cụ ạ, cháu xoay đến đội Trí. Thằng này mà nghe tiếng cháu bấm độn giỏi, tất thế nào cũng mò đến tìm cháu. Nếu nó không tìm cháu, thì cháu tìm nó. Cháu

sẽ bảo cho nó biết số nó tháng này có hạn quan tụng lớn. Cháu dọa nó, những là sạt nghiệp với tù tội, cho nó mất vía lên, mới vẽ cho cách gỡ, là cúng giải hạn được, vì có sao gì, sao gì đó cứu mệnh. Cháu khoét cho đủ năm mươi đồng. Cháu mua lạng nhang mấy cái mũ giấy, mấy con ngựa giấy, rồi ê a cúng dền dăng độ một giờ đồng hồ thôi.

Ông sắp Sơ cười:

– Thế là biết tử vi thì biết cả bầm độn lẫn làm thầy cúng! Ngộ chánh Cừ cú kiện, quan xử đội Trí thừa thì làm sao?

Anh Kíp cau mặt, vênh vào đập tay vào áo mình:

– Thì tiền thầy bỏ túi rồi, sống chết mặc bay chứ? Nó có trách, thì cháu đổ

là tại nó không thành tâm. Phải sửa lễ khác để cúng thêm. Lại moi được chục bạc nữa, không biết chừng. Nhưng nói thế thôi, chứ lấy tiền cũng nên lấy cho có nhân, có nghĩa. Chánh Cừ mà muốn kiện đội Trí, thì thế nào cũng phải nhờ cháu bấm hộ xem, nếu có thật được mới dám đưa đơn. Vì anh kiện là kiện tình nghi, kiện vu vơ, không có tang chứng. Nó mạnh thấy, quật lại thì anh bỏ đời. Chánh Cừ đã tin cháu độn hay, chắc phải tin mãi. Lúc này, cháu khuyên nó là dĩ hòa vi quý, không nên khuấy nước để béo cò, chỉ tổ nhờn mồm ông quan. Cháu nói rõ là số nó không được kiện, dù có lên đến thống sứ, toàn quyền, quyết là đơn cũng phải bỏ đi. Ngay như nếu quan Châu Đồng Đăng có xui nó kiện, xử cho nó được hản hoi, nhưng rồi việc lên đến tỉnh, thế nào tòa đệ nhị cấp cũng xử hòa. Cương quyết rằng số như thế, giới cũng

không có phép gì thay đổi được. Chẳng lẽ chánh Cù khôn sắc gạch, lại kiệt lỗ đít, mà không tin thấy bầm độn giỏi, lại nghe người khác xúc xiểm để mất thêm tiền à?

Chị Kíp cười:

– Thầy mày làm giàu nhanh thật. Nhưng vẫn còn thiếu hai mươi đồng.

Anh Kíp mắng:

– Hai mươi đồng mà lấy ngay nữa thì rõ ràng mình là con người tham lam, bú dù ạ. Nhưng hãy hỏi từ đó mà đi, chánh Cù là một, đội Trí là hai, mỗi bận anh đi hàng, anh có khỏi nhờ tôi bầm cho một quẻ xem chuyển ấy có trót lọt hay không đã? Thế là mỗi lần cháu nói liều một câu, lại không lại bằng mấy tháng phải bẻ ghi không, cụ nhỉ.

Thấy anh Kíp là người khôn ngoan, nhưng lắm thủ đoạn, cho nên về Hà Nội chữa bệnh, ông sếp Sơ không lo anh làm không chạy việc bằng lo anh làm bậy.

Thật vậy, bây giờ “dọc ngang nào biết trên đầu có ai” để mà e dè, sợ sệt, lại được người ta gọi là ông hoặc thầy sếp quyền, ký quyền, anh Kíp tha hồ làm tướng ở ga Đồng Đăng. Lại xì xào những tiếng hành khách phàn nàn nhà ga trả thiếu tiền lẻ. Luôn luôn báo hằng ngày giao cho nhà bưu điện chậm trễ. Có tờ rách cả băng đề tên người mua. Có tờ gấp tám như cũ, nhưng lại gấp trái, tên báo vào trong. Buồng ở của ông sếp Sơ trở thành nơi tụ tập của ông sếp quyền với các bạn hữu đến khuya. Dầu tây của công chưa cuối tháng đã hết. Có một lần, người ta bắt gặp cái Múi, con gái đội Trí gửi một cái hòm vào buồng ấy, và hình

như nó ngủ ở đó suốt đêm, để sáng hôm sau xuôi sớm xuống Hà Nội. Chuyển tàu đến Lạng Sơn bị lính đoan khám, thấy hòm ấy có hai đáy, đáy dưới chứa mấy bánh nhựa. Nhưng không biết là của người nào, vì hòm để ở giữa toa không ai nhận. Lại một lần nữa, có tiếng the the cãi nhau, trong buồng sắp ga. Người ta lắng tai nghe, thì rõ rằng một người là cái Múi, một người là cái Châu, con nhà Vạn Lợi. Tối hôm ấy, cái Châu vào sòng, thua xóc đĩa, hết cả tiền, thì gặp thầy sắp quyền đưa về ga. Chẳng may, hai người chạm trán cái Múi ở đó. Đôi bên ghen nhau, cãi nhau, chửi nhau ỏm tỏi. Thiên hạ còn đồn rằng cái Múi đã có mang với thầy sắp quyền và sắp lấy lẽ thầy ta.

Còn thầy sắp quyền thì độ này có vẻ phờn phơ lắm. Trong túi lúc nào cũng có một gói thuốc lá Mê-li-a đỏ, và hàng

chục ảnh đầm cõi truồng.

Nhưng cô sắp quyền thì buồn thiu buồn thiu, đã ít nói, càng thêm ít nói. Hai mắt cô trũng sâu và thâm quầng như mắt những người thức nhiều và khóc nhiều. Thỉnh thoảng, trên mặt cô lại tím lên một vết lằn, như vết thương do cái gậy đánh mạnh.

* * *

Một hôm, có một người Trung Hoa vào ga Đồng Đăng hỏi ông sắp. Người ấy đưa cho anh Kíp một chiếc phong bì lớn, rồi đi ngay về phía Nam Quan.

Anh Kíp bóc phong bì. Thì lạ quá, anh không hiểu là cái gì. Một tờ giấy dày, rộng, ngoài những dòng chữ, có in

cái khung rất đẹp. Dấu lớn và nhỏ hình vuông đóng đỏ lòe. Có vẻ là một tấm bằng. Nhưng bằng ở đâu phát và phát cho ai, mà không in một bên chữ Pháp, một bên chữ nho như mọi cái, mà lại toàn in chữ nho! Ba tờ giấy hoa tiên hẹp khổ, màu đỏ, màu xanh, màu vàng, viết đặc những chữ nho, nhỏ lắt tắt, bằng bút lông.

Anh ngỡ quá. Xong việc, anh khóa cửa ga, đem chiếc phong bì sang phố, để nhờ người giảng hộ xem nó là cái gì.

Mấy người lồm bồm biết chữ xúm nhau lại, vừa đọc vừa đoán chữ, vừa đoán vừa tán nghĩa.

Bức thư trong giấy hoa tiên như sau này:

Túc hạ nhĩ giám.

Từ ngày tôi được túc hạ cứu thoát tay bọn côn đồ, lòng tôi cảm bội vô hạn, tiếc vì túc hạ là người An-nam, tôi là người Trung Hoa, không biết tiếng của nhau, cho nên không thể nói chuyện với nhau được.

Tôi là một văn quan. Hôm ấy có vài người bạn rủ tôi vào rừng săn bắn. Tôi theo họ đi. Nhưng chẳng may, đến một nơi rậm rạp, tôi bị lạc. Tôi gọi to các bạn, không thấy trả lời. Vì không nhớ lối nên đi nhầm sang địa hạt bên quý quốc. Chính ở chỗ này mà tôi bị nạn. Và cũng chính nhân dịp này mà tôi được may mắn gặp túc hạ cải tử hoàn sinh. Viết đến đây, sức tôi lấy làm phiền. Nước tôi vì chính quyền chưa ổn định, nên sinh ra những kẻ bất lương, đón người ở chỗ vắng để cướp của,

hoặc bắt cóc để vùi tiền chuộc. Nhưng chính quyền của nước Đại-Pháp ở Đông Dương đã ổn định từ lâu, há rừng Việt Nam lại vẫn là sào huyệt dung thân cho bọn thổ phỉ được hay sao?

Tôi không biết lấy gì đền cái ơn cứu sống của túc hạ cho xứng đáng. Hôm ấy, tôi muốn biết quý danh, nhưng không làm thế nào cho túc hạ hiểu được. May mà túc hạ đưa tôi về quý thụ, nên tôi biết túc hạ là trạm trưởng trạm hỏa xa Đông Đăng. Muốn tạ tấm lòng hào hiệp của túc hạ, tôi nghĩ rằng nếu tôi gửi tặng tiền bạc của nước tôi, thì dù nhiều bao nhiêu đi nữa, hoặc tặng phẩm hàm của nước tôi, thì dù quý bao nhiêu đi nữa, nhưng đối với một người An-nam, bây giờ chịu dưới quyền bảo hộ của người Pháp, những thứ ấy đều là không có giá trị. Cho nên tôi đã mạn phép túc hạ mà kính dâng túc hạ một tấm

bằng làm thuốc, gọi là vật kỷ niệm nhỏ mọn để đền ơn. Tấm bằng này, đối với túc hạ, có thể bị coi như một tờ giấy bỏ đi, nếu túc hạ không biết lợi dụng nó. Nhưng ở nước tôi, để được tấm bằng này, thì một người, nếu không cố gắng công phu học hành vài năm, tất cũng phải mua mất bốn mươi đồng Chính phủ mới cấp cho. Tấm bằng này sẽ là một chứng thực về nghề nghiệp để làm sinh kế. Ở Việt Nam hiện nay, tuy người Pháp có mở trường dạy y học Thái Tây, nhưng lòng người còn tin thuốc bắc của Trung Hoa không phải đã mất. Cho nên một tấm bằng làm thuốc của nước tôi tặng túc hạ, vẫn có thể giúp nhiều cho túc hạ trong việc mưu sinh. Tôi muốn vật kỷ niệm cho ân nhân của tôi phải có thực ích. Tôi mong túc hạ hiểu cho, mà coi tấm bằng này là một vật giá trị. Ở vào thời buổi khó khăn, người khôn ngoan phải xoay xỏa nhiều mưu kế mới

sống nổi. Tôi tiếc vì không biết quý tính cao danh, cho nên phải để trống tên. Cúi xin túc hạ tha lỗi mà điền mấy chữ vào đó hộ.

Tôi viết thư này đã dài, nhưng chưa thể nói hết những ý muốn nói. Tôi xin thưa trước với túc hạ vài câu. Là một ngày kia, túc hạ có dời gót ngọc đến thăm tiên quốc, thì mời túc hạ hạ cố quá bộ đến tề xá, cho tiên nội được chiêm ngưỡng dung nhan. Và sau này, nếu bên quý quốc có ai cần đến bằng làm thuốc nữa, thì túc hạ thương lượng giá cả với người ấy. Còn như đối với tôi, túc hạ chỉ cần gửi lại cho một hiện vật tương đương với ba mươi đồng bạc của Đông Dương đương lưu hành mà thôi. Tôi rất lấy làm hân hạnh được tiếp tục đền ơn túc hạ mãi mãi.

Song, cũng vì muốn báo đáp cái nghĩa

nặng ân sâu của túc hạ, mà tôi phải thành thực lưu ý túc hạ những điều sau này. Là các Chính phủ của chúng tôi thường không được vững bền lâu dài, số phận còn mất như quả chín trên cây. Mà thân thể của tiện chức, chẳng qua cũng cùng cảnh phù du như thân thể của Chính phủ. Thế thì chỉ trong thời kỳ kẻ chịu ơn này còn ở trong Chính phủ đương trị vì, thì các bằng cấp phát hành mới có giá trị. Cho nên tôi mong rằng túc hạ nên lợi dụng cơ hội ngắn ngủi và hiếm có này mà tiêu thụ nốt cho cái số 24 tấm bằng còn lại.

Mấy lời tâm phúc thô thiển, giữa trông túc hạ lượng xét.

Sau bức thư là một dòng đề năm Dân quốc, tháng, ngày. Rồi ký tên TỔNG BỘI ĐÌNH. Bên cạnh tên, có ghi chức tước và địa chỉ.

Nghe xong bức thư, thầy ký quyền ngấm nghĩa tấm bằng, nhưng bằng đôi mắt hờ hững thôi. Thầy cũng chẳng quan tâm đến những lời lẽ văn hoa trong thư. Bởi vì nó chả lợi gì cho thầy. Đây là người ta gửi cho ông sếp Sơ. Thầy gấp các giấy má rồi về nhà, định bụng bao giờ ông Sơ lên làm việc, thì đưa trả ông ta. Ông ta là người tử tế, thầy phải ăn ở tử tế lại.

Nhưng ông Sơ không bao giờ trở lại Đồng Đăng nữa. Thần Chết đã đem ông đi rồi. Cái bằng làm thuốc giả dối và bức thư của người quan văn con buôn, thầy sếp quyền cho là không cần giữ làm gì, mới cuộn lại, gài lên mái tranh.

Phải, nó có ích cho thầy sao bằng cái giường khung, đôi chiếu hoa và cái chăn chiên, cùng mấy bộ quần áo rét của ông Sơ bỏ lại trong buồng. Thầy dọn tất cả

những thứ ấy, đem về nhà dùng.

Không bao lâu, ga Đồng Đăng có ông sếp Thìn bổ lên, thay ông Sơ.

Ông sếp quyền lại trở về địa vị cũ, là anh phu kíp quèn. Được gọi là ông sếp, thầy ký, được nghe “Thưa thầy phát cho con cái vé, thầy cho con lĩnh cái vé” quen tai đi rồi, anh khó chịu với ông sếp Thìn. Tuổi ông này, không bằng tuổi ông Sơ, mà hay gọi anh xách mé là anh Kíp, thỉnh thoảng lắm mới bác Kíp, xù Kíp.

Đôi khi xét nét cả với đời tư của anh, ông Thìn lên mặt người trên mà cự anh. Anh cho như vậy ông ta làm mất tự do.

Thế là lòng tự ái làm anh hay hục hặc với ông ta. Có một lần, anh bảo hấn ông ta:

– Cũng là kiếp nô lệ làm đầy tớ thằng Tây cả, chứ vu⁶ chẳng hơn moa đầu mà làm bộ.

Buồn nản quá, anh Kíp muốn xin đổi đi ga khác.

Độ này, anh còn bị đồn dập những đau khổ. Con bé con nhà anh ngoan ngoãn là thế, mà lăn đùng ra chết. Nó không hay quặt quẹo, nhưng hễ động ốm là bạo bệnh. Nó chỉ đau bụng có một đêm thôi. Anh thì chớm sốt rét. Rồi có lẽ vì trời nóng quá, anh bị bệnh thiên trụ, đi khạng nặng như người thọt. May làm sao, có người mách cho thuốc hay mà dễ kiếm, nên không tốn tiền, anh khỏi được bệnh. Nhưng qua được nguy hiểm này, anh mắc đến bệnh kiệt lực.

Đã từ lâu, chị Kíp không muốn cho
6 Vous: anh, Moi: tôi.

chồng ở Đồng Đăng nữa. Nhiều cái tai hại lắm rồi. Đất không lành thì cò không đậu. Cho nên, lại nhân dịp chị sắp ở cũ, vợ chồng bàn nhau nên xin đổi về xuôi.

Vì dò biết ông Thìn định tổng anh lên Na Sầm, anh nhất quyết phen này làm cho ông biết tay. Anh cho chị về tìm được dì Đốc, kè nhè với dì nói với me-xù Giô-dệp Phăng-đi cho anh về Hà Nội.

Chị Kíp tìm mãi, chẳng thấy dì ở nhà cũ. Chú Giô-dệp Phăng-đi đã cút về Tây từ bao giờ rồi. Chị phải hỏi thăm mãi mới gặp dì. Thì ra con người làm dâu ngoại quốc lành nghề này không chịu một ngày nào thất nghiệp bạn trăm năm. Hắn được chuyển ngay từ lòng người đốc công sang lòng người sếp văn phòng, cũng ở sở xe lửa. Người được nâng khăn sửa túi mới tên là Phi-lô-mát, gọi là quan sếp chánh.

Bà sắp chánh nhận một lạng cao hổ cốt của cháu, rồi gặt đầu:

– Được, để bà lớn trình với ông lớn cho.

Hai tuần sau, anh Kíp nhận được giấy đổi về Hà Nội. Anh trả thù được ông Thìn. Hả lắm! Anh nói với bạn hữu:

– Về Hà Nội thì làm cạnh Tây, việc bận và khó đấy. Nhưng thà Tây nó chửi, nó đánh, còn không nhục bằng An-nam nó nói một câu!

Hôm dọn nhà, anh sực nhìn thấy chiếc phong bì gài trên mái tranh. Anh tính cho nó vào bếp lửa. Nhưng anh tiếc công gìn giữ mấy tháng nay. Song, mang nó đi thì được ích gì? Anh ngắm nghía tấm bằng một lát, rồi tặc lưỡi bảo với vợ:

– Tội đếtch gì mà vút đi! Chả gì cũng để treo cho đẹp nhà.

Vợ anh cau mặt:

– Cửa mình chó đầu mà đẹp!

Lời nói như xui anh chiếm của kẻ khác làm của mình. Anh mượn bút mực, rải phẳng tấm bảng, nắn nét, điền vào chỗ trống, ba chữ: TRẦN ĐỨC THỪA.

Anh Thừa đem con bò lạc về Hà Nội.

3 CU-LI CÚT-KÍT

Anh Thừa được ở ga Hà Nội. Tên sếp chánh Phi-lô-mát cho anh vào làm trong văn phòng tên sếp phó, là Tu-nô. Nó rộng cho anh nghỉ hai hôm, để thuê nhà cửa xong, mới đến nhận việc.

Anh vừa mừng vừa lo. Thế là tránh được cái tên là phu kíp. Nhưng chữ nghĩa ít, anh biết làm ăn thế nào? Bà lớn sếp

chánh khuyên anh đừng thuê nhà ở đâu cho xa và đắt tiền. Bà bảo sẽ dùng quyền, bắt bà sắp phó cho anh ở một gian trong bếp nhà bà ấy. Nhà gạch, có đèn điện, có nước máy, sang trọng lắm. Anh cảm ơn Trời Phật phù hộ người dì anh lấy chồng làm to, cho anh hưởng sung sướng lây! Bây giờ anh được gần dì, có việc gì, dì che chở cho. Vả lại anh ở ngay trong nhà quan thầy, người ngoài trông vào, ai chẳng phải nể.

Hôm đầu tiên, anh ăn mặc thật chững chạc: khăn xếp, quần là, áo cổ cồn, giày tây. Anh sắm cả cái tay áo giả bằng vải tây thâm để lồng vào cánh tay, phòng khi ngồi viết khỏi hại áo. Anh hăm hở đến sở rất sớm. Anh đứng chờ ở hành lang. Mãi đến chín giờ, quan sắp phó mới ra bàn giấy. Nó đi khệnh khạng, phải chống bằng ba-toong. Anh chào nó và xưng

tên, nó hiểu ngay, gật đầu, vẫy anh đi theo.

Anh vào buồng, hồi hộp, đứng nhìn quanh. Cả cái buồng rộng, đặt có một cái bàn lớn ở giữa. Trên mặt bàn, xếp từng chồng giấy má. Sau bàn, bày một cái ghế dựa. Anh đương suy nghĩ xem mình ngồi ở chỗ nào, thì Tu-nô trở phía cuối tường, vừa giơ tay lên, hạ tay xuống, để làm hiệu, vừa nói lơ lớ:

– Kéo, kéo mạnh. Biết?

Anh biết. Thì ra chán ngán quá, anh làm việc kéo quạt.

Một lát, có người thư ký vào. Tu-nô nhìn anh và nói với người ấy. Người ấy gật đầu, thông ngôn lại cho anh nghe:

– Phải quét tước lau chùi buồng này cho sạch sẽ. Kéo quạt. Đi việc vặt. Đây công việc có vậy. Làm cho chu đáo. Ông ấy bảo thế.

Anh cúi đầu:

– Vâng ạ.

Anh nhìn thấy hình của anh in trắng lôm lổm ở kính cửa như một thầy ký. Lố quá! Anh thở dài khẽ và nghĩ thầm: “Thế này thì làm phu kíp còn oai hơn. Không ngờ bây giờ mình lại làm việc của thằng nhỏ”.

Lúc Tu-nô cúi mặt xuống bàn, anh mới dám ngắm nó. Nó không có vẻ là Tây thật. Hình như Tây lai thì phải. Nhưng sao nó không nói tiếng ta. Anh không thể đoán được nó bao nhiêu tuổi. Lúc

nó cúi xuống, thì trông già. Nhưng khi nó ngẩng lên thì lại trẻ. Má, môi và cằm nó xám những chân râu quai nón. Thế thì nó hai mươi, ba mươi hay bốn mươi? Có thể là nó hiền lành, chứ không hung hăng, ác tợn như lũ Tây cắt vé râu cáo. Bọn này là Tây thật, nên không thương gì người An-nam. Chúng đến toa nào là toa ấy hành khách len lét. Thế mà hơi một tí là chúng quát tháo, tát, đá người ta. Thằng này là người lai, khi đối xử với An-nam, ít ra nó phải nghĩ đến mẹ nó.

Bỗng đương làm việc, Tu-nô nhăn mặt, xuýt xoa, hai tay ôm chỗ nào, vì lấp bàn, anh không rõ. Anh vội vàng kéo mạnh quạt và trông đi chỗ khác.

Hắn trong người nó có cái gì làm nó đau đớn. Cái nhọt hay vết thương? Phải rồi, anh nhớ ra. Nó đi phải chống ba-

toong. Thế thì có lẽ nó bị thương ở chiến trường, bắn nhau với quân Đức.

Quả bàng cửa kêu lạch xạch. Cánh mở ra. Một người đấm nhỏ nhấn vào, tay cầm một gói gì, đi thẳng đến Tu-nô.

Anh nghe hai người nói với nhau, toàn là mày tao. Anh đoán người này không phải viên chức đến bàn công việc. Nếu phải người trên kẻ dưới, họ lẽ phép với nhau, gọi nhau bằng vu, chứ không bằng tuy, toa [Tu; toi: mày] như thế này.

Một lát, người đấm nhìn anh, hất hàm, nói bằng tiếng ta rất sôi:

– Cho nghỉ một lát. Ra ngoài kia. Đóng cửa lại. Không cho ai vào. Nói là quan sếp phó bận, không tiếp.

Anh Thừa cúi đầu để tỏ ý vâng lệnh

một cách lễ phép, đi rón rén ra cửa, đứng ở hành lang. Sao có lắm việc làm anh phải suy nghĩ thế? Người đầm này không thể không là lai. Tóc đen. Mắt đen. Chỉ bộ lông mi dài, cong và nước da trắng có chấm tàn hương là khác ta. Hắn mặc đồ ta, đồ ai bảo là đầm. Hắn mặc đầm, người ta bảo An-nam giả đầm. Có lẽ vì hắn An-nam quá, nên có nói tiếng Tây cũng chẳng ai nghe. Đúng là hắn chỉ độ hai mươi tuổi, chứ không nhiều. Trông hắn khá xinh. Thịt lẳn, chắc, có vẻ mát rượi. Hắn vào đây làm gì? Hắn là gì mà vào đây? Sao hai người ở trong buồng với nhau lại đuổi mình ra, và cấm người vào. Hay là...

Anh đương nghĩ dở dang thì cánh cửa mở. Người đầm đi ra. Anh cúi đầu chào và để ý nhìn. Tóc hắn không rũ rượi. Váy hắn không xộc xệch như cái

Múi hôm gặp anh lần đầu tiên ở buồng ga đi ra.

Tay hắn vẫn cầm cái bọc. Đến trước mặt anh, hắn hất hàm:

– Tên là Thừa phải không?

Anh đáp:

– Thừa bà lớn, vâng ạ.

– Mai dọn đến bếp nhà tôi mà ở. Biết nhà chưa?

– Bẩm chưa.

– Ở phía kia, cứ hỏi nhà ông sếp phó hay ông Tu-nô, hiểu chưa? Chưa biết tôi là ai à? Bà Tu-nô đây.

Anh giật mình đánh thót. Nhưng

khi thấy đôi mắt sáng của hấn nhìn anh chớp chớp mấy cái, và hấn mỉm cười, anh đỡ sợ hãi, được nhẹ nhõm cả đầu óc.

Anh chấp tay:

– Thưa bà lớn, vâng ạ.

Người đầm lai hất ngón tay cái vào trong:

– Ông ấy ốm, không chịu được nóng. Vào mà kéo quạt. Làm việc cho tốt.

Nói xong, hấn thoăn thoắt bước đi. Anh Thừa muốn hỏi hấn một vài câu về bệnh tật quan ông cho ra tình thày trò, nhưng không kịp. Anh đành ngậm miệng đi vào. Anh lại móc cái đầu dây thừng quạt vào ngón chân cái, tựa lưng vào tường cho vững, rồi co căng để đập cho khỏe. Dây quạt chạy trên bánh xe rít

dầu, kêu cút kít như người nghiện răng.

Buổi tối hôm ấy, anh Thừa lại chụp khăn, mặc áo dài và dận giày tây cho đàn ông để đến thăm dì.

Bà lớn sắp chánh có nhà, nhưng ông lớn còn đi la mát.

Anh nói cho dì biết về công việc hàng ngày của anh. Anh hỏi về quan thầy của anh.

– Ông ấy là người lai, nhưng mà tốt lắm, chứ không bạc tình như quân Tây lai khác, ông ấy biết tiếng ta, nhưng ít khi nói. Ông ấy bảo chỉ nghe hiểu, chứ không nói được nhiều. Vì thuở bé, ông ấy vào trường, ở lẫn ngay với con Tây.

Anh hỏi Tu-nô bị đau gì. Dì anh nhăn mặt, lắc đầu:

– Cũng tại ông ấy thôi. Bệnh này khó nói lắm. Chữa mãi không khỏi.

Anh khoe đã gặp bà sếp phó, được bà bảo đến ở buồng dưới bếp. Người dì gật đầu:

– Rồi mỗi tháng, anh nên đưa bà ấy hai đồng, cũng như tiền thuê nhà và tiền điện nước. Ở như vậy mà chỉ tốn như vậy là hời lắm. Có hơn là thuê cái nhà gianh lụp sụp, thấp đèn dầu tối mù, và phải đi gánh nước xa hay không?

Thấy mình bị nạn sĩ diện của cái bà lớn hợm hĩnh rởm, anh thở dài:

– Tôi tưởng bà ấy cho ở nhờ. Lương có sáu đồng, mà nhà ở mất hai đồng!

Người vợ Tây cười:

– Là bà lớn tính hộ anh như vậy, còn tùy anh nói chuyện với bà ấy. Bà ấy là đảm, dễ chả lấy tiền thuê nhà của anh đâu mà lo. Ấy là bà lớn muốn anh ăn ở cho ra con người biết điều...

– Cứ như tôi thì tôi tính thế này. Tôi đi làm, có lương đã đành, nhưng không đủ ăn. Nhà tôi lại không buôn bán, được đồng ra đồng vào như ở trên Đồng Đăng. Nay mai nó lại nằm nơi. Cho nên tôi định nói với bà ấy cho nó làm những việc lặt vặt trong nhà, như quét tước cái bàn cái ghế, giặt giũ cái quần, cái áo cho bà ấy, rồi tháng tháng, bà ấy chi cho thế nào cũng được, miễn là có thêm đồng nào quý đồng ấy. Hay là bà ấy nuôi hẳn nhà tôi làm con sen. Hẳn là cơm nước cho ông ấy đã có bồi bếp, nhà tôi làm chẳng nổi, nhưng cơm nước cho bà ấy, thì nó làm được.

Bà sếp chánh bữu môi, lắc đầu:

– Không được đâu. Bà ấy không mượn đâu. Gì bà ấy cũng làm lấy tuốt. Cơm cho ông ấy, bà cũng thổi đấy. Anh tính lương có ba chục một tháng, ăn uống, may mặc, phấn son, hà tiện lắm mới đủ, để thỉnh thoảng còn tiêu khiển bằng cây bài lá bạc, thì tiền đâu mà dám thuê người.

Anh Thừa ngạc nhiên hỏi:

– Bà ấy làm ở đâu. Tôi tưởng là đầm thì được lương cao lắm?

Bà sếp chánh không đáp. Một lát, bà nói giọng đay:

– Đầm! Đầm xu bốn!

Rồi bà giảng:

– Cũng mới ăn mặc đầm, vì ông ấy bắt thế.

Anh Thừa ngạc nhiên. Có lẽ bà này chẳng qua cũng như dì anh, cho một thằng Tây thuê thân thể lấy mỗi tháng ba chục. Nhưng vì bà ta trẻ và đẹp, nên Tu-nô bắt mặc đầm để nhìn cho thích. Quần áo ta không hợp với mắt người Tây, anh suy đến dì anh, nhiều tuổi hơn, xấu hơn, lại ăn mặc ta, chắc giá thuê chỉ hai chục một tháng.

Hắn người dì biết anh nghĩ gì.

Hắn đánh trống lảng bằng vài câu khuyên bảo lối người trên:

– Nên tu chí mà làm ăn. Quan sếp phó tốt lắm. Bà ấy tốt lắm. Rồi nhờ vả người ta còn nhiều. Đừng giai gái, cò

bạc, rượu chè, thuốc phiện, thuốc sái. Hà Nội là đất ăn chơi. Anh mà hư thì mang tiếng bà lớn đấy.

Không muốn nghe thêm bài luân lý, anh đứng dậy, xin về. Người dì gật đầu:

– Được. Nhưng bà lớn dặn một điều, anh cần nhớ. Là anh đừng năng đi lại thăm bà lớn. Nếu cùng bất đắc dĩ phải đến, thì anh nên đến vào lúc ông lớn có nhà, mà ăn mặc xoàng thôi nhé.

Rồi phải giảng rõ cho anh khỏi băn khoăn, hăn nhoẻn miệng:

– Vì sợ ông lớn nghi, anh có hiểu không? Tây người ta có biết đâu ai là họ hàng, máu mủ? Người ta cứ thấy có đàn ông trẻ đến với vợ người ta vào những lúc người ta không có nhà, thì thế nào

người ta cũng cho là nhân ngãi. Có lần cô Bé Tý cho em ruột của mình ngủ nhờ một tối, mà hôm sau mất việc đấy! Em ruột thật chứ có phải em ruột giả đâu! Mà là cô Bé Tý đấy nhé!

Anh Thừa không lấy những lời dọa dẫm dân chúng bằng người vợ Tây nổi tiếng ấy làm sợ. Anh sức nghĩ đến bà Tu-nô, sần sần tuổi anh, lại cho anh ở chung nhà. Có đáng ngại hay không.

* * *

Không đáng ngại tý nào.

Tu-nô ở nhà công của sở xây cho viên chức Pháp. Nhà có hai tầng, mỗi tầng hai buồng. Theo chế độ chung, ai độc thân thì ở một buồng. Ai có gia đình thì ở hai

buồng. Có gia đình nghĩa là có vợ Pháp. Ăn ở với người đàn bà bản xứ chỉ được coi là chứa tạm bộ bên cạnh mình một công cụ mua vui, không được kể là một người, thì không là có gia đình. Dù là cấp cao, cũng chỉ được một buồng.

Hai buồng tầng dưới nhà này có hai người ở. Đáng lẽ Tu-nô cũng chỉ được một buồng, vì người đàn bà của nó, tuy là lai, nhưng hai đứa không phải là vợ chồng cưới xin hợp pháp hẳn hoi. Song, nó láu cá. Nó bảo người ấy ăn mặc đầm để có hình thức là dân Mầu quốc, cho nó có tiêu chuẩn chiếm hai buồng. Nó được ở cả hai buồng trên gác nhà này.

Sở dĩ anh Thừa biết được điều ấy, là vì sau này, hỏi dò la về bà chủ, các bạn nói cho anh nghe như vậy.

Hai người Tây ở tầng dưới chỉ dùng buồng làm chỗ ngủ. Không hiểu họ ăn ở đâu. Có thể là họ ăn chung bếp với những bạn đồng thân của họ ở nhà khác. Có thể là họ ăn ghép với một người nào có gia đình. Cũng có thể là họ ăn thàng ở ô-ten. Nhiều tối, đến tận khuya, họ mới về. Nhiều tối, họ dắt gái về, nô đùa với nhau đến tận khuya.

Cách căn nhà chính một cái sân hẹp, là nhà phụ bốn gian. Một gian có bếp lò xây. Hai gian giữa bỏ không. Gian cuối ngăn đôi. Một ngăn có vòi nước ở trong chắt để rửa ráy, tắm giặt. Một ngăn là chuồng tiêu. Hai gian giữa, hẳn một gian là buồng cho bồi ở, một gian là buồng cho bếp ở. Vì cả ba người ở nhà trên không nuôi bồi bếp, nên hai gian đều bỏ không. Anh Thừa dọn đến buồng thứ ba.

Sở dĩ anh ở gần một công cụ mua vui, mà người thuê thuộc vào hạng có tính đa nghi, nhưng không đáng ngại tý nào, là vì một người ở trên cao, một người ở dưới thấp, không trông thấy nhau được. Người đàn bà ấy, không xuống sân bao giờ. Cửa ra sân vì là cửa sau, nên khóa. Cửa ra đường ở phía trước. Vả lại không ai dùng đến gian buồng bếp, cạnh chỗ anh ở. Chắc là bà Tu-nô thói nấu giặt giũ ngay ở trên gác, và bà kiêm cả chức bếp, bồi cho chồng.

Cho nên, từ hôm đi làm đến bây giờ, sở dĩ anh Thừa đã nhớ được mặt người đâm lai, là vì ngày nào hắn cũng đến buồng giấy sắp phó một lần, vào khoảng từ mười giờ đến mười giờ rưỡi sáng. Cũng như lần đầu tiên anh thấy hắn, lần nào hắn cũng cầm một bọc nhỏ, và nói

chuyện với Tu-nô những gì, rồi bảo anh ra ngoài một lát.

Công việc của anh tuy nhàn, anh lại được ở nhờ nhà không mất tiền thuê, nhưng nghĩ đến đời mình về lâu về dài, anh không khỏi không có điều oán thán.

Một là kéo quạt, lau bàn ghế, cửa rả, thì một thằng bé con làm cũng nổi, chứ không phải người đương sức trai mà lại biết chữ như anh. Mỗi ngày, mọi người ở sở có bảy tiếng đồng hồ, sáng từ bảy đến mười một giờ, chiều từ hai đến năm giờ. Nhưng anh phải có mặt trong buồng giấy ít ra là mười tiếng. Là vì buổi sáng, Tu-nô dậy muộn, đến chín giờ, chín giờ hơn nó mới sang làm việc. Và ngồi cho đến mười hai giờ. Buổi trưa, nó ngủ. Bốn giờ nó mới tới, ngồi cho đến bảy giờ tối. Hôm bận, nó ngồi muộn hơn.

Người khác hết giờ thì về. Nhưng anh, không lẽ chủ còn đó, đã bỏ đi. Anh không dám đến muộn như nó. Cứ chuông làm việc là anh đã ở sẵn trong buồng giấy rồi.

Mà kéo quạt là một công việc rất dễ chán. Sức anh khỏe, phải làm việc nhẹ, cho nên sốt ruột lắm. Không thể kéo mạnh được. Kéo mạnh thì cái quạt giật gió phình phịch, không đẹp mắt, không êm tai. Mà lại chóng đứt dây. Cho nên anh dễ mỏi, hay buồn ngủ. Anh luôn luôn phải đổi thế, lúc đứng tựa vào tường, lúc ngồi phệt xuống đất, lúc kéo bằng tay, lúc đập bằng chân, mà nhiều lúc hai mắt cứ díp lại.

Thằng Tu-nô lại chẳng bao giờ nói chuyện với anh. Chắc nó cho là anh không biết tiếng Tây, mà nó thì chỉ nghe

được, chứ không nói được tiếng ta. Giả thử nó cứ nói với anh bằng những tiếng dễ dễ, thì anh cũng hiểu. Rồi được học nghe, học nói cho quen tai quen miệng. Anh chỉ mong lúc vợ nó đến, hoặc lúc người thư ký ở buồng bên cạnh sang, để cảnh có hoạt động, có tiếng nói, cho đỡ lặng buồn, và để tập nghe tiếng Tây.

Điều oán thán thứ hai của anh, là anh thấy giá trị của anh nó còm, nó thụt đi dần. Buổi đầu, ở làng bước ra, anh tưởng được làm bàn giấy. Không ngờ là lên Đồng Đăng làm phu kíp. Những người chữ nghĩa chỉ bằng anh, như ông Sơ, ông Thìn, thì được là hạng thầy. Còn anh, người ta chỉ gọi bằng anh, trọng lắm thì bằng bác, là cùng. Có lúc ông Thìn nể không ra nể, khinh không ra khinh, gọi anh bằng cái tiếng giữa anh, giữa bác là xử. Nhưng mà, thôi thì anh cũng được,

bác cũng được, mà xử cũng được, không đến nỗi nào đâu. Bây giờ, làm ở đây, anh bị gọi là cu-li, cu-li cút-kít. Thằng Tây nó gọi: “Ê! Cu-li!”. Thật là nhục. Đã là cu-li thì không đáng là hạng anh, hạng bác, hạng xử như làm phu kíp. Mà là hạng thằng! Đúng thế, cu-li chỉ là thằng. Người ta mày tao với cu-li. Mấy người thư ký thấy anh lớn tuổi, không nỡ mày tao như với bọn bé con kéo quạt khác, song, vì cu-li không đáng được gọi bằng anh, cho nên muốn bảo anh điều gì, họ toàn nói trống không. Nhiều lúc, thấy lũ bé con cãi nhau, chửi nhau, hoặc phải mắng, phải đánh, anh vừa nhục, vừa tủi, vừa bực.

Anh dồn tất cả những oán thán trên kia vào một người, là dì anh. Anh nghĩ mà giận. Cho nên, nói chuyện với vợ, anh không gọi là dì ấy, bà ấy, mà đốp phăng

ngay là con mẹ, hoặc con mụ. Anh thấy rằng con mụ nó đều quá. Cho là nó lấy Tây thì có thể lực, anh nhờ nó xin việc. Tưởng việc gì, chả hóa ra là đi làm phu kíp tại Đồng Đăng. Việc thế mà nó nhần tâm ăn lễ của anh ba tháng lương! Rồi bây giờ nó nhận của anh một lạng cao hổ cốt, tưởng chạy được chỗ tốt hơn, nào ngờ đâu là làm thằng cu-li cút-kít! Thế mà nó toan sĩ diện với vợ thằng sếp phó, làm anh suýt mất mỗi tháng hai đồng bạc nhà! Nó còn dở thói, tự xưng là bà lớn! Bà lớn với bà bé gì! Bà lớn mà không dám tiếp cháu ở trong nhà, trong lúc ông lớn đi vắng! Chả qua nó chỉ là con giảng há, bán tròn nuôi miệng, nay thằng này, mai thằng khác, cho nên thằng Tây nó mới sinh nghi. Anh không lạ gì màu mẽ bà lớn sếp chánh nữa rồi! Lần sau, gặp khó khăn mà anh còn nhờ nó, để thường nó xếp cho anh một chân

giặt quần trong hầu bọn nó, cơm nuôi, không công chắc!

Anh Thừa đã làm quen với vài người làm bồi, làm bếp cho những Tây khác của sở.

Anh thấy họ, người thì tám đồng, người thì mười đồng lương một tháng, nhưng tháng nào cũng phát tài, ăn bớt được của chủ có khi đến ba bốn đồng. Xong việc, họ diện giày giôn, quần ống số, áo sa hoa, lên cao lầu ăn phở, miệng phì phèo điếu thuốc lá, phởn phơ như những ngày anh ở Đồng Đăng, bán vé hộ cho ông sếp Sơ. Bây giờ kéo quạt, lương ba cọc ba đồng, anh không thể hy vọng gì hơn được. Tháng sau, vợ anh sắp ở cũ, anh đành muối mặt cho về quê nhờ người dì ghẻ vậy.

Hôm cuối tháng, sắp ngày phát lương, Tu-nô gọi anh đến gần, hỏi nhỏ anh về gia đình và số lương anh lĩnh ở Đồng Đăng. Anh ngạc nhiên quá. Nó nói bằng tiếng ta rất sõi, không lơ lớ như hôm anh mới đến. Thôi đúng là thằng này thạo tiếng ta, nhưng giấu. Thấy nó tử tế mà hỏi thăm cho đậm tình thầy trò, anh chấp tay lễ phép:

– Thưa quan lớn, con có vợ sắp đẻ. Lương con sáu đồng một tháng.

Nó trợn mắt:

– Nhưng mày là cu-li cắt-kít, ba đồng thôi!

Như nghe tiếng sét, anh lặng đi. Một lát, mới nói được:

– Thừa quan lớn, con biết tiếng Tây.
Quan lớn cho làm loong-toong⁷.

Nó bấu môi, nhún vai:

– Sở không thiếu loong-toong.

Nó gãi cằm, rồi hất hàm ra hiệu cho
anh về chỗ kéo quạt:

– Được, tao xét.

Hôm sau, muốn chùng để thử thách
anh, Tu-nô sai anh một việc. Nó viết mấy
chữ vào tờ giấy, đưa anh một chục bạc,
dặn anh đến hiệu bào chế Mông-tét, phố
Tràng Tiền, và mang thuốc về cho nó.

Anh cầm cổ đi cho thật mau để định
về cho thật mau. Nhưng đến nơi, anh
rất sốt ruột, vì phải chờ đợi lâu, người

⁷ tùy phái

bán hàng mới xem giấy của anh và dềnh dăng mãi mới trao anh thuốc. Người ấy dặn:

– Anh nói với ông ấy là thứ thuốc này sắp hết, ông ấy nên mua để giữ lại, kéo hiệu bán cho người khác mất.

Được dịp để tò mò, anh hỏi:

– Đây là thuốc chữa gì, hả ông?

Người ấy đáp bằng hai tiếng cộc lốc:

– Sa đì!

Anh bật cười. Hèn nào Tu-nô đi khạng nạng! Nhưng quái, không biết nó bị tù bao giờ, mà gần một tháng nay, anh vẫn thấy nó chống ba-toong. Thế thì nó phải tốn lắm tiền thuốc rồi. Ngày ở Đồng Đăng, anh cũng đau như nó. Nhưng may

quá, chữa khỏi ngay, chẳng mất một xu thuốc. Có nên mách nó cách chữa không? Nó có thêm chữa bằng thứ thuốc không mất tiền không? Nó có tin thuốc mình mách là hay không? Nhất là hỏi nó có tiện không? Hay là hỏi thì làm nó xấu hổ? Rồi anh nghĩ: “Phúc tinh ở ngay cạnh mày, mà mày không biết, thì cho chết, con ạ!”.

Anh đem thuốc về cho Tu-nô và nhắc lại lời người bán hàng dặn nói. Tu-nô bĩu môi:

– Nó muốn thuốc chạy thì nó lòn là sắp hết. Ai mua thuốc quen nó chả lừa thế. Tao tốn mấy trăm bạc với nó rồi!

Nói đoạn, thằng Tây lại tháo thắt lưng, để trên bàn, rồi cởi hết khuy quần ra, vạch ngay trước mặt anh Thừa cái bộ

phận mà loài người phải che giấu ở trong quần. Nó cầm, nó ngấm tự do như ở chỗ không người, như không có anh. Thừa đứng lù lù ngay ở cạnh. Nó đếm xỉa gì đến anh, dù anh biết nhìn, biết nghĩ?

Anh Thừa vụt thấy mình rất nhục nhã. Nó khinh An-nam đến thế là cùng. Anh quay mặt đi, cho chính nó phải ngượng ngập. Nhưng thằng Tây lại không nhìn anh. Nó mãi nhìn xuống chỗ đau của nó. Rồi nhăn nhó, tặc tặc lưỡi. Anh Thừa cáu quá, nhắc lại trong óc câu anh nghĩ ban nãy cho hả: “Phúc tinh ở ngay cạnh mày mà mày không biết, thì cho chết, con ạ!”

Anh liếc nhìn, cái bùi của nó sưng to, căng tròn như quả bóng, đỏ hơn hồng. “Mày mà không là Tây, ông chỉ cầm cái

thuốc này vọt vào đấy cho một cái là bỏ đời!”.

Nghĩ vậy, anh đi xuống chỗ kéo quạt.

Tu-nô loay hoay với thuốc, với chỗ đau một lúc, rồi nó mặc quần, gài khuy, thắt lưng. Nó lại cúi xuống bàn làm việc.

Anh cầm giận thằng Tây lai. Anh càng cầm giận con mụ dì của anh, nói rằng quan sếp phó tốt lắm. Tây nào không đều giả, thô bỉ. Tây nào không khinh An-nam. Tây nào trong bụng không coi An-nam như súc vật. Nhưng khổ cho anh, anh chỉ là thằng cu-li kéo quạt, lương tháng sáu đồng. Không nhần nhục mà sống bám vào nó thì đời. Còn nói gì đến trả thù?

Bỗng anh sức nghĩ ra. Anh trả thù

nó được. Anh phải trả thù nó. Đợi đến lúc Tu-nô xếp giấy má, sắp về, anh đến gần nó, nói:

– Thừa quan lớn, quan lớn bị bệnh này đã lâu mà con không biết. Con có cách chữa, cam đoan với quan lớn là khỏi được và khỏi ngay.

Tu-nô nhìn anh, cau mặt:

– Thuốc gì? Tao tốn nhiều tiền thuốc rồi, mà có biết không?

– Vâng, nếu thuốc không hay thì quan lớn mất bao nhiêu tiền cũng không khỏi. Mà thuốc hay thì mất ít cũng khỏi ngay.

– Thuốc mà là thuốc gì, thuốc tàu hay thuốc tây?

– Thuốc An-nam.

Anh Thừa vừa nói, vừa như hãnh diện. Nhưng thẳng Tây lai nhún vai, bĩu môi, hỏi:

– Thuốc An-nam?

Thấy nó tỏ vẻ khinh bỉ, anh đáp to cho nó sợ:

– Vâng, nhất định hay hơn cả thuốc tàu và thuốc tây.

– Màỵ nhạo tao? Sao màỵ dám chắc thế?

– Là vì trước kia ở Đồng Đăng, con đã bị như quan lớn và con đã uống thuốc ấy.

– Màỵ khỏi?

– Vâng.

– Khởi ngay?

– Vâng.

Thằng Tây cười mỉa mai:

– Thế thì lạ thật!

Anh Thừa nói bằng giọng tự ái:

– Vâng, quan lớn cứ thử dùng. Không lạ đâu.

– Mà biết thứ thuốc ấy?

– Vâng.

– Mất bao nhiêu tiền?

Anh Thừa suy nghĩ. Không phải để tính toán giá thuốc mà tính toán giá của

cái tội nó khinh anh.

Một lát, anh đáp:

– Độ một trăm bạc.

Thằng Tây lai ngồi yên. Có lẽ nó cũng tính toán. Nó gật gù:

– Một trăm? Không nhiều. Nếu khỏi.

Thấy nó bắt đầu xiêu lòng, anh Thừa quả quyết:

– Nhất định khỏi. Không khỏi, quan lớn đòi tiền lại.

– Được, mày lấy thuốc cho tao, mày cần gì?

– Con cần tiền và nghỉ vài ngày.

– Được. Mấy ngày? Đi xa hay gần?

Anh nói liền:

– Đi Đồng Đăng.

– Được, tao cho giấy, mày ngồi toa hạng ba. Năm ngày có đủ không?

– Đủ.

– Mày lấy bao nhiêu tiền?

– Thuốc không phải của con. Mà mua thì phải tiền ngay, đưa tất cả một lúc.

– Cả một trăm?

– Vâng.

– Được, tao đưa mày. Nếu khỏi, tao

không tiếc tiền. Tao phải vay ba tháng lương để chữa bệnh này rồi. Một trăm bạc không là mấy.

Nó đưa tiền cho anh Thừa. Anh sung sướng vì móc nối của thằng tự phụ một món tiền lớn. “Thằng ngu ngốc là thằng đáng khinh”. Anh nhìn nó như chửi vào mặt nó câu ấy, rồi chào nó. Bỗng nó gọi anh lại. Nó vẫy anh đứng gần, giờ ngón tay trở vào mặt anh:

– Tao cấm mày mách với ai là tao đã nói với mày bằng tiếng An-nam, nghe chưa?

Anh lộn ruột, lặng thinh, không đáp.

Hôm sau, anh Thừa nghỉ việc. Anh không phải lên tận Đồng Đăng mới kiếm được thuốc. Anh sắm quần áo tây cho

anh, và đôi khuyên vàng cho vợ anh. Hai người về nhà quê chơi.

Ngày hôm thứ năm, anh sửa soạn ra Hà Nội. Anh dặn vợ là nếu đẻ con trai, thì đặt tên là Mão. Nếu đẻ con gái, thì nói với ông nội đặt tên cho. Rồi anh cầm con dao, đến cây gạo đầu đình, lấy ra một mảnh vỏ, to hơn bàn tay, gói vào tờ giấy, để mang đi.

Thuốc chữa bệnh thiên trụ cho chủ anh chỉ có thế. Đáng lẽ cạo qua một lần muội ở vỏ, rồi rửa vài nhát, để đun với nước cho dễ ngấm, anh phải làm văn hoa hơn, để ngụy trang vị thuốc, bịt mắt thằng Tây lai. Anh băm vỏ gạo cho thật nhỏ, rồi nấu với thịt bò phi hành mỡ cho thơm, thành món xúp.

Anh hỏi Tu-nô ăn cơm tối vào lúc mấy giờ. Nó đáp:

– Tám giờ.

Đúng giờ ấy, thấy chủ đã ở trên gác, anh bung xúp lên. Khói bốc, tỏa một mùi thơm ngào ngạt.

Bất đồ, lúc anh vừa thò cổ lên gác, thì quan sếp phó của anh đương ngồi xồm ở gần thang, hì hục giã cái chày vào cái lon. Một mâm cơm bày trên bàn, có hai bát đũa, bày thon lớn một đĩa rau muống và một đĩa đậu phụ rim.

Tu-nô vội vàng đứng dậy để che cho khuất. Mặt nó đỏ gay. Nó quắc mắt nhìn anh. Chính anh cũng ngượng không kém gì nó. Anh vẫn tưởng nó ăn cơm tây, mới nấu cho nó món xúp thịt. Nào ngờ nó hốc rau muống, muối vùng, đậu phụ. Hèn nào nó không nuôi béo. Xúp của anh thật là vô duyên, vì nhớ tàu.

Tu-nô đỡ liễn thuốc bằng một tay.
Anh nói:

– Quan lớn xơi món xúp cho nóng.

Bất đồ, còn một tay, thằng Tây lại giơ
thăng cánh, tát anh đánh đốp.

– Ai cho phép mày tò mò lên đây! Tò
mò! Con lợn!

Bị đánh thành linh, anh đình tai, nẩy
đom đóm mắt, loạng choạng, khuyu ngã
lăn xuống, hàm răng vập vào cạnh bậc
lim. Máu chảy ra ngoài môi. Anh đau
điếng, định nói, thì thấy hơi thiếu thảo
khó thành tiếng. Anh sờ tay vào miệng.
Thì ra anh gãy cái răng nanh.

Thằng Tây lai vẫn không nguôi giận,
lại quát đuổi anh. Anh sợ, vội vàng chạy
xuống. Anh biết rằng bị đòn không phải

vì anh đã tò mò liếc nhìn vợ nó, mà chính là vì đã tò mò liếc nhìn mâm cơm nó ăn.

Hôm sau, buổi làm việc, anh không hỏi thăm bệnh nó ra sao. Nó cũng không hỏi thăm anh đau đớn ra sao.

Nhưng hôm sau nữa, Tu-nô gặp anh, nó cười hớn hở giơ tay ra bắt:

– Tao cảm ơn mày, thuốc của mày tốt lắm, ngon lắm, bùi lắm. Tao đi, không phải chống gậy. Bìu nhỏ lại nhiều và bớt đỏ nhiều. Mày lấy thuốc nữa cho tao.

“Tao còn phải trả thù!”. Nghĩ thế, anh đáp:

– Xin quan lớn một trăm bạc nữa.

– Thế trăm bạc trước được có ngần ấy thuốc thôi à?

– Vàng.

– Được, tao không tiếc.

Rồi ôn tồn, nó hỏi:

– Thuốc của mày hay thật, nhưng sao đắt tiền thế, mỗi lần phải mất những một trăm?

Thấy nó đã đau xót, anh Thừa hả giận, đáp:

– Vàng, thuốc hay thì tất đắt. Con không biết có những vị gì, chỉ thấy ông lang đưa thêm một gói mìn vàng. Ông ấy nói mìn nhỏ như bụi, sợ trộn ngay với thuốc thì rơi đi mất. Ông ấy gói riêng, giao tận tay cho con. Thuốc đắt tiền vì có vàng, ông ấy bảo vàng có tinh chất hút mủ thiên trụ.

Thằng Tây lai ngần ra suy nghĩ, rồi làm như hiểu, nó gật gật:

– Có lẽ.

Năm hôm sau, anh Thừa lại nấu xúp vò cây gạo cho chủ ăn. Lần này, anh không dại, để gãy thêm cái răng nữa. Anh đứng dưới sân, gọi bà đầm xuống mà bùng lên.

Con mụ lai lúc này mặc quần lụa trắng và áo cánh cộc tay. Hấn chạy xuống, hấn nhìn anh bằng con mắt hiền dịu, rồi lắc đầu, mỉm cười:

– Tội nghiệp anh.

Hấn giơ hai cánh tay trắng như bột để đỡ liễn xúp, nói nhẹ nhàng:

– Cảm ơn nhé.

Anh thấy hấn không kịp mặc quần thâm – quần trắng là thứ quần mặc ngủ – anh thấy da hấn trắng, ngực mông phây phẩy, mà rạo rức cả người. Anh nhìn theo hấn. Lúc sắp quành ra cửa trước, hấn quay lại anh, mỉm cười và khẽ gật đầu. Anh đánh bạo, cũng cười và gật đầu.

“Không trách thằng chồng nghi cũng phải!”. Nghĩ vậy, anh thở một cái dài. Hai hôm sau, Tu-nô khoe với anh:

– Tao khỏi rồi. Cảm ơn mày. Có phải uống thêm thuốc không?

– Tùy quan lớn. Muốn khỏi dứt thì cứ uống thêm.

– Mày mách cho tao chỗ lấy thuốc, để sau này, lỡ ra mày không làm ở đây,

thì tao nhờ người khác đi hộ.

Anh Thừa cho là bây giờ không cần giấu giếm chủ, mới khoe:

– Thuốc của con làm đấy.

Tu-nô tròn đôi mắt, giơ cả hai tay ôm lấy vai anh rung một hồi:

– Cảm ơn! Cảm ơn! Tốt! Tốt! Tốt!

Anh vui vẻ:

– Sở dĩ con nói dối là lên tận Đồng Đăng, vì con biết rằng nếu nói thật là thuốc của con, thì không bao giờ quan lớn tin là hay mà cho chữa.

Nó cười rất giòn, gật lia lịa:

– Đúng, đúng thế. Vì cái gì của An-

nam cũng tồi. Mà học môn thuốc ấy ở đâu?

Sực nhớ đến cái bằng làm thuốc của ông Sơ, anh đáp:

– Con học ở bên Tàu, đã có bằng.

– Tốt lắm. Cho tao xem bằng. Tao giúp mày không phải kéo quạt nữa.

Anh Thừa về nhà, lấy tấm bằng đưa cho Tu-nô xem. Nó nhìn một lát, rồi bĩu môi:

– Bằng này, tao biết, chùi dít không đáng. Tao đã ở bên Quảng Tây mãi. Tao thấy đĩa nào cũng có. Chính phủ này đã đổ từ hai năm nay rồi, mày có biết không? Lúc sắp đổ, nó đem bán rao ở khắp phố Quế Lâm.

Anh Thừa như bị kiến bò trong gáy.

Anh nhớ đến lời lẽ văn hoa trong thư người quan văn con buôn. Thế này thì chưa chắc người gửi thư đã là quan văn thật. Nó là một tên bịp bợm, một thứ thổ phỉ kiểu khác.

Thấy anh Thừa có vẻ nghi ngại, Tuấn hỏi:

– Mà mày có biết nhiều thuốc không?

Anh đáp:

– Nhiều.

– Có hay không?

– Hay.

– Thế thì mày đợi gì mà không mở

hiệu thuốc, lại làm cu-li cắt-kít một tháng sáu đồng. Tháng này, mày đã thu nổi hai trăm bạc lãi.

Được hả hê vì trả mỗi thù, anh Thừa cười sung sướng. Tu-nô tiếp:

– Mà thuốc mày hay thật, mày cần phải dựa gì vào tờ giấy giả dối này.

Một lát, bỗng nó nghiêm nét mặt:

– Thế thì tao biết. Mày không học thuốc ở bên Tàu ngày nào. Mày bịp tao. Thuốc của mày không có mìn vàng. Mày lấy không của tao hai trăm bạc! Đồ khốn nạn!

Rồi mặt thẳng Tây lai tía dần. Nó nhìn anh, chòng chọc nhìn anh. Bỗng nó quát:

– An-nam ăn cắp! Giống nòi nơ
bần! Cút đi kéo quạt!

Anh Thừa không ngờ cái nòi vô ơn
nó trở mặt như trở bàn tay. Anh sợ nó
đánh, vội vàng tránh xa nó.

– Từ tháng sau, sở chỉ cho mày ba
đồng lương. Không bằng lòng thì bước!
Tao khỏi rồi, không nóng nữa. Tao không
cần quạt!

4 MA-RI

Em khổ với nó mấy tháng trời đấy, mình ạ. Mình chữa nó khỏi, thật là phúc cho em. Bệnh hoạn như thế, mà nó có tha em đâu. Sau em sợ lây, phải lấy mồm thay. Cực hơn nữa, là độ ấy lâu ngày không biết đàn ông, em đứng trên gác, trông thấy mình ở dưới ngon quá, em ghét lạ!

– Ghét thế nào?

– Tại sao mình chỉ trò chuyện với vợ mình?

Anh Thừa nhếch mép cười, để lộ chiếc răng vàng óng ánh:

– Em sắp phò ạ...

– Không, gọi tên của em cơ!

– Thế thì gọi là gì?

– Là em Ma-ri của mình!

Nói đoạn Ma-ri lắc tay anh Thừa, nũng nịu hỏi:

– Thế hôm nay mình có trò chuyện với em không, hay cũng như cái hôm nào ấy?

Muốn cho tiểu thuyết này khỏi đứt quãng từ chỗ anh Thừa chấp tay thừa bầm với bà lớn sếp phó, đến chỗ anh say sưa “trò chuyện” với Ma-ri, ta nên quay ngược lại thời gian từ mấy tháng trước.

Tu-nô khỏi bệnh. Vài hôm sau, nó phải đưa một đoàn kỹ sư từ Pháp mới sang, vào Vinh nghiên cứu đoạn từ Vinh đến Đông Hà để đặt nốt quãng đường sắt cho liền Hà Nội – Đà Nẵng.

Được chủ đi vắng, anh Thừa lén nghỉ ở nhà. Anh nằm vắt tay lên trán, suy nghĩ đến đời anh. Anh như nhìn thấy trước mắt những bạn bồi bếp mới của anh, họ rùng rỉnh có tiền, thỉnh thoảng thết anh cốc xê-cầu. Anh nhớ lại thái độ và hành động của thằng Tây lai đối với anh. Không lẽ anh cứ làm cu-li kéo quạt suốt đời. Anh hối hận vì đã trót nói liều “thà

thằng Tây nó chửi, nó đánh còn không nhục bằng An-nam nó nói một câu”. Bực với ông Thìn thì anh tưởng thế. Chứ bây giờ anh mới rõ. Kẻ làm cho anh nhục là thằng Tây nó phát lương cho anh. Cái làm cho anh nhục, là cái nghèo không có tiền, phải chịu hèn đi làm đầy tớ. Cha anh ở làng vì nghèo, nên hèn, anh cũng phải khổ vì bị nhục lây. Cha anh ước ao anh được sang giàu. Ở đời này, có ai dám khinh người giàu. Nhưng anh làm gì để giàu, cho kẻ khác trọng? Cha anh muốn anh dẹp giặc để lập công. Nhưng anh nhát, sợ chết. Thằng Tu-nô khuyên anh làm thuốc, vì nó tưởng anh biết thuốc. Nhưng sự thực anh có biết gì đâu?

Anh Thừa vùng ngồi dậy, lấy tấm bảng nhận chẳng mở rộng ra trước mặt để ngắm. Anh đặt mỗi thuốc vào vào điều, châm lửa. Anh vừa hút, vừa chăm

chăm nhìn ba chữ tên của anh. Anh nghĩ đến lời khuyên của người tự xưng là văn quan. Hẳn nói đúng. Thời buổi này khó khăn thật. Anh không phải người ngu đần. Vậy anh có nên lợi dụng cái bằng vô giá trị này để xoay xở mà sống hay không?

Chợt ở buồng cạnh có tiếng hát véo von giọng sa mạc, làm anh dứt mối suy nghĩ.

Mấy lời moa xu-hết a-mua,

Xăng-tê thì cứ túa-dua phe-bông.

Anh lắng tai. Rõ ràng là tiếng bà sắp phó:

Ác-dăng giàu cẩm Đờ-mông,

Hon-nơ mắt-xốt cái ông Bảy xồm.

Anh tũm tũm cười một mình. Tiếng hát to hơn trước:

Đơ nu đơ phận phăm om,

Cu-xoong cái kiếp chồng Phăng-xe,

vợ A-na-mít, xăng tăng tí ti vài tháng,

mà ôm hận sâu!

[Xu-hết: chúc.

A-mua: tình yêu.

Xăng-tê: sức khỏe.

Túa-dua: luôn luôn.

Phe: làm.

Bồng: tốt.

Ác–dăng: tiền bạc.

Cầm: như.

Đờ–mông: Đờ Mông–pơ–da (De Mon-pezat) tên một đại địa chủ Pháp.

Hon–nơ: vinh dự.

Mắm–xốt: như.

Bảy xôm: tên toàn quyền có râu xôm. Tuy toàn quyền không có lon như quan binh, nhưng chức này to hơn quan binh đóng sáu lon (tướng), nên ta gọi là quan Bảy (bảy lon).

Đơ–nu: đôi ta.

Phăm–om: đàn bà, đàn ông.

Cu–xoong: con lợn.

Phăng-xe: người Pháp.

A-na-mít: người An-nam.

Xăng-tăng: trăm năm.]

Tiếng kim như rót vào tai. Anh Thừa sực nhớ đến hình ảnh người đầm lai trẻ này, trắng nõn, phây phây, đã một lần nhìn anh bằng con mắt dịu dàng, và cười với anh bằng cái miệng tươi tắn. Người ấy không xuống bếp bao giờ. Bây giờ chổng đi vắng, lại đến bên anh để hát, là có ý gì? Cô Bé Ty còn thế nữa là! Vậy có nên bắt lời không? Anh cố moi óc để nhớ cho đủ hai câu mà bây giờ anh quên biến đi mất. Hai câu ấy như hệ cảnh của anh và người ôm hận sâu, có bốn tiếng kín cổng cao tường. Giá mà anh nhớ hết, anh quyết hát trả lời. Nhưng anh nghĩ trái lại. Chẳng rõ là con mụ biết có người ở bên này, nên

hát trên, hay vì không biết có người nghe thấy, mà hát chơi một mình? Anh tưởng tượng đến bà chủ anh, lúc vào bàn giấy của chồng, qua mặt anh thì nhìn thẳng, đáp tiếng chào của anh, thì khẽ gật, và nếu có nói với anh, thì chỉ trống không. Anh vẫn trông trộm. Lần nào cũng vậy. Thôi, chớ có vuốt râu hùm mà oan gia! Anh bèn đăng hăng. Anh cho cách đánh tiếng bâng quơ này là khôn ngoan. Vì nó có hai ý nghĩa. Một là có tôi nghe đây, cứ hát đi. Hai là có tôi nghe đấy, đừng hát nữa.

Ai muốn hiểu thế nào, tùy ý.

– Anh Thừa có nhà đấy à?

Người đâm lại hỏi thế, rồi cười khanh khách một mình.

– Thưa vâng ạ.

Anh vừa nói xong, bỗng anh sững sốt. Ma-ri đã hiện ra trước cửa buồng anh, thoang thoảng mùi nước hoa và mùi phấn thơm phùng phức.

Từ thuở bé, chưa bao giờ mắt anh được trông thấy một thứ tươi đẹp và kêu gọi như thế này. Không khác ảnh Mê-li-a một tí nào, mà lại là người thật! Tấm mình cá trê ấy mặc bộ đồ ngủ bằng nhiều tây, đen nhánh. Áo may chét vào lườn, hở cổ, hở cánh tay, trắng nõn. Quần may chét vào mông, không hở chỗ nào, nhưng hình như chỗ nào là không hở. Tóc không búi, lò xòa rũ xuống hai vai. Trông y như người vừa mới năm dậy, hoặc sắp đi nằm.

Anh Thừa như lạc trí, không biết hai tay nên làm cái cử chỉ gì cho đúng việc của nó lúc này. Giá phải là Múi hay Châu trên Đồng Đăng nhỉ! Nhưng đây là bà vợ ông chủ. Anh luống cuống, cuốn cái bằng lại. Nhưng Ma-ri xông đến, giật lấy, mở ra xem.

– Cái gì thế này?

Anh toan giật lại, cho hai tay đụng chạm vào nhau, để tiến từ cái đụng chạm nhỏ và nhanh dần sang cái đụng chạm lớn và lâu hơn. Nhưng anh không dám.

– Thừa, cái bằng làm thuốc của tôi ạ.

Chưa dám tiến bằng cử chỉ, thì anh tiến bằng lời nói. Anh đã không dùng tiếng bẩm bà lớn và không xưng là con.

Lúc này, không phải lúc nên tự hạ. Biết đâu, cô đầm lai lại chẳng muốn nâng anh lên ngang hàng!

Ma-ri đứng yên mấy phút như để chờ đợi một cái gì. Anh cũng đứng yên để chờ đợi một dịp mà tiến. Ma-ri nhìn anh. Anh cũng nhìn Ma-ri. Tình trong như đã. Nhưng không ai khơi ngòi. Ma-ri mới hỏi thăm anh về gia đình. Thấy anh đáp là vợ anh về quê để đẻ, anh ở một mình, hắc cười:

– Thế thì buồn nhỉ!

Rồi hấn nói hết chuyện nọ đến chuyện kia. Anh cũng khoe những điều anh biết, để tỏ ra mình là thạo đời.

Sau hết, Ma-ri thở dài, chào anh, rồi đi ra. Nhưng đến cửa, bỗng hấn quay lại:

– À, anh Thừa! Tôi sức nhớ ra điều này. Phải thì anh nghe. Không phải thì anh bỏ ngoài tai nhé.

– Vâng.

Đôi mắt anh đắm đuối nhìn hẳn.

– Chẳng giấu gì anh, tôi chơi một bát họ một nghìn. Mỗi tháng đóng bốn chục. Hôm nay là ngày nhà cái đến thu, nhưng hôm qua tôi quên khuấy đi mất, không bảo ông ấy để tiền ở nhà. Anh vừa mới có hai trăm, chắc chưa tiêu hết, anh cho tôi giạt lửa bốn chục, vài hôm nữa ông ấy về, tôi sẽ trả anh, có được không?

Máu sĩ diện làm anh Thừa đáp nhanh nhẩu:

– Tưởng bao nhiêu, chứ bốn chục có là mấy. Bao giờ bà cho lại cũng được.

Anh mở hòm, đếm tiền.

Trong khi chờ, Ma-ri lại véo von khê:

– Đơ nu đơ phận phăm om.

Cu-xoong cái kiếp chồng Phăng-xe,

vợ A-na-mít, xằng-tằng tí ti vài
tháng mà ôm hận sầu.

Hát xong, hắc cười ngặt nghèo. Rồi
thêm:

– Vợ mê-tít [người lai] mới đúng,
anh nhỉ!

Hắc nhắc đi nhắc lại:

– Mê-tít, mê-tít! Anh hiểu không?

Anh Thừa gật gật:

– Vâng, vâng tôi hiểu, tôi hiểu.

Nhưng hình như người đâm lai thấy anh chẳng hiểu gì cả. Hắn giơ tay:

– Thôi, cảm ơn anh nhé.

Anh nắm vào tay hắn. Nóng hôi hổi, hay mát rười rượi? Hắn cầm tay anh thật chặt, rung mấy cái, rồi buông ra, vừa túm tùm, vừa thông thả lắc đầu:

– Còn nhút nhát lắm!

Nói đoạn hắn đi.

Anh Thừa đứng một mình, bâng khuâng. Rõ ràng là người tiếc món ăn ngon kể đến tận miệng mà không biết ăn.

Một lúc, lại hôn, anh thở dài. Anh

nằm sòng soài trên giường, ôn lại cái phút thần tiên vừa qua. Thật là đồng tiền của anh làm anh được hưởng cảnh sung sướng.

Bốn hôm sau, Tu-nô về. Anh Thừa lại đi làm việc. Đến gần cuối buổi, nó gọi anh, hất hàm hỏi:

– Thế nào, mày muốn lĩnh lương ba đồng hay sáu đồng?

Anh cười cười:

– Xin quan lớn sáu đồng.

– Được, sáu đồng, nhưng mà...

Nó im để nhìn anh, rồi cũng cười cười, nó nói nhỏ:

– Mày bảo vợ mày đến với tao.

Anh Thừa tức điên ruột. Anh không
lẽ phép nữa:

– Tôi không làm thế.

Nó nhún vai, mắng:

– Dại như chó!

Anh im lặng. Nó cũng im lặng. Bỗng
nó trừng trừng vào mặt anh:

– À, vợ mày về quê. Mày sống một
mình ở đây. Thế thì mấy hôm tao đi
vắng, thế nào mày cũng ngủ với vợ tao!
Đồ khốn nạn!

Nói xong nó hầm hầm cầm cái thước
kẻ cạnh đồng, vụt túi bụi vào mặt anh:

– Bước! Bước! Mày không được ở
trong sở này một phút!

Anh Thừa vừa giơ hai tay ra đỡ đòn, vừa chạy. Nó đuổi theo anh đến tận hành lang, rồi vào, đóng sầm cửa lại.

Bị đòn oan, anh tức quá. Anh biết không thể làm với cái thằng có máu điên này mãi được. Phải bỏ việc thôi, về chỗ ở, anh dọn dẹp đồ đạc vào hòm. Anh nhớ đến món tiền con mụ vay anh. Phải lên gác để đòi. Nhưng suy đi tính lại, anh không dám đến với vợ nó, trong lúc vắng nó. Máu ghen nó lại nổi lên, thì nó bắn anh chứ không tha. Vả lại, dù là đòi nợ thì việc ấy cũng đủ làm tang chứng rằng anh đã gặp riêng vợ nó. Anh nghĩ lại. Không biết thật vợ nó vay anh, hay chính nó xui vợ nó làm thế, để rồi sinh sự đuổi anh, quyt nợ. Anh muốn sự thực là nó lừa anh, để được đồ cho nó là thằng ăn cắp. Nó bảo anh là ăn cắp. Nhưng chính nó mới là thằng ăn cắp. Đã vậy, anh không

thèm đòi nợ, để khắc sâu vào trong lòng, tin rằng lũ Tây là đồ ăn cắp.

Ngay tối hôm đó, anh khên hòm, rời khỏi bếp nhà thằng Tu-nô.

Anh không thèm cầu cứu dì anh. Anh biết những hạng làm dĩ với Tây chỉ béo lẻo cái mồm, chứ không giúp đáp được gì. Nói với chúng, chỉ tổ phí lời, còn làm cho chúng lên mặt được.

* * *

Muốn giữ kín tiếng bị đuổi, anh Thừa vẫn ở lại Hà Nội đến trọ ở một quán cơm trước cửa ga, tên là Đông Phương khách sạn. Vì thấy nhà Đông Phương ế hàng, anh mặc cả với chủ là nếu anh giới thiệu được khách, thì chủ trả cho

anh mười phần trăm hoa hồng. Việc này kiếm ăn được. Vì tất cả các chuyến xe lửa từ Na Sầm, Lao Cai, Hải Phòng, Vinh tới ga, hoặc các chuyến tàu thủy từ Tuyên Quang, Chợ Bờ, Nam Định, Hải Phòng... tới bến, anh đều có mặt và mời được người đến đây để trọ.

Cũng vì làm nghề chào khách cho hàng cơm, mà một hôm anh gặp Múi trên chuyến xe lửa Na Sầm về. Anh không thể tránh mặt người mà anh muốn phụ. Trái lại, Múi rất mừng rỡ, nói rằng định xuôi tìm anh, đương chưa biết hỏi thăm thế nào, thì trời dun đủ anh đi đón.

Anh đưa Múi về Đông Phương, nói dối chủ nhà là vợ. Múi kể rằng bây giờ bụng to rồi, mà ở Đồng Đăng dư luận xôn xao đã đến tai ông bà đội. Cha mẹ Múi dỗ dành Múi xem Múi đã trót đại

với ai. Múi phải thú thật, ông bà mới cho Múi xuống Hà Nội tìm anh, để khuyên anh nên cưới xin tử tế, che mắt thế gian. Không những ông bà cho không người, mà tốn kém bao nhiêu tiền, nếu anh không lo nổi, ông bà cũng cho hết.

Anh Thừa rất khó nghĩ. Anh chưa biết nói với Múi thế nào cho ổn thỏa. Vợ anh mới đẻ con trai. Chắc ít lâu nữa, chị sẽ bế con ra ở với anh. Nếu anh lấy Múi nữa, thì tất là không thể được. đành rằng anh không phải nuôi Múi, mà chắc chắn là Múi có của, còn bù đắp cho anh nhiều, nhưng mà...

– Được, mợ đừng lo.

Múi lau nước mắt:

– Sao cậu lại bảo em đừng lo. Em

không lo sao được? Cậu ở Đồng Đăng đổi về Hà Nội, cậu có chào hỏi, thăm dò em một nửa lời nào không? Rõ ràng là cậu trốn em. Rồi từ ngày ấy đến giờ, cậu có thư từ giấy má lên hỏi thăm em sống chết thế nào không? Bây giờ em bàn với cậu tính toán cho em, cậu nghe thấy mẹ em làm cái cách giữ cho vuông tròn tiếng tăm, thì cậu im, mãi mới nói: “Được, mợ đừng lo”. Đấy, xem thế, thì cậu bảo em không lo sao được. Nếu thật cậu định bụng bỏ em, thì em nhờ cậu kiếm cho em một chỗ ở Hà Nội. Để tạm lánh Đồng Đăng, cho đến ngày đẻ xong, em sẽ liệu. Chứ em không có chống mà chữa hoang, ai chịu cái nhục ấy cho em?

Múi lại rưng rức khóc.

Anh Thừa để tay lên vai Múi, an ủi:

– Đàn ông chúng anh không hay nói ra miệng, nhưng nghĩ trong óc thì nhiều, ông bà có lòng tốt như thế, thế nào anh chả xin vâng. Sở dĩ anh chưa nói gì, vì anh còn đương tính toán xem đôi ta làm cách nào để hưởng cho hoàn toàn hạnh phúc. Mợ hiểu chưa? Còn cái việc trước kia, sở dĩ anh dối về Hà Nội mà không cho mợ biết, là không phải lỗi ở anh. Dù sao thì anh cũng đã có vợ. Còn mợ thì còn cha mẹ. Vợ anh nó cấm anh đến với mợ, ông bà cũng ngăn không cho anh gặp mợ. Vị chi anh như con chạch bỏ giỏ cua, mang tiếng oan là thằng trai sở Khanh mà không than thở với ai được.

Múi sứt sứt, không đáp. Anh Thừa tiếp:

– Thôi, em đừng khóc mãi. Cứ tin anh. Một lời anh đã hứa là bất di bất dịch.

Anh hứa là chúng ta sẽ gây hạnh phúc cho nhau. Mai mợ về nhà nói với ông bà là đã gặp anh và bàn bạc xong công việc rồi. Mợ xin ông bà giúp anh lo cưới, và cho chút ít để mợ làm vốn. Cái đó tùy bụng ông bà, thương con nhiều thì con được nhiều, và giữ được tiếng với thế gian, mà thương con ít, anh cũng không dám oán thán.

– Nhưng cưới xong cậu định cho em ở đâu?

– Đã là vợ chồng thì ở với nhau một nhà, chứ ở đâu. Còn con mụ mặt sắt đến xương, anh sẽ bắt nó ở nhà quê nuôi con.

– Nhưng liệu nó có chịu không?

– Mợ tin ở tài anh.

Múi vẫn nói giọng đay nghiến:

– Phải, em tin tài cậu, tán cứ ngọt xốt, cho nên em mới nhờ nhàng thế này. Em chỉ sợ cậu lạy van nó không nổi, lại làm em nhờ nhàng thêm.

Anh Thừa cương quyết:

– Đối với nó, bảo tử tế mà không chuyển, thì đã có roi vọt. Hẳn mợ đã biết là vì mợ, nó bị bao nhiêu trận đòn nên thân rồi.

Múi cười, âu yếm nhìn anh.

* * *

Do cái nghề kiếm ăn bằng quảng cáo, anh Thừa biết thêm được một nghề mới nữa, hợp với khả năng của anh hơn. Đó là nghề diễn thuyết để bán thuốc. Trước

giờ một chuyến xe lửa chuyển bánh, trước giờ một chuyến tàu thủy nhổ neo, trong khi xe điện đợi nhau ở chỗ đường tránh, hoặc lợi dụng chỗ đông người, như trong chợ, trước cửa rạp hát, rạp chiếu bóng, người bán hàng chỉ việc đọc thuộc lòng bài quảng cáo, đọc cho rõ ràng, dõng dạc, trơn tru, thế là bán nổi một ít thuốc. Anh Thừa làm thêm nghề này. Anh đặt hàng hơn bạn đồng nghiệp, vì anh khôn ngoan. Anh biết nhấn mạnh lời, khi kể đến những biến chứng của bệnh, khiến người nghe phải chú ý, và biết bịa thêm công hiệu của thứ thuốc mà anh bán. Trong bài quảng cáo, hiệu thuốc đã hoàn tán vào đó nhiều chất nói phét. Nhưng anh cho là chưa đủ liều. Anh đã rút được nhiều kinh nghiệm trong nghề. Khi diễn thuyết, anh để ý nhìn mọi người. Ai nghe hờ hững thì anh mặc. Nhưng ai mà nhìn anh, anh

biết là người ấy lắng tai. Hẳn người ấy có bệnh, hoặc quen người có bệnh mà anh đương quảng cáo thuốc. Thế là anh chỉ quay lại nói với những người ấy. Trong lúc này, anh còn tùy nét mặt của họ mà tăng vào lời thêm nhiều chất dọa dẫm để khủng bố và thêm nhiều chất nói phét để làm họ ngã lòng.

* * *

Một lần anh Thừa bị sốt rét ba hôm liền. Anh đã thử uống mấy thứ thuốc mà anh vẫn quảng cáo là công hiệu. Nhưng chẳng ăn thua gì. Thế là đã tiêu hết lãi, anh lại ăn vào vốn. Bữa chiều qua anh chưa trả ông chủ tiền cơm. Bữa sáng nay, tất ông không cho chịu. Bây giờ nhóc nhách được, anh phải đi bán thuốc để kiếm tiền

ngay. Nhưng từ sáng đến giờ, anh bị ế hàng. Anh lo quá. Không còn một xu dính túi! Đành phải nhịn đói mất! Anh lang thang đi. Thì tình cờ, đến đầu phố Hàng Khay, anh gặp một người làng anh, tên là Xi, đang lững thững dắt một cái xe cao su nhà. Anh Thừa và anh Xi vốn là đôi bạn thân và cùng một cảnh gia đình, nên gặp nhau thì mừng lắm. Hai người rủ nhau đến ngồi trên chiếc ghế đá, trước cửa hiệu Gô-đa, kể thật công việc làm ăn của mình cho nhau nghe. Anh Xi nói:

– Tớ trốn đi chào mào, cho nên tớ ra đây, kéo xe cho cái ĩnh con, cơm nuôi, một năm hai bộ quần áo.

Anh Thừa cau mặt:

– Tội đêch gì mà đi ở không công, để nó tưởng mình đói, nó khinh cho. Đàng ấy khỏe, nên kiếm việc khác mà làm.

Anh Xi cười:

– Nếu không có lợi khác thì tớ không làm đâu. Nói về việc kéo nó, thì mỗi ngày tớ chỉ mất độ một giờ, đi thông thả ở các phố tây. Tớ hiểu là nó đi rấm rẫn nhân tình để phòng khi chồng nó bỏ. Còn cả ngày, tớ chỉ chơi. Vì nó giao cho tớ phải giữ xe cẩn thận, cho nên tớ bảo nó để tớ mang xe về nhà tớ trọ. Thế là tớ tự do làm chủ cái xe này. Ngoài giờ phải kéo nó, tớ cho thuê. Ai thuê xe không, hay thuê cả tớ kéo, tớ cũng đi.

Anh Thừa trố mắt nhìn bạn:

– Xe nhà cũng có người thuê?

– Vô khối. Này, muốn sang trọng, khi đám cưới, cô dâu phải ngồi xe nhà nhé. Đám ma, ông sư phải ngồi xe nhà nhé.

Vả lại, ở Hà Nội còn vô số thằng muốn lòn ta giàu, ta sang, có xe nhà đây. Thì nó thuê của tớ. Chẳng ngày nào tớ không có khách. Tớ phát tài rồi, cho nên chả nghĩ đến đòi công.

Nhìn thấy khách qua lại tấp nập, Việt Nam, Hoa Kiều, Tây, đầm, người nào cũng ăn mặc sang trọng, có người đỗ ô tô ở đầu phố, để đi bộ vào các cửa hiệu sắm hàng. Anh Thừa trở tay, nói với anh Xi:

– Trông ngựa mắt chưa! Ở nhà quê có cái ngựa mắt ở nhà quê, ở tỉnh có cái ngựa mắt ở tỉnh. Thằng nghèo như chúng mình, ở đâu cũng khổ, chịu bất nạt đủ cách.

Anh Xi tặc lưỡi:

– Chà! Chỉ hào nhoáng bề ngoài chứ túi rỗng tuếch đấy. Tớ biết hết. Con Ĩnh con cũng vậy, lắm tối thua bạc, tớ biết là hết cả tiền, thế mà hôm sau đi diện phố, vẫn ỡng ẹo cái ví bẹp cặp ở nách.

– Hà Nội vẫn tin cái hào nhoáng bề ngoài. Ngay như tớ, tớ cũng phải bóp bụng mà sắm quần áo, để lúc cần thì thẳng bộ vào, trông ra phết công tử. Chẳng thẳng chó nào dám khinh.

Anh Xi cười. Một lát, anh Thừa hỏi:

– Nó đánh bạc?

– Phải, cái giống ấy, vô công rồi nghề, nên hay làm hai việc. Một là đánh chắn. Hai là đi lễ. Thỉnh thoảng, thằng Phi-lô-mát đi vắng xa, con Ĩnh con lại vào sông, định ăn to kia.

– Hà Nội cũng có sông?

Anh Xi gật đầu:

– Thiếu giống! Có một lần, tớ theo nó vào để xem.

– Xem chứ không đánh à?

Anh Xi lắc đầu:

– Chịu! Mình quê mùa, dứng vào đó mà mê thì chết! Nhưng ngất lên về cửa, đằng ấy ạ. Trên chiếu, trắng xóa những bạc. Dứng nhìn, có lúc mình ngửa ngáy, giá không kiên gan, không chịu được.

Anh Thừa cười:

– Tớ cũng máu mê. Nghe đằng ấy nói, tớ cũng ngửa ngáy rồi. Chỉ còn có cách đánh bạc, mới kiếm nhanh được nhiều

tiền. Lúc nào đảng ấy đưa đảng này đi nhé.

Anh Xi lắc đầu:

– Đảng này không biết hiệu gọi cửa. Phải gọi đúng thì sòng mới mở cho vào. Để lần nào tớ kéo cái ĩnh con đi sòng, tớ mẫy cho đảng ấy theo.

Anh Thừa thở dài:

– Ước ao vậy, chứ đảng này làm gì có tiền.

Anh than thở với anh Xi, nói thật tình cảnh hiện tại, vừa mới ốm khỏi, còn yếu, mà vẫn phải đi bán hàng, nhưng mà có thể phải nhịn đói sáng nay. Anh Xi thương hại, nhanh nhẩu móc túi lấy ra vừa xu, vừa chinh, đếm vừa đủ hai hào:

– Không may cho đảng ấy, tớ vừa gửi tiền về nhà hôm qua. Còn có ngân này để diêm thuốc, đảng ấy cầm lấy mà tiêu, rồi về nhà mà nghỉ, kéo ồm nũa thì khốn.

Anh Thừa cảm động.

– Đảng ấy ăn bằng gì?

– Kệ tớ. Tớ còn gạo. Ngày kia tớ lại có độ dăm hào. Đảng ấy có cần, tớ giúp.

Anh Thừa mỉm cười như mếu, tay run run, bỏ món tiền vào túi.

* * *

Múi về Hà Nội, cô đánh dây thép trước cho anh Thừa biết. Đúng giờ xe lửa đến, anh Thừa diện quần áo tây, ra đón ở ga.

Hôm ấy, Múi chít khăn nhưng màu nâu, kiểu vành dây, chải tóc rất công phu. Món ở đường ngôi tụt xuống nửa trán, che lấp thái dương và tai. Món ở gáy, xòe ra như lưỡi trai. Trong lần áo sa tây mỏng, óng ánh màu hoa lý của cái áo dài lụa. Trong lần áo dài lụa hoa lý, có bóng ra hai giọt thắt lưng hoa đào, thông xuống gần đến gấu áo. Dưới hai ống quần lĩnh, tuy buông chùng đến gót, nhưng vẫn hở đôi chân đi bít tất trắng, và đôi mũi giày dát cườm.

Múi đưa va li cho anh Thừa xách, và tuy mặt trời đã lặn, Múi cũng lấy kính đen ra để đeo, và giương ô lục soạn cánh trả ra để che.

Hai anh chị mới tập ăn mặc, đi song song với nhau, trông như đôi uyên ương bằng gỗ.

Anh Thừa không dẫn Múi đến nhà trọ Đông Phương như lần trước. Ở đây, chỗ ăn chỗ nằm luộm thuộm lắm. Bây giờ anh có tiền, và chắc Múi cũng nhiều tiền, nên anh thuê buồng nhà tắm Đồng Lợi, ở phố Hàng Lọng. Buồng số tám, trên gác, rất xinh, cửa mở ra phố, có cây cao, lá um tùm, thẳng vút.

Múi ngắm cái giường lò xo trải đệm trắng muốt, ngắm cái tủ có chiếc gương to soi rất thật mặt, thì vui thích lắm. Muốn Múi tận hưởng cảnh sung sướng của Hà thành hoa lệ, anh Thừa bắt đầu bằng việc đưa tình nhân lên Bách thú, về nhà Gò-đa, rồi đến Hàng Buồm, ăn ở hiệu cao lầu Đông Hưng viên. Qua Hàng Bông, anh không quên bảo Múi vào hiệu Mỹ Chương, chụp tấm ảnh làm kỷ niệm.

Trong giờ phút được nếm những vị ngon lành, Múi không giấu giếm người mà trước kia Múi cho là bạc tình. Múi khoe rằng bố chỉ cho một trăm, nhưng mẹ thấy ít, thương con, giúi cho trăm nữa. Song, Múi vẫn chưa vừa lòng. Nhân lúc bố mẹ ngủ say, Múi lẻn vào buồng, cạy hòm, lấy thêm được một trăm bạc. Cộng với hai trăm vốn riêng, thế là Múi có tất cả năm trăm. Múi muốn sắm giường lò xo, tủ gương, như cửa sầm Đồng Lợi, bàn đá xoay, ghế gụ, như cửa hiệu Đông Hưng viên. Múi toan đưa tiền cho người yêu đi đặt mua ngay, nhưng hiện giờ không đem theo, vì món tiền ấy cất trong va li, để lại ở buồng nhà sầm. Thừa trợn mắt:

– Chết! Bản mệnh đấy. Đi đâu phải giắt trong mình. Để ở nơi tứ chiếng, lỡ mất, không bắt đền ai được.

Vì vậy, hai người ăn xong, phải vội vàng về ngay nhà tắm, Múi kiểm lại đồ đạc, tiền nong. Không suy suyển gì. Anh Thừa muốn Múi được dự cuộc vui buổi tối:

– Mợ xem tuồng, xem chèo, hay xem chiếu bóng, để anh đi lấy vé trước?

Múi thích quá:

– Gì cũng xem một lần cho biết. Phải lấy vé trước kia à?

– Không thì hết vé. Mợ xem tuồng nhé.

Múi gật. Anh Thừa chải lại tóc:

– Anh đi một mình. Anh về ngay. Mợ có mệt thì nằm nghỉ. Tối nay còn

phải thức nhiều đấy nhé. Giao hẹn trước thế!

Múi liếc anh, rồi khẽ tát vào má:

– Khỉ.

Múi cởi áo, lên giường, ngả lưng xuống, dún dún mấy cái, để xem lò xo bập bênh.

Anh Thừa đứng trước gương, đương thắt ca vát. Bỗng Múi hỏi:

– Cậu đi có lâu không? Em sợ ở đây một mình thì buồn, lờ thiu thiu ngủ, rồi kẻ gian vào, nó lấy trộm hết. Hay là cậu giữ tiền nhé. Nhân tiện cậu qua các hàng, xem ở đâu bán giường, tủ, bàn ghế đẹp, thì đặt mua. Rồi còn phải sắm từ cái chổi, cái rế, cái đan, nhiều thứ lắm, cậu ạ.

Múi mò va li, lấy cuộn giấy bạc đưa cho chồng sắp cưới, thỏ thẻ nói:

– Cửa em là cửa cậu, cửa cậu là của em. Tiền này là của đôi ta.

Anh Thừa cảm động, kể môi vào má Múi, hít hít một hơi dài. Múi sung sướng, ngực phồng lên rồi dẹp dần xuống.

Anh Thừa đến rạp Thăng Ý ở Hàng Quạt, lấy hai cái vé hạng nhất, rồi sang Hàng Đàn, xem đồ gỗ.

Về đến đầu phố Hàng Lọng, chợt anh gặp anh Xi. Anh Xi đặt xe bên đường, đứng sát vào tai bạn, nói nhỏ:

– Thăng Phi-lô-mát đi vắng tối nay, cái ĩnh con đến sòng, đằng ấy có muốn làm giàu thì theo tớ.

Đèn phố bật sáng. Mắt anh Thừa cũng sáng ngời. Nhưng trong khoảnh khắc, anh lơ đãng nhìn xuống, căn môi. Anh Xi hỏi:

– Nghĩ gì? Không đi à? Tớ vội đến đón cái ĩnh con đây. Đằng ấy có đi thì cứ đợi trước ở đầu Ngõ Gạch.

Anh Thừa lững thững về phía nhà tắm. Đến nơi, anh ngược nhìn lên gác, chỗ cánh cửa chớp buông số tám. Bỗng anh tặc lưỡi một cái. Anh đã quyết định, anh thuê xe đến Ngõ Gạch. Đánh một lát thôi. Anh có về muộn thì tối mai đi xem hát cũng được.

Anh chờ ở đầu phố một lúc thì gặp dì anh. Người vợ Tây thấy anh ăn mặc sang trọng thì ngạc nhiên. Hắn hỏi thăm anh bây giờ làm ở đâu, lương bao nhiêu.

Anh giấu chuyện bán thuốc, nói khoác là làm thuốc. Anh xin hẩn cho theo vào sòng. Hẩn bằng lòng.

Sòng bạc lúc ấy chưa đông. Người chủ mời các khách ngồi chơi. Anh muốn uống cà phê, chè đường, rượu bia, hay nước chanh, tùy ý mà gọi. Vợ Phi-lô-mát làm ra thạo, giảng cho anh:

– Cứ uống tự do, không mất tiền đâu.

Rồi hẩn nói chuyện với người chủ sòng.

Anh Thừa lặng im, vừa ngắm xung quanh, vừa uống, vừa nghe, và vừa nghĩ đến Múi.

Vợ Phi-lô-mát nói:

– Nghe đầu độ này họ rình sòng ông cả Vệ dữ lắm, cho nên ít người dám đến.

Người chủ đáp:

– Chà! Rình để làm tiền. Có tiền là yên hết.

– Không, sao bảo lão chánh mật thám này nghiêm, nó ghét đánh bạc lắm mà?

– Nó ghét đánh bạc thật, nhưng nó có đi bắt bạc đâu. Nó sai người khác. Người nào trong Sở mật thám không là người đã được chúng tôi đấm mõm?

– Tôi nghe nói độ này ngày nào báo cũng đăng tin. Một xâu dài.

– Xâu ở đâu, chứ xâu nào ở nhà này ra. Đây là những sòng làm ăn không cần

thận, canh phòng hớ hênh, cứ mở cửa bừa cho khách không quen cũng vào, mà còn không cho tụi họ ăn, thì tránh sao khỏi bị bắt. Chơi ở sông này, được chắc chắn nhất. Chúng tôi có tay trong cả trên Thống sứ.

Vợ Phi-lô-mát gật gật để chứng thực lời nói của người chủ sông. Nhưng nghe người ấy, anh Thừa sự nhớ đến lúc anh đi bán thuốc rong. Người chủ sông tiếp:

– Lão chánh mật thám này nghiêm thật. Bà nói đúng. Lão ấy muốn trị sông bạc, nhưng chúng tôi có cách đối lại.

Người vợ Tây tròn mắt:

– Đối lại?

– Vâng. Chúng tôi đẩy lão ấy đi. Và muốn cho lão ấy thú về việc phải đi này,

chúng tôi đã góp nhau, bỏ tiền ra vận động cho lão ấy thăng chức Sở mật thám Bắc Kỳ. Lão Mát-xa-ma thay lão ấy ở Hà Nội. Mát-xa-ma thì tốt lắm. Rồi sòng bạc, tiệm hút, nhà thổ lậu tha hồ mọc lên như nấm. Các ông các bà đọc báo mà xem, chỉ trong tuần lễ này, thế nào cũng đăng việc thay đổi những tay chớp bu Sở mật thám ở mục Đại hiến thuyên chuyển.

Tất cả các con bạc nhận được tin hay thì ồn ào khen người chủ sòng, và mừng cho nhau.

Độ mười lăm phút sau, khách đến đã đông. Tiếng bốn đồng tiền giấy xóc trong bát bắt đầu rung rền lên ba cái thái bình. Khách quen, tìm chỗ cũ để ngồi.

Anh Thừa bỡ ngỡ, đứng bên cạnh người cái.

Anh Thừa nghe từng tiếng bạc. Anh rút những bài học cũ trong sông trên Đồng Đăng. Lần này, anh cẩn thận hơn. Tuy trong túi anh có vốn trường thật, nhưng nó là hạnh phúc một đời của Múi. Vì vậy anh theo nhà đở và khi dò đích xác tiếng nào chẵn, tiếng nào lẻ, anh mới dám đánh. Qua sáu tiếng, anh được một trăm.

Anh muốn ăn non, đi về, kéo Múi đợi. Nhưng lệ bảo mật không cho ai được ra khỏi sông giữa chừng. Đó là một kế để không cho ai mang nổi tiền được về nhà. Và cũng để bắt kẻ máu mê còn vốn liếng trong túi bao nhiêu, phải dốc ra cho nhẵn nhụi. Nhưng anh Thừa nhất định gan. Anh ngồi xem thôi, không đánh nữa. Có những tiếng bạc, nhà cái bán hàng nghìn, anh đoán mười mười là mà ra thế nào cũng ăn. Nhưng anh khô-

ng đánh. Và đúng như thế thật. Anh mê mải theo dõi chiếu bạc. Đã có người kêu mất một bè gỗ. Đã có người kêu mất nửa cái nhà phố Hàng Đào.

Mà sòng bạc chỉ cốt lấy hồ, cho nên bao giờ một tiếng bạc, nhà cái cũng tính bên chẵn bên lẻ cân nhau, để lấy tiền bên thua giam cho bên được. Nếu lẻ hoặc chẵn nặng hơn nhau bao nhiêu, thì bán bớt đi. Ai muốn đặt, nghĩa là muốn mua, có tiền chồng kiến tại, thì mở bát.

Bỗng có tiếng nói:

– Bà đầm u-ve, moa mắng-dê dít biết⁸.

Anh Thừa ngẩng lên nhìn xem bà đầm nào mà biết đánh xóc đĩa. Trước

⁸ Bà mở, tôi ăn với bà mười đồng. Nghĩa là góp chung vốn để đặt tiếng bạc bán.

anh còn ngờ. Sau, nhìn kỹ, anh nhận ra đích xác: bà lớn sếp phó của anh. Con mẹ Tu-nô! Vợ Tu-nô dang rộng hai cánh tay, ra vẻ thất vọng, lắc đầu, trả lời:

– Nông. Pec-đuy tú, phi-ní tú⁹.

“Mày không quýt nổi của ông bốn chục nữa”. Anh nghĩ thế. Anh đứng dậy, đến gần hấn và chào hấn. Không phải anh cần lễ phép với bà chủ cũ, nhưng anh chỉ cốt báo cho hấn biết tin là hấn không thoát được việc trả nợ anh.

Ma-ri nhận ra anh. Hấn mỉm cười giơ tay ra bắt. Hơi hấn truyền vào người anh. Anh như bị thôi miên. Thế là anh hết cả giận. “Nó không có lỗi, chồng nó mới có tội”. Nghĩ vậy, anh thấy được nhẹ nhõm. Mặt đỏ nhừ, Ma-ri hỏi thăm anh công việc làm ăn, rồi lắc đầu:

⁹ Không, thua mãi rồi, hết tiền rồi.

– Thua mãi. Anh thế nào?

Được dịp sĩ diện, anh khoe anh làm thuốc, rồi móc túi lấy cuộn giấy sáu trăm bạc ra cho Ma-ri nhìn. Ma-ri gật gật, như mừng cho anh.

Ma-ri đánh cò con ba tiếng nữa, cũng đều thua liền. Luôn luôn hấn lấy mũi soa vỗ vào trán, vào mũi, vào má. Mặt hấn chín tím. Hấn đánh tiếng thứ tư. Cũng lại thua. Bỗng hấn quay ngoắt về phía anh:

– Ra đây tôi bảo.

Ma-ri đưa anh đến chỗ uống nước, gọi lấy cà phê.

Hai người ngồi đối diện nhau. Ma-ri yên lặng cho tỉnh trí một lúc, rồi móc ví,

lấy hai tờ giấy hai chục, mỉm cười, đưa anh:

– Đây là tiền của anh. Tôi đánh nữa thì thua hết. Hôm nọ tôi thử bụng anh, chứ tôi có đóng họ đâu mà vay. Đáng lẽ tôi đưa lại anh ngay, nhưng xuống nhà tìm, thì anh đã dọn đi từ bao giờ. Tôi phàn nàn một mình mãi. Tu-nô nó ác với anh quá!

Bây giờ anh Thừa mạnh dạn rồi. Anh phải tấn công. Đôi mắt tí lên, anh hỏi:

– Bà thử tôi để làm gì?

Ma-ri hất hàm, hỏi lại:

– Anh không nghĩ ra à?

Anh thò tay định vớ lấy tay Ma-ri để bóp, bỗng nghe tiếng huỳnh huých chân

người. Sòng xóc đĩa bị mật thám đột nhập vào bắt. Con bạc chạy tán loạn.

Anh Thừa hốt hoảng, vội vàng cũng chạy. Anh thấy người nhảy qua tường chuồng xí, người trèo lên mái nhà, người nấp vào xó cửa, sau mắc áo. Đương luồng cuống, thì anh nhìn thấy ở gần đấy, có cái giường. Anh nhảy tót lên nằm, tung chăn ra đắp, gọn thon lỏn, ngáy như người đương ngủ say. Trống ngực anh đánh thành thịch.

Bỗng có bàn tay lật chăn anh ra, khẽ lay vai anh. Anh mở mắt và nói ú ớ. Một thằng mật thám cúi xuống anh, nói bằng giọng đùa cợt:

– Này, sốt đấy à, sao lại đắp chăn?
Bạn sau có ngủ thì nhớ cởi giày ra nhé!

Chợt anh nghĩ ra là chân anh còn đôi giày tây. Anh không thể cãi là oan. Thằng mật thám rút túi lấy cái xích, bắt anh giơ chum hai tay lại.

Nhưng Ma-ri nhanh nhẹn chạy đến. Anh ngạc nhiên quá. Hắn không bị bắt?

Người đầm lai nghiêm nét mặt, tro vào anh, bảo với người đương xích bằng tiếng Pháp:

– Đây là ông An-be, dân Tây. Tôi biết. Anh ta ở tôi. Đừng bắt ông ấy. Tôi bảo đảm.

Lập tức anh Thừa được buông ra. Anh thở đánh phào, hốt hải nói:

– Cảm ơn bà. Tôi về. Chào bà.

Ma-ri bưng miệng cười ngặt nghẽo, nói khẽ:

– Khoan! Chờ tôi. Tôi còn cứu dì anh. Đấy, anh thấy chưa? Là đầm có lợi không? Quen đầm có lợi không?

Nói đoạn, Ma-ri thoăn thoắt vào nhà trong, ra nhà ngoài, rồi lên gác. Một lát, hần xuống, nháy một mắt, hất ngón tay cái lên phía trên:

– En sắp được tha, ông cảm La-vanh giữ lại bắt đền ơn một tí thôi!

Nói đoạn, hần rúc rích để thưởng thức câu nói hóm hỉnh.

Một xâu dài gần ba chục người bị giải đi, qua trước mặt anh Thừa. Anh chưa hết sợ, lại chào Ma-ri:

– Thưa bà, tôi xin về.

Ma-ri giơ tay ra ngăn:

– Cùng về với tôi. Mấy khi! Đã khuya đâu mà vội!

Vừa xót ruột xót gan về Múi, vừa muốn đi cho thoát chỗ nguy hiểm, nhưng không lẽ từ chối, anh đáp:

– Vâng.

Ma-ri dẫn anh đi bộ ra bờ sông. Luôn luôn hẩn nhìn trước nhìn sau và giao hẹn:

– Đừng nói chuyện vội.

Ma-ri cùng hẩn qua Chợ Gạo, sang bên kia đường, đi đến hai bến tàu Nam. Giờ này, tàu Phi Phượng của Ký Bưởi,

tàu Long Môn của hiệu khách, ở Nam Định sắp lên đến nơi. Một vài hàng nước đã thắp đèn hoa kỳ sáng linh tinh để chờ khách.

Anh Thừa muốn đi nhanh qua chỗ này. Anh tránh gặp mấy bà hàng quen, và mấy thằng bạn chào khách của anh. Nhưng Ma-ri đứng lại, nhìn ra phía sông. Bởi thế, luôn luôn anh phải lấy mùi soa, giả vờ lau má, để che mặt.

Bỗng có tiếng kêu thất thanh:

– Ôi ông đội sếp ơi! Nó giật khăn của tôi!

Thằng ăn cắp cảm cổ chạy rẽ về phía Ngõ Gạch. Nó nhảy qua và giẫm lên những người phu phen, không có nhà cửa, nằm ngổn ngang ở hè Chợ Gạo, rồi

chui vào trong chợ tối om.

Anh Thừa được dịp, giục Ma-ri:

– Thôi, đi, ở đây lắm kẻ cắp.

Ma-ri nghe theo, nhưng thỉnh thoảng quái cổ lại nhìn, như muốn tìm một cái gì.

Đường thưa người dân.

Đến một chỗ vắng, anh Thừa lại dụng cơ hội, dịch sát vào Ma-ri. Ma-ri vớ lấy tay anh. Anh không run nữa, bóp chặt bàn tay mũm mĩm của hấn. Hai người nắm tay nhau.

Lúc này Ma-ri thổ lộ những câu tình tứ, mình mình em em, như ta đã biết từ đầu chương này.

Anh Thừa hiểu nghĩa tiếng “trò chuyện” của Ma-ri, thì nóng ran cả người. Anh đáp:

– Hôm nay thì chuyện ra chuyện chú! Ông An-be kia mà! Nó đi vắng à?

Ma-ri gật:

– Nó lại đi Vinh. Em thoát nạn được vài hôm. Em chán cái kiếp lấy Tây quá rồi. Chả nói, mình cũng thừa hiểu. Nhục nhĩ lắm, mình ạ. Rồi thế nào em cũng phải kiếm một tấm chồng An-nam để mà nương tựa. Sớm ngày nào hay ngày ấy.

Anh Thừa im lặng. Chưa bao giờ đưa mồi lại hòng chồi lên mâm son. Nhưng anh không khỏi không vẩn vương.

Anh thương Ma-ri là con người có nhan sắc, lại có bụng tốt đối với anh. Ma-ri không đợi anh phải đòi, đã lấy món tiền còn lại cuối cùng trong ví để trả nợ sòng phẳng. Ma-ri lại cứu anh khỏi bị bắt. Bây giờ, Ma-ri sẵn sàng hiến thân cho anh, lại không giấu giếm anh, than thở cảnh ngộ với anh.

Tự nhiên, anh nghĩ đến Múi.

Hiện nay, Múi đang bị anh giam, là tù nhân của anh. Còn anh tuy không bị mật thám giam, nhưng bị Ma-ri áp giải, thì cũng đang là tù nhân của Ma-ri. Xử thế nào đây? Bỏ Ma-ri hay bỏ Múi?

Anh so sánh hai trường hợp.

Bỏ Ma-ri thì còn Múi, tức là được cả người lẫn của. Bỏ Múi thì còn Ma-ri, chỉ được có người không.

Tiền của Múi? Hiện giờ anh đã nắm trong tay. Còn người của Múi? Cô gái đồng rừng ấy, anh đã quá quen thuộc. Vậy thì Múi không còn gì cho anh thêm thuồng nữa.

Còn như Ma-ri? Ma-ri là đắm lai! Ngon xôi quá! Lại là một người An-nam kiết. Mấy đời cú được gặp tiên! Mấy đời anh được hưởng của lạ, của quý! Bây giờ anh lại ở trong tay Ma-ri, nhất định không thể về với Múi. Về với Múi, anh không được gì hơn. Đi với Ma-ri, anh vẫn có tiền của Múi, lại được thêm người mới.

Vả lại, dây dưa với Múi một lần này, là dây dưa mãi, suốt đời phải đeo bòng gánh nặng. Nhưng dây dưa với Ma-ri một lần này là chỉ một lần. Ra khỏi cửa sầm thì có thể dứt, lòng vẫn nhẹ tênh tênh. Đã có lần miếng ngon tự kể tận

miệng, mà không ăn, anh đã tiếc ngần tiếc ngơ. Ai chẳng muốn ăn ngon, biết ăn ngon. Và thèm ăn ngon. Nhưng độ ấy, anh không dám ăn ngon. Còn như bây giờ, anh dám rồi. Tu-nô! Mà mày muốn vợ tao thì bây giờ tao báo thù mày! Đứa nào thắng?

Anh đương suy tính vấn vợ, bỗng Ma-ri đập vào vai anh:

– Nghĩ gì thế, mình? Nói chuyện cho vui chứ?

Anh giấu tâm trạng thực:

– Anh giận thằng Tu-nô. Anh thương mình.

Ma-ri gương cả đôi mắt sáng, sừng sốt nói:

– Có thật không?

– Thật.

Ma-ri ngửa mặt lên trời, tay vuốt ngực:

– Em chỉ cần nghe thấy một người nói rằng thương em, là em được đỡ khổ.

Không hiểu là câu nói thật tình hay khách sáo. Anh Thừa nghĩ đến cảnh mình. Anh cười khẩy, ra ý không tin:

– Mình mà khổ!

– Mỗi người có một cảnh khổ, mình ạ. Kiếp lấy Tây là kiếp sống nay đây mai đó. Cho nên em chỉ muốn quay về lấy chồng An-nam. Ăn rau ăn cháo mà biết thương nhau, còn sướng hơn.

Hai người cùng thở dài. Ma-ri tiếp:

– Thằng Tu-nô là thằng đều nhất hạng. Em giận nó lắm, nhưng thế phải ngậm bồ hòn làm ngọt. Nó cho em mỗi tháng ba chục, nhưng làm tình làm tội đủ thứ. Hiện nó còn nợ em hai tháng lương. Tiền ăn của nó, em cũng phải tạm ứng cho nó.

Anh Thừa mỉm lòng:

– Thế mà vừa rồi mình thua, lại trả nợ anh. Mình hết tiền. Mai lấy gì mà ăn?

Nói đoạn, anh móc túi, đưa Ma-ri hai tờ giấy bạc:

– Đây, bốn chục của mình. Mình cứ lấy lại. Bao giờ mình trả cũng được. Anh còn nhiều.

Anh dúm tiền vào tay Ma-ri. Nhưng Ma-ri hất ra:

– Không. Em giặt tạm quanh chỗ chị em cũng xong. Vả lại em phải đòi nợ nó, lấy cho kỳ hết, mới có thể tính đến việc làm lại cuộc đời được.

Anh Thừa vỗ nhẹ vào vai Ma-ri:

– Mình làm anh phục mình.

Ma-ri hiểu:

– Đồng tiền quý thật, nhưng tùy từng người em mới lấy. Với thằng giàu, dù trăm, nghìn, vạn, em cũng không tha. Nhưng mình nghèo như em, thì thà em tiêu tiền của em để đỡ gây cho mình khó khăn sau này có hơn không?

Anh Thừa cảm động:

– Anh trông bề ngoài, tưởng mình...

– Thích bom xu như người khác phải không?

– Không. Anh khá tinh mắt. Thế với mình là không bao giờ anh nghĩ thế. Anh bảo tưởng, là tưởng mình sung sướng.

– Sung sướng? Vì anh cho cứ là Tây dầm thì sang trọng à? Nếu thằng Tu-nô sang trọng, ngày nó chữa bệnh, nó đã thuê y tá đến tiêm. Nhưng nó kiệt, nó bắt em học để tiêm cho nó. Anh biết đấy, ngày ấy, hôm nào em chẳng phải sang buồng giấy đưa thuốc cho nó.

Anh Thừa gật gật:

– À, bây giờ anh mới rõ.

Rồi anh tò mò:

– Tại sao mỗi bận mình đến, nó cứ bắt anh ra ngoài?

Ma-ri đập đánh đét vào lưng anh:

– Có khỉ gì đâu. Tại nó phải nói với em bằng tiếng An-nam. Nó sợ ngượng với anh. Nó không muốn cho người ngoài nghe thấy nó nói tiếng An-nam sõi và thạo.

Anh Thừa căm giận:

– Đồ khốn! Thằng Tu-nô khinh An-nam, thì mẹ nó là người nước nào!

– Trái lại, em chỉ biết có mẹ, chẳng biết bố là ai.

Anh Thừa gật đầu, nắm chặt tay Ma-ri:

– Đúng. Cho nên hôm nay mình với anh mới đi với nhau.

Ma-ri ngược mắt nhìn anh Thừa, nhoẻn cười, khẽ vuốt má anh.

Hai người mãi nói chuyện, không ngờ đã đi đến gần ga. Nhà sầm Đồng Lợi hiện ra sừng sững ở trước mặt.

Anh Thừa ngẩng lên nhìn. Cửa chớp buồng số tám vẫn mở. Đèn vẫn sáng. Hẳn là Múi vẫn thức, đương nóng lòng chờ anh.

Muốn quên hình ảnh trước mắt, anh đi sát vào Ma-ri, quàng cánh tay qua lườn Ma-ri.

Quanh đây không còn nhà sầm nào có buồng sang trọng, xứng đáng hơn, để được tiếp người ngọc. Anh đưa Ma-ri

vào nhà Đồng Lợi. May cho anh làm sao. Các buồng đều có khách cả, duy còn một buồng chưa có ai hỏi thuê. Buồng ấy ở trên gác, buồng số chín.

Anh đành bằng lòng lấy buồng ấy. Anh cầm chìa khóa, dắt tay đỡ Ma-ri lên cầu thang.

Ma-ri vào trong buồng, thì đến ngay trước gương, chải tóc lại, và vỗ thêm tí phấn. Anh Thừa đứng cạnh, sát vào vai Ma-ri. Tám con mắt cùng đắm đuối. Bốn cái miệng cùng nhoẻn cười. Hai đôi mắt cùng quay nhìn nhau.

Anh dìu tay Ma-ri ngồi xuống ghế:

– Ở đời, không ai học đến chữ ngờ, nhỉ!

Ma-ri tủm tỉm, nói bằng giọng thân mật hơn:

– Toa thì thế, nhưng moa không thế. Vì moa đã định từ lâu.

Anh Thừa sung sướng, rạo rức cả người. Ma-ri thở thở ra lối ngây thơ:

– Thật đấy, tại mỗi lần gặp Ma-ri, Ma-ri cứ thấy toa nhìn trộm. Hẳn là toa thèm lắm. Cho nên Ma-ri cứ muốn trêu toa. Cái lần thằng chết tiết đi vắng, Ma-ri muốn cho toa đỡ thèm, thì toa lại nhút nhát quá!

Anh Thừa vuốt nhẹ vào má Ma-ri:

– Tại ngày ấy moa chưa là An-be!

– Toa có tiếc không?

– Tiếc.

– Thế An-be dọn đi. An-be có nhớ Ma-ri không?

– Đã không dám thì còn nhớ gì!

– Đúng, toa nói thật. Trái lại, mỗi lần Ma-ri ở trên gác nhìn xuống không thấy a-mua, Ma-ri cứ nhớ nhớ là!

Anh Thừa lại sung sướng. Anh hỏi:

– Toa nói thật nhé. Tại sao toa lại thích moa?

– Cái đó dễ hiểu lắm. Moa thích toa là thích An-nam, vì moa chán Tây. Mà An-nam ở quanh nhà, còn có ai ngoài toa? Rồi ngắm toa lâu, moa quen mắt đi, chỉ thấy đẹp thôi.

– Moa tưởng đầm lai thì thích Tây thật, để đẻ con ra nó là Tây. Thích An-nam thì chỉ có con là An-nam. Ở đời, ai chẳng muốn lên, sao toa lại muốn xuống? Ngay như thằng Tu-nô nó bắt toa ăn mặc đầm, và không muốn nói tiếng An-nam.

– Thói thông thường vẫn là thế. Nhưng riêng moa thì khác. Bởi vì, như moa nói ban nãy, moa chỉ biết có mẹ, chẳng biết bố là ai. Moa không khinh An-nam.

– Cho nên toa không khinh moa?

Ma-ri lắc đầu:

– Không. Moa chỉ khinh những đứa cứ làm cho moa khinh mãi, như bọn ký lục chẳng hạn. Còn như toa, làm cu-li mà dám ngăm bà chủ, là moa không khinh.

Anh Thừa phì cười. Ma-ri vẫn nghiêm mặt:

– Thật đấy. Nhiều người An-nam cứ muốn để Tây khinh. Toa không giống những người An-nam ấy.

– Tại moa dám ngăm bà chủ của moa?

Hai người cùng cười. Ma-ri nói:

– Người An-nam khác không bạo dạn như toa. Họ khúm núm, sợ Tây lắm.

Anh Thừa lắc đầu:

– Không phải. Toa lắm. Bởi vì toa là nửa Tây nửa An-nam, cho nên chỉ nhìn thấy bề ngoài người An-nam. Moa là An-nam nên moa rõ người An-nam hơn toa. Người An-nam không khúm núm

đầu. Họ khúm núm vì các toa muốn họ như vậy. Vả họ nghèo, không có cách gì sống khác cái nghề làm với các toa. Như moa, mấy tháng về trước đây. Cho nên họ đành khúm núm, khúm núm cái lưng thôi, chứ không khúm núm cái đầu óc. Trời có sinh ra người lưng cong đầu. Các toa hay chúng moa, lúc cha mẹ đẻ ra lưng đều thẳng. Rồi sau chỉ những người có tiền mới giữ mãi được cái lưng thẳng, và bắt người đứng trước mặt mình phải còng lưng xuống, phải khúm núm. Trước kia, moa sợ thằng Tu-nô, chịu cho nó sỉ nhục, đánh đập là vì nó phát lương cho moa. Nhưng từ ngày moa không làm với nó, moa không sợ nó nữa. Moa có tiền, moa đếch sợ Tây. Trước kia, moa sợ cả toa, nhưng bây giờ, hôm nay, giờ này moa...

Anh Thừa định ôm Ma-ri. Nhưng

Ma-ri hất ra, tùm tùm. Anh tiếp:

– Moa kiểm ra tiền, công việc làm ăn không phải nhờ vả đến người Tây. Tây đứng trước moa, lưng họ thẳng, thì moa đứng trước Tây, lưng moa cũng thẳng. Hai người như nhau. Cũng như bây giờ, moa với toa, bình đẳng.

Ma-ri đùa:

– Toa diễn thuyết đấy à?

Anh Thừa sức nhớ đến nghề bán thuốc rong, tự nhiên anh rũ ra cười, rồi tiếp:

– Để moa nói nốt. Khi người ta có tiền, dù người ta là An-nam, người ta cũng mạnh dạn, dám làm tất cả. Mà khi người ta không có tiền, thì dù là Tây, người ta cũng...

Ma-ri giờ tay để xua, vừa cười ngặt nghẽo, chế nhạo:

– Thế sao ngày nọ, toa có hai trăm bạc mà toa nhút nhát thế?

Anh Thừa cũng cười. Anh dần từng tiếng để tự hào:

– Nhưng hôm nay, moa mạnh dạn, Ma-ri của moa ạ. Moa vừa nói với toa là người An-nam, dù không có tiền, họ cũng chỉ khúm núm cái lưng, chứ không khúm núm cái đầu óc. Như moa chẳng hạn, thân danh chỉ là thằng cu-li cắt-kít, nhưng moa đã báo thù thằng Tu-nô lắm rồi. Moa đã lấy không của nó hai trăm bạc. Moa đã làm cho nó không dám khinh thuốc An-nam, tức là không dám khinh An-nam. Và tối nay đây, moa đã cướp được vợ nó...

Anh Thừa hãnh diện nhìn Ma-ri.
Ma-ri gật đầu, ỏn ẻn nói:

– Toa làm cho moa hả lòng!

Anh Thừa đắc chí, vênh váo, trở vào
ngực mình:

– Toa coi, An-be có anh hùng không?

Ma-ri gật đầu, nhấn mạnh:

– Anh hùng!

Rồi nhìn đồng hồ. Ma-ri giao hẹn:

– Ma-ri chỉ ở đây với anh hùng được
đến mười hai giờ thôi đấy nhé.

Hai người lặng nhìn nhau. Hai miệng
cùng tím tím. Anh Thừa đứng dậy. Ma-
ri tỉ tê hát khê:

Anh hùng thì có thuyền quyền.

Hỏi rằng anh đã có thuyền hay chưa.

Anh Thừa phá lên cười, khen:

– Hay, hay tuyệt! Ma-ri cũng là văn sĩ!

Rồi anh áp má anh vào má Ma-ri, tay vuốt ve bộ tóc óng mượt.

– Thuyền quyền của moa! Rồi người An-nam không nhút nhát với Tây, với đầm như moa, mỗi ngày một nhiều, toa ạ.

Hai người cùng ngây ngất nhìn nhau ở trong gương. Ma-ri nhoẻn miệng, ngược mắt lườm anh rất tình tứ, trở tay ra phía cửa:

– Toa ra xem lại, đã khóa cẩn thận chưa?

Anh Thừa buồng Ma-ri, đi ra phía cửa. Cửa buồng số chín vẫn khóa.

Nhưng bên buồng số tám, hình như cửa chưa khóa. Lúc ấy, có tiếng cánh cửa kệt mở ra, lại đóng vào.

Từ nãy, ở bên ấy, luôn luôn có tiếng kệt cánh cửa như thế.

5

LẠI MỘT NGHỀ NỮA KHÔNG CÓ
GHI Ở TRONG LÒNG MINH TINH

Dến mười hai giờ rưỡi đêm, Mari mặc quàng xống áo, lấy năm đầu ngón tay chải mái tóc cho đỡ rối, rồi cặp ví vào nách. Hắn tùm tùm nhìn anh Thừa.

– Mãn nguyện nhé!

Hắn chìa bàn tay để bắt tay. Anh Thừa lóng cồng buộc mãi dây giày không xong.

Vì lúc này, óc anh nghĩ lung lắm. Từ nãy đến giờ, trong khi ở buồng bên này im lặng, thì luôn luôn bên buồng số tám kẹt cửa, rồi đóng. Bây giờ anh đi với Ma-ri qua đây, lỡ đúng vào lúc Múi mở cửa, bắt gặp hai người mặt mũi phờ phạc đi với nhau, thì anh biết ăn nói làm sao!

Thấy anh lúng túng mãi, Ma-ri có vẻ sốt ruột, hỏi:

– Anh cũng về à?

Anh Thừa gật đầu:

– Moa tiễn toa.

Bất đồ Ma-ri bấu môi:

– Thôi, đừng giở thối ra nữa! Anh tưởng làm thế thì lừa nổi tôi là anh yêu tôi, anh nhớ tôi, lúc rời tôi thì bịn rịn không dứt chứ gì!

Hắn lắc đầu:

– Không! Anh yêu tôi thế nào được! Vả, tôi có cảm anh đâu? Tôi có nghĩ gì đến anh nữa đâu. Chẳng qua tôi vắng chồng, anh vắng vợ, thì qua một đêm với nhau cho đỡ buồn đấy thôi, chứ tình nghĩa quái gì!

Anh Thừa như bị giội gáo nước là lên đầu. Không còn giọng dịu dàng, âu yếm, nũng nịu nữa. Không còn tiếng moa, toa, An-be, Ma-ri đầy ân ái, hoặc kém hơn, tiếng mình, em nhưng cũng rất thân mật nữa.

Ma-ri cười lạnh lùng:

– Anh ngây thơ lắm! Anh tưởng tôi xin tha cho anh, tôi trả lại tiền anh là tôi thương anh, vì tôi mê anh phải không? Anh lắm quá! Nếu hôm nay tôi đã có người hẹn hò rồi, thì tôi kệ cho mặt thám giải anh đi. Tôi đã trả anh bốn chục bạc. Việc đó, không phải vì tôi tốt với anh đâu. Tôi quyết, anh cũng không làm gì nổi. Anh có vì không tiền mà chết đói, tôi cũng mặc xác. Lỗi đâu tại tôi? Nhưng tôi trả nợ anh, là tôi đã dùng tiền của anh, chứ không thiệt riêng của tôi một xu nào, để mua anh một cách chắc chắn, làm anh không thể gỡ thoát. Thật thế. Dù lúc ấy, anh nhận được tin bố anh sắp chết đến nơi, hãy hỏi anh có dám rời tôi mà về với bố anh không? Ấy thế đấy. Ở đời, có những việc thật giản dị nhưng lại hay làm người ta tưởng là khó hiểu,

cứ phải mệt trí mà suy nghĩ. Thôi, anh ở lại, ngủ cho lại sức!

Ma-ri không cười, lại giơ tay:

– Nào, ô-rơ-voa [au revoir: hẹn gặp lần sau. Tiếng chào tạm biệt.].

Ma-ri lạnh nhạt, cầm lỏng lẻo tay anh, rồi buông ra, chứ không rung. Hắn cười khẩy:

– Còn lần nào nữa mà ô-rơ-voa!

Từ nãy anh Thừa như nghe những lời sỉ vả nhục nhã. Anh không có thì giờ nói xen vào một câu nào. Mặt anh cứ tái dần đi.

Ma-ri quay ngoắt ra cửa. Mở cánh, rồi đóng lại. Anh Thừa nhìn theo. Không thấy Ma-ri ngoảnh lại anh lần cuối cùng.

Anh thở dài, ngồi trên ghế gục xuống. Tâm hồn anh như bị đảo lộn. Bên buồng cạnh còn người mong anh từ chiều. Người ấy phó thác hạnh phúc cho anh. Thần trí người ấy chắc không còn ở trong đầu óc người ấy, mà đương lang thang lạc lõng trong khắp phố Hà Nội xa lạ, để mong tìm thấy anh. Nhưng thật là giản dị, như Ma-ri nói, anh ngồi ngay buồng bên này, cách người ấy có vài thước. Thế mà người ấy đương suy nghĩ mệt trí. Anh có nên đến với con người thật sự trông đợi anh, để qua nốt mấy giờ còn lại của đêm nay không? Người ấy gặp anh, sẽ hết lo lắng, nghi ngờ, khổ tủi. Một câu anh bịa ra lý do về muộn, sẽ lại làm cho người ấy vui vẻ và tin cậy anh như trước, óc anh cũng sẽ được thanh thoi, không nặng trĩu như bây giờ.

Cánh cửa buồng số tám lại kẹt mở,

rồi đóng. Anh tưởng tượng được ra nét mặt của Múi lúc này.

Anh thở dài, uể oải, chống hai tay vào gối để đứng dậy. Anh thông thả ra cửa, nắm quả bàng. Rồi để nguyên tay như thế, không nhúc nhích.

Anh lại tính toán. Và anh chờ.

Anh chờ cho đến lúc cánh cửa buồng số tám kẹt mở và vừa đóng lại rồi, anh mới vặn quả bàng cửa buồng anh, rồi khế khếp lại. Anh nín thở, kiễng chân đi thật mau qua, và xuống thang...

Anh Thừa về tuột nhà trọ Đông Phương. Anh dọn hết đồ đạc vào hòm. Anh giấu ông chủ quán chỗ ở mới. Anh khênh hòm ra hè, thuê xe, đến nhà anh Xi. Qua sầm Đồng Lợi, anh đội mũ sụp

xuống, rồi ghéch mắt lên nhìn buồng số tám. Anh thở dài. Rồi vắt chân chéo khoeo. Anh hãnh diện nhìn những người nằm ở hai bên vỉa hè. Anh mỉm cười. Có tiền có khác. Anh vừa qua những giờ phút mà không bao giờ anh dám tưởng là anh được hưởng. Bây giờ anh lại ngồi xe, bắt một người kéo.

Người này chỉ vì nghèo, nên quá nửa đêm rồi mà chưa được nghỉ ngơi. Anh muốn hỏi người ấy về đời sống. Nhưng anh không hỏi. Người sang trọng không ai chuyện trò với cu-li xe.

Đến nơi, anh bảo anh Xi:

– Từ nay, tớ ở chung với đảng ấy, nhưng đảng ấy chớ nói với ai là chúng mình ở với nhau. Đảng ấy cứ gọi đảng này là ông An-be. Lấy tên Tây có lợi. Người

ngoài nghe, thì không biết tớ là An-nam. Vả lại có tên Tây, đảng này không bị ai để ý mà theo dõi.

Anh Xi đáp:

– Ở chung cũng được, nhưng sao đảng ấy phải giấu giếm? Việc này lằng nhằng thế nào ấy. Cứ nói cho thật, đảng này bàn cho. Hay là đảng ấy vừa bị bắt bạc mà trốn?

Anh Thừa gạt đầu:

– Cũng tương tự như thế. Tớ trốn một người cho tớ một món tiền. Người ấy đương đợi tớ. Nhưng tớ không muốn gặp nữa. Vì dù có gặp cũng không bị đòi lại tiền nhưng không khác gì tớ tự đem nộp mình để vào ngồi tù chung thân.

Anh Xi lắc đầu:

– Bố ai hiểu được!

Từ hôm sau, anh Thừa nghỉ đi bán thuốc, cả tuần lễ, anh không dám thò mặt ra phố.

Được rồi rồi, anh lo lắng đến tương lai.

Anh không muốn kiếm ăn theo lối nhờ giấy tờ của người bán rong thuốc, lấy hỏa hồng nữa. Anh có vốn rồi. Phải sinh nhai cho ra người có vốn.

Anh thuê một căn gác của một nhà khá rộng ở giữa phố Hàng Bông. Tầng dưới là cửa hàng tạp hóa của bà chủ.

Anh mượn thợ kẻ cái biển lớn, vừa chữ Pháp, vừa chữ quốc ngữ, dài suốt bề ngang nhà, treo tận lên cao:

CÔNG TY VÔ DANH
TỔNG PHÁT HÀNH TOÀN
ĐÔNG DƯƠNG
THUỐC TRUNG NAM BẮC
Chánh giám đốc: ALBERT THUA

Ở chân thang đặt cái bảng nhỏ:

Giờ tiếp khách:

Sáng: Từ 12 đến 14 giờ

Chiều: Từ 18 đến 21 giờ

Chủ nhật và ngày lễ: nghỉ

Gác ngăn làm đôi. Nửa ngoài, ngay cầu thang lên, là chỗ làm việc. Có bộ xa lông tiếp khách và bàn giấy ông chủ. Trên mặt bàn, có lọ mực thủy tinh, có ống bút

sứ, có bàn thảm mạ kền và có ngăn giấy gỗ sưa. Lại có cả mấy điện thoại sơn đen bóng.

Ngăn cách với nửa trong, là bức bình phong căng bằng vải xanh. Đứng ngoài, không trông thấy ở đây có những gì. Chắc là kho thuốc của công ty.

Anh Thừa đã quen nhiều bạn có tiền, muốn sinh lợi, nhưng có lẽ vì công ty mới khai trương, anh chưa muốn gọi thêm cổ phần. Cho nên mới có hai cổ đông. Hai người này là anh và anh Xi. Anh Thừa là chánh giám đốc. Chức trách giám đốc làm việc giao dịch và làm như công ty to, có cả phó giám đốc. Anh Xi là người kéo xe nhà cho ông chánh giám đốc khi đi làm việc giao dịch.

Đã từ lâu, trong thời kỳ còn đến các

hiệu lấy thuốc đi bán rong, anh Thừa đã nhận xét được vài điều. Một là trừ thuốc lậu là thứ nhiều nhà làm, còn những thuốc khác, như thuốc đau bụng, thuốc cam sài trẻ con, thuốc ngã nước, chẳng hạn, thì mỗi dược phòng chỉ chế một thứ chuyên môn của mình để bán thôi.

Hai là các chủ nhà thuốc ăn lãi nhiều quá. Mua một biểu một nghĩa là giá thật chỉ đáng bằng nửa giá để ở nhãn. Để một đồng, bán năm hào. Bán năm hào để còn tính vào đấy hỏa hồng mười phần trăm cho người buôn quen, buôn nhiều và trả tiền ngay. Thế thì giá thành của thuốc là bao nhiêu, để ông chủ còn phải ăn lãi? Mà lãi này, hẳn phải là phần to lớn nhất. Ba là phần lớn thuốc không hay, chỉ quảng cáo là hay. Người dùng thuốc lâu mà chưa khỏi bệnh, thì được giảng là chưa đủ liều, phải mua thêm, chữa dở dang

thì phí tiền. Những người hay dùng, hay thử thuốc, thường là những người giàu. Họ phí chút ít, mua phải thuốc dở cũng không xót. Bốn là, điều này anh chưa chắc lắm, có vài thứ là thuốc tây, chỉ màu và mùi là khác.

Cho nên phần lớn các dược phòng đều bị tai tiếng là lừa bịp, làm xấu lây cả giới dao cầu thuyền tán.

Công ty vô danh tổng phát hành toàn Đông Dương thuốc Trung Nam Bắc tự đặt cho mình cái nhiệm vụ lừa bịp thay cho các dược phòng. Nhiệm vụ này, trong quảng cáo, anh Thừa gọi là nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang. Hai tiếng lừa bịp được anh viết bằng hai tiếng giúp đỡ. “Bởi vì, theo quảng cáo, bản công ty phát hành toàn những thuốc nổi tiếng của các dược phòng được tín nhiệm nhất

Đông Dương. Bản công ty phụng sự lợi ích nhanh chóng cho bệnh nhân. Người Bắc Kỳ không phải chờ mất lâu thì giờ gửi mua tận Trung hoặc Nam Kỳ mới có thuốc trứ danh ở trong ấy. Người Nam, Trung Kỳ cũng không phải gửi mua tận ngoài Bắc mới có được thuốc hay. Vì bất cứ hang cùng ngõ hẻm nào, bản công ty cũng đều đặt chi nhánh phát hành”. Cuối cùng, bản quảng cáo kêu gọi: “Xin quốc dân đồng bào các giới ủng hộ cho bản công ty!”

Ông chánh giám đốc công ty không ăn lương, ông là người bỏ cả vốn, cho nên có quyền ăn cả lãi. Ông định lương cho anh Xi mỗi tháng mười hai đồng, nhưng phát có mười đồng. Muốn tách bạch món tiền này, anh Thừa đã tính với anh Xi như sau:

– Cơm ăn của đảng ấy thì vợ thằng Phi-lô-mát phải nuôi. Vì đảng ấy kéo cho nó. Đảng ấy cho tớ thuê xe, mỗi tháng, tớ đưa tám đồng, và hai đồng bạc thuê kéo, vị chi là mười đồng. Mười đồng một tháng, là hơn ba hào một ngày. Tớ đi xe hàng không mất ngân ấy đâu, nhưng vì xe nhà, và đảng ấy là chỗ anh em, cho nên tớ không kỳ quẩn. Còn hai đồng là công đảng ấy giúp thêm việc cho công ty. Nhưng đảng ấy không lấy hai đồng này ngay. Đảng ấy để góp dần từng tháng vào công ty, làm cổ phần, cuối năm chia lãi. Thế là đảng ấy yên trí hơn tớ.

Anh Xi nghe bùi tai. Nhiều lần, mắt nhìn thấy cách làm ăn của anh Thừa, lại chính tay mình góp sức với anh ta, anh Xi biết rồi công ty này sẽ phát đạt to, lãi trông thấy. Anh cho là làm ăn không

chính đáng. Anh bảo anh Thừa rút cổ phần của anh ra. Nhưng anh Thừa không nghe. Anh Thừa khuyên anh Xi là ở đời, có dịp được mở mày mở mặt thì không nên bỏ lỡ. Phải biết căm thù cái nghèo, nó làm người ta hèn. Anh nhắc lại cho anh Xi nhớ những lần ở làng, hai người bị khổ nhục mà vẫn phải chịu. Anh nói rằng phải trả thù đời. Phải có tiền. Cách nào làm được tiền cũng cứ mạnh dạn mà xông vào. Anh Xi yên lặng, nhưng sợ quá. Bởi thế, nhiều lần không muốn làm với anh Thừa; nhưng nghĩ đến món tiền bỏ vào công ty, anh thấy như bị ràng buộc với bạn.

Từ hôm công ty khai trương, mỗi ngày anh Xi phải kéo ông chánh giám đốc An-be có một buổi sáng, không cần chạy nhanh. Anh Thừa cũng nể anh, nên

hay đi bộ. Anh chỉ phải dắt xe theo. Và nếu anh Thừa vào nhà nào, anh đỗ xe ở hè để chờ.

Anh Xi thấy anh Thừa lúc nào cũng vui vẻ. Anh Thừa không phân biệt trên dưới như cái ĩnh con. Hai người vẫn ở chung với nhau một nhà, ăn chung với nhau một mâm, ngủ chung với nhau một giường, nói với nhau, vẫn đảng này đảng ấy, mình mình tớ tớ. Thỉnh thoảng anh Thừa lại rủ anh Xi ăn cơm hiệu. Một lần, anh Thừa cho anh mượn quần áo. Anh không ngờ là anh Thừa dắt anh đi hát ở dưới ấp Thái Hà. Bị cô đầu trêu, anh sợ quá, cho nên lừa lúc không ai để ý, anh thối phụt tắt đèn, rồi chuồn về. Anh sợ anh Thừa đam mê, mới khuyên bạn cho vợ ra Hà Nội. Nhưng anh Thừa bảo:

– Chả bao giờ tớ cho vợ tớ ra để mất

tự do. Mấy li ông chánh giám đốc thế này, mà bà chánh giám đốc như thế, thì mất mẹ uy tín!

Ông chánh giám đốc ăn mặc ra phết một tay kinh doanh ketch xù thật. Lúc nào cũng chỉnh tề, có thắt ca-vát cẩn thận. Không bao giờ bỏ sơ-mi trần, dù là bằng lụa. Quần áo ngoài là hàng mùa thu, một bộ màu xám sắt, một bộ màu tro nhạt. Ít khi ông vận đồ đùi, dù là hàng đùi thật chứ không phải đùi giả. Bất cứ đi đâu, ông cũng xách một chiếc cặp da khoa... bóng nhoáng, bốn ngăn phong những giấy má. Trong một ngăn thế nào cũng có một tập giấy viết thư và phong bì. Cả hai đều in cái ảnh trụ sở công ty đồ sộ, hai tầng, và ở đầu góc, những chữ đề trên biển son. Có hai loại giấy viết thư và phong bì. Một loại chỉ in nguyên những chữ không biến, để gửi quanh Hà Nội,

và các tỉnh gần. Một loại, ngoài những dòng ấy, có in thêm số điện thoại, để gửi đi các tỉnh xa ở Bắc Kỳ và đi Trung, Nam Kỳ, Ai-lao, Cao-miên. Không phải để các nơi ấy gọi dây nói đến công ty cho chóng. Nhưng để các nơi ấy sợ phí tổn nhiều, không dám gọi. Vì thế, cái máy điện thoại trên bàn giấy ông chánh giám đốc không có dây truyền ra ngoài đường, cố nhiên, con số điện thoại ghi trong giấy viết thư là con số bịa.

Buổi đầu, anh Thừa bỏ vốn ra buôn thuốc cao đơn hoàn tán chuyên môn của những dược phòng được khách, mà anh đã biết. Vì quen và trả tiền ngay, anh được bớt từ ba mươi năm đến bốn mươi phần trăm theo nửa giá mua một biểu một. Anh thuê các bạn đồng nghiệp cũ của anh đem ra bán rong, nhân tiện phát quảng cáo cổ động cho công ty. Bản

thân anh lại đi xe nhà, xách cặp phồng, đưa mẫu hàng đến chào tại những nhà không biết mặt anh. Vì đã xé nhãn hiệu bào chế cũ, lại bán rẻ, cho nên nhiều dược phòng mua buôn của anh để lấy thêm mặt hàng. Những nhà này còn thấy cái lợi nữa là được anh Thừa cho phép để tên hiệu của họ làm nhãn sản xuất vào gói thuốc, để bán cất hoặc bán lẻ. Như vậy, họ không phải làm, mà được tiếng là có nhiều thuốc gia truyền, quảng cáo thêm tiếng tốt cho họ.

Như anh Thừa đã mặc cả, anh Xi giúp thêm việc cho công ty, là ngồi xé vút nhãn hiệu cũ ở gói thuốc cất về, và dán thay bằng nhãn hiệu mới, để tên công ty.

Một dạo, ở Hà Nội, nhà Địa Cầu trước chỉ làm thuốc bổ thận, sau có nhãn sản xuất cả trên gói thuốc lậu, thuốc điều

kinh, thuốc ho lao. Cũng như Nguyễn Đình Xung được phòng chuyên chữa lậu, cũng gửi cả đến đại lý các tỉnh nhiều thuốc đề tên phòng ấy, như thuốc bổ thận, thuốc cai nha phiến, thuốc phòng tích, thuốc đau dạ dày.

Dần dần, vì là khách tiêu thụ sộp của những hiệu thuốc lớn, kể cả ba hiệu thuốc tây ở phố Tràng Tiền, anh Thừa buôn không phải trả tiền ngay. Họ tín nhiệm ông Albert Thừa, một nhà tư bản có Pháp tịch, lúc nào cũng bộ vệ, đảng hoàng, đứng đắn, nhã nhặn, và có óc bình đẳng. Nhiều hiệu được đặt món hàng lớn quá phải làm vội vàng mới kịp.

Không cần bỏ vốn buôn thuốc ở Bắc kỳ nữa, anh Thừa dồn nó vào việc lấy hàng ở trong Trung và Nam.

Ngoài bệnh ở cơ thể, người giàu Hà Nội còn thêm bệnh ở tinh thần, là hay tham thanh chuộng lạ, thích dùng thử những thuốc ở xa. Cái lối tin bóng tin gió Thích Ca ngoài đường là thiêng này, khuyến khích công ty buôn nhiều thuốc miễn trong ra Bắc. Ông An-be Tuy-a trở thành khách quen và khách bỏ của những tiệm thuốc ở Huế, ở Chợ Lớn và Sài Gòn. Dây thép đánh vào lấy bao nhiêu là có ngay bấy nhiêu. Công ty buôn bằng cách lĩnh hóa giao ngân, nhưng nhiều lần gửi ngay ngân phiếu kèm với thu mua hàng, chẳng bớt một đồng nào.

* * *

Vì làm ăn lối kẻ cả, để cho người khác tin mình trước cho nên công ty

được lắm người tin. Nhiều nhà thuốc miễn trong, muốn cạnh tranh với nhau, viết thư xin ông An-be cứ việc lấy hàng, với hỏa hồng nhiều hơn trước. Nếu chưa có thời giờ thanh toán ngay, thì cứ cuối tháng, hoặc sau vài chuyến nhận hàng, công ty hãy gửi ngân phiếu một thể cũng được.

Những thuốc Trung Nam lấy về, anh Xi cũng bóc nhãn hiệu cũ để dán nhãn hiệu của công ty. Để rồi đến được phòng sau, nhãn hiệu này vẫn được giữ nguyên, hay được thay một lượt nữa, là tùy người buôn cuối cùng.

Như vậy là công ty có gần hai chục thứ thuốc chuyên môn để đem bán buôn. Nhưng xưởng sản xuất chỉ có tí huỷn ở nửa cái gác. Làm việc pha chế một anh Xi. Đồ dùng pha chế là một niêu hồ tẻ và

ít mảnh giấy nhỏ. Nhưng ở đợt giấy viết thư mới in, anh Thừa thêm một dòng nữa, dưới dòng đề địa chỉ cửa hàng. Đó là địa chỉ xưởng chế thuốc và kho chứa thuốc, viết lằng nhằng là: Trại Tây Hồ, Bưởi. Cũng có số điện thoại như số điện thoại trên bàn giấy ông chánh giám đốc.

Sau vài tháng, khi được tin nhiệm hẳn hoi đối với rất nhiều bạn đồng nghiệp trong Trung, Nam, anh Thừa mới thực hiện ý định. Họ ở xa, không thể kiểm soát, thì bây giờ anh có thể bớt của họ mỗi tháng một số tiền. Ví dụ, bán hết một chuyến hàng, đáng lẽ anh phải trả cả một trăm bạc, thì anh chỉ gửi tám chục thôi, nói rằng còn chỗ ứ đọng, khi tiêu thụ hết sẽ thanh toán sau. Nhưng anh vẫn làm ra dáng sòng phẳng, đòi gửi trả ngay món thuốc còn lại, cố nhiên cước phí về phần nhà buôn phải chịu, chứ

không phải công ty.

Còn ai nỡ lòng không tin người khách hàng xưa nay vẫn buôn bán đàng hoàng, từ trước đến giờ, tháng nào cũng tiêu thụ hết hàng, tháng nào cũng thanh toán đủ tiền! Người ấy là người Tây, đứng đầu một công ty tổng phát hành thuốc toàn Đông Dương tại Hà Nội. Có cửa hàng đồ sộ, có xưởng chế tạo rộng lớn, nơi nào cũng có đặt tê-lê-phôn! Họ đều trả lời xin ông chánh giám đốc cứ giữ lại chỗ thuốc còn lại để bán lẻ, hoặc để tính gộp với chuyến hàng sau. Như vậy, vừa giữ vững lòng tin nhau, vừa tránh khỏi cước phí vô ích.

Thế là anh Thừa vẫn được tín nhiệm, mà còn được tín nhiệm hơn trước.

Nhưng anh Thừa không ăn bột trôi

được mãi mãi tiền của những nhà thuốc ở xa vẫn tin cậy anh. Nếu nghề này làm anh giàu ùn ùn, thì anh còn theo đuổi nó, việc gì phải thay đổi xoành xoạch, làm ông lang, làm ông nhà báo, làm ông chủ đồn điền v.v... Khốn nỗi, việc đời nó không xuôi chiều mãi như nước chảy. Nó gặp vật chướng ngại cản dòng. Cho nên sông mới uốn khúc và thay dòng luôn luôn. Đời anh Thừa cũng uốn khúc và thay dòng như rửa.

Số là vì công ty đặt hàng quá, mà anh Xi một mình phải luôn thức quá khuya, nên việc làm kém cẩn thận. Có nhiều gói thuốc, anh không xé hết nhãn hiệu cũ. Có nhiều gói thuốc này, anh dán tên thuốc nọ. Vì vậy, tháng trước, tòa án Hà Nội nhận được hai lá đơn của người uống lầm thuốc, kiện cả ba nhà có tên trong ba nhãn hiệu dán đè lên nhau trên

một gói thuốc. Một nguyên đơn là người đau đầu kinh niên uống phải thuốc đau lậu kinh niên. Hãn anh Xi đã trông chữ lậu ra chữ đầu! Tòa không biết truy tố ai là thủ phạm, bởi vì ai cũng nhận là thủ phạm, để nhận thuốc là của nhà mình làm ra. Họ chịu phạt tiền, còn hơn chịu mất tiếng là buôn chằng thuốc.

Tháng này, mới từ ngày 1 đến ngày 15, số đơn kiện đã tăng lên đến bốn lá. Một lá kiện cả ba nhà như những đơn tháng trước. Hai lá kiện đích danh công ty vô danh của ông An-be Thua. Một lá ác hơn, kiện ông An-be ăn cắp lối pha chế của nhà thuốc mình.

Kế đó, tòa nhận vô số đơn khác của các nhà thuốc kiện lẫn nhau và buôn bán bịp bợm, lừa đảo.

Thấy những vụ kiện như loại trên, một ngày một nhiều, tòa phải nhờ Sở mật thám mở cuộc điều tra.

May cho anh Thừa, là anh đã quen những tờ báo đăng quảng cáo cho công ty, lại đã nhiều lần mời mấy tay phóng viên đi ăn, đi hát, và biếu không thuốc bổ thận, thuốc lậu cho họ, nên họ viết bài bênh anh. Anh lại chạy tên mật thám Pha-vơ và nhờ hai trạng sư Pi-mắc và Rô-nét cãi hộ, nên có tin là tòa sẽ chỉ bắt công ty đóng cửa thôi.

Bị mất mỗi lợi gần đến bạc nghìn rồi, anh Thừa tiếc lắm. Anh định thế nào cũng chống án lên tòa trên. Nhưng làm sao tìm được người đưa vào lọt chương lý Mo-rô. Anh biết Mo-rô uy quyền, và nhất là không từ chối đồng tiền. Hắn mà nhận giúp, thì tội giết người cũng được

trắng án như bõn. Anh hỏi thăm, biết Mo-rô hay hút thuốc phiện ở một tiệm lậu của một người Việt Nam vào Pháp tịch, tên là Ăng-toan. Làm sao gặp được vợ Ăng-toan là chủ. Vì mục này nhân tình với Mo-rô.

Buổi tối hôm ấy, anh đội mũ côi Pa-na-ma, mặc quần lĩnh thâm, áo sơ-mi lụa, dận giày cườm, cầm can bít bạc, đi bộ ra Bờ Hồ. Đã lâu lắm anh mới được lang thang như thế này. Nhưng phiền quá. Đầu óc rối như bát canh hẹ, thế mà luôn luôn tai anh cứ phải nghe những lời mời của những người phu xe ế khách, hỏi anh có đi giờ không, hoặc những tiếng thì thảo của tụi ma-cô, giới thiệu món sộp ở nhà quê mới ra. Song, tuy anh khó chịu, mà anh cũng tự hào. Anh tự hào về cách ăn mặc ra lối công tử ăn chơi của anh. Ít lâu nay, vì có tiền, anh đã có

nhiều bạn vào hạng sang trọng. Đồng tiền đã nâng anh lên địa vị làm ông. Anh đã quen những ông chủ hiệu, chủ thầu, những ông đốc, ông tham, là những người giàu có. Anh lại cũng đánh bạn cả với mấy tay viết báo, tuy kiết xác, nhưng hễ có xu, là ăn chơi nổ trời. Họ rủ anh đi hát. Anh cũng thết lại họ những châu không kém đàn hoàng.

Anh đã nhân tình với cô Nhạn, cô Trà ở dưới xóm cô, cứ chập tối đến, thì phấn son vào, mặc áo xanh, áo đỏ, ngồi ở hè, chờ khách. Thấy bóng anh đến, là các cô mừng rỡ như gặp thần tài. Cô thì làm ra dáng say mê anh, thút thít bên tai anh, trách móc anh hững hờ. Cô thì làm ra bộ ghen tuông, đay nghiến anh là có mới nới cũ, rồi ỏn thót rằng, nếu anh còn yêu, thì cho chiếc khăn xa-tanh, hoặc chiếc nhẫn vàng, sống cạnh các

nàng tiên, anh thường so sánh với vợ anh, và với cái Múi, cái Châu trên Đồng Đăng. Anh thấy những người này thô kệch. Họ chỉ xứng đáng với anh phu kíp, với thằng cu-li cắt-kít. Còn sánh vai với một ông, một ông chánh giám đốc một công ty tổng phát hành thuốc trong một Đông Dương? Họ chỉ đáng xách dép cho những ngôi sao băng này thôi!

Anh lại nực cười về cái tiếng chơi trò mà ngày trước, ở trên Đồng Đăng, anh vẫn bị mỉa mai. Bây giờ mà nếu những bọn quản, bọn đội, bọn cai lính tập, ngay cả cái thầy ký dây thép, làm lâu năm, được bổ làm chức ông chủ nữa, bây giờ mà những người hạng này mon men làm quen anh, thì chính họ bị mỉa mai là chơi trò. Hiện nay, vô khối người muốn chơi trò với anh, để được anh cho đi ăn, đi hát.

Đương vẫn vợ nhớ lại quăng đời cũ,
thì anh đến dãy hàng kem.

– Mời ông vào xơi nước!

– Mời anh vào đây, anh ơi!

Đối với bọn phu xe, đối với bọn ma-cô họ mời anh, anh có thể không thềm trả lời, cứ yên lặng mà đi thẳng. Nhưng đây là những tiếng oanh, những giọng đon đả, cho nên anh không thể lờ như một người có tính khinh người. Anh bắt buộc phải nhìn họ để trả lời từ chối họ. Nhưng anh không khỏi không bức, vì bị đứt mối suy nghĩ.

Chợt cái quán cuối cùng làm anh chú ý. Bên cạnh ngọn đèn đất, anh trông cái mặt thấp thoáng, hình như là Ma-ri. Anh cố ý nhìn. Thì ra Ma-ri thật. Ma-ri

mặc ta, lối Huế, quần trắng, áo lam, rẽ đường ngói lạch. Thấy con vợ Tây bỏ cái váy đầm gần quét đất, để theo cái mốt rất mới của mấy cô gái Hà Nội thích diện này, anh Thừa đoán ngay rằng chắc Ma-ri đã bỏ thằng Tu-nô rồi.

Thoạt tiên anh định giả vờ quay sang phía bên kia để đi thật mau. Anh sức nhớ đến những lời cứng cỏi cuối cùng ở sầm Đồng Lợi, của cái con bé nó đối với anh chẳng có cảm tình gì. Gần một năm rồi đã chắc gì cái người ưa chuộng của lạ nó dùng anh chốc lát trong khi chồng nó đi vắng, đã nhớ anh là ai. Nhưng anh chợt nghĩ lại. Biết đâu Ma-ri lại chẳng quen những người cùng nghề, là vợ Ảng-toan, hoặc là một người khác nào, có thể lực, có thể giúp anh được.

– Mời anh vào xơi kem ở hàng em.

Nghe hai tiếng “anh và em” quen thuộc cũ, anh Thừa như bị một sức hút. Anh vào hàng cửa Ma-ri, lẳng lẳng đến một bàn xa, bày cạnh gốc cây đa, lấp lánh ánh sáng các đèn. Chỗ này vắng, một bàn nữa có khách, nhưng cách đấy đến năm thước. Một người ngồi một mình đương ngắm nước hồ. Trên bàn, chưa bày một thứ ăn uống nào.

Anh Thừa ngắm Ma-ri. Có vẻ trẻ hơn trước. Nhưng gầy một chút. Anh định hỏi thăm Ma-ri về chồng con, về công việc làm ăn. Còn anh, anh sẽ hãnh diện khoe, làm cho Ma-ri phải ngạc nhiên vì thấy anh giàu, tên tuổi An-be Thừa được khắp Trung Nam Bắc biết.

Ma-ri nhanh nhẹn đi đến phía gốc cây. Vạt áo mỏng bay bay trước gió. Ông quần vôi vôi nhún nhảy trên đôi guốc phi mã gót cao.

Ma-ri đến bàn kia trước. Anh Thừa vờ quay đi, như không nhìn, không nghe. Bỗng anh thấy tiếng rúc rích cười khế:

– Khỉ! Có người kia kìa!

Anh liếc mắt nhìn. Ma-ri đứng sát vào người khách, vừa cười vừa phải đánh đét vào tay người ấy.

Anh hiểu rồi. Ít lâu nay, anh chỉ xuống xóm, chưa bao giờ hưởng cái phong vị này của việc ăn kem. Có cô hàng kem không chỉ bán kem, mà kiêm cả nghề bán mình. Muốn cạnh tranh với đồng nghiệp, trong lúc bán hàng, đứng cạnh khách, nhiều cô sẵn sàng để cho tay khách được tự do du lịch vào thân thể mình. Hàng kem này được mệnh danh là kem sờ.

Ma-ri chạy đi lấy kem cho người khách, rồi đến bàn anh Thừa. Anh túm túm, giờ tay ra bắt, nhưng cố lấy giọng khinh khỉnh:

– Ma-ri!

Ma-ri nhìn, bỗng rú lên như mừng rỡ:

– Anh Thừa!

Rồi vừa cười sảng sặc, vừa hỏi lau láu:

– Lâu nay anh đi chết ở đâu mà em không gặp mặt thế, hử! Hử! Hử! Hử!

Hắn đánh nhịp những tiếng “hử” bằng những cái phát đen đét vào vai anh.

Lại cử chỉ thân mật, giọng âu yếm và

tiếng xưng hô dịu dàng. Anh Thừa như vụt nhớ lại cái cảnh đêm trước. Anh cười duyên dáng, nhắc nhở việc cũ:

– An-be chứ! Quên rồi à?

Ma-ri đáp:

– Quên sao được! Ừ, thì An-be!

Anh Thừa sung sướng, nói thật thông thả cho Ma-ri nghe rõ từng tiếng:

– Để kỷ niệm lần ấy, từ đó, anh lấy tên là An-be.

Ma-ri khanh khách cười:

– Hân hạnh! Thế nào, lâu nay làm gì? Có khá không?

Rồi the thé giọng trách móc:

– Kỷ niệm gì mà từ hôm ấy biệt tăm, chả đoái hoài đến người ta nữa!

– Tại em nói thế.

Ma-ri ngó mặt:

– Em nói gì nhỉ?

Nhưng hắn không chờ anh Thừa trả lời:

– Dù em nói thế nào, cũng mặc em, còn việc anh, anh cứ làm chứ!

Anh Thừa cau mặt nhìn Ma-ri, lắc đầu:

– Thật là khó hiểu.

Ma-ri tủm tỉm, nhắc lại câu vẫn quen nói:

– Giản dị lắm. Có gì là khó hiểu?

Anh Thừa giờ tay mời:

– Ngồi xuống đây, phải nói lâu kia. Chính anh cũng muốn hỏi thăm về em nhiều.

Ma-ri vén vạt áo sau, toan ngồi, bỗng đứng dậy:

– Khoan. Toa uống gì? Ăn gì?

– Có gì, cho cái ấy.

– Rum nhé. Moa cũng uống với toa một cốc. Cố nhân lại gặp cố nhân!

Nói đoạn, Ma-ri đến bàn hàng, lấy khăn rộng rải trùm lên trên, vặn tắt ngọn đèn đất, rồi móc ở gầm, lấy ra hai cái cốc,

một chai rượu uống dở, và một đĩa bánh ngọt.

Ma-ri đặt các thứ lên bàn anh Thừa, nói:

– Thôi, nghỉ bán. Cũng chẳng còn khách đâu.

Ma-ri kể cho anh nghe việc bỏ Tu-nô, và việc xin được môn bài bán kem từ đầu mùa hè.

Người khách ngồi gần muốn chùng không còn hy vọng gì, đến trả tiền Ma-ri. Ma-ri lễ phép nói:

– Xin lỗi ông nhé.

Thấy người ấy dùng dằng chưa đi, Ma-ri đuổi khéo:

– Thưa ông đã cho đủ tiền rồi ạ.

Người khách có vẻ lúng túng, bước đi một bước, rồi quay lại. Anh ta móc túi lấy một cuộn chừng năm, sáu quyển sách mỏng, rút ra một quyển, vắn bút máy, cúi xuống bàn, lật tờ bìa, ngoay ngoáy viết vào trang sau, và loảng ngoảng ký tên. Rồi bằng hai tay, anh ta đưa sách cho Ma-ri:

– Kính tặng quý nương.

Anh Thừa ngấm từng ly từng tí cái người cao lêu đêu, gầy khảnh khiu, đen thui thui, làm anh mất thì giờ này. Anh có vẻ sốt ruột lắm.

Ma-ri nhận sách:

– Cám ơn.

Người ấy cúi chào Ma-ri rồi đi, Ma-ri nhìn theo, nói thầm với anh Thừa:

– Văn sĩ đấy nhé. Hoài Tân Tú. Làm thơ hay đáo để.

Thấy anh Thừa không để ý đến việc không dính dáng gì đến anh, Ma-ri tiếp:

– Moa đã nộp đơn xin làm y tá ở nhà thương Đồn Thủy. Chỉ nay mai là được gọi.

– Phải rồi, đâm thì chữa cho Tây. Nhưng đầu đuôi làm sao toa lại là y tá?

Ma-ri nghiêm trang, giảng:

– Vì em biết tiêm. Thằng Tu-nô bắt em tiêm, rồi em tiêm thạo. Nhân thế, em bảo nó cho em đi học việc ở nhà thương Phủ Doãn. Lúc nó bỏ em, em xin nó cái

giấy chứng thực là em làm y tá ở nhà ga.

Hai người cùng phá lên mà cười.
Ma-ri hỏi:

– Bây giờ đến lượt anh kể chuyện anh.

Anh Thừa nói lại công việc của anh. Anh không giấu những mảnh khoe. Cuối cùng, anh than thở việc công ty sắp bị đóng cửa.

– Toa có cách gì cứu vãn được tình thế này không? Nếu toa chạy được cho công ty vẫn buôn bán như thường, thì moa cũng tính công của toa như cổ phần đóng vào với công ty để chia lãi.

Ma-ri nghe xong, đáp:

– Thế mà ngày nọ, anh bảo với em là anh làm thuốc! Thôi, nhưng quan hệ gì cái ấy? Đàn ông khai nghề nghiệp với đàn bà, cũng như đàn bà khai tuổi với đàn ông, đều được miễn thật thà. Em khen anh tiến bộ trông thấy, khá thạo về mặt làm tiền! Nào!

Vừa nói, Ma-ri vừa rót cho đầy hai cốc, rồi chạm cốc với anh Thừa:

– Mừng ông chánh giám đốc An-be Tuy-a của công ty!

Uống xong hụm rượu, Ma-ri đặt mạnh cốc xuống bàn nói:

– Nhưng em quái lạ về anh! Anh có óc xoay xỏa, sao anh còn sợ công ty bị đóng cửa? Như em nghĩ, anh cứ mặc cho công ty đóng cửa, bởi vì một khi nó tai

tiếng, một khi nó mất tín nhiệm, thì khó lòng nó phát đạt như cũ. Cái xe bị lặn xuống dốc, thế mình không giữ nổi, thì đừng giữ. Đồ đạc sẽ theo xe xuống, đồ vỡ nát hết. Có khi còn kéo cả mình ngã theo. Chi bằng bây giờ nhân lúc xe chưa lao mạnh, anh dỡ hết đồ đạc ra để ở lại với anh, mặc cho xác xe theo đà của nó. Ở xã hội này đất hoạt động của bọn mình mỗi ngày một rộng. Thiếu gì nghề kiếm ăn được? Anh có đọc báo không? Anh Thu An là ở báo Trung Bắc, bài của anh ta viết nhạt quá, chẳng ai buồn đọc. Bây giờ anh ta lấy tên là Cô Tô. Cái nhà thơ ban nãy, biệt hiệu trước là Tiểu Lãng, ra cuốn thơ Tình muôn thuở, chẳng ma nào mua, bây giờ luy [lui: nó] viết tiểu thuyết, ký tên là Hoài Tân Tử. Nào ai biết Thu An với Cô Tô là một và Tiểu Lãng với Hoài Tân Tử cũng là một?

Anh Thừa được nghe bài học khôn.
Anh lừ đừ con mắt, gật gật khễ:

– Em nói có lý.

Ma-ri cao hứng:

– Em biết vậy, vì mấy anh văn sĩ ấy,
em quen thân, vả lại, mỗi bận họ viết chỗ
nào lúng túng, họ thường đọc cho em
nghe, để hỏi em ý kiến.

Anh Thừa vẫn im lặng. Bỗng Ma-ri
phát đánh đét vào đùi mình, như chợt
nghĩ ra một điều hay:

– Anh ạ, em hiến anh một kế này
nhé! Anh nhân dịp công ty chưa bị đóng
cửa mà vét lấy một món.

Anh Thừa trố mắt nhìn. Ma-ri bàn:

– Thế này nhé. Bây giờ tòa chưa xử, người ngoài chưa rõ trắng đen ra sao. Thì ngay từ ngày mai, anh hãy ách việc trả tiền nợ các nhà thuốc lại. Không những vậy, anh còn buôn thêm thật nhiều nữa vào, rồi bán ngay để lấy tiền ngay. Đến ngày công ty đóng cửa, anh quyết ráo, mà cũng chả phải trốn đi. Đố ai biết đứa nào tên là An-be Thua mà đòi nợ, mà kiện nợ đấy! Có phải lúc ấy, túi anh bẫm thêm không nào!

Anh Thừa toát mồ hôi trán:

– Hay! Hay quá! Nào! Cạn cốc! Moa mừng toa!

Ma-ri nghe thấy tiếng khen hay, thì nhớ lại cái đêm trong sầm Đồng Lợi. Ma-ri dùng những tiếng cũ để khuấy cho vui câu chuyện:

– Thế là anh không anh hùng bằng đàn bà nhé!

Anh Thừa cúi rạp đầu:

– Anh phục thuyền quyền của anh.

Hai người giờ bắt tay nhau.

Một lát, Ma-ri hỏi:

– Cái thuyền của toa đâu?

– Ở nhà quê. Anh không cho ra Hà Nội. Anh gửi tiền về nuôi hai mẹ con. Thỉnh thoảng anh về thăm. Nhưng từ ngày đê Gia Lâm vỡ, làng anh cũng bị lụt. Anh chẳng được tin tức chúng nó sống chết thế nào. Thôi thế là may, nếu đường sá không mắc nghẽn, mẹ con nó bỗng bề nhau ra đây, thì cái ngũ hãm tài này, nếu anh để cho khách hàng của anh

trông thấy, tất công ty vỡ từ lâu rồi!

– Nói ngắn lại là toa vẫn được tự do, hả? Thì chốc nữa, toa theo moa về nhà. Đến cho biết chỗ moa ở.

– Được. Vả moa cũng mong được gặp toa luôn. Nhưng moa hãy hỏi, toa ở với chồng toa chứ?

Ma-ri lắc đầu:

– Không, vẫn độc thân. Thủ tiết. Bây giờ moa tu. Gái tơ cần kén chồng.

Nói đoạn, Ma-ri đứng dậy, dọn hàng vào chiếc xe nôi. Anh Thừa giúp Ma-ri, xếp ngược các ghế đầu đặt trên mặt bàn.

Độ mười phút, việc xong, hai người cùng đẩy xe, đi song song thong thả ở sau.

Gió hiu hiu. Mặt trăng lên tới đỉnh đầu, rắc mảnh vàng trên mặt nước hơi gợn sóng. Tà áo Ma-ri phần phật dính vào ống quần anh Thừa. Ma-ri thở dài:

– Tiếc rằng cái xe nôi chỉ chở chai cốc!

Anh Thừa tiếp:

– Và chúng nu không là... [nous: chúng tôi]

Ma-ri vội vàng xua tay ngăn:

– Không cần nói đến nơi! Hiểu ý là đủ rồi.

Anh Thừa cười:

– Toa là bạn của văn sĩ có khác!

– Những lúc nào lãng mạn thì ra lãng mạn, mà lúc nào làm ăn thì ra làm ăn. Nhớ lời anh nói ngày nọ, em về, em suy nghĩ mãi, em mới nhất quyết bỏ thằng Tu-nô, đi lập thân lấy. Sống không nhờ vả người, có khỏi khúm núm thật, anh ạ.

Im một tý, Ma-ri tiếp:

– Cho nên, nếu em có bằng làm thuốc, lại có óc kinh doanh như anh, em chả chịu bán thuốc, vẫn phải sống dựa vào người. Chưa khỏi khúm núm.

Rồi bỗng Ma-ri cười sảng sặc, hỏi:

– Hay anh không biết làm thuốc?

Anh Thừa thấy Ma-ri đùa bằng giọng chế nhạo, thì cười khẩy và nghiêm trang đáp:

– Anh không biết làm thuốc, lại dám bán thuốc? Chỉ tại ngày ấy anh không có tiền thuê nhà mở phòng thăm bệnh, và lại, bằng thuốc của anh là do anh du học bên Tàu, được chính phủ Dân quốc cấp phát, thì biết bệnh nhân người mình có tin giá trị của nó hay không. Còn như về nghề làm thuốc, nếu mắt em chưa trông thấy anh chữa cho thằng Tu-nô, thì anh cũng có thể tuyên bố rằng anh khinh đút mấy ông đốc-tờ Tây, mấy ông thầy lang Tàu ở Hà Nội này.

Ma-ri gật đầu:

– Được đấy.

Anh Thừa cau mặt:

– Sao lại được? Được cái gì?

Ma-ri vẫn gật gù:

– Em chẳng rõ anh có biết làm thuốc thật hay không nhưng nếu em là bệnh nhân, mà nghe anh nói câu sau cùng vừa rồi, thì thế nào em cũng tin anh mà phó thác tính mệnh cho anh!

Ngừng một lát, Ma-ri lại tiếp:

– Thế mới biết ở Hà Nội kiếm ăn còn dễ. Muốn làm nghề gì, thì trước khi học nghề, hãy học nói phét đã!

Anh Thừa cười lạt, nhạo lại:

– Thế thì anh chắc rằng em không làm cái câu anh hùng thuyền quyền, em không quen mấy nhà văn sĩ, và em chưa biết cái ống tiêm ngược xuôi đầu nào.

Ma-ri hích vai vào vai anh, dí dỏm đáp:

– Ốc anh còn non thế, không trách cho anh lo cho công ty anh khỏi bị đóng cửa là phải. Người ta nói phét là nói phét với người không biết mình, chứ ai dại gì nói phét với người biết mình? Nếu anh không tin em, thì anh cứ mở phòng khám bệnh đi. Em sẽ làm y tá giúp anh.

– Thật nhé?

Ma-ri lại cười:

– Kể ra làm giúp anh, thì mình làm cho mình, không phải khúm núm trước mặt ai. Nhưng anh để em nghĩ, vì em đương xin việc ở nhà thương Đồn Thủy. Sở dĩ em nói vậy, là vì thấy anh không tin là em biết nghề y tá. Thế giấy chứng nhận của thằng Tu-nô là giấy lộn à?

Rồi Ma-ri vẫn lau lau:

– Anh phải biết, về nghề chữa thuốc, em cũng chẳng kém ai. Nếu pháp luật cho phép, thì với sự thông thạo nghề của em bây giờ, em cũng có thể mở phòng khám bệnh, kê đơn cho bệnh nhân.

Thấy anh Thừa quay nhìn mình, Ma-ri dờ dũa dờ thật, tiếp:

– Thật đấy, nếu bệnh nhân em chữa mà không khỏi, thì họ đến nhờ người khác chữa hộ. Họ có chết, thì họ đổ tại số. Mấy lại, dù không biết thuốc, em cứ mở phòng khám bệnh, cũng làm được như thường. Cứ kê đơn bừa bừa, miễn là bệnh nhân trả tiền mình sòng phẳng. Một nghìn người phải lừa, là em có thừa một nghìn bạc!

Ma-ri nghiêm lại:

– Cho nên em khuyên anh nên mở phòng khám bệnh, làm thuốc, có hơn đi cây cục bọn trạng sư với quan tòa giữ cho anh cái nghề bán thuốc hay không. Bọn này không hơn gì bọn làm thuốc chúng mình đâu. Có khi họ còn kém mình là mình có lương tâm hơn họ. Cùng là phường nói dối để lấy tiền cả, nhưng chỉ những người làm thuốc không lành nghề mới vô tình mà giết người vô tội, còn trạng sư, quan tòa, càng lành nghề, càng cố ý tha cho kẻ có tội.

Hai người cùng phá lên mà cười, rồi cùng yên lặng. Bổng anh Thừa nói:

– Hai óc này mà đấu nhau lại để hợp tác với nhau, thì liệu hồn những nhà giàu! Em tính toán kỹ xem có thể giúp anh trong nghề làm thuốc không?

Ma-ri ra về suy nghĩ:

– Em sẽ trả lời anh sau

6

MẶC CẢ VỚI CON CÁI CỦA
MỘT NGƯỜI ĐÃ DÀY CÔNG
TU NHÂN TÍCH ĐỨC

Anh Thừa đương thảo dỡ bản
giao kèo thuê nhà để mở
phòng thăm bệnh. Bỗng anh ngừng bút.
Có tiếng giày lên gác. Anh vội vàng chặn
tờ giấy trắng lên trên.

Quả nhiên anh có khách: Ma-ri đến.

Hôm nay, Ma-ri ăn mặc đầm, diện lấm. Thế mà mặt thì buồn rười rượi:

– Không có người lạ chứ? Nói chuyện riêng được không?

Anh Thừa gật đầu, bắt tay Ma-ri. Hai người cùng ngồi ở xa-lông.

Ma-ri lấy mùi soa vỗ vào mặt để thấm mồ hôi, rồi than thở:

– Bực mình lắm, anh ạ. Nếu anh quyết định mở phòng khám bệnh, em quyết định giúp việc anh.

Anh Thừa mừng rỡ, nắm chặt lấy tay Ma-ri, rung một hồi:

– May quá! May quá!

Nhưng vẫn thấy Ma-ri không cười, anh hỏi:

– Anh thì vui lòng thế, sao em lại bực mình?

– Em bực mình việc khác kia. Ông bố em là một người suốt đời tu nhân tích đức. Thế mà trời không có mắt, bắt em phải khổ. Người ta bảo ăn ở hiền lành dành phúc cho con, là nói láo!

Anh Thừa vẫn ngớ mặt. Ma-ri nói:

– Tòa vừa bác cái đơn em xin vào làng Tây.

Anh Thừa hiểu:

– À, để em làm y tá ngạch Tây, lĩnh lương Tây cho nhiều. Bây giờ đơn em bị bác, mùa hè lại sắp hết, bán kem không chạy nữa, em mới chịu làm với anh. lĩnh lương ngạch An-nam. Có thể phải không?

Ma-ri gật:

– Đúng thế. Vả lại em còn bức thế này nữa. Tháng trước, em đưa đơn xin hản quốc tịch Pháp kia. Tòa bảo những người muốn được quốc tịch Pháp, phải có danh vọng, làm vinh dự cho nước Pháp. Như em là không được. Nhưng tòa bảo những người con Tây lai để hoang, có thể vào làng Tây bằng cách xin pháp luật nhận cho là con Tây. Em đành theo cái cách ê chề thế vậy. Hôm nay, mẹ em ra tòa, khai rằng năm nào đấy, có ăn nằm với một người Tây tên là gì đấy, rồi đẻ em ra. Xét việc này, Tòa chỉ cần có hai người Tây làm chứng, nhận thực là mẹ em có ngủ với người Tây ấy. Nhưng ngờ đâu trong hai chứng của mẹ em, tòa xét một người là gian, vì cái năm bố em ở bên An-nam này, người ấy còn ở Mạc-xây.

Anh Thừa hỏi:

– Sao bà cụ không nói với ông cụ ra tòa nhận thực, có đồ phải chứng tá không?

– Vì ông cụ không còn ở Hà Nội nữa. Chứ bắt một người đàn bà An-nam già, phải ra đứng trước mọi người, để thú rằng mình đã ngủ với Tây và đẻ hoang, là bắt người ta phải nói một điều nhục nhã. Cho nên việc hồng, em thương mẹ em, và bức với tòa lắm. Em chỉ tiếc rằng; bố em một đời ăn ở hiền lành, dày công tu nhân tích đức, chỉ làm cho người khác được hạnh phúc, mà chính em là con, lại không được hưởng hạnh phúc!

Anh Thừa muốn an ủi, hỏi:

– Ông cụ làm nghề gì. Quan binh, quan cai trị hay giáo sư?

– Không phải. Bố em là cha đạo, anh
ạ.

Anh Thừa không dám cười. Anh
muốn tìm ý khác làm cho Ma-ri đỡ tủi
thân. Anh hỏi:

– Bà cụ ở đâu? Làm gì?

Ma-ri tặc lưỡi, đáp nhuế nhóa như
để đánh trống lảng:

– Ủi chà! Lúc ở Bờ Sông với con này,
lúc ở ô Đồng Mác với con nọ.

Anh Thừa sực nghĩ ra. Lần đầu tiên
anh đi với Ma-ri ở sông bạc đến sầm
Đồng Lợi, Ma-ri đưa anh ra bờ sông, cứ
đứng nhìn các hàng nước ở bãi bến tàu
Nam. Hẳn mẹ Ma-ri bán hàng nước.

Biết Ma-ri muốn giấu, anh không

hỏi thêm nữa. Anh nói:

– Vào làng Tây thì được nhiều quyền lợi thật. Nhưng anh trông, cứ cái tên em, đổ ai bảo em là An-nam. Ngay như anh, chỉ lấy có một tí tên Tây, mà cũng vô khối người trọng vọng, tín nhiệm.

Ma-ri lại lau mồ hôi:

– Thôi, nhưng mà thế là may cho anh. Em quyết định làm y tá giúp anh.

Anh Thừa vui thích lại bắt tay Ma-ri thật chặt và rung thật nhiều, như để thể với nhau là không thay đổi lời hứa.

Ma-ri tươi tỉnh dần, nói:

– Bây giờ chúng ta nên bàn đến công việc. Trước hết, chúng ta phải dứt khoát với nhau về tiền lương.

Anh Thừa gật đầu:

– Đó là việc cần nhất. Em định lấy bao nhiêu thì đủ tiêu?

– Vô chừng, anh ạ. Em có trăm cũng hết, có nghìn cũng hết. Nhưng đã gọi là cộng tác, thì em phải tính với anh một số lương phải chăng. Em không bắt anh phải trả em như nhà thương Đồn Thủy trả y tá đêm. Buổi đầu công việc còn khó khăn, em chỉ lấy của anh ba chục thôi.

Anh Thừa khen:

– Em thật biết điều. Anh tin rằng em còn làm lợi cho anh gấp đôi.

– Cái đó đã hẳn. Cho nên em mới nói là buổi đầu. Còn sau này, phòng thăm bệnh đông khách, ta sẽ nói chuyện với nhau sau.

Anh Thừa gặt gù:

– Cái đó, cố nhiên. Em chả cần phải nói, tự khắc anh làm vừa lòng.

– Thế còn giờ giấc làm việc? Hẳn là em chỉ phải có mặt ở phòng trong giờ tiếp khách. Còn ngoài ra, em được tự do.

– Đã đành.

– Em nói vậy, nghĩa là nếu bệnh nhân muốn mời riêng em ngoài giờ, em được tự do đến chữa cho họ, anh không ngăn cản?

– Đó là quyền em. Miễn là trong giờ tiếp khách, em tận tâm với anh, chứ không tận tâm với em để lấy khách riêng.

– Không, em không trẻ con như thế đâu. Nhưng nếu ngoài giờ làm việc, anh

chữa đầu mà cần em theo, tin em làm thêm giờ nào, anh trả thêm giờ ấy. Mỗi giờ một đồng bạc.

– Đúng.

Bổng Ma-ri xòe bàn tay, dọa dọa vào mặt anh Thừa, nói bằng giọng láu lỉnh:

– Đã mặc cả thì mặc cả cho hết. Toa với moa không là vợ chồng, thì moa cử chỉ, nói năng với khách thế nào, moa cấm toa không được ghen đấy. Đời tư của moa, toa không có quyền can thiệp.

Anh Thừa cũng đùa:

– Được. Miễn là toa đừng làm loạn phòng thăm bệnh của moa thôi.

Nói đoạn, anh cười. Ma-ri cũng nhoẻn miệng:

– Cũng nên dứt khoát cả khoản này nữa. Là hiện nay, moa là gái kén chồng, cần giữ tiếng tăm cho tốt. Nhưng toa lại là trai vắng vợ, sống tự do một mình. Vậy moa cấm toa xâm phạm đến thân thể moa, cấm nghĩa là nếu toa xâm phạm, moa cũng bằng lòng, nhưng tùy theo hành động và thì giờ, toa phải tính tiền trả moa hơn cái giá moa làm thêm ngoài giờ. Có điều là toa được hưởng giá đặc biệt.

Anh Thừa bật cười:

– Toa hiểu người và chu đáo quá! Về chi tiết, ta sẽ thỏa thuận với nhau sau.

– Phải dứt khoát từ việc to đến việc nhỏ, thì làm với nhau mới bền.

Anh Thừa dờ dùa dờ thật:

– Toa làm với moa, toa sẽ có nhiều khoản để phát tài, thế mà toa lấy lương những ba chục một tháng kia à?

Ma-ri nhún vai, không đáp. Anh Thừa nghiêm mặt:

– Nhân em nói đến tiếng cấm, thì anh cũng giao hẹn với em, là anh cấm em những điều này. Một là về công việc chuyên môn, anh cộng tác với một ông cụ nhà nho, học vấn uyên thâm, đã làm thuốc mấy chục năm ở Huế. Vậy nếu em không được anh hỏi ý kiến, thì em đừng bàn bạc đến việc thuốc thang. Có được không?

– Em còn mong được thế đấy, anh ạ.

– Tốt lắm. Hai là khi vắng anh và ông nhà nho uyên thâm, anh cấm em nói tốt, khen ngợi hai người với khách.

Ma-ri ngạc nhiên:

– Sao lại thế?

– Phải, em chỉ được phép nói xấu thôi. Ví dụ, nói về anh, em kể tội là hết giờ làm việc, mà em cứ phải đợi anh xong mới về. Nhưng anh thì cứ miệt mài nghiên cứu thuốc thang, lắm bận quên đi, em phải ở lại đến tám giờ tối. Em cũng nên nói xấu là thấy người nhà mách rằng anh hay đọc sách đến quá nửa đêm, không biết giữ gìn sức khỏe. Ai khuyên cũng không nghe. Về ông nhà nho uyên thâm, em oán ông cụ nghiêm nghị như ông long thần, và kín đáo như cái hòm khóa, cả kinh đô biết cái việc cụ chữa cho vua Khải Định, mà cụ chả nói hở ra với ai. Có hỏi dò thì cụ lại mắng. Khen cụ là thuốc hay cụ cũng không bằng lòng.

Ma-ri rũ ra cười. Anh Thừa tiếp:

– Mà muốn cho khách kính trọng ông nhà nho và kính trọng anh, thì, nói với họ, em đừng gọi là cụ ấy, mà là Cụ không thôi. Gọi anh thì là ông Trần. Nói với anh thì dùng hai chữ tiên sinh. Trước công chúng, ta cần giữ với nhau rất lễ phép. Đừng để ai biết chúng ta.

Ma-ri cười ngặt nghẹo, phát vào vai anh Thừa:

– Khỉ!

– Nói với em, anh cũng một điều thưa bà đốc, hai điều thưa bà đốc.

Ma-ri giơ tay ra ngăn:

– Không! Thưa cô đốc chứ! Em là gái tơ!

– Ủ, thì cô! Và nếu có ai hỏi về em, anh cũng hết sức nói xấu em như kiểu trên. Nói xấu để khen ngầm còn được tin bằng vạn nói tốt. Chúng ta làm ra vẻ tôn kính lẫn nhau, phục lẫn nhau, tự khắc khách hàng tôn kính ta, phục ta. Còn điều này, dù anh biết dặn em cũng là thừa, nhưng anh cứ nói. Là khi chúng ta cùng làm với nhau, thì nhất thiết phải thành thực với nhau, và nhất thiết phải không thành thực với người ngoài.

Ma-ri mỉm cười:

– Em vẫn làm thế. Em đã chẳng nói một lần với anh, là trước khi học nghề, hãy phải học nói phét để lừa bịp là gì.

Hai người cùng cười rũ rượi. Anh Thừa khen:

– Em là người lắm mưu trí. Em còn giúp anh được nhiều việc.

Ma-ri cầm ví đứng dậy:

– Muộn rồi, em về nhé! Anh còn muốn dặn dò gì nữa không?

Anh Thừa ngược mắt nhìn lên trần, đáp chậm rãi:

– Chúng ta cần ngay từ bây giờ bắt tay vào việc. Nhất định anh mở phòng thăm bệnh, và nhất định em sẽ giúp anh. Muốn em chắc chắn về lời nói của anh, em hãy cầm tạm cái này.

Anh Thừa mở ví, lấy tập giấy bạc. Đếm mười lăm đồng, đưa cho Ma-ri:

– Đây là nửa tháng lương, em cầm lấy mà tiêu. Từ nay đến tháng phòng thuốc

khai trương, em hãy tiêu nửa tháng lương thôi. Bao giờ phòng mở cửa, em đến làm việc, em sẽ lấy cả lương.

Ma-ri cầm tiền cất vào ví:

– Cảm ơn anh.

– Không phải cảm ơn, vì anh giao cho em hai việc. Một là ngay từ hôm nay, gặp ai em cũng cổ động cho phòng khám bệnh, cổ động cho uy tín của anh. Cổ động thế nào, anh tin ở tài của em. Em thạo nói phét rồi, đỡ được công học, thì bây giờ em phải học nghề. Em giả vờ đau ốm gì đó, đến phòng thăm bệnh của ông đốc tờ Ta-mít mà nhìn. Ở đấy, có người nữ y tá. Em xem người ấy như thế nào, thì bắt chước.

Ma-ri nhăn mặt, nũng nịu:

– Phiền nhỉ?

– Không phiền đâu. Anh cũng biết em đã học việc ở nhà thương Phủ Doãn. Nhưng em ạ, người y tá làm tư khác với người y tá làm ở nhà thương công. Họ không rẻ rúng, hắt hủi khách vì sợ bận việc đâu.

– Được rồi. Em sẽ nghe anh. Anh còn cần gì em nữa không?

– Còn. Một việc lớn nữa.

– Anh cứ nói.

– Là em đừng đến với anh trong một tuần lễ. Để cho anh yên tĩnh làm xong những việc cuối cùng của công ty mà em đã xui anh hôm nọ. Nhưng ác quá! Thứ hai sau tòa đã xử vụ này. Không khéo anh không có đủ thì giờ làm hết việc. Anh đã

nhờ trạng sư xin tòa hoãn đến phiên sau.
Họ đòi thêm hai chục.

Ma-ri trợn mắt:

– Họ đòi thêm những hai chục à?
Anh nhận lời chưa?

– Chưa. Bọn này lèn anh đau quá rồi.
Anh còn chịu họ tiền, đã đưa hết đâu mà
dám nhận lời.

Ma-ri hớn hở:

– Tốt lắm. Em có cách làm cho tòa
hoãn.

Anh Thừa cau mặt, nghiêm chỉnh
nhìn Ma-ri như không thích nghe đùa
cợt. Nhưng Ma-ri không đùa cợt, hỏi:

– Thế anh có thấy nói thỉnh thoảng

trạng sư xin tòa hoãn xử một vụ án trong mười lăm hôm không? Hoãn để làm gì, anh có biết không?

– Hoãn để họ nghiên cứu thêm về bản án.

Ma-ri lắc ngón tay trở:

– Không phải, Họ nói thế thôi. Thực ra, là để đòi nốt của khách hàng món tiền thuê cãi.

Anh Thừa giương đôi con mắt ngạc nhiên:

– Thật à?

– Sao lại không thật. Họ phải sống về nghề của họ chứ! Anh cứ chịu lại tiền đi. Thế nào trạng sư cũng phải xin tòa hoãn. Anh sẽ không mất thêm hai chục, lại

được những mười lăm hôm, chứ không phải vài hôm.

Anh Thừa cười khoan khoái:

– Em tài quá!

Ma-ri sung sướng, long lanh nhìn anh, rồi nói:

– Em mà như anh, thì em không đại gì cho tòa bắt công ty đóng cửa. Cứ tự đóng cửa ngay từ bây giờ mới tránh được tiếng. Khó quá gì! Anh đăng lên báo lời cáo biệt như của những tờ báo đình bản vì lỗ vốn ấy. Nhưng không cần nói mập mờ như họ, là vì một lẽ riêng, mà tuyên bố rõ hùng, là công ty tạm đóng cửa ít lâu để chấn chỉnh, khuếch trương to lớn hơn.

Anh Thừa tặc tặc lưỡi:

– Hay! Hay quá! Em thôi.

Ma-ri đứng dậy, bắt tay anh Thừa.
Nhưng anh sức nghĩ ra:

– Khoan! Từ hôm nọ đến nay, toa bày cho moa bao nhiêu kế, mà moa chưa đến công toa.

Anh móc ví, lấy một chục bạc, đưa cho Ma-ri. Ma-ri làm bộ yếu điệu, nghèo cổ, mỉm cười:

– Cảm ơn. Mình thật dứt khoát. Đúng là cung cách người biết làm ăn to. Em tín nhiệm mình.

7

**MỘT CUỘC DIỄN KỊCH:
NGOÀI SÂN KHẤU
VÀ TRONG HẬU TRƯỜNG**

Khách ngồi trong các xe điện, trong các hiệu cao lầu, trong các phòng cắt tóc, ở Hà Nội, đều thấy có một cái gì khác thường nó đập vào mắt. Đó là tờ quảng cáo mới dán, in năm màu, trên giấy láng bóng, rất đẹp.

Những phố đông người, nhà nào cũng nhận được quảng cáo ấy. Không ai bỏ qua mà không xem, vì chữ to, câu ngắn, đọc không mất thì giờ. Lại vì có ba cái ảnh ba người in rất rõ, cho nên đọc xong, không ai nỡ xé hoặc vứt đi. Người ta dựng sau kính tủ chè, hoặc để trên mặt bàn, cho đẹp mắt. Người khác trông thấy, lại đọc chữ và ngắm ảnh.

Trang trước, khoảng trên, có những dòng chữ cỡ lớn như sau:

Một tin mừng trong giới!

Một sự hợp tác giữa thuốc bắc, thuốc
nam và thuốc tây!

Biển Thước, Lãn Ông và Pasteur tái
sinh!

Rồi đến chữ lớn hơn:

PHÒNG THUỐC NHÀ GIÀU

Đúng ngày Trung thu sắp tới
sẽ khai trương tại NHÀ VÀNG BỜ HỒ

ngay chỗ đầu đường xe điện

Hà Đông, Cầu Giấy, Bưởi, Bạch Mai.

Từ đây trở xuống là chữ cỡ thường:

PHÒNG THUỐC NHÀ GIÀU tại NHÀ
VÀNG BỜ HỒ

chỉ chữa cho bệnh nhân nhà giàu.

Vì sao?

Vì nếu không phải người giàu thì không
có đủ tiền mua những vị thuốc quý.

Khoảng dưới chia làm đôi. Một bên

là ảnh người, một bên là chữ.

Ảnh thứ nhất, một thư sinh, vẻ mặt hiền lành, đội mũ cát-kết, mặc áo cổ đứng, như kiểu người Trung Hoa. Với bộ ria tơ lún phún trên mép, nhất là với cặp kính trắng không vành, trông người ấy rõ ra nhà thông thái.

Cạnh ảnh in những chữ:

Thuốc Bắc do ông TRẦN ĐỨC THỪA, du học lâu năm tại Trung Hoa, đồ y sĩ số một. Có bằng của Chính phủ Dân quốc cấp phát.

Ảnh thứ hai, một ông già phương phi, râu quai nón. Ông đội khăn xếp mỏng nếp, đeo kính gọng đồi mồi, mặc áo gấm hoa bông tròn, bệ vệ như một đường quan:

Thuốc nam do cụ TRẦN XUÂN ĐIỀU, cụ đã dày kinh nghiệm hai chục năm tận tụy với nghề tại Đế đô. Đã từng dâng thuốc lên được Ngài Ngự khen thưởng và các Cụ khen ngợi.

Ảnh thứ ba là một cô rất trẻ, đội mũ vải trắng, mặc áo choàng trắng. Ai cũng phải ngắm nghía ảnh này, vì cô duyên dáng như một đào chiếu bóng. Mặt cô hơi gằm xuống, nhưng mắt cô nhìn lên, miệng tùm tùm cười. Y như cái lối trách nhưng mà trách yêu. Đôi mắt ấy cứ như nhìn theo người ta, bất cứ người ta để ảnh ở trước mặt hay ở bên cạnh:

Thuốc tây do cô MARIE, một nữ y tá lành nghề người Pháp. Vì lòng yêu tha thiết người Việt Nam, cô quyết tâm thôi việc ở nhà thương Đồn Thủy, về thi thố tài chấn hưng y nghiệp ở PHÒNG

THUỐC NHÀ GIÀU tại NHÀ VÀNG BỜ HỒ.

Trang sau của tờ quảng cáo in hai màu thư Minh tạ lương y của người khỏi bệnh. Người Hà Nội, người các tỉnh ở Bắc-kỳ đã đành, có cả người ở Trung-kỳ, Nam-kỳ, Ai-lao, Cao-mên nữa. Ngoài ra, có thư của sinh viên y khoa người Việt, người Lào, người Mên du học tại Pháp và của Hoa kiều buôn bán ở An-giê-ri. Nhưng đặc biệt nhất, in ngay ở đầu trang, chữ đậm, là nguyên văn một bức thư bằng chữ Pháp của một người Pháp, đứng đầu một sở ở Hà Nội. Bên cạnh là bản dịch ra quốc ngữ:

Giấy chứng nhận

Tôi, Tu-nô, sếp phó văn phòng sở Đường sá và Nhà cửa ga Hà Nội, chúng

nhận ông Trần Đức Thừa, đỗ bằng y khoa của Trung Hoa Dân quốc, đã bằng hai chén thuốc, chữa khỏi một viên chức người Pháp bị mắc lâu ngày một bệnh hiểm nghèo.

Vậy cấp giấy chứng nhận này làm bằng.

Ký tên và đóng dấu Tu-nô

Trong ba nhân vật quan trọng kể trên đây của Phòng thuốc nhà giàu, chúng ta đã biết rõ hai vị. Là “ông Trần Đức Thừa, du học lâu năm tại Trung Hoa, đỗ y sĩ số một, có bằng của Chính phủ Dân quốc cấp phát” và “cô Ma-ri, một nữ y tá lành nghề người Pháp, vì lòng yêu tha thiết người Việt Nam, cô quyết làm thôi việc ở nhà thương Đồn Thủy, về thi thố tài chẩn hưng y nghiệp” để cứu mạng dân

thuộc địa. Nhưng chúng ta chưa biết cái cụ Điều tận tụy với nghề trong hai mươi năm ở Huế, đã từng chữa cho nhà vua, và các đại thần lục bộ là ai.

Các bạn đọc! Nếu đọc cuốn tiểu thuyết này, các bạn không bỏ qua cả những tên người chỉ được kể phớt một hai lần, thì chắc cũng nhớ rằng ở chương đầu, có thấy cái tên Điều, được viết là cụ Điều Hai, hoặc cụ hai Điều.

Cụ Điều là chú họ của anh Thừa. Chúng ta đã rõ rồi. Chúng ta đã chắc chắn rằng cụ biết chữ nho, vì có một lúc, cụ cầm cuốn Thọ Mai gia lễ ở tay. Vì cụ là con thứ hai, cho nên người làng và người nhà gọi cụ là hai Điều. Nhưng khi cụ ra Hà Nội, giúp Phòng thuốc nhà giàu thì anh Thừa thấy cái tiếng Điều là tên riêng của người, không lợi bằng cái tên chung

của nghề, mới đảo lộn ngược hai tiếng của tên cụ, mà gọi là Điều Hai. Lối gọi này sang trọng hơn, quan cách hơn, và hợp lý hơn cho nghề làm thuốc.

Việc đặt lại tên cho ông già này là do óc con buôn muốn khuếch khoáng của anh Thừa. Ta không lạ gì. Cái mà ta lấy làm ngạc nhiên, là cứ sao cụ Trần Xuân Điều được đức Kim thượng Khải Định ban thưởng và các cụ lớn thượng thư khen ngợi, danh giá là thế, mà không chịu làm thuốc ở kinh đô, lại ra Hà Nội giúp việc cho cái thằng cháu mít xoài này?

Vậy xin nói ngay là giá có ai hỏi cụ rằng để đồ ở đâu, chắc cụ không biết. Và có ai giơ tay cho cụ bắt mạch, có thể cụ nắm cả bàn tay của cụ vào cổ tay người ta!

Tuy cụ là hàng trên anh Thừa, nhưng từ hôm ra nhận việc, động nhìn thấy anh Thừa là cụ cứ len lét như rắn mồng năm.

Vì cụ học mãi chưa nói được cho tự nhiên những tiếng Huế, như đất là mắc, hào là giác, vào là vô, nhà là phố, quả dứa là trái thơm v.v... Cả bốn tiếng sông Hương núi Ngự, cụ cũng cứ lẫn mãi là sông Ngự núi Hương.

Thuở bé, cụ là người hay nói, lắm điều, cho nên cha mẹ đặt tên là Điều. Lớn lên, cụ vẫn giữ cái thói quen ấy. Cụ làm như thạo đời, bất cứ việc gì cũng thích bàn choạc vào. Nói nhiều, nhưng rút cục chẳng ăn thua đâu vào với đâu. Có cái nên thạo nhất, là làm thế nào để tự mình kiếm lấy miếng ăn, thì cụ lại vụng. Tóm lại, cụ Điều nói nhiều, nhưng không vì lời nói mà kiếm được ra tiền. Bởi thế,

anh Thừa bảo cụ:

– Muốn làm ra tiền, thì ông đi Hà Nội giúp tôi. Ông đừng nói một tiếng nào, sẽ kiếm được vô khối!

Anh Thừa thấy mã người của chú, béo, đẹp, tốt lão, thì dùng làm cảnh cho phòng thuốc, tức là phong cho chú làm cụ Điều. Nhưng anh ra lệnh tuyệt đối là cấm cụ nói.

Anh giao hẹn mấy kỷ luật như sau:

– Một là ông không được nói với người ốm về bệnh và thuốc. Việc ấy đã có tôi với cô đốc. Hai là thấy ngày thường, tôi với cô đốc nói năng, cử chỉ với nhau như thế nào, ông không được đem về quê mách nhà tôi! Cô đốc là cố vấn của tôi. Không có cô ấy thì phòng

thuốc này không có. Tôi sẽ đói, ông cũng sẽ đói. Nhà tôi mà ra đây để phá tôi với cô đốc, tức là phá phòng thuốc. Ba là ông dùng tò mò về tung tích cô đốc. Cô ấy là ai, nghề nghiệp hay dở thế nào, ông không cần biết. Bốn là có ai hỏi về tôi hay về cô đốc, ông không được nói thật. Bất cứ với ai, tôi cũng khoe về ông như những lời trong quảng cáo, thì ông cũng như những lời trong quảng cáo mà khoe về cô đốc với tôi.

Anh định lương tháng cho cụ bằng lương của anh Xi, là mười hai đồng. Anh bảo thế là quá hậu rồi. Vì anh Xi phải kéo xe và tán thuốc khó nhọc. Còn cụ, cụ không có việc gì nặng, chỉ thỉnh thoảng làm phụ cho anh Xi mà thôi. Lúc tiếp khách, cụ mới cầm tay bệnh nhân, kiểu như xem mạch, và hỏi bệnh nhân ăn, ngủ, ỉa, đái thế nào. Rồi im. Ra dáng

suy nghĩ. Không được nói nửa lời khác.

Bây giờ anh Xi không kéo xe cho cái ĩnh con nữa. Anh làm hản Phòng thuốc nhà giàu với anh Thừa. Anh được trả công như trước là mười hai đồng, tuy không có cơm nuôi, nhưng lấy cả mười hai đồng. Như vậy là anh thiệt. Song, anh Thừa so sánh lương anh với lương cụ Điều Hai là bậc cha chú, người quan trọng nhất của Phòng thuốc nhà giàu, thì anh vui lòng ngay. Vì thấy anh đã thuộc kỷ luật, nhất là cái khoản không được tiết lộ bí mật nhà nghề, nên anh Thừa không phải dằn dò nhiều.

Mặc cả công sá với người giúp việc xong, anh Thừa phải cho anh Xi cái áo tây cũ, để ở nhà thì mặc như bác long-toong, và mua cho anh bộ quần áo trắng bốp, cái nón lợp vải xanh và đôi xà-cạp

xanh, để khi kéo xe cho cụ Điều Hai, thì như cậu lính lệ.

Anh Thừa may sắm cho cụ Điều Hai rất chững chạc: chiếc khăn xếp, cặp kính trắng, bộ quần áo chúc bầu là phẳng nếp, cái áo đoạn huyền, và đôi giày ban da láng bóng lộn. Cái áo gấm trong ảnh là cụ đã mượn của hiệu để mặc, chụp cho oai.

Cụ Điều thẳng bộ vào, trông ra phết một vị tổng đốc, tuần phủ tại chức.

Anh Thừa lại dạy cụ tập cái dáng đi lừ lừ đôi mắt nhìn xuống, chẳng nói chẳng rằng. Chính Ma-ri, hôm mới trông thấy cụ, cũng phải lắc đầu lè lưỡi, thầm thì với anh:

– Trông cụ phúc hậu, nhưng mà dữ tướng nhỉ!

Học được điệu bộ đó, cụ hai Điều mới học nghề sau. Đó là theo cái bí quyết làm giàu bất di bất dịch của anh Thừa. Anh đưa tiền cho cụ đến nhà một ông lang để nhờ xem mạch. Cụ đã quan sát ông ấy làm những gì, nói những gì, rồi về, cụ tập dượt nhiều lần với anh.

Khi cụ đã thành thạo, anh Thừa làm cuộc tổng diễn tập. Cụ Điều được ăn mặc đẹp, được ngồi xe nhà cho anh lính lệ Xi kéo. Đi qua mặt anh Thừa, cụ được anh đứng dậy, khúm núm, thừa bẩm rất lễ phép. Không ngờ mình hóa ra danh giá, cụ Hai Điều đắc chí lắm.

Từ ngót một tháng nay, anh Thừa chuẩn bị cái việc cho Phòng thuốc nhà giàu khai trương đúng hẹn.

Cái nhà anh thuê có nhiều buồng.

Buồng ngay ở đường vào là buồng đợi. Chính giữa buồng, treo cái bảng làm thuốc đóng khung sơn son thếp vàng. Nhiều ghế cho khách ngồi kê sát tường. Phía trên mỗi ghế có dán một tờ quảng cáo. Phía trên quảng cáo là những tấm vẽ lớn những bộ máy hô hấp, bộ máy tuần hoàn, bộ máy tiêu hóa v.v... là những tranh khoa học các trường dùng để dạy học sinh. Ngoài ra, có một số ảnh màu chụp phong cảnh Hàng Châu, phong cảnh Huế và phong cảnh Pa-ri.

Ở một góc buồng đợi, có cái bàn nhỏ sơn trắng, Ma-ri ngồi đó để tiếp khách. Tiếp khách có nghĩa là chài khách. Và sau khi biên tên tuổi và bệnh của khách vào một mảnh giấy vuông nhỏ, gọi là phiếu, Ma-ri hỏi khách xem muốn được ông Trần hay Cụ (chứ không nói cả hai tiếng cụ Điều) hay cả hai người cùng xem cho,

thì ghi ký hiệu riêng vào phiếu, rồi đưa anh Xi. Anh này cầm phiếu vào buồng thăm bệnh, để úp mặt giấy lên bàn. Khi anh Thừa ra làm việc, thì lật ngửa chồng phiếu lại. Như vậy, người ghi tên trước được mời vào trước.

Buồng thăm bệnh nhỏ hơn buồng đợi. Buồng này không trang trí gì. Nhưng các tường và trần căng toàn vải màu đỏ. Màu đỏ để làm bệnh nhân ghê rợn, tăng uy phong cho ông thầy. Màu đỏ cũng để ông thầy nhìn sắc mặt bệnh nhân mà đo ngay được trình độ bệnh. Chỉ có một cái bàn bầu dục, phía trong bày hai chiếc ghế mây, cho hai ông thầy, và phía ngoài, chiếc ghế bành cho bệnh nhân. Bệnh nhân được ngồi thoải mái, đặt cổ tay lên cái gối bông nhỏ, để ông thầy bắt mạch.

Hôm tổng diễn tập, thấy cụ điều Hai

đứng, ngồi, cầm tay và hỏi han bệnh nhân như ông lang thật, anh Thừa khen mãi.

Cạnh buồng thăm bệnh là buồng gọi là buồng luận bệnh. Sau khi xem mạch kỹ lưỡng và hỏi han bệnh nhân cặn kẽ, thì hai ông thầy vào đấy để luận bệnh và bàn cách chữa.

Buồng phát thuốc ở nhà trong, cách nhà ngoài một cái sân, trên có giàn thiên lý, hoa thoang thoảng mùi thơm nhẹ. Đây mới là chỗ chính của Ma-ri ngồi làm việc. Buồng không trang hoàng gì. Chỉ có một cái gương lớn cho Ma-ri soi. Khi được phòng luận bệnh cho giấy vào lấy bao nhiêu thứ thuốc gì, thì Ma-ri gói đủ để đưa cho bệnh nhân, rồi thu tiền. Sát ngay buồng của Ma-ri, là buồng pha chế thuốc, do anh Xi phụ trách. Pha chế

nghĩa là nghiền nhỏ biến những viên thuốc mà trước kia công ty của ông An-be Tuy-a chưa bán hết, rồi trộn với thuốc tây cùng loại, cũng đã được tán thành bột. Nếu khách muốn dùng thuốc nước, thì anh Xi đã có sẵn nước cam thảo để hòa những bột thuốc ấy vào.

Nhưng khách muốn uống thuốc chén, thì cụ điều Hai tự tay bốc cho. Thang thuốc không khác gì thang thuốc ông lang bốc cho nhà nghèo. Nhưng vì phòng thuốc này chỉ chữa cho nhà giàu, nên phải có vị đắt tiền. Vị này bí truyền, cho nên nó đã được tán nhỏ biến, gói riêng, khi sắc xong mới hòa vào. Sự thật, vị này là vị mà anh Xi nghiền, tức là trộn ầu tí thuốc bắc và thuốc tây cùng loại.

Gác nhà ngoài là chỗ ở của anh Thừa. Gác nhà trong là chỗ ở của cụ Điều và

anh Xi. Hai gác thối nấu chung ở bếp. Cạnh bếp, có cổng sau mở ra phố cầu Gỗ. Anh Thừa tìm mãi mới được nhà thông ra hai phố, cho nên dù phải trả đất một tí, anh không tiếc tiền.

Ma-ri vẫn ở nhà riêng trước Cột đồng hồ, ngoài bờ sông, có lẽ gần nhà mẹ. Nhưng sau, vì anh Thừa cần đến hẳn luôn, mà đi bộ thì mỏi chân, đi xe thì xót tiền, hẳn thuê được cái gác, cách Phòng thuốc hai nhà.

Tìm được chỗ như ý, anh Thừa mượn thợ quét vôi vàng thẫm như nghệ. Hai tường đầu hồi, mặt ra phố, thì quét hẳn bằng sơn màu cá vàng. Vì vậy, Phòng thuốc nhà giàu gọi là Nhà vàng Bờ Hồ.

Nhưng không phải anh Thừa chỉ trông mong vào tài nói của anh và của

Ma-ri mà hy vọng làm ăn vững được. Anh không biết thuốc. Chú anh không biết thuốc. Còn Ma-ri, anh cũng không tin hẳn biết thuốc nốt. Nhiều lần, anh bất chợt hỏi hẳn về thuốc, thấy hẳn trả lời lúng túng, nếu không lúng túng thì nói liều hoặc đánh trống lảng. Anh đoán rằng hẳn chẳng học y tá ở nhà thương Phủ Doãn ngày nào. Có lần, anh vờ làm như không biết, hỏi hẳn đường sá trong nhà thương ấy, thì thấy hẳn toàn nói sai. Nhưng sai thì sai, mà tài quá, hẳn nói rất trôi chảy.

Có một bạn thôi, muốn biết đích xác giấy chứng nhận của thằng Tu-nô là chứng nhận thật hay chứng nhận dối, anh Thừa lòe Ma-ri để bắt nọn:

– Hôm anh đến bảo nó viết giấy chứng nhận rằng anh đã chữa cho nó

khỏi bệnh thiên trụ, nó không dám từ chối. Nó thấy anh ăn mặc oai thì bắt tay và kéo ghế mời ngồi, gọi anh bằng ông. Nó xin anh rộng cho nó một điều là được giấu tên thật của nó và giấu bệnh thật của nó. Vì thấy lời ông sếp phó sở Đường sá và Nhà cửa có giá trị hơn lời của bệnh nhân, cho nên anh bằng lòng và nó nói bệnh hiểm nghèo thì rồi mình muốn bịa là bệnh gì chẳng được. Viết xong giấy cho anh, ý chừng muốn anh yên tâm là nó vẫn chứng nhận cho người khác như cho anh, nó khoe rằng đã cấp cả cho em một tờ như vậy, để em xin chân y tá ở nhà thương Đồn Thủy.

Nói đoạn, anh tùm tùm nhìn Ma-ri, như để chế nhạo con người bị lộ tẩy. Nhưng Ma-ri không cười, trái lại, mặt hần hăm hăm, chửi mãi thằng Tu-nô là nói điêu. Rồi hần ôm mặt khóc:

– Đứa nào không biết thuốc mà nói dối là biết, thì chỉ đáng làm con chó ăn cứt. Anh không tin em, lại tin thằng đầu giả ấy à?

Anh Thừa thấy lời thể khá độc, thì chặm nọc. Tuy không lần nào anh hỏi nữa, nhưng anh vẫn tin rằng Ma-ri không nói thật. Song, cũng vì thế mà anh rất mừng. Mừng vì đối với anh, Ma-ri vẫn còn lừa bịp, thì chắc khi cộng tác với anh, hẳn chẳng tha ai. Với nhan sắc xinh tươi này, và với mồm miệng bùa bả này, thì vô khối thằng giàu híp mắt lại, hoặc nhắm mắt cho Ma-ri xỏ mũi. Rồi đến đây, họ bị cái uy phong và cái im lặng của cụ Điều lăm liệt nó thôi miên, thì có là thánh cũng không thoát nổi tai nạn.

Nhưng không phải khách chỉ phải lòng mặt Ma-ri và tin hóng cụ điều Hai

mà đủ cho họ phải bỏ tiền ra. Họ phải có thuốc chứ?

Việc cho bệnh nhân thuốc, anh Thừa tự nhận là trách nhiệm của anh. Từ ngày còn ở Đồng Đăng, nề ông Sơ mà đọc báo, anh đã nhìn thấy nhiều số có đăng những bài thuốc kinh nghiệm. Anh tìm mua những tờ ấy, cắt những bài ấy, rồi giao cho Ma-ri.

– Đó là sự nghiệp của anh. Trong thời gian du học ở bên Tàu, anh nghiên cứu nhiều bài thuốc gia truyền của người ta, lại sưu tầm nhiều bài thuốc gia truyền của người mình. Anh dùng những bài ấy để thí nghiệm chữa bệnh và đã sửa đổi một vài vị cho thật công hiệu. Cho nên anh đã đề là những Bài thuốc kinh nghiệm, đăng lên báo cho quốc dân dùng. Nay anh muốn xuất bản. Nhưng vì anh

không phải là văn sĩ, nên nhiều câu đặt chưa trôi chảy. Em là người có đầu óc thích thơ, chắc là biết viết gọn hơn anh. Vậy em sửa chữa lại lời văn cho anh. Câu nào nên thêm bớt thế nào. Tùy em được tự tiện.

Ma-ri vui thích, hỏi:

– Thế khi in ra sách, anh có cho em đứng tên là san nhuận hay không?

Anh Thừa cười:

– Anh làm việc này không cần cầu danh, cũng không phải cầu lợi. Nếu em xét là cần. Thì cả hai người chúng ta cùng đứng tên là soạn giả, anh cũng bằng lòng.

Ma-ri sung sướng, nói:

– Tăng giá trị cho em, là tăng giá trị

cho Phòng thuốc nhà giàu. Độc giả An-nam sẽ càng tin sách thuốc này có toàn bài hay, vì thấy có cả người Pháp nghiên cứu kinh nghiệm.

Ma-ri đem những mảnh báo vế, xóa bớt những tiếng thì, mà cho khỏi rườm, đặt lại một vài câu cho khác đi, để gọi là có công phu sửa chữa.

Anh Thừa thuê đánh máy tập Bài thuốc kinh nghiệm ra nhiều bản. Anh chưa đem in, nhưng hãy đóng thành sách, đặt tên là Truyền thuốc bí truyền.

Tập Truyền thuốc bí truyền chỉ dùng làm quảng cáo cho hai soạn giả thôi. Một bản bày ở buồng đợi cho khách nhìn thấy. Một bản bày trên bàn tiếp khách của Ma-ri cho hãnh khoe tài. Một bản bày trong buồng thăm bệnh để lòe người ốm. Một

bản bày ở buồng phát thuốc của Ma-ri để làm quyền tác giả. Còn hai bản, một bản cất kín trong buồng luận bệnh và một bản trong buồng cân thuốc của cụ Điều, để dùng vào việc quan trọng nhất.

Sau khi ông Trần hoặc cụ điều Hai, hoặc cả hai người bắt mạch kỹ càng và hỏi han tỉ mỉ người ốm, thì cùng vào buồng luận bệnh. Luận bệnh, tức là mở cuốn Truyền thuốc bí truyền ra xem đơn chép trong bài thuốc có những vị gì, thì, nếu người khách yêu cầu uống thuốc chén, cụ Điều cân y nguyên như thế. Và cố nhiên, thang thuốc có kèm thêm gói bột, vị đặc biệt của Phòng thuốc nhà giàu bán cho bệnh nhân nhà giàu.

Hôm Phòng thuốc nhà giàu khai trương, Ma-ri đánh phấn hồng, bôi môi son, đội mũ trắng, mặc áo choàng trắng, ngồi ở buồng đợi. Anh Thừa đội mũ cát-két, mặc áo cổ đứng, đeo kính trắng, chờ ở buồng thăm bệnh. Cụ Điều Hai cũng ăn mặc kiểu cụ lớn, đi bách bộ trên gác quanh giường cụ nằm. Ba người không khác gì những vai đóng kịch, chờ sân khấu có khách là ra trò.

Nhưng ác một nỗi là diễn viên thạo nghề đã dày công luyện tập, nhưng rạp hát không có ai đến xem.

Giờ tiếp khách yết ở biển, buổi sáng từ 8 đến 10 giờ, buổi chiều từ 3 đến 5 giờ, nhưng sáng hôm ấy, gần đến 10 giờ rồi, không có một người nào vào xin thăm bệnh.

Ma-ri có vẻ sốt ruột, không hiểu vì sao những người quen hẹn đến mà không đến. Hấn đã nghi ngờ những bạn bị bại thận và bị phòng tích của hấn nói phược. Hấn đã nghi ngờ cả hấn cố động không thành công. Nhưng anh Thừa vẫn bình tĩnh như thường.

Chiều hôm ấy, anh quyết định không tiếp bệnh nhân. Anh bảo anh Xi ngồi ở buồng đợi. Hễ có khách, thì nói với họ sáng mai hãy đến. Lý do là ông Trần đi Hải Phòng từ sáng sớm, chữa biến chứng nguy cấp cho ông Bạch Thái Bưởi bị bán thân bất toại. Cụ Điều thì vừa được quan Thiếu Hà Đông cho ô tô mời vào trong ấy chữa cho cô Lan hay lợm buồn nôn. Còn cô đốc Ma-ri, cô phải đi làm thuốc cho ba đám ở xa, đến tối mới về.

Nhưng anh Xi thuộc lòng bài học ấy,

mà không được đọc với ai một lần nào. Vì, cũng như buổi sáng, Nhà vàng Bờ Hồ mở cửa ra chỉ để gió thu phủ lượt bụi vào bàn ghế.

Để cứu vãn tình hình bất lợi này, chiều hôm ấy, Ma-ri hỏi ý kiến cụ Điều và anh Xi. Hấn tỏ vẻ lo lắng, nói rằng đã hết sức đi cổ động các nơi quen biết rồi. Anh Xi cũng kể công mình đã đưa quảng cáo đến khắp các phố đông người. Cụ hai Điều nhiều tuổi hơn, nên khôn ngoan hơn. Cụ suy bụng ta ra bụng người, để tìm ra vì đâu Phòng thuốc chưa có khách đến. Bụng cụ từ thuở bé đến giờ chỉ chứa có loài thảo mộc. Nó thềm loài cầm thú. Vì vậy cụ phát biểu:

– Chẳng biết ở Hà Nội thế nào, nhưng cứ như ở nhà quê chúng tôi, hễ định làm việc gì mà không mời người ta chén một

bữa, thì đổ có thành. Tôi khuyên ông Trần nên làm bữa tiệc mời khách khứa đến chứng kiến Phòng thuốc nhà giàu khai trương.

Anh Thừa bật cười, chế nhạo cụ:

– Ông thì chỉ ngậm miệng mới ăn tiền, chứ nói ra là mất tiền. Tôi mà nghe ông thì toi mấy chục đồng bạc để cho một lũ khỏe như vâm chúng nó đến phá hại. Những đồ này trời đánh cũng không chết, có bao giờ phải vác mặt đến phòng thuốc của mình! Mà dù chúng nó có ốm, thì cũng mang xác đến nhờ xem bệnh chặc, xin thuốc chặc, chứ chịu xùy cho mình đồng xu nào! Vả lại, giá tôi có thiện nghĩ mà nghe ông xui đại, thì ông là một, tôi là hai, nhất định hai người không dự. Cô đốc sẽ đại diện cho phòng thuốc làm chủ bữa tiệc, vì cô thạo giao thiệp,

ông với tôi mà ló mặt ra, thì người ta coi thường, gần chùa gọi bụt bằng anh. Phải nói dối là cụ Điều với ông y sĩ vừa được mời đi chữa bệnh ở tỉnh xa, không kịp về.

Ma-ri tùm tùm, nhưng cụ hai Điều thở dài. Anh Thừa tiếp:

– Nếu buổi đầu mà chúng ta có đông khách ngay thì tốt thật. Nhưng hãy hỏi, từ xưa tới nay, có hàng nào mới mở mà có đông khách ngay không? Cho nên chúng ta phải coi đây là một sự thường. Dần dần, phòng thuốc sẽ có khách. Chúng ta mong sao khách đến một ngày một đông, chứ không mong buổi đầu đông khách, rồi một ngày một vắng. Chúng ta không nên thấy ế hàng mà đã vội nao núng. Hôm nay là ngày tết, đáng lẽ chúng ta uống rượu trông trăng, thì sao chúng ta

lại buồn. Chúng ta cũng phải vui chung với thiên hạ.

Anh Thừa đã có ý định, nhưng vì muốn giữ sĩ diện với mọi người, nên không tiện nói ra. Anh muốn có một việc bất thường sẽ diễn ra trước Phòng thuốc nhà giàu, cho mọi người đồn nhau, và cho báo đăng vào mục thời sự, quảng cáo không công cho anh. Anh đưa anh Xi mười đồng bạc, lên Hàng Ngang, mua pháo Vương Tường Thành chính hiệu để treo giải múa sư tử.

Bốn tràng pháo dài được buộc vào đầu bốn chiếc sào, buông từ trên cao xuống đất, quây bốn bên một gói tiền năm đồng, cũng treo lên tận cao. Một chậu thau đầy nước đặt trước trên mặt đất, phía dưới giải thưởng. Sửa soạn xong, anh Thừa rủ cụ điều Hai và anh

Xi lên gác ngoài, ngồi sau cửa sổ nhìn ra đường.

Một đám rước sư tử sắp tới. Đi đầu là năm lá cờ dọc bằng lụa năm màu, bay phấp phật, rồi đến đuốc và đèn. Đuốc nửa được tẩm dầu hỏa, cháy ngùn ngụt. Đèn cá rập rình mang và vây, đèn thiềm thừ há miệng đớp đớp, đèn mặt trăng xoay như con chong chóng. Ánh nền đỏ như nổi lênh bênh trên ánh trắng xanh. Độ một chục tay du côn, mặt đỏ gay vì rượu, bảo vệ cho đám rước, vừa đi vừa múa chiếc côn lớn, dài độ một sải. Người nào cũng mặc lối xì thẩu, quần thâm, quần xà-cạp trắng, áo thâm bỏ vào trong quần, đội khăn bịt đầu thâm, để trum xuống tận vai. Họ quần quanh lườn chiếc thắt lưng xanh hoặc đỏ. Hai người xì mẩu đi sau cùng mặc đẹp hơn. Họ có gài giữa ngực cái hoa tết bằng lụa,

lòng thông cái dải dài bay bay sang hai bên. Họ không cầm côn. Chắc là họ biết võ tàu thạo môn đánh quyền.

Cụ hai Điều được hưởng tết Trung thu lần đầu tiên ở Hà Nội. Thấy bọn du côn sát khí đằng đằng, cụ tặc tặc lưỡi.

Đầu sư tử to bằng cái bồ hạng trung, mắt lớn như hai quả trứng gà, trong có đèn điện pin, thỉnh thoảng lại lóe sáng. Người đội cái đầu giấy chỉ thò ra ngoài có hai ống quần quần gọn trong xà-cạp sặc sỡ. Hấn múa theo nhịp trống và hát cái hàm dưới có râu bạc dài để đớp vờn hòn ngọc bằng giấy dử trước mặt. Người múa đuôi cũng không kém hoạt động. Hấn cầm tràng vải màu đỏ, tung lên, hạ xuống, và cũng theo nhịp trống, nhảy bên phải, nhảy bên trái. Chiếc trống cái và chiếc thanh la lớn được để trên xe bò

tết lá nhãn theo vòng cổng uốn bằng tàu dừa. Một người như nhảy lên để nện dùi vào mặt trống cho mạnh. Một người ngồi trên thành xe, dang thẳng cánh để đập thanh la cho đều.

Anh Xi nhìn thấy ở lòng xe bò có thò ra những đầu bó đuốc trữ sẵn để đốt tiếp, thì mách cụ Điều:

– Thế nào ở dưới lượt đuốc cũng có vô số xẻng, cuốc, gậy sắt với xà beng. Họ lấy nê rước sư tử để gây sự, đánh nhau với bọn không cùng cánh với họ.

Anh Thừa cười:

– Nhưng họ có bị thương, mình cũng không hy vọng gì, vì họ không phải là nhà giàu.

Cụ Điều có ý trách anh Thừa:

– Treo giải thưởng làm gì cho họ đánh nhau!

Anh Thừa cười, nói thực ý mình:

– Để xem cho đỡ buồn. Nếu xảy ra đánh nhau trước cửa nhà mình, thì thế nào mai báo cũng đăng. Tôi chỉ cần bỏ tiền ra để báo nhắc đến bốn chữ Phòng thuốc nhà giàu, quảng cáo cho mình.

Thấy đám rước đi đến nơi, anh Thừa bảo anh Xi châm đốt bánh pháo ngắn, vút ra giữa đường.

Biết hiệu mời lấy giải, đám rước dừng lại.

Bọn xì thẩu cầm ngang côn, chặn hai bên hè nhà Phòng thuốc nhà giàu để dẹp chỗ cho sư tử múa.

Trước hết, theo nhịp trống rung dồn từng hồi, cái đầu bằng giấy đứng vào giữa. Nó tiến lên, gật gật, cúi rạp xuống đất, rung rung bộ râu, rồi lui, rồi lại tiến và gật gật.

Lễ xong, nó bắt đầu múa. Đầu sư tử nâng cao lên, quay bên phải, quay bên trái, dáng điệu oai hùng. Tràng nhạc buộc ở chân người múa kêu loảng xoảng.

Cụ Điều được thấy cảnh lạ mắt thì thích lắm. Cụ khen sư tử gãi đẹp, múa khéo, nhảy nhót nhanh nhẹn.

Trước khi lấy giải, con vật còn phải trở một tài nữa, là phải uống cho cạn chậu nước đầy, đặt ở đó.

Cụ Điều chú ý nhìn.

Cái đầu giấy gục xuống thau, rồi

ngẩng ngựa lên trời, lắc lắc như để nuốt.
Mỗi lần như vậy, nước trong chậu vơi đi
một ít.

Cụ lo ngại cho người múa đến phải
vỡ bụng về nước. Nhưng anh Thừa trở
cho cụ nhìn rõ. Thì cụ thấy rằng sư tử
cũng biết lừa bịp. Mỗi lần đầu nó che lấp
cái chậu, thì có cánh tay nhúng khăn mặt
lớn vào, rồi luồn khéo ra đằng sau, cho
người cầm đuôi lên vắt cho hết nước đi.

– À! Sư tử đái bậy! Ông đội sếp ôi!
Sư tử đái đường! Bốn hào phạt!

Trẻ con vỗ tay, reo lên như thế.
Nhưng sư tử không làm việc phi pháp,
nên không sợ đội sếp. Chỉ một loáng
thau nước cạn hết.

Thế là bắt đầu lấy giải.

Anh Xi đốt bốn tràng pháo dài cùng một lúc. Tiếng lạch tạch nổ vang. Khói đặc ngùn ngụt. Lửa bắn tứ tung. Nhưng ông Chúa sơn lâm cứ lẩn xả vào nơi nguy hiểm.

Vì tiền treo ở trên cao, bọn xì thầu phải đứng lên vai nhau, làm thang cho sử tử trèo.

Giữa lúc ấy, có đám rước nữa thùng thình kéo tới. Đám này không đi thẳng, mà dừng lại trước Phòng thuốc nhà giàu.

Anh Xi đoán ngay:

– Thế nào cũng đánh nhau. Hẳn đây là cánh Sầm Công với cánh Ngõ Trạm. Hai cánh này thường vẫn hăm hè nhau, nay mới có dịp trị nhau.

Quả nhiên, bọn đương lấy giải bỏ cái

đầu giấy đẩy, cầm côn ra giữa đường:

– Thế nào, các bậc đàn anh muốn độ côn phỏng?

Thế là đường phố trở thành chiến trường.

Tiếng gõ đập chan chát. Tiếng sắt kêu cheng cheng. Nảy tia lửa. Người xem chạy tán loạn.

Cụ Điều khiếp đảm, nổi trống ngực, không dám nhìn trận huyết chiến. Cụ bảo anh Xi:

– Hay gì cái trò giết nhau vì đồng tiền này!

Cụ muốn hưởng cái gì thật thà và dịu dàng hơn của tết Trung thu. Anh Xi rủ cụ đi phố.

Cụ mặc thêm áo dài, nhưng vẫn để đầu trần. Cụ sợ đến chỗ vắng, như ở bãi lầy bụi rậm sau chợ Hàng Da, lỡ ra kẻ cắp giật mất khăn, vả bọn nhà thổ ở Hàng Manh, ở nhà Yên Thái hay trật khăn khách đi đường để bắt người ta phải vào.

Cụ đến phố Hàng Gai và phố Hàng Thiếc xem các nhà bán vét đồ chơi tháng Tám bằng giấy và bằng sắt tây. Cụ sang Hàng Bồ, ngắm cái đèn cù ánh ra những cái hình người cử động được theo dây bằng tóc: anh chồng trèo dừa, hái quả, vút xuống cho chị vợ ôm váy lên để hứng; Quan Công cầm thanh long đao đâm Tào Tháo, con ngựa Xích thố nhảy lên chồm chồm v.v...

Chán rồi cụ đi thẳng sang Hàng Bạc, rồi về Hàng Đào. Ở hai phố này có nhiều nhà bày cỗ trông trắng trong sân,

cho công chúng tự do vào thưởng thức. Các cô thiếu nữ cầm cung, một năm mới được dịp này khoe tài khéo để ganh nhau kén chồng. Cụ đứng rất lâu để ngắm cổ của hiệu Phúc Lâm, một nhà có nền thấp, thụt hơn mặt hè phố ba bậc. Quả đu đủ ngâm trong nước màu hồng, màu tím, được tĩa thành đóa thược dược, cánh hoa mỏng dính, lượn như làn sóng, trở rất đều đặn. Con gà luộc được uốn thành ông Lã Vọng đội nón đứng thả cần câu. Múi bưởi đào xếp thành con kỳ lân lông xù, ngẩng mặt, nhe răng hột bưởi ra như dọa.

Và vô số bánh: bánh dẻo, bánh nướng, bánh gừng, bánh quế, bánh sâm, bánh hoài, bánh su xê, bánh mảnh cộng, trông rất ngon mắt.

Cụ Điều sợ khuya, không dám ở lại

đến nửa đêm để xem chầu quỳnh nở một lượt chín bông hoa trắng muốt. Cụ rất tiếc, về nhà, nói chuyện với anh Thừa, cụ tấm tắc khen mãi cổ của nhà Phúc Lâm. Cụ giục anh Thừa đi mà xem. Nhưng anh không đi.

* * *

Hôm sau, hồi 5 giờ chiều, tờ báo hàng ngày Trung Bắc tân văn phát hành số mới tại tòa soạn ở phố Hàng Bông.

Trẻ bán báo ôm phần báo của mình, chạy tung đi các ngả, miệng rao:

– Báo Trung Bắc mới ơ! Ai mất ví ơ!
Ai mất năm trăm bạc đi mà nhận ơ!

Việc trả lại ví tiền là cái đình trong từ báo ngày hôm ấy.

Quả vậy, ở mục Việc vặt Hà Nội, không tường thuật những đám rước sư tử đánh nhau, nhưng có đăng một bài như sau:

Ai mất ví?

Bản quán nhận được bài lai cáo sau đây, xin cứ nguyên văn đăng báo.

Hôm qua, buổi sáng, Phòng thuốc nhà giàu ở Nhà vàng Bồ Hồ có đông khách đến nhờ xem bệnh. Khi hết giờ, chúng tôi thấy ở phòng đợi có cái ví đầm của bà nào bỏ quên, trong có năm trăm đồng bạc và một vài thứ lặt vặt khác. Vậy bà nào có cái ấy, xin mau mau đến Nhà vàng Bồ Hồ mà nhận. Nếu nói đúng

những thứ lặt vặt trong ví là những thứ gì, sẽ được trả lại ngay.

Xin hỏi chúng tôi là y sĩ Trung Hoa dân quốc Trần Đức Thừa, chủ nhân phòng thuốc, hoặc cụ hai Điều, hoặc cô y tá Pháp tên là Marie.

Kính cáo

Y sĩ Trung Hoa dân quốc Trần Đức Thừa

Bài báo của anh Thừa viết có hiệu quả ngay.

Sáng hôm sau, lần lượt có bốn bà đến Nhà vàng Bờ Hồ nhận chằng cái ví bìa ấy là của mình.

Thấy những môi ngon tự đem thân đến nộp, tuy trong bụng Ma-ri cười

thăm, nhưng ngoài mặt, tiếp họ rất niềm nở. Hấn phải vỗ ngay lấy họ, làm cho họ không ra thoát Phòng thuốc mà không nhờ xem bệnh.

Ngay từ lúc sáu giờ rưỡi, cửa Nhà vàng Bờ Hồ, Ma-ri chưa đến, đã có một bà đập và ấn cánh gỗ thình thình.

Bà ta béo chẹt chẹt, cầm tọt vào cổ, cho nên có sức khỏe để phát đen đét vào cánh thật mạnh và thật lâu, đến nổi tiếng động lọt được vào tận góc trong. Anh Xi vội vàng chạy xuống.

– Tôi hỏi y sĩ Trung Hoa dân quốc Trần Đức Thừa. Vâng.

– Thừa bà, ông Trần chúng tôi đêm qua có ô-tô quan Thiếu Hà Đông đánh ra đón vào trong ấy chữa cho cô Lan hay

lợm buồn nôn. Hiện nay chưa về.

Bà khách có vẻ băn khoăn. Anh Xi tiếp:

– Đến tám giờ, mời bà lại.

– Vâng, Thế cô y tá đầm tên là Ma-di?

– Vâng, cô Ma-ri có nhà. Nhưng tám giờ mới đến làm việc.

– Tôi cần gặp cô Ma-di lắm. Vâng. Cô ấy có nói được tiếng ta không? Vâng.

– Thưa bà được.

– Vậy tôi nhờ anh đến gọi cô ấy ngay. Anh nói là một bà bạn thân, hỏi cô ấy có tí việc cần nhé. Vâng.

– Vâng, thế thì mời bà ngồi đợi.

Anh Xi đi ra phố. Nhưng bà khách gọi giật lại:

– Này anh! Vàng, từ sáng đến giờ, đã có bà nào đến đây hỏi gì chưa?

– Chưa.

– Thôi, nhờ anh đi mau lên. Vàng.

Chừng độ nửa giờ sau, Ma-ri trang điểm xong, mới sang Phòng thuốc. Hấn quần tóc trần, mặc quần trắng, áo màu cặn vang, đi guốc phi mã cao gót.

Thoạt tiên thấy bà khách, thì hấn ngỡ. Hấn chưa từng gặp cái người nhận là bạn thân này bao giờ. Và có lẽ cái bà bạn thân ấy nhìn thấy Ma-ri ăn mặc ta, cũng không ngờ chính là cô gái đầm mà bà cần gặp.

Hai người phải hỏi nhau là ai, mới bắt đầu nói chuyện với nhau.

Bà khách xưng tên là bà cử Dân. Và nói rằng ông cử đương học trường Hậu bổ, sắp thi soóc-ti [thi ra] để đi tri huyện.

Tự giới thiệu xong, bà khách thêm một tiếng để trả lời mình:

– Vâng.

Rồi nói tiếp như cháo chảy:

– Vâng, sáng hôm qua, tôi đến đây, nhờ ông y sĩ Trung Hoa dân quốc Trần Đức Thừa xem bệnh, rồi bỏ quên cái ví. Vì đau ốm, đầu óc rối loạn, vâng, cho nên tôi quên khuấy, không nhớ là mất cái ví ấy ở đâu. Ông cử nhà tôi cứ gắt. Vâng, mãi chiều hôm qua, đọc báo, mới thấy bài của ông y sĩ Trung Hoa dân quốc

Trần Đức Thừa, vâng, tôi mừng quá. Vậy tôi đến đây để xin cô cho lại cái ví. Vâng, vâng.

Ma-ri vốn mồm miệng liến láu, nhưng vừa toan nói, thì bà khách đã cướp ngay mất lời:

– Vâng, ông y sĩ Trung Hoa dân quốc Trần Đức Thừa là người thật thà hiếm có. Nếu phải là tôi bỏ quên ở nhà thuốc khác, thì vâng, chắc mất. Ở đời, thiếu gì kẻ tham lam hờ cô? Vâng.

Ma-ri nhìn rõ rằng thấy cái đuôi của người nói dối. Nhưng hắn không tóm, chỉ khẽ hất ra, cho bà khách khỏi ngượng. Hắn vẫn lễ phép:

– Thừa bà, thế thì chắc bà để quên cái ví của bà đâu đấy. Cái ví mà chúng tôi

đăng báo là để quên ở đây, thì tối hôm qua, đã có một bà đến nhận rồi. Chúng tôi thấy bà ấy nói đúng màu ví và những thứ đựng ở trong, nên đã hoàn lại ngay.

Muốn chừng bà cử hết hy vọng, nên chữa thẹn:

– Vâng. Thế à? Vậy thì tôi bỏ quên ví của tôi ở đâu nhỉ? Vâng, sáng hôm qua, tôi ngồi ở chỗ kia, cô có nhớ không? Vâng.

Ma-ri suýt bật cười, nhưng vẫn tươi, đáp:

– Thưa bà có ạ.

Thấy con người đại dột tự đút đầu vào cạm, Ma-ri quyết khóa cặng lại:

– Bà cũng cầm cái ví, tôi có trông thấy.

– Vâng. Thế mà mất đấy, cô ạ. Vâng. Chỉ tại trong mình ốm yếu, đầu óc không nhớ được cái gì. Vâng.

Bà đứng dậy:

– Vâng. Thôi, tôi vô phép cô nhé. Vâng.

– Mời bà ngồi chơi, tôi hỏi thăm một tí. Thưa bà, bà đã xơi hết chỗ thuốc hôm qua chưa ạ?

Muốn chừng bà khách quên là mình đương nói dối cho nên không nghĩ ra là người ốm thì phải dùng thuốc. Bà ngó mặt:

– Thuốc nào nhỉ? Vâng.

Nhưng sức nhớ vai trò của mình đương đóng, bà gật gật:

– À, à! Vâng. Đã ạ. Thuốc công hiệu lắm, cô ạ. Vâng. Ở đây, các ngài chữa giỏi lắm.

Cho là đãi bơi như vậy thì tháo thân dễ, bà cử tùm tùm nhìn Ma-ri. Nhưng Ma-ri được dịp chôn chân bà sâu hơn:

– Thế thì mời bà lấy thêm thuốc đã uống cho thật khỏi, kéo chữa đỡ chùng thì phí công, phí tiền.

Bà cử vâng khẽ, rồi im lặng. Ma-ri nói:

– Chúng tôi gọi là Phòng thuốc nhà giàu, tiếng rằng chỉ chữa cho nhà giàu, nhưng sự thực thì thuốc rẻ hơn các nơi khác nhiều. Đến nhà khác, bệnh nhân

phải dùng năm thang mới chuyển, nhưng đến nhà này, chỉ uống một hai thang là khỏi ngay. Một thang của nhà này có cao hơn một thang của nhà thuốc khác thật, nhưng nó công hiệu gấp hai, gấp ba. Nếu so sánh món tiền phải trả cho nhà này với món tiền phải trả cho nhà khác, các ông các bà mới thấy chữa ở nhà này rẻ hơn. Chúng tôi thường làm thuốc hầu các quan. Nhiều quan hậu cũng đã nhận ra cái lợi ấy. Hễ quan hậu nhà cũng thấy thế. Các ngài khoa mục bao giờ cũng tinh mắt hơn đời. Chúng tôi trông bà, nước da vẫn còn xanh lắm. Nếu bà không chữa cho thật khỏi bệnh, tôi e rằng nay mai nó phát nặng ra, chữa vừa khó, vừa tốn tiền.

Bà cử đương lúng búng miếng trầu, tìm mãi không thấy ống nhổ, cho nên không cãi được là mình khỏe, để tránh

phải mua thuốc thêm. Nhưng bà nghĩ ngay ra rằng bà không thể cãi được, vì chính bà vừa khai lão là mới đến nhờ thăm bệnh, để lấy lý do bỏ quên ví. Tiến thoái lưỡng nan, bà đành cứ để nước quết trâu ở trong miệng để có cớ mà im. Còn Ma-ri được dịp tốt, lại tấn công:

– Thưa bà, độ này bà xơi cơm có bằng trước không ạ?

Bà cử trót nói là ồm, mới ngửa mặt cho quết trâu khỏi tràn ra ngoài môi, đáp:

– Vâng. Tôi còn ăn yếu lắm, cô ạ.

Ma-ri lấy tạm cái bô vẫn để sân cho khách trẻ con phóng uế, đưa bà cử nhỏ. Bà vỗ tay vào bụng hai ba lượt:

– Lúc nào cũng đầy ành ạch. Vâng.

Ma-ri làm vẻ mặt ái ngại:

– Vâng, tôi nghe tiếng bom bộp cũng đoán ra. Thế tối, bà ngủ có được không ạ?

– Ít thôi, thỉnh thoảng lại hay mơ. Vâng. Rồi người cứ bàng hoàng, trần trọc đến hàng giờ mới lại chợp được. Vâng.

Nhưng bà chữa ngay:

– Thế mà từ hôm uống thuốc của nhà ta, thì tôi khá hơn trước nhiều, cô ạ. Vâng.

Ma-ri lại tóm được cái đuôi thò ra dài hơn. Rõ ràng là bà khách không biết Phòng thuốc nhà giàu mở cửa từ hôm nào. Hẳn nói:

– Để tôi đưa thêm bà thuốc. Bà không nên tiếc tiền. Nhiều ông bà, nhất là các bà, chứ các ông thì ít ông hà tiện, nhiều ông bà cứ không muốn bỏ ra mấy đồng bạc để uống thuốc chặn bệnh; rồi bệnh phát ra, thành thử mất đến hàng chục, hàng trăm. Chúng tôi ở trong nghề lâu năm, nên chúng tôi có kinh nghiệm. Nhiều người tưởng mình khỏe mạnh, không có bệnh tật gì, nhưng kỳ thực là cơ thể suy nhược, phủ tạng kiệt quệ, chỉ ông thầy xem mới biết.

Muốn bà cử tin lời nói của mình, Ma-ri cầm cuốn Truyền thuốc bí truyền, quay bìa trước quyển sách lại phía bà, vờ phe phẩy quạt vào mặt.

Bà cử hỏi:

– Vâng. Cứ như tôi thì cô bảo bệnh tôi là bệnh gì?

– Nói về bệnh, là quyền của ông Trần, của Cụ tôi. Nhưng vì hai vị không có ở đây, tôi có thể mạn phép mà nói rằng bà tuy bề ngoài như vậy, mà trong mình còn nhiều bệnh tật lắm. Tôi mời bà chờ đến tám giờ, hai ông thầy xem mạch lại cho.

– Vâng. Tôi bận cô ạ. Xin để khi khác.

– Thế thì tôi cứ vị thuốc hôm nọ, lấy thêm cho bà dùng. Chả tốn mấy đâu, bà ạ.

Nói đoạn, Ma-ri đứng phắt dậy, nhanh nhẹn vào nhà trong, lấy một lọ thuốc bổ thường, đưa cho bà cử:

– Thuốc này tốt lắm, chỉ bán đặc biệt cho khách quen. Cụ Tuần bà Sơn Tây đòi mua, tôi có dám bán đâu, vì gần hết rồi. Phải để dành cho những người đang uống nó.

Ma-ri ấn thuốc vào tay bà củ. Bà ngân ngừ. Muốn bà không thể từ chối, hần lấy ngòi bút cạy ngay cái nút ra, rồi rút thuốc vào cốc, ngọt ngào nói:

– Mời bà chị xơi ngay. Bà chị lười thế là không được.

Không thể dùng được, bà củ cầm cốc thuốc, nhấp một hớp, rồi nghe. Ma-ri cười:

– Có phải lứa thuốc này thơm hơn và dịu hơn lứa thuốc trước không?

Bà củ không biết trả lời thế nào, chỉ nói bằng tiếng quen miệng:

– Vâng, vâng.

Ma-ri đẩy nút lọ thuốc, lấy vạt áo lau cẩn thận bên ngoài, rồi dặn:

– Bà cứ xơi vào lúc đói. Một ngày ba lượt, trước bữa cơm. Mỗi lượt một thìa xúp.

Bà cử tìm được cơ để chối từ:

– Vâng, nhà tôi lại không có thìa xúp, chỉ có thìa cà-phê. Vâng.

Ma-ri vừa ấn lọ thuốc vào tay bà, vừa nói:

– Thưa bà, ba thìa cà-phê là một thìa xúp ạ.

Bà cử không thể nói thêm:

– Vâng. Bao nhiêu tiền nhỉ? Vâng.

– Thưa vẫn giá như cũ ạ.

– Bao nhiêu nhỉ? Tôi ít lâu nay tâm thần bất định. Hay quên lắm.

Ma-ri cười:

– Thế mà bà chị cứ lười uống thuốc, không trách ông anh tôi hay gắt là phải. Thưa lúa thuốc này tốt hơn trước, nhưng rẻ hơn trước. Giá chỉ có mười đồng thôi ạ.

Bà cử đầu điếng người, móc túi lấy tiền đưa Ma-ri, rồi thở dài, cầm lọ thuốc ra về.

Ma-ri sung sướng, vào buồng ghi sổ, rồi cất món tiền mở hàng vào ngăn kéo, khóa lại.

* * *

Ba bà khác định đến nhận chẳng ví, cũng được Ma-ri trả lời là ví đã có người lấy trước rồi. Và cũng bị Ma-ri lừa gạt vào tròng.

Người khỏe mạnh mấy mà nói chuyện với thầy thuốc một lúc, thì thế nào cũng thấy mình ốm. Huống hồ đây là các bà yếu tinh thần, vô phúc chui đầu vào Phòng thuốc đương đối khách. Nhưng khác với bà cử Dẫn, ba bà này đến trước sau nhau không mấy, lại vào lúc gần đến tám giờ. Bởi thế Ma-ri không cần phải lòe nhiều. Chính ba bà lại khùng bố lẫn nhau, rồi phải nhờ y sĩ Trần giải quyết hộ – nói nhẽ là xem mạch lại – mới thấy là mình ốm đến nơi mà không biết. Rồi bà thì uống thuốc bột, bà thì uống thuốc nước, bà thì mang thuốc sống về nhà sắc.

Bốn bà nói ở trên, sở dĩ biến thành

bệnh nhân, là do tài của nhân vật phụ trong Phòng thuốc nhà giàu, là cô y tá Ma-ri khéo dọ dẫm. Vậy thì vai trò của anh Thừa và cụ điều Hai thế nào?

Hai vai chính này, cũng sáng hôm nay, được trở tài ngay. Vào khoảng chín giờ, khi người đàn bà thứ ba vừa ra khỏi Nhà vàng, để anh Thừa và Ma-ri ở lại, rúc rích cười với nhau, khen lẫn nhau, thì một lúc sau, anh Thừa trả lại cho buồng đợi cái không khí nghiêm trang của một phòng thuốc. Anh vào buồng thăm bệnh, ngồi tựa lưng vào ghế, ghéch hai cẳng lên bàn, lấy nhíp nhổ râu.

Bỗng anh nghe thấy có tiếng đàn ông khảnh khách cười với Ma-ri ở buồng ngoài. Anh lắng tai:

– Mình đọc báo mới biết bây giờ cô

nàng không bán kem nữa, lại làm y tá ở đây. Giết chết mấy nhân mạng rồi?

Ma-ri đùa lại:

– Phải, chỉ làm y tá để giết bớt những thằng làm thơ thối thối.

– Thế cô y tá tiêm cho thằng làm thơ thối, hay thích cho thằng làm thơ thối tiêm cho cô y tá?

Hai nhịp cười giòn tan. Ma-ri nói:

– Đứa nào muốn tiêm cho cô, cô cũng cứ để cho mà tiêm. Như thường! Như thường!

Thấy hai người đùa nhau nhả nhớt, anh Thừa hơi khó chịu.

– Đây muốn tiêm cho cô! Nào! Nào!

Ông tiêm đây! Ông tiêm đây!

Ma-ri cười sảng sặc:

– Khỉ! Không trẻ con! Bệnh nhân
đếch gì lại thế! Liệu hồn!

Tiếng người đàn ông:

– À? Chạy à?

Anh Thừa nổi cơn ghen, toan ra phá
đám. Nhưng anh cố bình tĩnh. Ma-ri vẫn
vừa cười vừa nói:

– Vào Phòng thuốc để nhờ xem
bệnh, chứ để giở bài này à? Ốm bệnh gì?
Nói đi. Đây chữa cho!

– Phải, đây có bệnh. Đây ốm. Bệnh
Tề Tuyên! Ốm tương tư! Có chữa nổi
không?

Anh Thừa không dừng được, mở cửa, tiến ra buông đợi. Anh vẫn giữ nét mặt thản nhiên, mỉm cười, cúi chào người đàn ông mà anh ngờ ngợ, hình như đã gặp ở đâu một lần rồi. Người này cũng lễ phép chào lại anh. Thấy dáng ẻo lả, có vẻ làm điệu, anh sực nhớ ra cái người vừa đen vừa cao này rồi. Ma-ri giới thiệu người bạn với anh:

– Thừa tiên sinh, đây là ông Hoài Tân Tử, nhà văn sĩ trứ danh, tác giả cuốn thơ Tình muôn thuở.

Rồi giới thiệu với nhà văn sĩ:

– Ông Trần, y sĩ Trung Hoa dân quốc.

Anh Thừa long lanh đôi kính, cúi đầu một lần nữa, giơ tay bắt:

– Hân hạnh được biết ngài. Cô đốc Ma-ri đã nói chuyện nhiều lần với tôi về ngài. Tôi vẫn khát khao được gặp tác giả cuốn *Tình muôn thuở* rất có giá trị, mà tôi rất say mê. *Tình* cơ hôm nay, tôi được cái may mắn ấy. Nếu ngài không có việc vội vàng, tôi mời ngài cho tôi được hầu chuyện.

Muốn chừng ông khách biết ngượng về lời ăn tiếng nói quá lễ độ của ông chủ, vả lại chuồn ngay thì mang tiếng là làng văn đa tình, ông đành ở lại.

Hai người kéo ghế ngồi ở bàn tiếp khách của Ma-ri. Anh Thừa kiểm lại từng chiếc khuy của cái áo cổ đứng màu tro nhạt, rồi khẽ nghiêng mình sang phía Ma-ri, nói nhỏ:

– Nhờ cô làm ơn bảo anh Xi cho tôi cái điếu. Tôi còn hầu chuyện ngài lâu.

Ma-ri nhanh nhẹn vào nhà trong, rồi ra, cùng ngồi ở bàn. Ông văn sĩ đáp lại sự nhã nhặn của ông y sĩ:

– Chúng tôi đọc quảng cáo, được biết ngài mới ở bên Tàu về.

– Thừa vâng, cũng may mà còn nhớ đủ tiếng ta để tiếp khách. Hà! hà! hà!

Anh Xi đặt trên bàn cái điếu ống thuốc Lào bằng đồng đánh sáng nhoáng. Anh Thừa đặt thuốc vào nõ, thổi phụt phụt cái cuộn giấy dính than đỏ ở đầu. Ngọn lửa bùng cháy. Anh châm hút, thở xong lần khói thơm nhẹ, anh ấp hai bàn tay quanh cái điếu, ôm đặt vào lòng, chậm rãi dần từng tiếng:

– Vừa đây, đệ nghe ngài nói với cô đốc đến ba tiếng ồm tương tử. Hề! hề! Thừa ngài, quả tương tử làm cho con người ồm thật. Nó là một bệnh. Trong luận án của đệ gửi sang Bắc Kinh để lấy bằng bác sĩ y khoa, đệ đã nghiên cứu tỉ mỉ cái bệnh mà y giới đông tây cổ kim ít chú ý, là cái bệnh mà ngài vừa mới nói, cái bệnh tương tử.

Ông văn sĩ lắng tai nghe. Ma-ri nhìn anh Thừa, mắt chớp chớp.

– Thừa ngài, tương tử, xét cho cùng, là một bệnh khá nguy hiểm. Do là phủ tạng con người ta, tâm thần con người ta suy nhược. Nếu kẻ thư sinh này phân tách sinh lý, tâm lý để nói kỹ, e rằng dài quá, mất thì giờ của ngài. Xin lấy ngay những ví dụ trước mắt. Như nhân huynh và đệ là nam giới, và như quý tiểu

thư đây là nữ giới, hẳn chúng ta không giấu giếm nổi nhau rằng, trong đời ta, đã không có ít ra là một lần tương tư. Ta gặp một người đẹp, có duyên, ta yêu. Xa người ấy, ta nhớ. Gần người ấy, ta vui. Ấy là ta tương tư đấy. Người mắc bệnh tương tư thường hay đăng trí, thờ thần, lắm lúc như dại, như ngây.

Bởi vì sinh lý và tâm lý của người ấy bị sinh lý và tâm lý của người yêu chiếm đoạt. Nó bị chiếm đoạt vì nó yếu. Cho nên muốn khỏi bệnh tương tư, thì sinh lý và tâm lý cần phải khỏe. Và muốn cho khỏe, phải uống thuốc. Phải không, thưa ngài. Hà! hà! hà!

Nghe lời giảng rành rọt bằng giọng ngọt xớt, ông Hoài Tân Tử gật gù:

– Ngài nói rất chí lý.

– Thưa ngài, đệ đã nghiên cứu bệnh tương tự để làm luận án lấy bằng bác sĩ. Ý kiến sai đúng chỗ nào, xin ngài bổ chính cho.

– Hay lắm! Vấn đề vẫn chỉ được coi là tầm thường, nhưng nghĩ kỹ ra, thật là quan trọng.

– Vâng, trên thế gian, hiện giờ này, có hàng triệu triệu nam nữ mắc bệnh tương tự. Nếu không có thuốc chữa cho họ, họ sẽ thành phế nhân. Thật là đáng tiếc.

Anh Thừa chỉnh lại cái mũ cát-kết cho ngay ngắn, thông thả lắc đầu hai ba lượt rồi thở dài. Ma-ri hỏi:

– Thưa tiên sinh, dám hỏi tiên sinh, là tiên sinh đã tìm ra thuốc chưa ạ?

Anh Thừa cười, vẫn nói thông thả:

– Thừa đã. Hiện tôi đang chữa cho một người. Chính cô vẫn cho thuốc mà cô không biết. Bởi vì, làm ông thầy, nhiều khi, cần nói dối bệnh với bệnh nhân, để giữ danh dự cho bệnh nhân. Một người con trai hay một người con gái, thấy trong mình ốm, không ăn được, không ngủ được, óc nhọc mệt, người bần thần, không biết là bệnh gì. Người ấy đến nhờ ông thầy chữa cho. Ông thầy xem mạch, hỏi han một vài triệu chứng, biết đích xác là bệnh tương tư, thì không bao giờ dám nói thật với bệnh nhân là họ mắc bệnh ấy. Bởi vì họ sẽ thấy xấu hổ, không dám chữa. Thừa cô, hẳn cô còn nhớ hôm kia, vào buổi sáng, có một thiếu nữ đến cho tôi thăm bệnh, tôi nói là đau tim.

Anh mỉm cười, lắc lắc ngón tay trở:

– Không phải đau tim đâu! Bệnh thì nói là đau tim. Nhưng thuốc thì thật ra, chữa tương tự, thừa cô ạ.

Ma-ri tròn tròn mắt để nhìn nhà văn sĩ và há tròn mồm để thoáng khẽ một tiếng:

– À!

Anh Thừa nói với ông Hoài Tân Tử:

– Đệ nghe ngài vừa nói ngài mắc bệnh tương tự. Đệ chắc ngài cho là ngài nói đùa thôi. Nhưng chỗ bạn đàn ông với nhau, đệ cứ xin mạnh dạn mà thừa rằng đúng là ngài mắc bệnh tương tự thật. Và nhất định ngài nên chữa bệnh. Bệnh này rất nguy hiểm. Nó sinh ra nhiều biến chứng lạ lùng không ngờ, có ảnh hưởng không nhỏ đến văn nghiệp của ngài. Một

người làm thuốc mắc bệnh tương tư, thì chữa không hay nữa. Một người làm thơ, viết tiểu thuyết, mắc bệnh tương tư, thì viết cũng kém đi. Ấc một nỗi là bệnh này không trông thấy, không nghe thấy, không sờ thấy, không ngửi thấy, không nếm thấy. Nó là bệnh vô hình. Ít người mắc bệnh tương tư mà biết mình mắc bệnh tương tư. Bởi vì không phải ta chỉ tương tư người yêu, ta còn tương tư một cảnh đẹp, tương tư một tư tưởng hay. Tóm lại, tất cả cái gì nó xâm chiếm tâm tư ta, làm cho ta phải suy nghĩ, phải nhớ nhung, phải mong mỏi, đều là thủ phạm của bệnh tương tư hết. Ngày trước, đạo đệ còn du học ở bên Tàu, có một người bạn cho đệ xem một tập thơ của Lý Thái Bạch. Đệ vốn không phải người thích thơ, nhưng đọc thơ của họ Lý, đệ mê quá. Đệ đắm ra tương tư Lý Thái Bạch. Đệ học kém hẳn các bạn. Đệ mới tìm nguyên nhân. Đệ tự

phân tích tâm lý và sinh lý của đệ. Nhờ đó, đệ tìm được một thứ thuốc, để mình tự chữa cho mình. Vì vậy, đệ nghĩ rằng các ngài văn sĩ, khi thấy mình làm thơ hoặc viết tiểu thuyết không hay – điều này công chúng đọc giả dễ nhận hơn mình – thì nên mau mau uống thuốc. Vì chắc chắn nhà văn sĩ ấy đương bị bệnh tương tư nó làm hại.

Nói đến đây, anh Thừa yên lặng cho ông làm thơ thối suy nghĩ đến tác phẩm của ông đã xuất bản và tác phẩm của ông đương viết. Quả nhiên, mặt ông có vẻ băn khoăn. Anh dùng cái tài cũ, là tài diễn thuyết để bán thuốc:

– Triệu chứng của bệnh tương tư hiện ra rất nhiều vẻ. Có khi ta thích thần thơ đứng một mình, như con người ít nói, hay trầm tư mặc tưởng. Có khi ta

lại đùa nghịch, nói giỡn, nói với bạn quá con người láu lĩnh tinh quái.

Anh lại yên lặng cho cái thằng muốn tiêm cho cô y tá suy nghĩ đến mình xem nó có thể hay không. Quả nhiên, mặt ông Hoài Tân Tử bây giờ bần khoản hơn ban nãy.

Ma-ri thấy đến lượt mình phải đóng vai trò cò mồi:

– Thừa tiên sinh. Thế thì chỗ người nhà, cho nên dù tôi là nữ giới, tôi cũng không dám giấu tiên sinh là chính tôi cũng có những triệu chứng mà tiên sinh vừa kể.

Anh Thừa cười:

– Đó là tôi đơn cử một vài triệu chứng làm ví dụ, chứ thật ra, còn nhiều

nữa, nhiều nữa. Thưa cô, nếu vậy, cô cũng nên chữa đi. Đàn bà mắc bệnh tương tự, có thể tịt đẻ.

Ma-ri trợn mắt, sợ hãi, vội vàng thở dài thật to:

– Thế thì may cho tôi được gặp tiên sinh.

Anh Thừa đáp:

– Chữa không khó. Cái khó là người có bệnh có muốn và thật tâm chữa hay không. Và người chữa bệnh có thuốc hay hay không. Vậy cô cứ yên tâm. Vài bận uống thuốc của tôi, cô sẽ khỏi hẳn.

Bỗng anh cười:

– Gọi là thuốc của tôi, chưa được đúng lắm. Phải nói là thuốc của Phòng

thuốc nhà giàu. Vì ta không nên quên ơn Cự đã tham bác nhiều ý kiến rất tốt.

Anh quay nói với khách:

– Thật vậy, thưa ngài ạ. Hẳn ngài đọc quảng cáo, đã thấy là Phòng thuốc nhà giàu có ba người cộng tác với nhau. Cô đốc đây với đệ là hai, còn một người nữa, chắc ngài cũng biết. Đó là cụ Điều chúng tôi. Ngài là bậc thức thời, chắc tiếng tăm của Cụ, ngài không lạ gì. Đệ gọi Cụ là hậu thân của cụ Lãn Ông, cũng không ngoa chút nào. Cụ thật là một ông lười. Lười làm quan!

Anh nói với Ma-ri:

– Nhiều lần tôi khuyên cô đừng tò mò mà hỏi chuyện Cụ về Huế, Cụ không bằng lòng đâu. Cô không biết rằng Cụ

rất khiêm tốn và rất kín đáo à? Giá phải người khác, ở hai mươi năm trong Huế, thì bây giờ về Bắc, thế nào cũng trộ trộ ni ni, tê tê, nớ nớ đổ ai hiểu. Nhưng Cụ cố bỏ tiếng Huế, giọng Huế mà nói ngay tiếng Bắc, giọng Bắc. Thỉnh thoảng, Cụ lại vờ như người chưa biết Huế ở đâu và nói đảo ngược là sông Ngự núi Hương mới buồn cười chứ! Chính tôi đã bị Cụ quở mãi, vì trong quảng cáo, tôi nói rõ là Cụ đã làm thuốc hai mươi năm ở đế đô và đã chữa không cho vua Khải Định. Cụ muốn giấu việc ấy. Cụ bảo hữu xạ tự nhiên hương, không cần khoe khoang làm gì. Có một chuyện tôi cứ lừa cho Cụ nói, mà không bao giờ Cụ tiết lộ. Sau, tôi dùng lối bắt nọn, Cụ mới nhận là đúng. Đó là chuyện Cụ chữa cho vua Khải Định. Hôm nay, nhân vui miệng mà nói, tôi xin cô giữ kín, đừng cho ai biết việc bí mật ấy. Nhất là chớ bảo với

ai là tôi nói, kéo Cự biết, Cự lại quở tôi. Cự thường bảo cái tên gọi là ngự y hay điều họ không làm gì. Cái chính là thuốc mình phải hay thôi.

Ông Hoài Tân Tử và Ma-ri đều trở mắt để lắng tai.

– Thừa ngài với thừa cô, chính đức Vĩnh Thụy là công của cụ đấy.

Ma-ri nhanh miệng hỏi:

– Sao? Sao? Con của Cự à?

Anh Thừa cau mặt:

– Xà! Nhảm! Công của Cự chữa cho đức Khải Định. Ngài mới sinh được Đông cung. Nguyên do thế này. Khi đức Kim thượng của ta chưa lên ngôi, Ngài còn là đức ông Hoàng Cả, thì Ngài chỉ

buồn nổi hiềm muộn, mà sinh ra rượu chè, chơi bời, bài bạc, thuốc xái. Còn chính phủ Bảo hộ muốn đến ơn đức Đồng Khánh, định mời Ngài lên cai trị thiên hạ ngay cái năm ông Thành Thái bị đi đày kia. Nhưng ngặt vì Ngài chưa có con, không lẽ vua lại không có hoàng tử Đông cung, thì sau này ai nối ngôi, cho nên các quý quan phải tạm lập vua Duy Tân. Đức ông Hoàng Cả thấy vậy càng buồn, càng đâm ra rượu chè, chơi bời, cờ bạc, thuốc xái hơn trước. Thì may cho nước Nam mình làm sao! Có người giới thiệu Cụ với Đức ông. Cụ dâng ba chén thuốc lên Đức ông. Thế là Đức ông khỏi bệnh liệt dương. Và vì thuốc công hiệu, Đức ông cường tráng quá. Không những ngài chỉ giao thiệp với nữ giới trong Hoàng gia, với kim chi ngọc diệp các thế tộc, mà còn hạ cố đến cả đàn bà con gái nhà thường dân. Trong bọn được

hầu hạ Đức ông, có một người là thị tỳ. Người này thụ thai, sau sinh hạ được hoàng nam, tức là đức Vĩnh Thụy. Việc là thế, nhưng nhiều người không biết, cứ nghi hoàng tử Vĩnh Thụy của chúng ta bây giờ là con thằng bồi ngựa với con vú mà đức Khải Định nhận chẳng là con. Hoàn toàn sai với sự thật! Họ còn dám khi quân, nói rằng mặt Hoàng thượng dài ngoẵng ngoẵng như mặt chó tây, thì để thế nào ra được hoàng tử mặt lồn lộn phốp pháp. Lại càng hoàn toàn sai với sự thật! Hoàng tử Vĩnh Thụy chính là con đẻ của đức Khải Định. Cả nước Nam này chỉ có một mình Cụ là biết rõ. Vì chính tay Cụ dâng thuốc lên Ngài. Bởi Cụ có công lao to lớn như vậy, cho nên ngay hôm đức Khải Định đăng quang, Ngài đã hạ chỉ cho Thái y viện tìm Cụ vào cung. Ngài ban vàng bạc, Cụ không lấy. Ngài phong phẩm hàm, Cụ chối từ.

Rồi sợ Hoàng thượng không để Cụ sống yên một đời ẩn dật, lấy việc bốc thuốc, cứu dân độ thế làm vui, Cụ mới trốn ra Bắc. Nhưng đức Khải Định vốn là người đức độ, ăn ở thủy chung. Ngài nghe nói Cụ về Bắc, thì Ngài than thở mãi là đức mọn tài so, cầu hiền không nổi. Vì vậy, vừa rồi, Ngài mới ngự giá Bắc tuần, về việc này, lại có nhiều kẻ không thức thời, đổ là nhà vua tuần du để chơi gái Bắc kỳ, hoặc là ngờ là để ký với quan toàn quyền Xa-rô nhường một vài nơi của Trung – Bắc kỳ làm nhượng địa. Nhưng hoàn toàn sai với sự thật. Dân đen ngu độn, muốn đồn thế nào thì đồn, Thánh thượng quang minh, trung hậu, thì Ngài cứ làm theo bụng Ngài. Ngài ngự giá Bắc tuần, mục đích chính là tìm cho được Cụ để vời Cụ lai kinh, nhận chức Tham tri bộ Lại. Nhưng mũ áo Ngài may sẵn để ban cho Cụ, Cụ chỉ lạy tạ mà không mặc.

Bất đắc dĩ, đức Khải Định phải đành lòng hồi loan.

Nghỉ một lát, để hút xong một hơi thuốc lão, anh Thừa lại nói:

– Cụ còn một điều này, chắc các tiên sinh trong làng văn quý Cụ lắm. Là Cụ là bạn thân của cụ Tú Xương, thường làm thơ sách họa với cụ Tú. Cụ Yên Đỗ cũng phải khen là hay.

Vừa kể đến đó, vừa nhìn ra cửa, bỗng anh Thừa đứng phắt dậy, lè lưỡi và xua tay, như ra hiệu báo động cho mọi người đề phòng. Rồi Ma-ri cũng đứng dậy. Nhà văn sĩ không hiểu việc gì, cũng đứng dậy.

Thì ra là cụ Điều Hai vừa đỗ xe ở đường đi vào trong nhà. Anh Xi mặc áo lính lệ theo sau. Cụ lăm lì, cúi mặt, bước

lộp cộp đôi giày ban bóng lộn. Anh Thừa
chấp hai tay, khúm núm vái:

– Thừa Cự đã về.

Cự Điều gật đầu. Anh giới thiệu:

– Thừa Cự, đây là nhà văn sĩ trứ danh
Hoài Tân Tử.

Ông khách cúi chào. Cự xòe năm
ngón tay để móng lá lan:

– Mời các ngài cứ ngồi tự nhiên.

Rồi Cự hỏi anh Thừa:

– Ông coi mạch hấu ngài chưa?

– Thừa chúng con mới đương nói
chuyện ạ.

Vì anh Thừa cứ đứng, cho nên khách cũng không tiện ngồi.

Ma-ri bước lại gần Cụ, giơ móng tay, búng khế cái bụi nhỏ trên vai áo Cụ. Cụ quay lại:

– Cảm ơn cô đốc.

Thấy anh Thừa và Ma-ri đứng nghiêm chỉnh, không dám nhìn cụ Điều, nhà văn sĩ chỉ dám thỉnh thoảng liếc trộm cụ. Cụ đội cái khăn mỏng nếp, phía sau không trùm hết gáy. Cụ mặc cái áo đoạn huyền dài quá đầu gối. Cụ đeo đôi kính dày gọng. Giả thử cụ dân đôi giày dừa nữa, thì trông cụ đúng là một vị quan kinh. Mặt cụ phương phi, oai vệ, chòm râu đẹp như vẽ. Tiếng cụ nói ồ ồ, rõ ra tiếng người sang. Không trách đứng trước cụ, ông y sĩ và cô y tá kính cẩn như

đứng trước một đấng thiêng liêng. Thấy thế, nhà văn sĩ cũng hơi rờn rợn.

Cụ không thay nét mặt, nói với anh Thừa:

– Khá lắm rồi, tiên sinh ạ. Nhưng giá cụ Thiếu mà cứ nghe quan Cử Sen Hồ theo mãi thuốc tây, thì có bận khốn!

Anh Thừa cúi đầu:

– Dạ.

– Tôi cũng vừa thăm cậu Nguyễn Hữu Trí, con trai cụ Tham Trân. Mười phân đã đỡ được bảy, tám. Lại ông cụ lắm cảm này nữa. Chỉ tin thầy tàu! Cứ đốc tờ với thầy tàu mãi, rút cục chỉ khổ mình phải gỡ.

Ma-ri mách:

– Thừa cụ, quan huyện Tiên Hải mới lên, cho người mời cụ đến ngay đây ạ.

Cụ Điều thở dài một hơi như người còn mệt:

– Đến với quan Tiên Hải thì khó lòng về ngay được. Bao giờ ông ấy cũng bắt xem mạch cho cả nhà. Rồi họ hàng, bạn bè ông bà ấy kéo nhau lại. Đến phiền!

Anh Thừa cười:

– Dạ.

Cụ Điều lau lại kính, rồi vuốt râu, dặn:

– Sáng nay, tôi còn bận chế một vài vị đặc biệt cho cô Lan và cậu Trí. Chiều mới lại thăm quan Tiên Hải được. Ông Trần với cô đốc nhớ nhắc giờ tôi nhé.

Anh Thừa chấp tay:

– Dạ.

Ma-ri cũng chấp tay:

– Dạ.

Bỗng cái cuộn giấy làm đóm của diều thuốc Lào đặt trên bàn bị gió thổi lăn rơi xuống đất. Ma-ri trông thấy, vội vàng khom lưng, qua mặt cụ Điều, để cúi xuống nhặt nó lên. Cụ lùi lại lấy chỗ cho Ma-ri đi, rồi giục anh Thừa:

– Tiên sinh chẩn mạch cho ngài đi.
Để ngài chờ mãi thế?

– Dạ.

– Có cần đến bả nhân không?

Ma-ri hỏi khẽ khách:

– Ông cần một tiên sinh xem mạch thôi, hay cả Cụ thì cho biết.

Ông Hoài Tân Tử lúng túng chưa đáp, thì Ma-ri nhắc:

– Thôi, một mình tiên sinh cũng được. Tiên sinh vẫn chuyên môn về bệnh tâm lý. Để Cụ nghỉ, kéo Cụ mệt.

Cụ Điều gật, khen:

– Đúng thế. Con khá là đạt! Đêm qua cụ Thiếu bắt thầy thức quá khuya để đàm đạo văn chương thế sự. Trong người thầy mỗi mệt, tinh thần kém sáng khoái, thì xem mạch kém hay. Con để thầy nghỉ là phải.

Nói đoạn, cụ cúi chào mọi người, rồi lững lững đi vào.

Anh Thừa nhìn theo cụ, lè lưỡi, lắc đầu. Anh vui sướng như người mới giành lại được tự do, giờ tay mời bạn ngồi:

– Thôi, xin phép ngài, cho đệ được hầu mạch, kéo Cụ quở.

Ma-ri lấy cái áo choàng của mình treo ở mắc, cuộn nhỏ lại làm cái gối, để trên mặt bàn, rồi tự tay nâng cổ tay nhà văn sĩ đặt lên trên:

– Áo thiếp đây nhé. Đừng sợ bẩn.

Rồi nói với anh Thừa:

– Tạm dùng bàn tôi để khỏi phải vào buồng thăm bệnh. Mời tiên sinh làm việc.

Được tay ấy nâng tay mình đặt lên áo ấy, mặt tác giả Tình muôn thuở tươi như hoa.

* * *

Nhà văn sĩ Hoài Tân Tử ra về, Ma-ri hớn hở vào buồng phát thuốc của hắn. Hắn cộng số, đếm lại tiền, rồi phá lên cười với anh Thừa. Nhưng anh Thừa không cười. Anh trầm ngâm lo lắng...

Hết giờ làm việc, chờ cho Ma-ri đi khỏi, anh mới lên gác trong. Nhưng cả cụ hai Điều cùng anh Xi không có ở đấy. Anh vào bếp để tìm.

Cụ Điều cời trần, mặc quần nâu vén đến tận bẹn, ngồi bệt xuống đất, đương măm môi măm lợi, chẻ một khúc củi to.

Anh Xi phùng má thổi lửa.

Anh Thừa cau mặt, nhìn họ, bỗng quát một tiếng thật to:

– Hãy ngừng tay lại. Tôi bảo!

Anh dứt hai tay vào túi quần, nói:

– Hông, hông mất!

Cụ Điều thấy cái không khí nghiêm trọng không ngờ, thì đứng phắt dậy, buông vôi hai ống quần xuống:

– Thừa sao ạ?

Anh Thừa vẫn giọng gay gắt:

– Buổi này là buổi đầu ông tiếp xúc với khách, nhưng như thế là không được.

Anh Xi để kệ cho bếp khởi um, đứng nhìn. Anh Thừa tiếp:

– Cũng may cái thằng này là văn sĩ hay đăng trí, lơ mơ, chứ nếu phải người khác, biết nhận xét và biết nhớ, thì lòì đuôi ra là mình đối trá.

Mặt cụ hai Điều xám lại. Chòm râu rung rung, cụ buông thông hai tay, ngơ ngác nhìn anh Thừa đương hăm hăm:

– Thôi, nhưng mà nếu giận ông thì giận đời. Tôi bảo cho ông biết là ông ngu lắm! Không khéo thì cái Phòng thuốc nhà giàu này vỡ vì ông, chứ không phải vì ế khách.

Anh im một lát, rồi hoạnh:

– Ai bảo ông làm như ở đâu về thế? Sao không làm như ở nhà đi thăm người

ôm? Ông có biết rằng tôi vừa sai thằng Xi đem cho tôi cái điều ống thuốc lão ra trước mặt khách hay không? Thế thì nó kéo xe cho ông đi từ lúc nào để ông về cửa trước, qua buồng đợi? Có về thì phải có đi mới là thật chứ? Thế thằng Xi bay đường nào ra cửa mà khách không trông thấy nó đi, lại chỉ trông thấy nó về? Mà từ lúc nó đem điều ra cho tôi, đến lúc nó kéo ông về, chỉ cách nhau độ mười lăm phút. Thế mà ông nói luyên thuyên những là cụ Thiếu Hà Đông với cụ Tham Trân? Vô lý! Vô lý!

Cụ Điều tay đưa lên gãi tai, thở dài ồm ồm. Anh Thừa nghiêng răng, trở vào mặt cụ:

– Tôi đã cấm ông nói nhiều kia mà!

Anh trừng trừng nhìn cụ, rồi im lặng

cho cụ có thì giờ mà nhớ lại cái tội đã phạm kỷ luật nghiêm ngặt. Nhưng thấy anh không nói, thì cụ nói:

– Tôi xin ông tĩnh tâm. Những lỗi của tôi, quả là có hết. Còn như ông bảo tôi nói nhiều, thì tôi có phạm vào điều cấm, là nói bệnh, nói thuốc với bệnh nhân đâu?

Anh Thừa giậm chân xuống đất, quát:

– Còn cãi!

Cụ Điều giật nảy mình. Anh Xi cũng giật nảy mình. Anh Xi bảo khẽ:

– Ông đương lúc nóng, thì bác im đi có được không.

Anh Thừa quắc mắt với anh Xi:

– Tao không nóng! Không lúc nào tao nóng! Mày thử nghĩ xem, lão già làm thế có đúng không?

Anh Xi len lét:

– Vâng ạ.

Anh Thừa vẫn còn tức:

– Mấy lị làm gì mà phải nói đi lăm thế. Một cụ Thiếu Hà Đông là đủ rồi, không cần phải kể là đến cụ Tham Trân nữa. Từ sáng tới giờ, thì giờ đâu mà đến được những hai chỗ. Thế là đi chơi, chứ đi thăm bệnh à?

Cụ Điều run run:

– Xin ông nuốt giận làm lành. Tôi nói là đêm qua ở Hà Đông, sáng ra Hà Nội,

tôi mới đến thăm cụ Tham Trân, thế là có một chỗ.

Anh Thừa im. Một lát, anh nói:

– Nhưng một mình cụ Thiếu Hà Đông là đủ rồi. Không cần cụ Tham Trân. Nếu muốn kể cả cụ Tham Trân, thì ông phải nói cụ Tham Trân trước, cụ Thiếu Hà Đông sau. Cụ Thiếu Hà Đông với cụ Tham Trân, ai phương diện hơn ai? Sao không kể nhân vật có giá trị của quốc gia sau cùng, để ngoài nghe nhớ lâu? Ông phải biết chuyện riêng của gia đình những bậc tai mắt bao giờ cũng được những kẻ tò mò kháo với nhau. Thế mà mỗi lần họ nhắc đến tên mình một tiếng, có bằng trăm bằng nghìn lời quảng cáo không? Chứ cụ Tham Trân là cái thá gì? Là cái anh lấy vợ thái của thằng Tây Cú ấy à. Danh giá gì điều ấy. Ông kể cụ Thiếu

Hà Đông trước, kể cụ Tham Trân sau, tại tôi nghe cứ như đương ăn tiệc nem công chả phượng, đến cuối bữa, nhai phải củ lạc thối ấy!

Anh Thừa nhìn cụ Điều, rồi nhìn anh Xi, hất hàm hỏi:

– Đấy, các người thử nghĩ xem, tôi nói có đúng không?

Cụ Điều xoa hai tay vào nhau:

– Vâng, ông mắng thì tôi phải chịu. Chứ tôi có biết đâu là ông sai anh Xi cầm điều ra cho ông, mà tôi không về.

Rồi cụ lau nhàu một mình:

– Chỉ có từ cổng trước luôn quanh về cổng sau, cổng sau luôn quanh ra cổng trước cũng khó khăn thế đấy!

Anh Thừa lại giậm chân xuống đất:

– Còn bướng phồng? Tôi có thuê đất mới tìm được nhà có hai cổng để các người làm ăn thế à?

Anh Xi can cუ Điều:

– Thôi, bác, để yên ông nói.

Anh Thừa khuỳnh hai tay vào háng:

– Ông có biết lúc ông vào, thì tôi đương chuyện gì với khách không? Tôi đương hết sức khoe mẽ cho ông, bốc ông lên đến trời, thế mà đánh đòn, ông thò cái mặt thớt của ông vào, làm tôi ngượng, không dám nhìn ai nữa. Tôi đã giao hẹn với ông bao nhiêu lần là ở nhà này, ông cứ làm đúng như cái máy cho tôi, tôi vắn thế nào, ông phải y nguyên làm như thế. Đừng sai lời tôi mà hỏng việc của tôi.

Cụ Điều chấp hai tay:

– Vâng, bạn này tôi trót dại, bạn sau tôi xin chữa.

Anh Thừa nguôi giận:

– Thế thì được. Bị thịt phải biết phận bị thịt.

Rồi anh nói với anh Xi:

– Sáng nay, hai đứa cứ ăn cơm trước đi. Không phải chờ tao. Tao còn bận.

Anh móc túi nhìn đồng hồ:

– Mà đã chết đói hay sao lại thối cơm sớm thế? Hãy bỏ đấy. Lên tán nốt chỗ thuốc làm dở đi.

Anh quay ra nhà ngoài, quăng lại
thêm một câu cuối cùng:

– Chỉ ăn là khỏe thôi! Đồ khỉ!

8

TIN BẤT THƯỜNG

Anh ạ, em thành cô Lan mất rồi.
Chắc là vì em không có bệnh
ốm tương tư nữa.

Ma-ri hôn hờ, ỏn ẻn với anh Thừa
câu ấy, rồi tụt cái khăn tua bịt đầu bằng
len đen xuống vai, vén cái vạt áo nhưng
nâu, hấn đặt đít ngồi lên mặt bàn. Anh

Thừa nhích cái bút ra xa cho mực khỏi dây vào tà áo lụa màu hồ thủy mặc trong của Ma-ri. Không hiểu lời nói có ý nghĩa bí hiểm, anh ngó ra, nhìn Ma-ri:

– Sao?

– Từ mấy hôm nay, em hay buồn nôn buồn ọe, anh ạ.

Thấy Ma-ri báo một tin bất thường như vậy mà lại vui được, anh Thừa cau mặt, hỏi:

– Thật à?

Ma-ri ngoẹo cổ để làm điệu:

– Thật! Anh có nhớ rằng anh đã bảo thằng văn sĩ là đàn bà có bệnh tương tư thì tị đề hay không? Thế thì em ở ngay gần anh, chắc không tương tư anh, cho

nên em có mang.

Một nhịp cười hi hí, Ma-ri tự thưởng cho mình câu nói bóng bẩy và tình tứ.

Nhưng anh Thừa vẫn lạnh lùng:

– Có đúng không?

– Sao lại không đúng. Lúc nào cũng buồn nôn buồn ọe.

Anh Thừa lắc đầu, dần từng tiếng cho rõ:

– Không. Đúng là đúng có mang với anh hay với ai. Anh muốn hỏi thế kia.

Ma-ri tát khế vào má anh, rồi dẫu môi và lườm anh, dài giọng để đáp:

– Chả với anh thì với ai!

Anh Thừa thở dài, uốn lưng vào lưng ghế:

– Thế thì cho ra ngay đi thôi. Nhà có thuốc đấy.

Ma-ri hơi đổi sắc mặt:

– Không, em không làm thế. Thất đức lắm. Anh không biết bố em là người suốt đời tu nhân tích đức à?

Bỗng hấn vùng vằng, rụt chân lại, đứng phắt xuống đất:

– Anh làm hại một đời tôi!

Anh Thừa vẫn thản nhiên, nhại lại:

– Hại!

– Chứ không là làm hại à? Tôi từng này tuổi đầu, đương hơ hớ son trẻ, tôi đã chán đời đâu mà anh bắt tôi nghĩ đến việc chồng con!

Rồi tay xĩa xối, miệng lau láu, hắt thốc một thôi một hồi:

– Anh định bạc tình thì anh bảo. Anh nghĩ xem, Phòng thuốc nhà giàu này mấy tháng nay đông khách là công của ai? Anh đối xử với tôi thế à? Tôi đã giao hẹn cấm anh không được ghen, sao anh vẫn can thiệp vào đời tư của tôi? Có tối nào anh để cho tôi tự do một mình không? Anh chiếm của công làm của tư. Thế mà anh dám hỏi tôi có mang với anh hay với ai à? Bây giờ anh nghe tin tôi có mang, anh định chạy làng. Anh muốn đổ nợ cho ai?

Nét mặt đanh đá hơn, hần nói bằng giọng cương quyết:

– Tôi bảo cho anh biết trước, là tôi bắt anh phải lấy tôi, cưới xin cho tử tế. Ít lâu nay, tôi định giữ trinh tiết để lấy chồng, nhưng anh không cho tôi được hần hoi. Vậy thì tôi nhắc lại. Anh chọc to tai ra mà nghe. Bố tôi là người tu nhân tích đức, nhất định tôi không uống thuốc phá thai. Tôi đương ở tuổi vui đời, nhưng anh ích kỷ, chiếm của công làm của tư, làm cho tôi chán đời sớm, thì anh phải gánh lấy tôi. Anh phải cưới xin đàng hoàng. Bởi là tôi đã hy sinh vì anh. Tôi là vợ cái con cột của anh. Còn mẹ thằng Mão mà bén mảng ra đây, bà thì xé xác!

Anh Thừa đầu dụi:

– Làm gì mà toáng lên thế, để người ta nói nào.

– Không làm toáng mà được với cái mặt xỏ lá ấy à? Tôi truyền hồn cho anh biết trước, là nếu anh không theo đúng ý muốn của tôi, thì tôi còn làm toáng nữa. Tôi ra giữa đường cái, ngay trước cái nhà vàng này, tôi rêu rao tướng lên rằng anh làm tôi chữa, rồi anh định bỏ. Tôi lột mặt nạ thẳng y sĩ Trần Đức Thừa cho thiên hạ nhìn rõ. Như vậy, quân ăn cháo đá bát chỉ còn mỗi một đường thoát thân là đâm đầu xuống sông Cái mà thôi, anh có biết không? Tử tế thì cùng tử tế. Giở mặt thì cùng giở mặt. Đây đeo cần!

Nói đoạn, Ma-ri hăm hăm đi ra, đóng mạnh cánh cửa, kêu đánh rầm. Mấy tờ giấy trên bàn giật bắn lên.

Anh Thừa ở lại một mình, bản thân, thở dài. Độ năm phút sau, bỗng có tiếng gõ cửa. Anh vội vàng đeo kính lên mắt,

ngồi ngay ngắn lại:

– Xin cứ vào. Cửa mở.

Hai người đàn bà lạ mặt theo Ma-ri vào. Một bà đứng tuổi, béo, da đỏ đắn, sù sù trong cái áo bông xa-tanh. Một bà trẻ tuổi Ma-ri, mặc áo xuyên hoa kép, lót hoa lý. Bà này người thanh thanh, mặt trái xoan, mắt dịu dàng, nhưng ánh đỏ của vải căng trong buồng hắt ra, không làm cho nước da bà hồng hào thêm. Anh Thừa biết là bệnh nhân và đoán ngay được rằng bà ta ốm yếu lắm. Thấy Ma-ri không giới thiệu bệnh nhân bằng phiếu như mọi bận, lại tự hấn dẫn vào, anh Thừa hiểu ngay là hấn ghen, không muốn cho anh một mình trong buồng kín với đàn bà con gái. Song, anh lờ như không biết thâm ý ấy. Anh nghiêm trang đứng dậy.

Ma-ri thoát thấy anh thì cúi đầu chào, như thể từ sáng tới giờ hai người chưa hề gặp nhau lần nào. Hai bà khách cũng bắt chước, cúi chào ông chủ. Ma-ri đứng thẳng người cho lễ phép, trở vào bà béo:

– Thừa tiên sinh, bà cử Dân. Ông cử học trường Hậu bổ dưới phố Lò Đúc, năm nay thi soóc-ti.

Bà Cử cười hể hể:

– Vâng, thưa đúng ạ. Ngài tiên sinh chưa nhận ra tôi đấy thôi. Vâng, tôi là bạn thân của cô đốc, và chính cũng là khách quen của Phòng thuốc nhà giàu. Vâng.

Anh Thừa cúi đầu đáp liêu:

– Thừa bà, tôi nhận ra rồi.

Ma-ri nói:

– Bà bạn được tiên sinh chữa cho, nay bà đã xoi được nhiều cơm và ngủ được ngon giấc. Bà giới thiệu với tiên sinh một bà cũng bị bệnh như bà.

Bà Cử vừa cười, vừa vội vàng tranh lời:

– Vâng, cô cho tôi nói. Tôi đến đây, trước hết là để cảm ơn ngài tiên sinh đã ạ. Thưa ngài tiên sinh, bà bạn tôi đây là bà Phúc Lâm, buôn tơ ở phố Hàng Đào. Vâng, bạn thân đấy ạ.

Nghe hai tiếng Phúc Lâm, anh Thừa sực nhớ lại hồi tết Trung thu vừa rồi, cụ Điều khen mãi cổ trông trắng của nhà này bày khéo. Anh nhìn bà Phúc Lâm, gật gật:

– À, thưa bà, thế thì tôi vẫn đi qua đằng nhà. Nay mới được hân hạnh tiếp bà. Hôm rằm tháng tám, tôi lại được vào hảnh trong sân để xem cỗ. Ai cũng phục hoa tay của bà. Thưa cỗ của nhà ta đẹp nhất Hà Nội đấy ạ.

Nịnh xong, anh hề hề cười, rồi hỏi:

– Thưa bà, bệnh bà ra sao ạ?

Bà cử Dần lại tranh lời:

– Bà bạn tôi bệnh cũng như tôi. Ngài tiên sinh xem cho bà ấy, vâng. Rồi ngài xem lại cho tôi. Vâng.

Rồi như để giao hẹn tiếp với Ma-ri, bà tiếp:

– Hôm nay em lại quên, không đem đồng tiền nào. Khỏe rồi, em chả phải

uống thuốc nữa. Vâng.

Thấy những lời giáo đầu đã tạm đủ, anh Thừa nói với Ma-ri:

– Thừa cô đốc, nhờ cô làm ơn bảo lấy thêm cho chiếc ghế nữa. Rước các bà giải toạ.

Ma-ri mở cửa, rón rén ra, nhưng không đóng hẳn lại như mọi bận. Anh Thừa mời bà cử ngời ghế bệnh nhân ở phía ngoài, rồi bắc xa hai cái ghế của cụ Điều và của anh cho rộng chỗ, và nói với bà Phúc Lâm:

– Rước bà quá bộ vào trong này.

Bà Phúc Lâm tuy không bé bỏng, nhưng vẫn giữ bộ điệu rón rén, e lệ của một cô con gái Hàng Đào. Đứng gần đàn ông lạ, bà ngượng. Bà lấy tay nắm khít

hai tà áo để che kín cái tí cạp quần bằng nhiều đỏ. Anh Thừa nói:

– Xin phép bà cho tôi làm việc.

Anh lấy cái ống nghe tim áp vào ngực bà. Bà giật mình, vội vàng lùi lại. Nhưng anh cười:

– Chính bệnh ở chỗ ấy đấy ạ. Chúng tôi kích liệt công kích các đốc tờ họ cứ bắt bệnh nhân bất cứ đàn ông hay đàn bà, đều phải cởi áo mới thăm nổi tim và phổi. Bởi vì họ kém. Làm thế, thì thật bất nhã với khách. Chúng tôi không bắt chức Thái Tây.

Như được dỗ ngọt, bà Phúc Lâm đứng yên. Anh Thừa áp tai vào ống. Anh nghe. Không hiểu anh nghe cái gì. Có lẽ anh nghe cái hơi ấm áp, cái nhịp đập

phồng ở ngực người đẹp. Nhưng hẳn anh nghe cả tiếng chân của Ma-ri xem đã vào buồng chưa. Mùi thơm thơm, chua chua, đặc biệt của áo phụ nữ, của hơi thở phụ nữ, phả vào mũi anh. Song, anh không dám hưởng lâu cái phút dạt dào ấy. Anh bỏ ống ra, cố nghiêm chỉnh lại, nói:

– Thưa, mời bà thè lười.

Anh cốt ngắm lâu đôi môi ăn trầu cắn chỉ thắm tươi.

Vừa lúc ấy, thì Ma-ri cầm cái ghế mây vào, kiễng chân để đi cho nhẹ nhàng. Anh cười:

– Thưa cô lại mang lấy! Mời cô ngồi.

Anh trở phía trước mặt bà cử cho Ma-ri đặt ghế. Ma-ri hỏi:

– Thừa tiên sinh chưa bắt đầu?

Bà Cử toan đáp, thì anh vội vàng đánh trống láp:

– Mới sơ sơ thôi ạ.

Rồi bắc sát hai ghế của cụ Điều và của anh lại gần nhau, anh khoe:

– Thừa hai bà, cô đốc chúng tôi cũng đương học chữa bệnh cho các bà. Cô rất tiến bộ. Bao giờ thành thạo, cô sẽ mở phòng thăm bệnh riêng. Cô là đàn bà, chữa cho đàn bà, chắc hiểu bệnh hơn đàn ông chúng tôi. Mà bạn gái với nhau, các bà kể bệnh, chả phải e ngại gì.

Anh mời bà Phúc Lâm ngồi. Bà lại ngượng, hai tay kéo áo che cho khắp hai cặp đùi bóng vì quần lĩnh. Bộ xà tích bạc, thông dài xuống, sáng nhoáng.

Anh Thừa đặt hai đầu ngón tay vào mạch máu ở cổ tay bệnh nhân. Lúc anh nâng lên, lúc anh day mạnh. Mặt anh ngửa lên trần, như nghe, như nghĩ.

Lúc này, trong buồng thật yên lặng. Tưởng chừng như tiếng của bốn trái tim cũng được nghe rõ là mỗi trái đập một nhịp khác nhau. Trái tim bà Phúc Lâm thì liên hồi như trống báo động để phòng có kẻ gian vào nhà. Trái tim bà cử Dần thì chạy nước kiệu cho êm cái việc bà lợi dụng bạn để ông thầy xem mạch công không cho lần nữa. Mất tiền mua mâm thì đâm cho thủng. Trái tim của Ma-ri thì chạy như con ngựa bất kham bị ghìm, không cho phi nước đại, để nén cơn thịnh nộ vừa qua, và trấn cơn ghen bóng hiện nay. Nó muốn nấp kín một chỗ để rình trộm. Còn trái tim anh Thừa thì ung dung, đi thông thả, bước một, để

ngoạn cảnh.

– Thừa bà, gái tay mặt, nhưng bà làm ơn cho tôi thăm cả tay trái. Vì mạch bên này hơi chìm.

Bà Phúc Lâm ngồi lại bằng thế khác. Bà phải cố rứt đầu gối cho khỏi gần đầu gối y sĩ quá. Anh Thừa vẫn thản nhiên, nhưng Ma-ri thở dài đánh thượt.

Độ dăm phút sau. anh buông tay bắt mạch, xích cái ghế ra xa. Rõ ràng bà Phúc Lâm như bị đụng chạm ở chỗ nào. Vai bà rùng lên. Mắt bà đảo nhìn xuống.

Anh Thừa mỉm cười, trông hai bà khách:

– Mạch hai bà giống nhau như đúc. Giá tôi không biết hai bà là bạn, thì tất phải ngỡ là hai chị em ruột.

Rồi anh hỏi bệnh nhân:

– Thưa bà, bà được mấy cháu ạ?

Hai gò má bà Phúc Lâm bỗng đỏ ửng. Hai tay bà luống cuống, vùn vùn tà áo. Bà cử Dấn đỡ lời hộ:

– Thưa ngài tiên sinh, vâng, bà bạn tôi còn cao kén lắm đấy ạ.

Bà Phúc Lâm ngượng, cố giữ nét mặt cho ngây thuần như không. Nhưng Mari thì hăm hăm. Hấn xô ghế, đứng dậy, đi thẳng ra khỏi buồng.

– Cô đốc! Cô đốc!

Anh Thừa gọi. Nhưng hấn không quay lại.

Hai người khách không hiểu thái độ

ấy. Bà Phúc Lâm khẽ khàng hỏi:

– Thừa tiên sinh, ngài xem bệnh tôi thế nào ạ?

Anh Thừa cười, đáp bằng cái ý anh vẫn trả lời mọi người khác.

– Thừa bà, đối với bà, tôi rất khó nói. Tôi tưởng bà chẳng nên biết làm gì cho thêm lo lắng. Tôi vẫn kịch liệt công kích các ông thầy cú hay dọa dẫm bệnh nhân. Thừa bà, bà đã tin tôi mà đến đây, xin cũng cứ tin ở thuốc tôi bốc.

Bà Cử híp mắt cười ranh mãnh:

– Tôi hiểu rồi. Vàng.

Giọng dí dỏm làm bà Phúc Lâm hiểu. Mặt bà lại đỏ ửng lên, càng ngây thuồn hơn.

Anh Thừa hỏi:

– Thưa, bà muốn dùng thuốc bột, thuốc nước, hay thuốc sắc ạ?

Bà Phúc Lâm nhìn bà cử Dấn. Bà này đáp hộ:

– Ngài tiên sinh cho thuốc gì cũng được, miễn là thuốc hay. Vâng.

– Thưa nhà tôi thì thuốc nào cũng công hiệu như thần, vì nó làm đặc biệt cho bệnh nhân nhà giàu. Có điều thuốc bột hơi khó uống, thuốc sắc thì lách kích. Xin bà cứ dùng thuốc nước pha sẵn cho tiện.

Nói đoạn, anh ghi mấy chữ vào mảnh giấy con. Anh bấm chuông gọi anh Xi:

– Đưa cô đốc!

Bà Phúc Lâm đứng dậy. Anh nhìn đôi mắt bồ câu của bà:

– Bà cũng nên lấy thuốc chữa cả mắt nữa. Cứ mạch bà, thì hai tháng nữa, bà sẽ đau mắt nặng.

Rồi anh dặn:

– Bạn sau bà đến đây, xin cứ đi một mình, đỡ phải phiền bà cử.

Bà Cử nói:

– Phải, trước lạ sau quen. Vâng. Có bệnh thì phải thân với ông thầy. Việc gì mà thẹn với người.

Giữa lúc này, Ma-ri đi qua cửa, để vào phòng phát thuốc. Bà Cử nói tiếp:

– Tôi còn nhiều bà bạn ốm, rồi tôi

giới thiệu tất cả đến nhờ ngài tiên sinh chữa cho. Vâng.

Chưa dứt lời, bà đã đứng nhồm lên, với cái gối bông để đặt cánh tay lên.

Bà Cử được xem mạch, mặt tươi như hoa. Bà xuýt xoa, nhắc khéo lại là mình không mua thuốc.

– Vâng, thuốc của ngài tiên sinh công hiệu như thần, bây giờ biết là tôi không cần uống thêm nữa, cho nên tôi chả mang theo đồng tiền nào.

Anh Thừa không thể từ chối, phải đặt ngón tay của anh lên cổ tay bấm ra mỗ ấy. Nhưng anh sực nghĩ ra, Ma-ri không có ở đây, thì bà Phúc Lâm phải đền công anh thay cho bà Cử. Anh mời cả bà Phúc Lâm để tay lên bàn cho anh thử lại. Hai

tay anh xem hai mạch, đầu gặt gù:

– Giống nhau như đúc.

Đương lúc ấy thì Ma-ri vào. Mắt long lên, nhưng hấn vẫn ôn tồn:

– Thừa tiên sinh, tiên sinh xem mạch xong thì xin phép tiên sinh cho tôi được mời hai bà vào buồng phát thuốc.

Bà Cử vội vàng nói:

– Ấy, tôi có phải uống thuốc đâu! Tôi có đem tiền đi đâu!

Anh Thừa bỏ tay hai bà ra. Bà Phúc Lâm chào anh, ra trước. Bà Cử không có lý do để ở lại, bước theo bạn, nhưng cổ quai lại:

– Thưa ngài tiên sinh, ngài xem tôi thế nào ạ? Vâng.

– Thưa mạch tốt lắm rồi ạ.

Bà Cử ra thứ hai.

Ma-ri đi sau cùng.

Ra đến cửa, hẩn khép từ từ cánh lại. Bỗng hẩn thò đầu vào trong, nói khẽ thật mau:

– Tiên sư thằng sở khanh! Mà xem mạch thế để trêu gan thêm bà nữa phỏng?

9

NHỮNG MẶT BẤT THƯỜNG

Chị Thừa bế con ra Hà Nội với chồng. Chị hỏi thăm đến được Bồ Hồ. Nhìn cái nhà có gác sơn vàng, chị chắc là chồng chị ở đấy. Chị không biết chữ. Phải hỏi thăm. Đúng là Phòng thuốc nhà giàu.

Lúc ấy chưa phải giờ làm việc. Thấy mở cửa, chị toan vào. Nhưng ở trong lỗ

nhớ những người lạ. Chị đặt thằng Mảo xuống hè, đứng đợi. Thỉnh thoảng chị quay liếc vào trong, nhìn từng người một. Toàn là đàn ông, đàn bà đứng tuổi. Hẳn là bệnh nhân. Thế thì chồng chị đâu?

Sợ hỏi mà không phải thì ngượng, chị đành chờ. Chị mua cho thằng Mảo cái bánh giò, rồi ngồi xồm xuống, bóc lá, bón cho nó ăn.

Lúc ấy, Ma-ri ở bên nhà, thoăn thoắt đi sang Phòng thuốc nhà giàu. Thấy một người ăn mặc nhà quê ngồi ở hè, thì hẩn nhin. Người ấy gọi con:

– Mảo! Mảo!

Hẩn biết ngay là vợ anh Thừa, vả, trước kia đứng trên gác, hẩn vẫn trông thấy chị, nên nhớ mặt. Nhưng chị không

biết hẳn. Bà sắp phó ở trên, chị ở dưới. Bà không xuống sân. Chị chả gặp bà bao giờ.

Thoạt thấy chị Thừa, Ma-ri tái mặt. Tất cả những việc bàn bạc về đám cưới với anh Thừa mấy hôm nay, như sụp đổ trong đầu óc hẳn.

Nhưng hẳn giữ ngay được bình tĩnh. Đầu gật gật chào khách ngồi trong buồng đợi, tay hẳn với cái nút bấm chuông điện ở cửa.

Anh Xi ra. Hẳn bảo:

– Có con mẹ nào bế con đến bày bán cả hè. Anh đuổi nó đi, kéo đội sắp đến, họ phạt rác đấy.

Anh Xi ra cửa, toan đuổi. Bỗng anh trông thấy chị Thừa:

– Kìa, chị!

Chị Thừa ngẩng mặt lên, mừng rỡ nói:

– Kìa, chào anh! Tôi cứ tưởng không phải nhà. Anh đưa tôi vào.

Anh Xi đứng im, ra ý nghĩ ngợi, rồi bảo:

– Chị bế cháu đi theo tôi.

Chị Thừa không hiểu, hỏi:

– Thế tôi ngõ nhà đây?

Anh Xi đáp:

– Nhưng đi cửa khác chị ạ.

Chị Thừa vai đeo nải, tay bế con.

Anh Xi ngắ m thẳng Mão mắ m cười:

– Giố ng bố nhỉ! Cái cắ m! Chị đư a tôi đờ chấ u cho.

Anh dỏ thẳng Mão:

– Ra chú. Chố c nử a chú cho kẹo.

Anh âu yế m vuố t ve thẳng bé, rồi hỏi chị Thừa:

– Chị ra làm gì?

– Có tí việ c anh ạ.

– Việ c gì?

Chị Thừa khô ng muố n nói thự c, tặ c lưỡ i nhắ c lại câ u vừa nói:

– Có tí việ c, anh ạ.

Anh Xi bắn khoăn:

– Độ này anh ấy bận lắm, mà chị với cháu ra chơi, không biết anh ấy có bằng lòng không.

– Việc gì mà chẳng bằng lòng. Vợ con chứ người ngoài đâu!

Đi được mười bước, chị hỏi:

– Anh ạ. Tôi hỏi câu này, anh đừng giấu nhé. Cứ đồn về làng là thầy trưởng Mão có vợ bé. Có thật hay không, anh?

Anh Xi ái ngại, nhưng cười lạt:

– Chỉ đồn hão. Làm gì có việc ấy. Chả tin, chốc nữa chị hỏi ông hai mà xem.

– Thế mà ở làng cứ âm lên. Cuối tháng tám, bà Ảnh con về tìm người kéo

xe thay anh, bà ấy mách ông bà tôi là thấy nó có vợ bé. Bà tôi cứ giục tôi ra ngay. Tôi biết là cái lối dì ghẻ con chồng, bà tôi chả ưa gì nhà tôi, lại muốn đuổi không cho tôi ở chung nhà, nên xúc xiểm cho tôi tức. Bà tôi bảo, mày không giữ nó thì mất chồng. Hôm nọ bà ĩnh con về thăm ông cụ ốm, lại nói đích là nhà tôi lấy đằm, không khéo thì nó mang về Tây mất. Bà tôi lại giục tôi ra.

Anh Xi lại cười:

– Chà! Mấy đời bánh đúc có xương.

Chị Thừa nói tiếp:

– Mấy năm nay, nhà tôi có chơi bởi thật, anh ạ. Tôi hỏi thì thú rằng cái nghề buôn bán phải giao thiệp, học khôn lẫn nhau, chẳng lẽ người ta mời mình vài

lần, mình không giả nợ lại người ta được một lần hay sao. Chứ có đam mê gì cô đầu đầu... Chẳng qua là thả con săn sắt để bắt con cá sộp. Tôi thấy thầy nó vẫn gửi tiền, mỗi tháng lại về thăm vợ con một vài lần, thì tôi tin là nói thật, chả phải ở bên cạnh để giữ. Mặc cho mà lo lắng làm ăn. Nhưng từ ngày vỡ đường, thầy nó không về được, rồi thừa về dần, mà lần nào cũng đi ngay, kêu là bận. Chả biết có đúng hay không?

Anh Xi thở dài:

– Có bận thật, chị ạ.

– Nhưng tôi xem ý nhà tôi khác trước nhiều lắm. Chả kém gì cái hồi ở với nhau trên Đồng Đăng, anh ạ.

Anh Xi lại thở dài. Chị Thừa hỏi:

– Nhà còn xa không, hờ anh?

– Không, ở phố Cầu Gỗ, đằng sau.

Rồi như bị xúc động về lời phàn nàn của chị Thừa, anh Xi than thở:

– Anh ấy bây giờ ăn ở khác trước nhiều lắm thật, chị ạ. Năm ngoái, anh ấy với tôi làm ăn với nhau, thật là vui vẻ. Chả có việc gì to nhỏ là giấu giếm nhau. Hai đứa như hai anh em ruột. Nhưng bây giờ anh ấy hách lắm. Hách cả với ông hai. Nhiều lúc, tôi tủi thân lắm, chị ạ. Chị rẽ đằng này.

– Thế sao bảo thấy nó ở ngay chỗ làm thuốc?

– Phải rồi, nhưng chị đi cửa trước không tiện. Đương khách khứa đầy nhà.

– Sao khách nhiều mà tôi chưa thấy thấy nó nhỉ?

– Anh ấy ở trên gác, đến giờ làm việc mới xuống.

Đến một cái cổng gỗ, anh Xi đập và gọi. Then mở lạch xạch, cánh mở ra.

Cụ Điều thấy chị Thừa thì tròn đôi mắt lẫn cái miệng. Một lúc, cụ mới nói như mắng:

– Mẹ con nhà mày ra đây làm gì? Ai bảo ra?

Chị Thừa lại kể cho cụ nghe những lời đồn đại như đã kể với anh Xi. Cụ bảo:

– Tao chỉ sợ nó gắt mày, rồi gắt lây cả chúng tao.

Cụ và anh Xi bắn khoăn nhìn nhau.
Chị Thừa đoán biết hẳn là có sự gì thật.
Chị hỏi:

– Hay lời đồn là đúng, hả ông?

Cụ Điều cau mặt:

– Có gì mà đúng?

Cụ bảo anh Xi đưa chị lên gặp anh Thừa. Anh Xi đùn cho cụ. Thấy hai người có vẻ lúng túng, ngại ngùng, chị bảo:

– Gác trong hay gác ngoài, lên đường nào? Tôi đi một mình được.

Anh Xi trở tay:

– Gác ngoài. Thang lên ở sân có giàn thiên lý ấy.

Chị Thừa xách tay nải, bế con đi.

Vừa lên được nửa cầu thang thì chị gặp anh Thừa xuống.

– Thầy thằng Mão đấy à?

Chị chào anh như thế.

Anh Thừa đứng dừng lại, nhìn. Bỗng anh mừng rỡ, cười vui vẻ:

– À, u thằng Mão mới ra!

Anh chạy xuống mấy bậc, giơ tay đón con, cùng lên gác với vợ. Anh hôn hít thằng Mão, và hỏi chị dồn dập:

– Ra chơi hay có việc gì? Cả nhà ông bà bình yên cả chứ? Đi từ lúc nào mà đến được sớm thế?

Thấy chồng như vậy, chị hết cả ngờ vực. Chị tìm ngay được một lý do để đáp, khỏi phụ lòng chồng:

– Ông bà bảo tôi ra thăm thầy nó vài hôm, xin cho thằng Mão ít thuốc cam.

Anh Thừa ôm con vào lòng, nựng nó:

– Khốn khổ con tôi! Con tôi gầy quá thật!

Chị Thừa không muốn hỏi thêm về con ốm thế nào, chị lúi húi cởi tay nải, lấy ra một gói, đưa cho anh:

– Thầy nó thích khế khô tôi phơi được một ít, cứ để dành, đợi mãi chả về.

Anh Thừa cười ha hả:

– Thế thì thích quá! Lâu nay tôi bận việc, không về thăm hai mẹ con được, tôi nhớ quá! Nhất là thằng chó này!

Anh ghì thằng Mão vào lòng, lại hôn hít nó.

Chị Thừa rất hả hê. Chị bảo con làm tất cả các trò mà nó biết cho anh xem để cười. Nó nhăn mặt làm xấu. Nó gọi bá, gọi chề, tức là thầy, gọi u. Nó giả cách cười, giả cách khóc. Anh Thừa vui quá, cười như nắc nẻ. Chị cởi áo bông cánh ra, tìm chỗ vắt. Anh âu yếm nói:

– Để ở đâu chẳng được. Góc này là nhà mình, ông hai với anh Xi ở góc trong.

Chị Thừa có ý nhận xét. Một bàn, một ghế, một tủ và một giường nhỏ. Trên bàn, một ấm, một chén. Trên giường,

một gối. Và cạnh thau nước, một khăn mặt. Chị bực mình với những cái miệng thêu dệt, với người vợ tây điều toa.

Anh Thừa nhăm nháp vài miếng khế, rồi đứng dậy:

– Tôi xuống làm việc nhé. Đây là nhà. Muốn gì, u nó cứ hỏi anh Xi hay ông Hai. Hôm nào rồi, tôi đưa đi xem Gô-đa với Bách Thú.

Qua mặt chị, anh dừng lại, rón hai ngón tay, tuốt một sợi tóc ở thái dương chị. Chị nhìn theo hỏi:

– Gì thế?

– Có tí bụi.

Thấy chồng âu yếm, chị cảm động, nhìn anh xuống đến hết cầu thang.

Ngồi một mình với con, chị ngắm xung quanh. Tự nhiên, chị thấy cái buồn đối với chị cũng có vẻ đầm ấm. Chị ân hận là đã nghĩ oan con người vẫn thương yêu vợ con. Chị nhớ lại những hôm anh về nhà. Trông anh lúc nào cũng đăm đăm, tất bật, như có cái gì làm bận trí. Chị tưởng anh ăn ở khác trước. Thì ra chẳng qua là anh say mê công việc, chứ không phải say mê gái.

Chị thử mở tủ xem có quần áo sút chỉ hoặc rách, thì khâu vá lại cho anh. Nhưng cửa tủ khóa. Chị tìm quanh, xem có quần áo bẩn thì giặt đỡ anh. Nhưng không có.

Thằng Mão thiu thiu. Chị vỗ khẽ vào vai nó cho ngủ say, rồi đặt nó trên giường. Chị cầm gói khế khô xuống cụ Điều và anh Xi.

Chị hớn hở nhìn hai người, khoe:

– Thầy cháu thấy tôi với cháu thì mừng rỡ quá. Cũng vừa đi làm việc.

Lúc bấy giờ cụ Điều đương tán thuốc. Cụ ngồi trên ghế đầu cao, hai chân lặn cái bánh xe bằng sắt cho nó đi lại trên chiếc thuyền bằng gang. Anh Xi xắn quần đến bẹn, đương rửa xe, dầu mỡ nhem nhuốc cả mặt.

Hai người thấy chị Thừa tươi tỉnh, thì đều ngạc nhiên mà nhìn nhau. Chị mời họ ăn khế. Cụ Điều hỏi:

– Anh ấy xuống nhà làm việc rồi à?

– Vừa xuống.

Cụ bảo anh Xi:

– Thôi, rửa mặt mũi chân tay, mặc quần áo vào, kéo chuông gọi bây giờ. Ra chậm, ông ấy lại gắt cho!

Anh Xi không đáp, hỏi chị Thừa:

– Thỉnh thoảng chị có đến chơi đàn ông thấy u tôi không? Chả biết có đủ ăn không.

Chị Thừa thở dài:

– Đủ ăn thế nào được! Ba năm rồi, năm kia vỡ đường, năm ngoái lụt úng, năm nay đại hạn!

Cụ Điều hỏi:

– Đại hạn mà không cầu đảo à?

– Có, hôm rước, cả quan huyện cũng về. Nhưng vẫn chả mưa. Gắt hái

rồi, nhưng suốt làng, chả ai còn hột thóc. Dân làm đơn lên quan xin miễn thuế, xin phát chẩn. Quan hứa mãi, nhưng đã có gì đâu!

– Thế chị có năng lại thăm nhà tôi với các em không?

– Có. Khóc dở mếu dở đấy ông ạ. Bà dặn ông có dư thì gửi tiền về, chứ cả làng, cả tổng, chả ai có mà vay mượn tạm được.

Chị sực nhớ ra, nói:

– À, ông với anh Xi phải nhớ ngày đóng công sưu mà gửi tiền sớm sớm về. Chứ ở nhà thì chạy đâu ra. Kỳ thuế vừa rồi, các ông ấy kìm kẹp anh Bách thế nào mà gãy cả ngón tay. Tôi cũng phải bảo nhà tôi gửi tiền sưu về mới được. Chả có bà cháu phải nộp, bà cháu cứ chửi tôi.

Cụ Điều và anh Xi rầu rầu. Anh Xi nói:

– Mình ở ngoài này, chả biết gì. Cứ nhìn Hà Nội thì tưởng cả nước phong lưu.

Chị Thừa cười mát mẻ:

– Thế mà vừa rồi, làng còn được mua hai phiếu quốc trái, lấy tiền gửi về Tây cho nhà nước đánh giặc Đức. Quan bảo là được mua đấy nhé.

Nghe nói đến quốc trái, đến Tây, đến Đức, cụ Điều hỏi thăm tin người làng:

– À, thằng Trương có năng thư từ về nhà nó không?

– Đến gần năm nay, chả có giấy má gì. Dễ thường anh ta chết ở bên ấy rồi.

Anh Xi nói:

– Sao tôi thấy báo đăng những thư của lính mộ ta gửi về, thư nào cũng viết khoe là họ sung sướng lắm kia mà? Và ảnh người nào cũng béo tốt. Có người ngồi chụp cả với tây đầm.

Chị Thừa tặc lưỡi ra vẻ không tin:

– Nào ai biết được là thế nào?

Anh Xi lại hỏi:

– Thế ở làng có cái gì mới lạ, vui vui, hay toàn cảnh đói rách?

Chị Thừa nghĩ một lát, đáp:

– Có. Làng ta mới làm cái ấu chữ.

Cụ Điền dùng chân, ngó mặt, hỏi lại:

– Ấu chữ là cái gì?

– Thằng Mão nhà tôi cũng phải đến ấu chữ một lần, bị cảm nắng suýt chết đấy, ông ạ.

Cụ Điền đoán ra, cười:

– À, thế thì gọi là Ấu trĩ viên, là cái vườn cho trẻ con đến phải không?

– Vâng. Tôi cứ thấy gọi thế thì tôi cũng gọi thế.

– Ấu trĩ viên đặt ở đâu?

– Ở đồng bãi tha ma ngay sát đường cái tây ấy.

Anh Xi nói:

– Ở đấy thì xa làng, không tiện nhỉ.

– Nhưng quan bắt làm ở đây, tiện cho xe pháo đi ở đường cái tây trông thấy. Làng nào ở ven đường ô tô, ven đường đê, đều phải dựng ấu chữ. Làng ta, các cụ đã khẩn quan, xin cho làm ở sân đình, nhưng quan không nghe. Chính quan về cắm ở đồng bãi tha ma đấy. Đạn ấy cũng lại khổ không kém đạn mua quốc trái. Cơm đã chả có ăn, thế mà giai gái làng, từ mười sáu trở lên, phải đi phu hết, để cắt mả, san đất. Quan hẹn mười lăm hôm phải xong.

Cụ Điều hỏi:

– Thế mười lăm hôm có xong không?

– Không xong có chết với ông ấy! Làng Đông Mạc chậm có hai hôm, mà lý trưởng suýt phải cách đấy. Cho nên

ông lý làng ta sợ xanh mắt, ốp ngày ốp đêm, bắt người ta bỏ cả công việc. Cũng sục sạo bắt bớ cùm kẹp dữ tợn như ngày đốc thuế ấy. Thế mà đã hết chuyện đầu. Lại còn phải dỡ đình phường, lấy gỗ, lấy gạch ngói, tải ra đấy xây nhà nữa chứ!

– Ai xây cho?

– Phải thuê chợ. Lại bỏ vào dân! Công thợ thì ít, nhưng vào mồm các ông thì nhiều. Bây giờ làng làm xong ầu chũ rồi. Nhưng quan huyện rộng cho là chỉ ngày nào quan Sứ đi qua, thì trẻ con mới phải đến. Còn ngày thường, được miễn. Hôm cuối tháng tám, có giấy huyện sức là quý quan sắp đi qua. Thế là ông lý bắt dân đến ầu chũ, giấy cỏ, quét sân, lau ghế, rồi cắm cờ, bày hương án bái vọng. Sáng sớm hôm sau, tôi phải bế thằng Mão đến. Khốn nạn, hôm ấy nắng quá.

Đường thì xa, nhà thì ẩm, mốc. Tôi cho cháu ra, tưởng được về ngay, nào ngờ chờ cho đến gần chiều mới thấy tiếng còi ô tô. Thành thử mẹ đói, con đói. Trong ấu cử, suốt ngày lúc nào cũng có tiếng trẻ mở khóc như ri. Chúng nó bé mà tinh thế. Dỗ thế nào cũng cứ đòi về.

– Có độ bao nhiêu trẻ?

– Đông. Giấy quan sức ba làng phải đưa trẻ đến cơ mà! Dễ gần một trăm. Chả ai trốn nổi với ông lý. Thằng Nùng, con bác Sẹo, đương ốm, mẹ nó cũng phải bế đi.

Anh Xi hỏi:

– Quái, lại mới có lệ điểm danh trẻ con à?

Cụ Điều cười:

– Anh này mới cổ nhân chú! Ấu trĩ viên là cái vườn trẻ. Ở các nước văn minh, làng nào cũng có một ấu trĩ viên. Nước ta có ấu trĩ viên, thế là nước ta cũng văn minh. Thật là đáng mừng. Có ấu trĩ viên thì cha mẹ gửi được con để đi làm việc.

– Gởi ai?

– Có người trông, gọi là bảo mẫu.

– Làng ta, ai trông trẻ?

Chị Thừa đáp:

– Bà cụ Tư Tịnh.

– Ôi giời ôi! Con mẹ ấy mà trông trẻ thì nó đánh chết con người ta mất!

– Thật đấy. Ai dám giao con cho bà ấy! Nhưng cũng chỉ mới có một hôm ấy

bà ấy ra đẩy, gọi là cho có mặt thôi. Chú mẹ nào vẫn phải trông con ấy. Cho đến lúc nghe tiếng còi ô tô, ông lý mới đuổi chúng tôi ra sau nhà, để một bà cụ ở lại. May quá, trẻ không phải khóc lâu thêm, vì quan sứ thấy các cụ mặc áo thụng ra đường đón thì bảo xe dừng lại một tí, rồi đi ngay.

– Quan sứ không vào ấu trĩ viên à?

– Không.

Anh Xi thở dài:

– Làng ta phải gánh vác nhiều việc, nào quốc trái, nào ấu trĩ viên, khổ nhỉ!

– Nhưng được quan huyện sức về khen.

Bỗng có tiếng chuông gọi. Anh Xi

cầm dăm miếng khế, vội vã chạy ra. Chị Thừa hỏi cụ Điều:

– Sao bảo ông cũng bốc thuốc?

Cụ gật:

– Lúc nào cần đến tôi thì tôi bốc. Anh ấy làm một mình cũng được.

– Nghe nói còn những ai giúp việc nữa kia mà?

– Phải, còn cô đốc.

– Cô đốc như đốc Giô-dêp Phăng-đi lấy bà ĩnh con độ trước ấy à?

– Không. Đây là đốc học, to lắm. Cô này hình như đồ đốc học.

Chị Thừa ngạc nhiên:

– Kìa, tôi tưởng làm thuốc thì phải là đốc tờ?

Cụ Điều gật đầu:

– Ủ, phải, dễ thường đốc tờ. Công việc bận lắm. Cho nên thấy chị ra, tôi cứ lo là không khéo thì anh ấy gắt.

Một lát chị Thừa lại hỏi dò:

– Ông ơi, hay là nhà tôi có vợ bé mà giấu, ông không biết chăng?

Cụ Điều cười:

– Ăn ở nhà này, ngủ ở nhà này, chứ ở đâu mà tôi không biết?

– Thế cô đốc ăn ở đâu, ngủ ở đâu?

– Ở nhà cô ấy chứ ở đâu? Người ta

thiệt đúng đắn là gái chưa chồng, chị đừng hỏi thế, mang tiếng người ta.

– Tên cô ta là gì?

– Là Ma-di.

– Sao lại là Ma-di?

– Hình như là đâm lai. Tôi trông cái mặt không phải là An-nam. Nhưng tôi cũng chả hỏi. Việc ai người ấy biết, người ấy làm. Mấy li, chị không nên nghi ngờ gì. Anh ấy với cô ấy là chỗ người lớn với nhau. Tuy làm với nhau, nhưng anh ấy một điều thừa cô đốc, hai điều thừa cô đốc, mà cô đốc thì gọi anh ấy là ông Trần, nói với anh ấy thì thừa tiên sinh. Tôi tinh mắt lắm, chả ai làm gì mà giấu nổi tôi. Cho nên tôi cam đoan với chị là hai người thiệt trong sạch như băng tuyết.

Chị Thừa có ý chế nhạo:

– Tôi thấy ông hồ đồ lắm. Cái gì cũng hình như. Tôi yên tâm được, không phải vì tôi tin lời ông, mà vì tôi thấy nhà tôi gặp vợ con thì mừng rỡ. Cho nên tôi chẳng nghĩ gì.

– Đấy. Ở xa, chỉ nghe tiếng đồn hão. Oan người ta.

Bỗng anh Xi vào gọi cụ Điều ra tiếp khách. Cụ lên gác trong để sửa quần áo. Chị Thừa hết người nói chuyện ra gác ngoài với con.

* * *

Chờ đến lúc ngớt khách, Ma-ri mới vào buồng thăm bệnh gặp anh Thừa.

Hắn cũng giả vờ tươi cười, càng lộ vẻ mặt đanh đá. Hắn hất hàm hỏi:

– Có khách phỏng?

Anh Thừa cười lạt, không đáp. Hắn day:

– Vui nhỉ! Có người ta ra có khác. Mặt hớn hở như được vàng!

Anh Thừa vẫn im. Ma-ri tiếp:

– Này. Chốc nữa hết giờ, anh sang ngay bên tôi, tôi hỏi một tí nhé.

Anh Thừa gật đầu:

– Được.

Rồi hai người không ai nói với ai. Bỗng giữa bầu không khí nặng nề, Ma-

ri bùng mặt, nức lên. Hai vai hấn rung rung. Hấn chạy ù ra ngoài.

Anh Thừa nhìn theo, lắc đầu thở dài. Sau hôm Ma-ri nổi trận lôi đình, thì anh Thừa giận lắm. Anh làm mặt lãnh đạm. Anh chỉ nói với hấn về công việc, bằng những tiếng lẻ, hoặc những câu ngắn nhất. Còn suốt ngày anh lăm lì.

Ma-ri đối với anh cũng vậy, không nói, không rằng.

Tối hôm ấy, để tỏ ý trừng phạt, anh không sang với hấn như mọi khi. Anh nằm trên gác, vặn tắt đèn, cương quyết nuôi cảm hờn.

Nhưng càng nghĩ đến Ma-ri, anh càng không ngủ được.

Hết trần trọc lại thở dài. Y như

người nghiện nhớ bữa thuốc vậy. Anh nghĩ đến giờ này, mọi tối, anh được Ma-ri đương đưa anh vào cũi mộng, làm cho anh quên sự thật ở đời. Bây giờ, dưới anh là cái chiếu mỏng với lượt thang giường bằng gỗ cứng. Bỗng anh thở dài như rên. Anh muốn biết trong phút anh sống cô độc thế này, thì Ma-ri làm gì? Hẳn cũng buồn khổ như anh, hay vắng trắng thì đã có sao. Được tự do, hẳn đương nằm trên tay người khác? Vậy là anh đã đại dột mà thả lỏng hẳn để rồi mất hẳn à? Anh nhớ tiếng dịu dàng, giọng ỏn ẻn ấy. Anh nhớ dáng dấp tha thướt, cử chỉ nhanh nhẹn ấy. Anh thương con người đau khổ. Anh phục con người nhanh trí khôn. Tự nhiên, anh thấy rằng anh không thể xa cái người đã gần gũi anh mấy tháng nay, tận tâm về công việc như người bạn thân, an ủi về tâm thần như người vợ quý. Ngắm đến thái độ lạnh

nhật của anh, anh thử xét xem có là quá lắm không? Trước hết, anh thấy là không quá lắm đâu. Anh không hối hận chút nào. Anh phải làm cho Ma-ri thấy rõ là không phải lúc nào anh cũng mềm yếu. Nhưng nghĩ đi anh lại nghĩ lại. Anh có nên quá cứng rắn như thế này không? Anh hơi hối hận. Anh mong Ma-ri mềm yếu hơn anh lúc này, không chịu được nổi lẻ loi trống trải, phải sang đây xin lỗi anh. Anh đóng tai để nghe. Có phải có tiếng động của chân Ma-ri nhẹ nhàng bước lên cầu thang không? Anh sẽ được nghe thấy tiếng cười làm lạnh, hoặc tiếng khóc nũng nịu, làm cho nổi cảm hờn của anh vụt tiêu tan hết. Anh sẽ làm mặt giận nữa để trêu Ma-ri, cho đến lúc Ma-ri nức nở to lên, anh mới sáng sủa cười, rồi loan ôm phượng, phượng bỗng loan... Nhưng không có tiếng động nào ở thang gác cả. Đồng hồ nhà thờ lại điểm thêm

một tiếng chuông nữa là ba rồi. Thế mà anh vẫn luẩn quẩn. Thỉnh thoảng, anh có chớp mắt một tí, thì lại nằm mê thấy Ma-ri. Nhưng một tiếng soạt của chiếc lá rơi trên mái hiên làm anh sực thức ngay, óc anh đã lôi anh về với thực tại.

Anh vùng ngồi dậy, mở rộng cửa, nhìn ra đường. Gió bắc lọt vào lạnh lùng. Phố vắng tanh, cả Hà Nội đương ngủ say. Chỉ có anh với những ngọn đèn kia là còn thức, nhìn nhau. Anh cố rướn mình ra ngoài để ngó sang nhà Ma-ri xem bên ấy có còn đèn sáng hay không. Nhưng vì vướng cây, anh không nhìn được. Thôi, thế cũng tốt. Bởi vì đèn sáng là tại người còn thao thức, nhưng cũng là tại còn có một chàng nào đó nằm thay chân anh, chưa về.

Anh muốn ngủ đi để khỏi luẩn quẩn.

Cái đêm này dài quá! Anh bật đèn, tìm một cuốn sách cũ để đọc cho dễ ngủ. Anh nằm mở từng tờ. Đến một trang rách in bài thơ mất đoạn đầu, anh đọc:

Hôm nay không gặp em,

Suốt ngày nằm lịm im,

Mong ngủ chẳng ngủ được,

Chợp mắt là thấy em.

Nhớ tiếng em dịu dàng,

Nhớ dáng em thướt tha,

Thương tình em buồn phiền,

Thương sức em yếu ớt.

Hồi tưởng buổi thu sơ,

Gặp gỡ không hẹn hò,
 Hai tâm hồn đau khổ,
 Say sưa vì vần thơ.
 Đông về, gió bắc lạnh,
 Cô miên cùng một cảnh,
 Ôm, ấp, ủ, tình nhau,
 Bạn bè cũ xa lánh.
 Xuân sang tình tốt tươi,
 Chén đồng cày nhấp vui,
 Vũ trụ cũng là nhỏ,
 Chỉ tình yêu to thôi!
 Đêm hè trời xanh trong,

Vằng vặc trắng dòm song,

Lăn lóc ta ngâm vịnh.

Thơ hay tình càng nồng.

Mừng trời tựa đôi ta,

Yêu nhau ngày thiết tha,

Hôm nay hơn hôm qua,

Nhưng lại kém mai xa.

Mỗi ngày bao kỷ niệm,

Bút thần tả mới xiết.

Lo tính việc cho nhau,

Tương lai như gấm dệt.

Tan tác có ngờ đâu.

Ái ân chưa bao lâu,
 Một phút không nén giận,
 Ngàn thu mang hận sâu.
 Một ngày không gặp em,
 Như mười năm biệt ly!
 Một ngày sống xa em,
 Lạnh lùng lòng như chết!
 Em ơi, em, em ơi!
 Trời ơi, trời, hỡi trời!
 Kêu trời mãi chẳng thấu,
 Gọi em, em xa rồi!
 Nhớ ai, gió gào mãi?

Thương ai mưa khóc hoài?

Gió mưa thêm sầu thảm.

Lòng anh càng tới bởi!

Văn nhân với giai nhân,

Gặp gỡ được bao lần?

Trời đã để sum họp,

Sao như áng phù vân?

Hội xưa, khóc vu quy,

Ngộ sang, khóc tử quy,

Ai ngờ đến năm Thân,

Lại khóc em biệt ly?

Mười năm mất ba bạn,

Nghĩ kiếp mà chán ngán,

Mười năm khóc ba lần,

Mấy hồ lệ không cạn!

Nhớ nhau, tiếng thở dài,

Thương nhau, dòng lệ rỏ,

Tâm sự mình biết mình,

Lặng lẽ mà đau khổ!

Từ nay trên đường đời.

Đôi ta, người một nơi.

Hiu quạnh! Ôi hiu quạnh!

Mái tóc trắng như chơi!

Đọc xong bài thơ, anh Thừa thở dài.

Sao mà tâm sự của tác giả giống tâm sự của anh thế!

Anh đọc lại một lần nữa, rồi ngồi lên, lấy bút chép nó ra tờ giấy. Anh đã có ý định. Chép xong, anh đút bài thơ vào túi, nằm vắt tay lên trán.

Lòng được nhẹ tênh tênh, anh thiu thiu.

* * *

Sáng hôm sau, anh xuống nhà làm việc. Vừa vào buồng, anh đã thấy Ma-ri ở trong ấy, đương xếp lại chồng phiếu ghi tên người ốm. Mắt Ma-ri thâm quầng, mặt Ma-ri rầu rầu, cử chỉ Ma-ri ẻo lả. Đúng là người mệt nhọc vì mất ngủ. Anh làm mặt nghiêm, không nhìn Ma-

ri. Ma-ri cũng làm mặt nghiêm, không nhìn anh. Bỗng tự nhiên, không ai bảo ai, hai người cùng trông trộm nhau. Thế là cùng nhoẻn cười. Anh đứng dậy, chạy đến, ôm chầm lấy Ma-ri. Ma-ri cũng chạy lại, ôm chầm lấy anh. Y như giả cách giận nhau, hai người cùng thốn thức.

Thế là xí xóa hết. Quên cả bệnh nhân đương chờ đợi, anh kể nỗi nhớ nhung đêm trước cho Ma-ri nghe. Ma-ri cũng thổ lộ tâm sự sâu thẳm cho anh nghe. Anh móc túi, lẳng lặng đưa Ma-ri xem bài thơ chép lại. Ma-ri ngả đầu vào ngực anh để đọc. Đọc xong, Ma-ri ngược lên nhìn anh, thở thê:

– Em cũng thế.

Đôi mắt và đôi môi mới tình tứ làm sao!

Nhưng hôm nay, chị Thừa bế thằng Mão ra một cách đột ngột.

Anh Thừa bực với vợ lắm, nhưng cố làm như vui vẻ. Song, anh thấy chị không tỏ vẻ gì là định đánh ghen, phá đám cưới, lại còn nói năng âu yếm, đem quà khế để dành cho anh, thì không những anh yên tâm, mà còn cảm động nữa.

Đã có lúc anh đau khổ mà nghĩ đến một ác ý. Bỏ chị này hay bỏ cô kia?

Ma-ri đẹp, khôn, giúp anh được nhiều việc. Nhưng Ma-ri quỷ quyết, dối với anh chưa thật lòng. Bây giờ Ma-ri muốn lấy anh. Nhưng lúc chán anh, thì có thể thay chồng dễ dàng như thay áo. Vợ anh què mùa, nhưng thật thà, trung hậu. Bị anh lừa dối, dày dạn bao nhiêu phen, mà vẫn nhẫn nại chịu đựng. Thế

mà bây giờ, anh toan làm tình làm tội vợ anh, vì anh bị Ma-ri làm tình làm tội. Vậy có nên bỏ một người hiền lành, vô tội, không bao giờ bỏ mình, để lấy một người quỷ quyết, tinh quái, vẫn dọa mình là không phải người yêu cuối cùng?

Tự nhiên anh thấy thương quý chị Thừa, và ghét khinh Ma-ri. Anh không thể xử với vợ như đã xử với người nhân tình Múi được.

Việc tổ chức cưới Ma-ri mười phần anh đã tiến hành được đến sáu bảy. Giấy báo hỷ và giấy mời dự tiệc đương in. Nhà thuê để đón dâu đã mặc cả xong. Người đi phù rể, đón dâu và phù dâu, đưa dâu, của hai họ, là những người thế nào, anh đã thỏa thuận với Ma-ri, và về bên nhà trai, anh tìm được gần đủ. Người dự tiệc là những ai, anh và Ma-ri đã đồng ý. Tiệc

đặt hiệu nào làm, anh đã đi hỏi. Đám cưới đi đường nào, xe pháo khứ hồi phí tổn bao nhiêu, anh đã ghi vào sổ tay. Cô đầu hàng Giấy, cô đầu Ấp, ai có thanh, ai có sắc, anh đã chấm tên rồi. Hôm cưới, cô dâu ăn mặc thế nào, chú rể ăn mặc thế nào, anh và Ma-ri đã đến các hiệu Phan Đức Thành, Phan Hòa Thành, Phan Thái Thành, Phan Cự Thành, Phan Hưng Thành trên Hàng Ngang xem hàng rồi. Cho đến khoản hồi môn của cô dâu mang về nhà chồng, và khoản cha mẹ chồng mừng cho cô dâu là những gì, anh với Ma-ri đã thu xếp với nhau xong. Chỉ còn việc định ngày cho hai người đi đăng tên ở phòng giá thú ngoài sở Đốc lý. Ma-ri sẽ lấy tên là Marie Quyên (do hai tiếng Thuyền quyên), và anh, là Albert Thừa. Có mà trời cũng không biết là ai. Nếu có người làm lôi thôi, cản trở đám cưới, thì chỉ là vợ anh. Nhưng vợ

anh đang ở nhà quê, không ai biết chữ, lại không ai nói cho mà biết, thì làm sao mà nhờ pháp luật giữ chân anh được? Lúc ấy, anh sẽ làm một việc cuối cùng nữa, là nhờ người xem ngày tốt, thì đón dâu thôi.

Nhưng mà việc cưới xin mới ở trong thời kỳ sửa soạn, chưa thực hiện. Anh có thể thôi hết, miễn là chịu phí một vài món tiền đặt, và miễn là... anh có thể... lật Ma-ri như lật bàn tay.

Lật Ma-ri. Anh tính đến cách lật Ma-ri. Tự nhiên, anh hốt hoảng. Văng vẳng bên tai, anh như nghe thấy những lời Ma-ri dọa là làm toáng lên cho anh tuyệt đường sinh kế. Tất Ma-ri làm thế thật, chứ không chịu yên. Nhưng anh có tuyệt đường sinh kế không? Nhất định không. Ma-ri chỉ có thể phá anh trong một nghề

làm thuốc. Khi anh dứt khoát với Ma-ri, anh sẽ đổi nghề. Ở Hà Nội này, thiếu gì cách sống? Chỉ có là láu cá thì làm giàu mau. Cùng lắm, anh làm việc ăn no, vác nặng, đi phu bắt-tê cũng không đói.

Anh đương lan man nghĩ đến đây thì Ma-ri vào. Nghe tiếng Ma-ri hỏi chưa chát là có khách, anh bực mình. Khi cái giọng ấy day nghiêng là vui nhỉ, anh đã định đáp: “Chứ không ư?” nhưng khi nghe Ma-ri nức nở, anh mới xót xa làm sao! Y như cổ họng anh bị nghẹt. Y như trái tim anh bị xé nát từng mảnh. Anh cũng nghẹn ngào, dào dạt.

Anh có nữ lòng đầy đọa con người thế kia phải khổ vì anh không? Mấy tháng này, anh được đầy đủ cả về vật chất lẫn về tinh thần, là vì có người này hết sức chiều chuộng. Không biết có người

vợ nào khéo lựa ý muốn của chồng, như Ma-ri cư xử với anh hay không? Lúc anh lúng túng, Ma-ri giải quyết giúp. Lúc anh buồn phiền, Ma-ri an ủi, làm anh lại vui vẻ như thường. Không rõ những người lấy vợ Nhật Bản thì được toại nguyện thế nào, chứ mấy tháng, anh ở với Ma-ri, là mấy tháng anh hưởng cảnh thần tiên, quên đời, thoát tục. Anh như sống giữa trung tâm của vũ trụ, quanh mình không có gì, không có ai. Chỉ có hai trái tim hòa theo một nhịp. Thật thế, chỉ có một đêm xa Ma-ri, anh đã thấy nhớ, thấy thương, thấy buồn khổ, chán nản, thấy cô đơn, bối ngỡ, buồn phôi như không thở, trái tim như ngừng đập, lạnh lùng lòng như chết. Người ta thường nói mê nhau vì ăn phải bùa mê bả dột của nhau. Nhưng làm gì có bùa bả, việc gì phải bùa bả. Cái nó làm cho trai gái say nhau, gần nhau thì vui, xa nhau thì khổ, ấy là hai

tâm hồn hợp nhau... như anh với Ma-ri.

Nghĩ về Ma-ri, anh lại nghĩ đến vợ anh hiện đang ở trên gác. Vậy thì nên bỏ ai?

Bỏ người vợ mà cha mẹ lấy cho anh, nhưng không bao giờ người này có ý định bỏ anh? Hay bỏ Ma-ri mà anh lấy cho anh, nhưng lại chỉ như con bướm, bỏ anh lúc nào anh không lường trước được? Rồi anh nghĩ những ngày anh ở với vợ anh. Ngày ấy, anh làm phu kíp trên Đồng Đăng, làm cu li kéo quạt cho thằng Tu-nô. Ngày ấy, anh nghèo, anh bị khinh, bị nhục. Nhưng từ ngày anh gặp Ma-ri, Ma-ri bày cách cho anh, anh trở nên giàu có, được người đời kính nể, có những bạn hữu sang trọng. Chính Ma-ri cũng giới thiệu với anh quen cả Tây. Hay cái số anh không hợp với vợ anh, và Ma-

ri có tướng vượng phu?

Anh như con chạch trong giỏ cua,
như người đứng giữa hai ngọn súng lục.
Khó xử quá!

Anh thở dài.

Bỗng có tiếng gõ cửa. Anh Xi vào,
nói:

– Cô đốc vừa về, nhắn mời anh sang
chơi ngay.

Anh Thừa đứng dậy:

– Anh bảo nhà tôi là tôi đi thăm bệnh
một lát nhé.

Anh sang nhà Ma-ri.

Ma-ri đương ngồi ủ rũ một mình,

thấy anh, lại bưng mặt nức lên. Anh vội vàng chạy lại, vuốt tóc, vuốt vai Ma-ri, khẽ gọi:

– Em! Em!

Ma-ri ngẩng lên, lau nước mắt, chớp chớp nhìn anh, rồi lại òa khóc. Anh lại dỗ:

– Em! Em!

Ma-ri thốn thức:

– Anh cho em khóc hết nước mắt, rồi hãy nói chuyện.

Anh Thừa thở dài, nhăn nhó nhìn Ma-ri. Anh ôm đầu Ma-ri ấp vào ngực anh. Lúc này, anh cũng thấy rõ tim anh đập rộn ràng, như hòa nhịp với tiếng tấm tức của Ma-ri.

Chừng độ năm phút sau, Ma-ri mới nín được. Mặt đau khổ, Ma-ri lại chớp chớp nhìn anh, đôi mắt lơ lơ như ngây. Bỗng một nhịp cười như xé, cười giòn, cười lâu, cười sắc, cười sủa như hóa dại. Anh Thừa ôm chặt lấy Ma-ri, vuốt ngực Ma-ri:

– Em! Em!

Ma-ri không cười nữa. Mệt. Thở hổn hển. Anh Thừa dịu dàng nói:

– Em! Anh có điều gì với em đâu?

Ma-ri lại nức lên mà cười, không đáp. Anh Thừa lại sợ hãi. Một lát, hần vừa thở, vừa nói:

– Cho em chén nước.

Hắn ngồi lên, uống nước, vuốt lại tóc, rồi nói:

– Em chết mất! Tính mạng em là ở trong tay anh.

Anh Thừa đau đớn, đáp:

– Thì có làm sao?

Hắn hớn hển hỏi:

– Anh giết em, hay cho em được sống với anh?

Anh Thừa chưa kịp trả lời, thì Ma-ri trợn ngược mắt, quờ quờ hai tay, ngã lăn xuống, mình mẩy run cầm cập. Anh vội vàng vực Ma-ri lên giường, lấy khăn mặt thấm nước lã, đắp lên trán Ma-ri, và gọi.

Chừng mười phút, Ma-ri cựa, từ từ

mở mắt ra. Ma-ri nhìn anh, nhìn mãi, rồi ứa hai giọt lệ, lăn xuống má.

Anh Thừa lắc đầu, thở dài:

– Em! Em nghĩ về anh thế nào mà đến nỗi như thế này?

Ma-ri thều thào mấy tiếng:

– Anh thế nào thì anh biết hơn em.

– Anh hôm qua thế nào, thì hôm nay vẫn thế. Anh là của em. Bởi vì em là của anh.

Anh ôm đầu Ma-ri, quỳ gối trên sàn gác, cúi xuống hôn vào má. Ma-ri bá lấy cổ anh, hỏi thăm vào tai, kéo dài từng tiếng:

– Có thật không anh?

Anh mỉm cười, cũng dài giọng:

– Thââât!

Cái lỗi nũng nịu nhau quen thuộc này có sức tiếp sinh khí cho Ma-ri. Ma-ri như khỏe ra. Hắn ngồi dậy, búi tóc, vui vẻ nhìn anh:

– Thế anh định xử thế nào với hắn?

– Ra thì cứ ra. Ở thì cứ ở. Việc ta ta cứ làm.

Ma-ri ôm chầm lấy anh, hí hí cười:

– Thế thì em sống rồi!

Hắn đứng dậy, rút ngăn kéo, lấy cái kéo, bẻ ra làm đôi, đưa anh một nửa, và ngâm:

– Một lời đã hứa, trăm năm tù đây!

Anh Thừa mỉm cười, thông thả thò tay ra. Anh chưa cầm. Có lẽ vì óc anh đương bối rối. Bỗng tay anh bị phát đánh đét một cái. Mặt Ma-ri sầm lại:

– Không ngon bằng khế khô của người ta phỏng?

Anh Thừa tái mặt. Không ngờ Ma-ri tinh quái, cái gì cũng biết. Hấn lại dôn:

– Ăn nửa cái kẹo sợ no, không ngồi tiếp cơm người ta được phỏng?

Anh Thừa cười:

– Hứa bằng bụng chứ cần gì hứa bằng kẹo. Nuốt kẹo để nuốt lời à?

Ma-ri tươi tỉnh:

– Thế thì được. Em không tủi thân nữa.

Anh Thừa móc cái đồng hồ quả quýt ở túi thắt lưng da ra để xem giờ. Ma-ri hỏi:

– Sốt ruột về với người ta phỏng?

Anh Thừa nghiêm mặt đáp:

– Không sốt ruột, nhưng đến giờ thì phải về. Em nên bình tĩnh, đừng hơi thấy một cử chỉ cón con của anh là nghi hoặc, rồi đay nghiến anh, làm cho anh khổ tâm. Em bình tĩnh thì anh được bình tĩnh. Anh bình tĩnh thì em cũng được bình tĩnh. Có bình tĩnh mới để cho nhau làm nổi việc. Việc chúng ta là việc quan hệ, việc trăm năm, lâu dài. Em chỉ nên nghĩ làm sao cho nó có kết quả, đừng để

ý những cử chỉ vụn vặt của anh. Nhiều khi vì muốn đạt mục đích chính, mà anh cố ý cho hẳn thấy những cử chỉ vụn vặt để đánh lạc hướng mắt hẳn đi.

Ma-ri khen:

– Đàn ông trí lớn hơn đàn bà.

– Đúng rồi. Chỉ nghĩ đến những điểm vụn vặt, thì lo toan sao được việc lớn. Nhưng chỉ lo toan những việc lớn mà không nghĩ đến những điều vụn vặt cũng không được. Cho nên trời sẽ cho chúng ta lấy nhau là đúng. Anh định liệu việc lớn lao, trong khi ấy, em quán xuyến việc vụn vặt, thì việc gì không thành công.

Ma-ri cười. Anh Thừa giao hẹn:

– Cho nên từ nay bất cứ anh nói gì,

anh làm gì, em không được nghi ngờ, mà phải tin rằng để làm cho đám cưới chúng ta linh đình vui vẻ. Anh đã nói hăn ra thì cứ ra, ở thì cứ ở, việc ta ta cứ làm. Vậy thì anh phải luôn luôn đánh lạc hướng cho hăn không biết một tí gì, không trông, không nghe thấy sự thực.

Ma-ri ngó mặt:

– Kìa, thế em tưởng hăn ra để phá ta. Hăn thằng già hay thằng trẻ ở nhà này bắn tin về.

Anh Thừa lắc đầu:

– Không. Tình cờ mà ra thôi.

– Thế thì được. Chú không, anh phải tra xem đứa nào bép xép, thì vả cho tan hòng ra.

Anh Thừa nói:

– Cho nên việc ta, ta cứ tiến hành, nhưng phải kín đáo. Có kín đáo, ta mới cưới nhau ngay trước mắt hấn, mà hấn không biết. Hấn ở Hà Nội với anh, mà suốt ngày chúi trên gác, thì có khác gì bị bịt mắt. Cùng lắm, hấn có hỏi, thì lại hỏi lão già và thằng Xi, chứ còn quen ai nữa. Hỏi hai thằng này, có khác gì không hỏi. Hấn muốn ra khỏi nhà này, thì một là anh, hai là thằng Xi đi kèm, vậy còn biết cái gì. Thằng Xi có thể ăn nói hớ hênh, nhưng đã không nghi, thì hấn chả hiểu được.

– Thế thì anh kèm hấn tốt hơn.

– Anh vẫn làm thế. Cho nên anh mới bảo em là dù anh làm gì với hấn cũng không phải là thay lòng đổi dạ.

Ma-ri gật:

– Em tin lời nói của anh. Nhưng muốn em tin cả việc làm của anh là không thay lòng đổi dạ, thì em giao cho anh một nhiệm vụ.

– Nhiệm vụ gì?

– Để chốc nữa, trước khi anh về, em sẽ nói.

– Em nói đi. Anh về đây.

Ma-ri đứng dậy, ra cửa, khóa lại, rồi rút chìa, đút vào túi. Mặt hấn đánh đá nhưng hấn cố nói cho dịu dàng:

– Việc em muốn bảo, là thế này: em chưa là vợ anh thì không được ghen ngược. Nhưng em yêu anh, không thể không ghen. Dù sao thì trong thời gian

vợ anh ở với anh trong một căn gác riêng, em cũng không cho phép anh được trò chuyện với hấn. Muốn vậy, thì mỗi ngày hai lượt, trước khi ngủ trưa và ngủ tối, anh phải sang đây một lát, một lát thôi, với em, để phá sức lực đi.

Thấy Ma-ri tai ngược, anh Thừa chưa biết xử lý thế nào. Anh hỏi đùa:

– Thế thì em phải trả tiền anh chứ?
Tại em cơ mà?

Ma-ri cười:

– Anh còn nợ em bao nhiêu, anh có nhớ không?

Rồi nghiêm trang, hấn tiếp:

– Tùy anh đấy. Muốn dò lòng anh, em chỉ có cách ấy. Anh có chiều nổi ý này

của em bắt đầu từ trưa hôm nay không?

Anh Thừa cúi sâu đầu, kéo dài tiếng để liêu:

– Được!

* * *

Làm xong nhiệm vụ với Ma-ri, anh Thừa về nhà. Anh vẫn vui vẻ với vợ và con. Chị chưa ăn cơm. Chị chờ anh.

Bữa hôm nay có món thịt chuột, chị mang ở nhà quê ra. Thấy vợ săn sóc đến mình phải xa nơi chôn nhau cắt rốn, anh Thừa vui sướng quá:

– Đi xa thì nhớ nhà, nhớ quê. Thỉnh thoảng được hưởng những thú của quê

nhà, cũng vội được buồn.

Trong khi ăn, chị nhắc lại cho anh nghe những tin của làng, vừa nói với anh Xi và cụ Điều buổi sáng. Hai người này cũng ngồi quanh mâm để nghe một lần nữa. Anh Thừa hỏi thăm từng người trong họ của anh và của chị đôi no thế nào. Anh than thở:

– Tôi chỉ ước ao được rồi vài ngày, thì về quê, thăm khắp họ hàng, bà con. Ở gần, hay coi thường nhau, nhưng ở xa mới thấy nhớ nhau, mong gặp nhau.

Chị Thừa cho là chồng nói ý nhớ mong mình, chị hể hả lắm.

Ăn xong, cả bốn người không ai muốn đứng dậy, vì không dứt được chuyện. Anh Thừa, cụ Điều và anh Xi

hỏi hết việc này đến việc khác ở trong làng.

Nghe chị nhắc việc gửi tiền đóng công sưu, anh Thừa tặc lưỡi:

– Ở đâu đóng thuế đấy cho tiện.

Chị Thừa lắc đầu:

– Không được. Thế là bỏ làng à?

Anh Thừa đáp:

– Nhưng có thẻ nhà quê, mà ở Hà Nội, không có thẻ thành phố, cũng vẫn bị bắt và bị phạt. Chả có khối người mới ở nhà quê ra Hà Nội chơi, đi đường lớ ngớ gặp đội sếp hỏi thẻ đấy à? Thế là bị bỏ bót ngay hai mươi bốn giờ đồng hồ, còn bị nộp tám hào phạt nữa.

Anh thở dài:

– Hay là đóng cả hai nơi?

Cụ Điều cau mặt:

– Ông có tiền mới làm thế được, chứ chúng tôi chịu sao nổi một cỗ hai tròng?

Cả bốn người cùng im lặng. Chị Thừa còn kể thêm cả những việc không ai biết mà hỏi. Cụ Điều nghe vui tai, khen chị:

– Con mẹ này ít lâu nay hay nói hơn trước.

Anh Thừa cười:

– Chồng phú quý thì vợ phải biết ăn nói để giao thiệp chứ.

Rồi anh khen:

– Nhà tôi được cái tốt là ít lâu nay không biết ghen. Thấy thỉnh thoảng tôi kể là đi cô đâu, nhà tôi cũng chẳng nói gì.

Chị Thừa hơi thẹn:

– Đừng giấu giếm thì chả ghen.

Cụ Điều nói:

– Đàn ông chơi bởi là thường. Làm giai năm thiệp bảy thê. Mấy lị anh ấy vẫn bảo giao thiệp để học khôn, sao gọi là chơi bởi.

Chị Thừa nhìn chồng, trách bằng giọng âu yếm:

– Ở nhà cứ đồn âm lên là thấy nó có vợ bé đấy.

Anh Thừa tái mặt, nhưng làm như cứng rắn để thăm dò:

– Thế u nó ra đây để khám phá phải không? Đã đánh ghen với ai chưa?

Chị cười:

– Nào ai tin mà ghen với tuông! Nếu có vợ bé thì trên gác phải khác kia chứ.

Anh nhạo:

– Thế là bố con ra mất công toi! Đã thế, tôi giữ ở lại, không cho về nữa. Thật đấy!

Chị Thừa đỏ bừng mặt.

Buổi trưa hôm ấy, anh Thừa không nghỉ. Chị muốn giục anh đi nằm một tí kéo làm việc cả ngày mệt nhọc. Nhưng

chị giữ ý, sợ chẳng ai biết bụng chị thương yêu chồng, lại cho là chị háo hức thì chị ngượng chết.

* * *

Song, tuy ngày nào chị cũng được chồng đối xử nồng nàn, thân mật, nhưng chị không khỏi không có điều hậm hực. Hậm hực mà không tiện nói ra với ai. Là ngay từ tối đầu tiên, anh đã thú thật với chị để nhận một tội lớn, là anh mắc bệnh giang mai. Chị day nghiến anh một lúc, nhưng vì anh đã trót đại, cơ sự đã rồi, chị chỉ còn việc khuyên anh nên chữa cho khỏi, kéo mà không sinh đẻ được nữa.

Ở trên gác với con cả ngày thì buồn, chị hay bắc ghế ra cửa ngói nhìn đường.

Chị muốn qua chơi phố nọ phố kia, nhưng đi một mình sợ lạc. Vì vậy, chị cũng hay sang nói chuyện với cụ Điều và anh Xi. Chị vá quần áo rách cho cụ Điều. Chị tán thuốc, thổi cơm, gánh nước hộ anh Xi. Vốn hay lam hay làm, chị để chân tay không thì buồn, cho nên muốn được hoạt động.

Chị chưa định hôm nào thì về nhà quê. Vì chả mấy khi mới cất công ra thăm chồng, vả lại, trừ cái việc riêng kín của anh chị đối với nhau, mà không ai biết, anh vẫn tỏ ra là một người chồng tốt, biết thương vợ, yêu con. Anh đã đưa chị đi nhiều phố vui ở Hà Nội. Chị đã được nhìn thấy con hổ, con báo. Chị đã đứng xem mãi cái thang máy ở nhà Gô-đa. Và chị cũng đã bốn tối đi xem hát, ở rạp Quảng Lạc, ở rạp Sán Nhiên Đài, ở rạp Đồng Lạc, ở rạp Kinh Kỳ Hý Viện

Hàng Quạt. Chị tấm tắc khen đào kép hát hay, phong cảnh đẹp.

Lạ mắt nhất là chớp ảnh. Các ông tây bà đầm chỉ không nói ra tiếng được thôi, còn thì cũng đi đứng, ăn uống, giơ tay chân, mấp máy môi như người thật.

Chị lại được đi xe điện lên Bưởi xem dẹt lĩnh. Và được đi xe cao su xuống chợ Hôm mua thịt quay. Chẳng cứ gì thằng Mão trông thấy phố xá tấp nập những người, thì nó reo suốt dọc đường, chính chị hưởng những cái thú mới lạ, chị cũng thấy thích.

* * *

Một hôm, anh Thừa nói với chị là phải đi vắng xa, chẳng biết tối nay có về

được không. Chị bảo anh bận việc thì cứ đi, chị ở nhà một mình cũng được.

Anh khuyên chị nên vào chùa Trầm, trong Hà Đông, mà xem phong cảnh. Anh dặn anh Xi dẫn chị.

Thấy chồng thương chị ở nhà một mình, chị cười:

– Được, thấy nó mặc tôi.

Trước khi xuống gác, anh hôn hít thẳng Mão mãi, rồi đóng tất cả cửa chớp, cửa kính trông ra đường. Anh nói:

– Để tránh nắng hanh và gió bắc. Con nó khỏi bị cảm. Trời này độc lắm.

Được chồng chu đáo với mình và săn sóc đến con từng li từng tí, chị muốn

cảm ơn Trời Phật. Thành thử chị chả thiết đi đâu cả.

Buổi trưa hôm ấy, ăn cơm xong, cụ Điều và anh Xi lên gác trong để nghỉ. Chị Thừa không có ai để chuyện, nên rồi. Chị về gác ngoài. Thằng Mão đã ngủ. Còn mỗi mình chị thức. Chị đặt con vào chỗ khuất. Rồi ra mở cửa kính, hé một cánh cửa chớp, bắc ghế, ngồi nhìn phố.

Bỗng từ phía tay phải chị, có một đám cưới sắp tới. Bốn người mặc áo the chùng, quần thắt lưng xanh ra ngoài, đội bốn mâm cau tươi, trên trùm chiếc khăn điều. Rồi đến hai quả phù trang sơn son, mỗi quả hai người gánh bằng một cái đòn cũng sơn son. Rồi cuối cùng là bốn con lợn quay, đặt trên bốn cái bàn vuông, mỗi bàn bốn người khênh. Cau, phù trang và lợn đi hàng một, đều được che

lọng xanh. Người cầm lọng mặc áo màu nâu đỏ. Sau những thứ dẫn cưới, là một đoàn xe song mã đi lóc cóc bước một. Chị mới được xem đám cưới đi bằng xe cao-su, đã cho là sang lắm rồi. Anh phu xe nào cũng đội nón sơn đỏ, mặc áo cộc đỏ, sau lưng, khâu miếng vải trắng, hình tròn như mặt trời. Cô dâu ngồi xe nhà sơn đen, cho khác với xe hàng sơn cánh gián. Không ai thấy được mặt cô đẹp hay xấu. Vì bị bịt cánh gà hai bên, đằng trước còn đậy kín mít bằng cái nón nghệ quai thao mới, trắng, to tướng. Chỉ thấy ở phía dưới nón, bốn ống quần lĩnh mới của cô dâu và cô phù dâu. Sau xe này là xe con sen, ngồi một mình, đặt trên đùi cái tráp trầu tròn, phủ bằng vuông nhiễu cánh sen. Cuối cùng là xe người đội sếp, quanh áo thắt chiếc thắt lưng da to bản, ống quần quần xà cạp vải, tay cầm chiếc roi mây. Thế là trẻ phố hỗn hào táo bạo

đến đâu cũng phải hốt. Đố đứa nào dám nói trêu, hoặc lách que vào kẽ cánh gà để chọc cô dâu.

Đám cưới xe song mã thì lần này chị Thừa mới được thấy là một. Tất là sang hơn. Vì chỉ những người lắm tiền nhiều của mới thuê nổi những chiếc xe lớn, đẹp, kéo bằng hai ngựa. Chị đếm: một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín mươi chiếc. Mẹ ơi! Sao mà nhiều thế!

Đoàn xe qua nhà chị. Xe nào cũng để mui trần. Sáu xe đi trước chưa có người ngồi. Chị đoán đây là họ nhà trai đi đón dâu. Xe đầu đến ngã tư, thì đỗ. Các xe sau, lần lượt dừng ở sau. Chiếc thứ bảy, hai cụ ngồi. Hai cụ có búi tóc, chít khăn quăn, cùng mặc áo gấm và quần tây dạ. Một cụ đeo thẻ bài ngà ở ngực. Xe này đến cái nhà cách nhà chị hai căn, thì đỗ.

Hai cụ xuống. Pháo nổ ran.

Chị cố né mình ra để nhìn vào họ nhà gái. Nhưng vướng cây và mái hiên. Xe thứ tám qua. Có hai bà đứng tuổi. Bà đeo kính trắng mặc áo xa-tanh. Bà không đeo kính mặc áo gấm, cổ và tay ngộn lên những vàng. Xe thứ chín là ba cô con gái, quần tóc trần, mặc áo gò hoa ấy, chị không biết, mặt bụi những phấn. Đến xe cuối cùng. Bỗng chị ngờ ngợ. Sao có một người giống chồng chị thế? Chị nhìn kỹ. Chồng chị ăn mặc hơi lạ, nhưng có cái cảm lẹm thì trộn đâu cũng không lẫn. Đúng là anh Thừa.

Anh Thừa đội khăn xếp bằng nhung đen, mặc áo gấm hoa màu lam, chân đi giày Huế đỏ thêu. Cạnh anh, là một người trạc tuổi anh, đội khăn lượt, mặc

áo xa-tanh đen và quần tây tím, dận giày tây vàng.

Chị tự hỏi xem trong bốn người đàn ông này, ai là chàng rể. Không lẽ là hai ông cụ đi đầu tiên. Không lẽ là chồng chị. Chồng chị đương mắc bệnh tiêm la kia mà! Hẳn là cái anh ngồi cùng xe này. Vì là chú rể ấy, cho nên những người họ nhà trai, chị mới không biết mặt ai.

Nhưng chị nghĩ lại. Giá chú rể ăn mặc như chồng chị mới đúng. Vừa sang trọng hơn, vừa tiện cho khi lễ, khỏi phải cởi giày.

Xe ấy đỗ trước cửa nhà gái. Hai người xuống đất.

Trẻ phố chỉ trở chồng chị, lấp bấp nói những gì, xa quá, chị không nghe rõ.

Chị muốn sang gác trong, đánh thức cụ Điều với anh Xi dậy, để mách việc lạ này. Chưa nói được với ai, chị cứ lẩn quẩn nghĩ một mình. Có lý nào chồng chị cưới vợ không? Nhà bên ấy là nhà ai? Chị thử ôn lại xem từ hôm chị ra đây, chồng chị có làm gì đáng nghi là lập tâm lừa dối chị để lấy vợ lẽ giấu chị hay không? Những cử chỉ vốn vã, vui vẻ có là lừa dối không? Những lời lẽ ôn tồn, âu yếm có là lừa dối không? Hay là những buổi đi chơi, xem hát, xem chớp ảnh, là lừa dối? Hay là cả cụ Điều, anh Xi, cũng đều vào hùa với chồng chị mà lừa dối chị? Chồng chị đã lừa dối chị nhiều lần, nay kiếm tiền của thiên hạ cũng bằng cách lừa dối, thì có lý nào riêng dối với chị, độ này anh lại thành thật không?

Chị đứng không yên, ngồi không yên. Chị đắn đo, chị suy xét. Chị muốn

biến thành con ruồi, bay sang nhà bên kia để nhìn, để nghe cho rõ sự thực.

Chị lại nhìn ra cửa. Đoàn xe đã quay đầu lại. Chốc nữa, chị sẽ được nhìn cho đến hết đám cưới, xem đích thực chú rể cô dâu là ai.

Có tiếng ho ở trong gác. Chị cuống queo, gọi:

– Ông Hai ơi, anh Xi ơi, ra ngoài này ngay mà xem, có sự lạ lắm!

Hai người đi ra. Chị mở rộng hai cánh cửa, trở tay, và tả tở mĩ từng người mà chị trông thấy.

Cụ Điều né nhìn xuống đường, rồi ngó mặt trông anh Xi:

– Quái, nhà cô đốc à?

Anh Xi cũng nhìn:

– Ủ, nhà cô đốc thật.

Cụ Điều hỏi:

– Thế là thế nào nhỉ? Hay đám cưới ai ở nhà ấy họ mời anh ấy chẳng?

Rồi cụ lăm bắm một mình:

– Có lẽ nào anh Thừa lấy cô đốc mà không mời mình?

Chị Thừa hỏi dồn:

– Thế nào, thế nào, hở ông? Mọi ngày ông thấy nhà tôi với cô đốc có tình ý gì với nhau không?

Cụ Điều ngơ ngác, lắc đầu:

- Không.
- Anh Xi thấy thế nào?
- Tôi cũng không.
- Thế sao nhà tôi lại cười cô đốc?

Mắt chị trợn, chị run bắn chân tay. Thằng Mão thấy động, thì cựa, rồi khóc. Chị bế nó. Nó vẫn khóc. Hẳn là yên trí thế nào đấy, chị nghiêng răng đay nó:

– Khóc mẹ mày đấy à? Bố mày lấy vợ đương vui, mày không cười lên được à!

Chị cặp nó ở cạnh sườn, dăm dăm nhìn ra cửa. Cả cụ Điều lẫn anh Xi cũng nhìn. Chị nói tất cả những điều chị vừa nghĩ về chồng chị cho hai người nghe. Rồi chị đứng im, chờ.

Chùng hơn một giờ đồng hồ sau, bọn trẻ đứng lố nhố ở cửa, bỗng giãn ra hai bên. Chị biết là đám rước dâu bắt đầu.

Chị vội vàng bế thằng Mão, chạy xuống gác.

Cụ Điều kéo áo, giữ chị lại. Nhưng soạt một tiếng, mặc cho áo rách, chị cứ chạy.

Chị ra buồng đợi. Nhưng cửa khóa. Anh Xi nhất định không cho chị mượn chìa để mở. Chị đành chạy về cửa sau, ra phố Cầu Gỗ, sang phố Bồ Hồ.

Hai chiếc xe đầu đã đi qua đến tận nhà ga xe điện. Chị không được thấy những ai. Xe thứ ba, thứ tư, thứ năm. Toàn những người lạ. Đàn ông, đàn bà, ai cũng ăn mặc rất sang. Chị vén vạt sau

của áo chị, gài cao lên cho khỏi lòng thòng xuống đất. Chị vừa đi vừa tắt tả chạy. Hàng phố có người nhìn theo chị. Lúc chị đến trước cửa Phòng thuốc, thì xe thứ sáu bắt đầu chuyển bánh. Bốn người đương lên xe thứ bảy và thứ tám. Chồng chị với người phù rể đã đứng ở hè. Cô dâu và người phù dâu cũng đã ra khỏi cửa. Chị biết ai là cô dâu, vì ăn mặc khác cô phù dâu. Hai người đều áo gấm huyền, giày văn hài thêu, nhưng cô dâu chít khăn vành dây màu quan lục và gài ở ngực áo một bông hoa to bằng cái bát, tết bằng lụa màu đào. Chị chưa rõ mặt cô dâu, vì cô ta cầm mùi soa lau mắt, đứng quay lưng lại chị để nói gì với một bà già khăn nhiễu tam giang, áo nhung đen. Chắc bà này là mẹ. Trong ngày vu quy, lúc thiếu nữ từ biệt gia đình để rẽ sang đường mới; gánh vác nhiệm vụ mới, không ai không khỏi cảm động,

nhớ nhung, tiếc cái đời con gái, gặp khó khăn đều nương vào mẹ cha.

Chị Thừa đứng đợi. Mắt chị đã hoa lên rồi. Tai chị đã ù lên rồi. Trẻ phổ nháy lên càng càng và trở vào chồng chị:

– Chú rể! Chú rể lem cầm, chúng mày ạ!

Và trở vào cô dâu:

– Cô dâu! Tây lai lang ben, anh em ơi! Bạo hơn cô dâu An-nam!

Chị Thừa lạnh toát người, run bắn lên. Không còn ngờ vực nữa! Chính là cô đốc! Chị bế cao thẳng Mão bước ra tận mép hè.

Anh Thừa và người phù rể lên xe. Xe qua mặt chị. Chị trông rõ là chồng chị

đương cười nói với bạn, và đến nhà, thì ngược nhìn lên gác. Chị muốn nhảy xổ ra, tóm lấy tên phụ bạc, cắn, xé, đập, phá, cho tan tành. Nhưng chiếc song mã đã vụt qua.

Xe cô dâu bắt đầu đi. Chị đã thấy mặt kẻ thù và biết hẳn là ai rồi.

Xe qua mặt chị. Chị trừng trừng mắt để nhìn cho rõ hơn. Cô đốc cũng trông thấy chị. Không hiểu muốn khiêu khích hay sao, hẳn chăm chăm vào chị, rồi bữu đôi môi đỏ chót, ngheo cổ một cái.

Bỗng một tiếng thét như xé, chị Thừa ngã lăn ra hè. Thằng Mão vập đầu vào gạch xi măng, lộn xuống rãnh, cũng khóc thét lên. Mặt chị xám ngoét. Chị nằm, bất tỉnh.

Lúc ấy, chiếc xe ngựa đã vụt qua. Cô phù dâu ngoái cổ nhìn lại. Nhưng cô dâu thản nhiên, hỏi:

– Nó ngất thật hay ngất kiểu cánh mình thế?

X

VIỆC BẤT THƯỜNG

Đoàn xe đám cưới đi thật thông thả, lên Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường, qua chợ Đồng Xuân thì rẽ sang Hàng Khoai, quay về Hàng Cót, Hàng Gà, Hàng Điều, đến bãi chợ Hàng Da thì rẽ sang Ngõ Trạm, để quặt về Hàng Lờ, Hàng Bông cây đa cửa quyền, Hàng Bông đẽm, Hàng Hải, sang

Hàng Trống, đến nhà Thư viện thì dọc theo Bồ Hồ, đến ga xe điện, rồi quặt về Hàng Tiện.

Từ Phòng thuốc nhà giàu đến nhà cô đốc có năm thước. Từ Phòng thuốc nhà giàu đến nhà thuê tạm hai hôm để cưới ở đầu phố Hàng Tiện, cách nhau độ hai trăm thước. Nhưng đám cưới đã tiến tước quanh co gần khắp các phố chính của Hà Nội. Một tràng pháo dài treo từ sân gác thượng, rủ xuống quá mái hiên, nổ ran, kêu giòn, tỏa khói thơm và tung xác lẫn tăn đỏ như rắc cánh hoa xuống mặt đất.

Hàng phố đổ ra xem đông nghịt. Ai cũng chờ xem mặt tân lang và tân giai nhân.

Xe cuối cùng dừng bánh. Ai nấy trầm

trồ nhìn. Cô phù dâu giương phất cái ô máy lợp lụa tím che trước mặt cô dâu. Rồi nâng dắt tay cô đứng dậy. Cạnh hè, lúc ấy, một cô, dễ thường là em chồng, đứng chờ sẵn, giơ tay, đỡ cô dâu xuống đất.

Ba cô phải đứng lại, chờ cho pháo nổ hết. Cái ô được kéo rút lại cho kín cái mặt đương then thò. Hàng phố được dịp nghiêng ngó, dòm vào tận mặt con người sung sướng. Tiếng thì thảo bình phẩm:

– Đẹp quá! Trẻ quá! Thơm quá! Sang quá!

Có người xông xáo dám hất mạnh cái ô lên cao để cho cái mặt phải lộ ra.

Nhưng họ không thấy được. Mặt cô

dâu còn được cô che lần nữa bằng cái quạt nan trâm, phết giấy tàu trắng, vẽ sơn thủy xanh đỏ.

Khi tiếng pháo dứt, ba cô bắt đầu vào nhà. Cô dâu đi giữa hai cô dìu hai bên.

Hàng phố còn cãi nhau. Người bảo nước da cô dâu tự nhiên. Người rằng cô có đánh phấn.

Tuy đã giấu mặt thật kín sau cái ô và cái quạt, nhưng cô dâu cũng cúi gằm xuống. Cô rí rén, tiến từng bước, y như là bầm sinh ra không biết đi nhanh. Cô theo hai người đi hai bên, nâng hai cánh tay để dắt.

Ba cô bước lên hè. Ô chụp lại. Nhưng cô dâu vẫn che quạt trước mặt, cúi gằm, đi giữa đám họ hàng đứng lối nhỏ, đương

yên lặng nhìn cô. Cô theo hai người dẫn vào buồng ở lớp nhà trong. Ngồi xuống ghế, cô đặt quạt lên bàn, thở đánh phào, tùm tùm nhìn bạn.

Chừng mười lăm phút sau, cô em chồng mời cô dâu ra sân tế Tơ Hồng. Cô lè quả ô mai đường ngậm ở miệng ra, rướn mình, nhảy thật cao, để vút hột qua cái lỗ cửa nhỏ. Cô đánh lại phấn, kẻ lại môi, bôi thêm tí nước hoa, rồi mặc áo thụng bằng nhiễu hoa đỏ xong, cô xòe quạt để che mặt, thong thả bước theo hai cô dìu hai cánh tay, mặt lại cúi gằm.

Bàn cúng Tơ Hồng bày ở sân, quay chếch về hướng nam. Cô không dám nhìn ai, nhưng cô thấy những ống quần và những giày dép. Quần lĩnh dài lượt thượt quét đất, quần chúc bầu là đứng nép, quần tây dạ hẹp ống, dép cong quai

nhung, dép Nhật có quả bông đỏ, giày Gia Định mũi vuông, giày mồm nhái mũi nhọn, giày tây vàng mũi công, giày ban da láng mũi dẹt. Cô được dắt đến mép cái chiếu hoa mới. Cô thấy giữa chiếu có một người đứng rồi. Cô hơi ngẩng lên. Thấy cái gấu áo thụng lam, đôi ống quần nhiều trắng, đôi bít tất tơ kẻ màu hạt dẻ, cô biết đó là chàng.

Cô bước chân vào chiếu, định tiến lên cạnh chồng, bỗng có tiếng ông già nói:

– Thôi!

Rồi đến tiếng:

– Cô dâu phải ngồi dưới chú rể một tí mới phải phép.

Cô ngồi, mặt vẫn nấp sau quạt, xếp

hai chân bằng tròn cho gọn. Cô phù dâu cúi xuống, kéo cho cô cái vạt áo sau, rải lại vuông vắn, và xếp cái vạt áo trước, che kín hai vế đùi.

Lúc này, xung quanh im lặng, một sự im lặng thiêng liêng. Văn tế chữ nho đọc ngân nga từng tiếng xong, bỗng cô nghe loạt soạt bên cạnh. Cô liếc mắt, vừa thấy chàng bắt đầu lễ, thì có bàn tay ấn đầu cô xuống:

– Lễ đi!

Cô làm theo. Hai tay cô chấp, nhưng vẫn che được quạt trước mặt. Cô cúi lưng, gục xuống chiếu, thì cái quạt từ từ xếp lại. Khi cô thẳng lưng, ngồi dậy, cái quạt lại xòe dần ra mà che kín mặt cô.

Có người thì thảo:

– Tây lai mà lễ khéo nhỉ!

Cô thông thả lễ, không rõ đã mấy lần rồi, khi toan cúi lưng lần nữa, thì có cái tay ghìm đầu cô lại. Cô hiểu là đã đủ bốn lễ. Cô đứng dậy, cúi vái ba vái, rồi lùi ra mép chiếu.

Cô toan xỏ chân vào đôi vắn hài, thì cô phù dâu níu lại:

– Còn hợp cần đã.

Một ông cụ tháo dây thép chằng nút chai sâm banh, lấy ngón tay cái ấn cho cái nút ra dần. Có tiếng nhắc:

– Nghiêng nghiêng cái chai, kéo rượu phụt ra hết nhé.

Lại có tiếng cười:

– Thời buổi văn minh có khác, hợp cần ở ngoài sân, lại bằng rượu sâm banh.

Tất cả mọi người hồi hộp nhìn cái nút chai. Bỗng một tiếng nổ bốp! Ai nấy nẩy đánh thót. Riêng cô dâu, tuy không trông thấy, nhưng không giật mình.

Hai cốc pha lê được rót gần đến miệng. Bọt ngầu ngầu tan dần, hạ thấp mặt rượu xuống. Ông cụ lại rót thêm cho đầy. Rượu vàng sáng sánh trong cốc, in vào thành pha lê những màu quần áo ở xung quanh.

Ông cụ cầm hai tay hai cốc, đưa một cốc cho chú rể, một cốc cho cô dâu.

Cô dâu đương lúng túng vương cái quạt che mặt, thì cô phù dâu giật phắt lấy. Mặt cô bây giờ thành lộ thiên.

Cô suýt phì cười, vội vàng đưa mắt nhìn xuống, giơ hai tay cầm cốc rượu. Lại có cái tay ấn vào vai cô:

– Ngồi xuống.

Cô ngồi.

– Quay lại chú rể chứ!

Cô quay lại.

Cái tay dí mạnh vào đầu cô. Hai tay cầm cốc rượu, cô lạy chồng hai lạy. Chồng cô cầm rượu, vái trả cô một vái.

Có người nhắc:

– Đứng dậy.

Cô đứng lên.

– Mời rượu chú rể đi.

Cô giờ cốc bằng hai tay, đôi mắt vẫn gằm xuống chiếu. Chú rể đỡ lấy, rồi đưa cốc của mình cho cô.

– Uống đi.

Cô thông thả kể thành cốc vào môi. Mấy chục con mắt nhìn theo. Vì lễ hợp cẩn là quan trọng, cho nên cô dâu nào cũng bắt buộc phải nhấp một tí rượu, nhưng bị cay, cô nào cũng nhăn nhó, nhổ phì phì, trông đến buồn cười. Mọi người cũng chờ để cười đây. Nhưng cô dâu này uống, uống một hơi, cạn hết cốc sâm banh. Cô nhấp môi, đưa cốc cho cô phù dâu.

Người ta không được cười thì trở mắt nhìn nhau. Một tràng pháo nổ ran,

reo mừng đôi trẻ thành vợ chồng.

Ông Tư bà Nguyệt đã làm xong nhiệm vụ. Chàng và nàng đã trao cho nhau cốc rượu xe duyên, nguyện sống với nhau đến đầu bạc răng long. Bây giờ hai người mới lễ mừng tuổi cha mẹ.

Nhưng tuy là chỗ thế gia vọng tộc, đáng lẽ đám cưới cần phải theo nhiều nghi lễ phiền phức, song vì thấy nhà gái tinh giản, miễn cho nhiều lệ, nên nhà trai cũng noi gương. Hai cụ Hàn là bố mẹ chồng, bởi vì anh Thừa tổ lên thế, ngồi trên sập, cụ ông nói với con trai và con dâu bằng giọng đồng dục:

– Thầy mẹ thì già, việc trăm năm của hai con, thầy mẹ để quyền cho hai con. Thầy mẹ chỉ biết mừng cho hai con thôi. Đáng lẽ theo con là người đã du học bên

Tàu lâu năm, đám cưới phải làm đúng như tục lệ bên Tàu. Hợp cẩn xong, hôm nay các con lễ mừng tuổi thầy mẹ, rồi mai, vợ chồng về quê nhà, bái yết gia tiên ở từ đường, và ngày kia, sang nhạc gia làm lễ nhị hỉ. Thầy mẹ cũng nhận rằng thế mới hợp lý, bởi vì thế mới đúng trật tự. Sau đêm động phòng hoa chúc, thấy vợ là người trinh bạch, thì chồng mới về nhạc gia nhận cha mẹ vợ, nhận họ hàng, tổ tiên của vợ là của mình, nhưng vì cụ bên ấy là người giản dị, cụ đã miễn cho từ lễ chạm ngõ, cho đến lễ vấn danh, cụ cũng xin thôi cả lễ nhị hỉ, cho nên thầy mẹ rất phục cụ, tuy là đàn bà, nhưng thức thời, ở thời đại văn minh, thì theo tục lệ văn minh. Vì vậy, thầy mẹ bắt chước cụ, cũng miễn cho hai con không phải lạy. Thầy mẹ mong hai con thương yêu nhau, bách niên giai lão, con độc đẻ cháu đàn, nối dõi tông đường, ngày sau, đứa

nào cũng khoa hoạn đều hiển đạt, làm rạng rỡ gia đình, nổi nghiệp các cụ nhà ta. Thầy đã hèn không làm quan được, con lại ưa đường thực nghiệp cũng là tốt, nhưng đến đời các cháu, thì nhất định phải nổi gót tổ tiên cho thầy mẹ vui lòng. Thầy mẹ nghèo, không có nhà cửa, ruộng nương cho hai con, chỉ gọi là có tí chút này, cho hai con để kỷ niệm ngày vui về nhất đời của hai con.

Cụ ông nói xong, cụ bà há tròn miệng, nhón hai ngón tay lau vết quết trầu ở đầu mép, rồi đưa cho Ma-ri một cái hộp màu hồng. Cụ mở ra cho mọi người nom thấy. Có hai cái vòng vàng, bọc trong giấy bóng, một cái chạm, một cái trơn. Cụ hỏi:

– Mợ thích cái nào, mợ đeo ngay cho.

Nhưng không chờ con trả lời, cụ lấy cái vòng chạm mở rộng ra, đeo vào cổ cho Ma-ri.

Cô dâu chấp hai tay, mắt nhìn xuống, miệng tím tím. Cụ gật gật:

– Đẹp! Đẹp!

Rồi cụ mở một hộp nhỏ, lấy ra hai cái nhẫn trơn, vừa cười vừa nói:

– Đáng lẽ nhẫn ba-dê thì cậu tặng cho mợ, mợ tặng cho cậu mới đúng phép văn minh. Nhưng cậu ấy bắt thấy mẹ sảm để cho, thì thấy mẹ cũng chiều lòng. Nào, trước mặt thầy mẹ và hai họ, cậu đeo cho mợ, mợ đeo cho cậu đi!

Cụ đưa cho con trai một chiếc, con dâu một chiếc. Ma-ri nắm bàn tay lại, dựng ngón thứ tư lên để anh Thừa đeo

nhấn cho. Rồi hấn đeo nhấn vào ngón tay của anh Thừa. Nhưng vì ngượng, hấn chỉ để hờ vào đến giữa đốt thứ hai thôi. Tiếng nói đùa:

– Phải một tay nắm ngón, một tay ấn nhấn vào mới chặt.

Một nhịp cười rộ vang như để chế cô gái ngây thơ, chưa bao giờ biết da thịt người đàn ông vậy.

Cụ Hàn bà cũng cười để ái ngại cho con dâu đương then:

– Nhà ta có phúc kén được nàng dâu hiền. Trông con bé hiền lành, trung hậu, giống cụ đốc như đức.

Cụ gọi cụ đốc để chỉ người đẻ ra cô đốc, tức là mẹ Ma-ri, dâu gia của cụ.

Rồi quan viên hai họ chuyện trò với nhau rất vui vẻ, thân mật. Bên nhà trai có hai cụ hàn là bố mẹ chồng, thì bên nhà gái có cụ hậu là cô ruột cô dâu. Quan huyện chú của chàng, tiếp quan tham là cậu của nàng. Cô giáo Chính con bà dì chú rể ngồi cạnh cô đỡ Hoa Tâm gọi cô dâu là chị con bà bác. Cô Mai, em anh Thừa xoắn xuýt lấy cô Tuyết phù dâu. Tóm lại, họ nhà trai có vị danh giá thế nào, thì họ nhà gái cũng tổ ngay một ngai danh giá không kém. Hai gia đình đẳng đối, danh giá thật xứng đáng với danh giá của tiên sinh y sĩ Trung Hoa dân quốc và cô đốc.

Chừng bốn giờ rưỡi, họ nhà gái xin cáo lui. Cụ hậu thay mặt cụ đốc, khuyên bảo cháu bằng một vài câu luân lý. Cả hai cụ hàn và đôi vợ chồng mới cùng ra cửa tiễn khách.

Ba chiếc song mã còn chờ đó. Bốn người lên một xe, ngồi đối diện với nhau ở hai ghế. Ra đến đầu phố, chiếc ngược lên Hàng Đào, chiếc đi thẳng sang cầu Gổ, chiếc quặt lại Hàng Gai. Bởi vì ba xe phải đổ khách về từng nhà, ở những phố khác nhau. Ví dụ chiếc thứ nhất qua rạp Quảng Lạc, cho cụ hậu xuống, rồi sang Chợ Gạo là chỗ ở của quan tham, đoạn lên Hàng Giấy, dừng ở nhà cô đỡ Hoa Tâm, mới quặt lên đầu Hàng Đậu, đỗ trước cửa nhà sấm, cho cô Tuyết phù dâu về thay quần áo.

Xe thứ hai và thứ ba đại khái cũng thế.

Vào lúc sáu giờ, đèn phố bật, Ma-ri mới không phải ngồi hầu chuyện họ hàng nhà chồng. Hắn vào buồng, cởi khăn áo

cô dâu ra, quần tóc trần, mặc áo thường, bảo với anh Thừa:

– Em về làng nhà một tí nhé.

– Máy giờ em lại, ngộ khách ăn tối, em không trang điểm kịp?

– Kịp. Hai mươi phút thôi.

Nói đoạn, hấn đi liền.

Là vì hấn đã hẹn giờ để gặp gỡ những người đã đi đưa dâu, tại nhà hấn.

Hấn đến nhà, thì thấy những người ấy đã đủ mặt. Hấn khen khéo, móc ví trả mỗi người hai đồng. Riêng cụ đốc, hấn thưởng cho thêm đồng nữa là ba. Bọn nhà gái kè nhè xin thêm. Nhưng hấn không cho, nói nửa ngọt nửa xẵng:

– Có mất công khổ gì, còn được đi song mã, được tiếp đãi như thật, sướng mê, còn muốn thêm nữa à?

Rồi hắn nói với cụ đốc:

– Hôm nay thì vui vẻ cả, nhưng tôi chỉ phàn nàn có một tí là bà cụ hàn lại gọi bà cụ tôi là cụ đốc.

Cụ đốc hỏi:

– Bể họ! Còn gọi là gì sang trọng hơn nữa?

– Trừ phi chồng không có chức tước gì mới phải gọi bằng chức tước của con chứ? Sao không gọi bà cụ tôi là cụ cố.

– Sao lại cụ cố?

– Tại ông cụ tôi là cố đạo.

Cụ đốc cười:

– Khỉ, thế cổ đạo có vợ à?

Cô đốc nghĩ ra:

– Ừ nhỉ. Thế thì tôi không phàn nàn nữa.

Ma-ri sai cụ đốc đem ngay bốn con lợn quay trả cho hai hiệu cao lâu Đông Hưng Viên và Nhật Tân, cùng bốn buồng cau tươi trả cho nhà An Ký ở phố Hàng Gạo. Hấn dặn cẩn thận là những cửa hàng hoa, phải gượng nhẹ, còn tiền thuê thế nào, hấn với nhà hàng đã thỏa thuận với nhau rồi. Những quả phù trang rỗng không, rước đi đường ban nãy làm vì, thì hấn giao cho quan tham đưa lại hãng xe ngựa, bắt người chủ xem lại cho cẩn thận là không sút lở tí sơn nào.

Vừa đúng hai mươi phút, hần đã có mặt tại nhà phố Hàng Tiện. Ở đây, họ nhà trai cũng không còn ai ở lại.

Nhân lúc Ma-ri đi vắng, anh Thừa cũng vội vàng trang trải với những người mà anh thuê. Họ đòi thưởng thêm, nhất là hai vai cụ hàn, không chịu mỗi người chỉ được ba đồng. Hai cụ dọa nếu chú rể không nghe, thì đi mách họ nhà gái ngay lập tức. Anh Thừa không dám găng. Và anh muốn tổng họ đi ngay, kéo Ma-ri về biết thì lộ tẩy. Anh đành chịu họ bắt bí, cho thêm mỗi người hai hào, riêng hai cụ, mỗi cụ năm hào. Anh bực mình:

– Thế này thì bận sau bố ai dám mượn nữa!

* * *

Khách đến dự tiệc cưới chừng hơn ba chục người. Trái với bọn đi đám cưới, những người này là khách thật. Vì họ là bạn hữu của anh Thừa và Ma-ri.

Đàn bà mười người, ngồi hai mâm ở gian trong. Ma-ri tiếp họ. Đàn ông, quây quanh ba cái bàn dài bày theo hình chữ U ở gian giáp hè phố. Trên bậc hè, ngổn ngang độ hơn một chục kẻ ăn mày.

Khách đàn ông có nhiều hạng. Thầy lang có. Bệnh nhân có. Thầu khoán có. Buôn bán có. Ông tham, ông đốc có. Vô danh tiểu tốt, vô nghệ nghiệp, du thủ du thực cũng có.

Anh Thừa và Ma-ri giới thiệu khách với nhau. Toàn những tên lạ. Duy có mấy

ông nhà báo, nhà văn là người ta đã thuộc tên, bây giờ mới biết mặt. Đó là ông Mân Châu Nguyễn Mạnh Bổng, tác giả tập thơ Ngọn đèn khuya, bình bút Đông Dương tạp chí và báo Đuốc nhà Nam; ông Hạc Thần Nguyễn Thượng Huyền, cử nhân, làm thơ và làm báo; ông Quán Chi Đào Trinh Nhất, viết văn nghị luận; ông Biền Xa Hoàng Tích Chu, trợ bút tạp chí Nam Phong; ông Kính Đài Nguyễn Thống, tác giả cuốn thơ Tấm lòng son, lấy tên đàn bà là Nguyễn Huệ Kiều; và ông Hoài Tân Tử, nhà thơ, nhà tiểu thuyết. Giới thiệu anh này, anh Thừa có nhã ý giấu tên cuốn Tình muôn thuở của ông.

Năm cô đầu rệu ở Hàng Giấy và ở Ấp, cô Nguyệt, cô Hoa, cô Trà, cô Phụng, cô Mai, được đón đến giúp vui. Chị Bích Ngô và chị Bốn là danh ca, thì hiến các quan giọng hát.

Có hơi rượu và hơi gái, chuyện nở như cơm gạo vàng. Đủ các thứ chuyện. Chuyện đứng đắn. Chuyện nhảm nhí. Chuyện làm ăn. Chuyện ăn chơi. Nịnh hót, tâng bốc nhau, xỏ xiên, dìm dập nhau. Vây vo, hợm hĩnh, huênh hoang, khụng khượng. Chuyện xuê nhất là ở chỗ mấy ông nhà văn, nhà báo mồm mép vốn lém lỉnh. Các nhà ngôn luận ngồi gần nhau, tiếng cười từ chỗ ấy tỏa ra hai bên. Không ai kịp nói xen vào một lời nào với các ngài. Và cũng không ai muốn nói. Họ nhường cho các ngài tán, để được cười cho hả rượu.

Nhà thơ kiêm nhà tiểu thuyết Hoài Tân Tử là cái đích làm cho chúng bạn mua vui. Không biết mấy ông bịa ra hay nói thực, mà các ông làm cho mọi người đau cả bụng.

Bỗng có tiếng ngâm:

– Mỗi sầu trung bối rối lung tung,

Bối rối lung tung gỡ giúp cùng

Gỡ giúp cùng nhau cho khỏi rối,

Cho nhau khỏi rối mỗi sầu trung.

Mọi người yên lặng nhìn. Thì ra ông Hoài Tân Tử đọc thơ. Ông Mân Châu ha hả cười, gọi:

– Chị Nguyệt, chị mời Hoài Tân Tử tiên sinh một chén, hãm bằng cái câu hôm nọ ấy nhé.

Cô Nguyệt mỉm cười lên giọng:

– Hôm xưa yên đồ một lần,

Mà anh phú quốc vô ngân thế nao!

Xin cạn chén đào.

Người hiểu chuyện phá lên cười.
Ông Kính Đài giảng:

– Thưa các ngài, dân đi hát chúng tôi gọi châu chay chi ba đồng là yên đồ, vì ba đồng là tam nguyên. Phú quốc nghĩa đen là giàu nước. Ông bạn tôi hát một châu chay, nhưng sau nhân huynh đệ cứ lên gạ chuyện, trạc của nhân tử muội giàu nước mãi, cho nên chị Nguyệt hăm mừng thế đấy ạ.

Tất cả mọi người đều khanh khách.
Ông Đào Trinh Nhất bảo:

– Đặt câu hăm mà phải dùng điển tích là kém. Phải hát câu khác.

Người cô đầu đằng hắng hai ba lượt,
rồi cầm chén rượu, ngân nga:

– Có anh vừa đen vừa cao,

Ngất nga ngất ngẫu tối nào cũng
lên.

Xin tặng bạn hiền.

Tiếng cười lại như vỡ nhà.

Ông Hoài Tân Tử mặt đã đen, càng
xám lại vì xấu hổ. Ông đứng lêu đêu dậy,
đỡ lấy chén. Chị Nguyệt chỉ cao đến vai
ông, dốc ập cốc rượu vào mồm ông cho
tung tóe ra cả ngoài mép, rồi khẽ hỏi:

– Thế nào, anh vừa đen vừa cao còn
thể nữa, hay vẫn ngất nga ngất ngẫu tối
nào cũng lên?

Ông Biển Xa vỗ đùi, át cả tiếng cười và lời nói xỏ ngọt của chị Nguyệt:

– À lại còn cái chuyện nhà thi sĩ của tôi hết tiền, cứ thế mãi là ai mà còn trông thấy mình lên Hàng Giấy nữa, thì mình thế nọ thế kia. Nhưng rút cuộc, ngài vẫn lên hát chịu.

Ông cử Huyền đứng dậy:

– Tôi nhờ chị Bích Ngô ngấm cho tôi bài thơ này mừng ông Hoài Tân Tử nhé. Trước hết tôi xin giảng hai chữ cho chị nghe đã. Chị ở Hàng Giấy. Tiếng Tây, giấy là pa-pi-ê. Chị muốn mua chịu hàng ở nhà quen, chị viết hai tiếng Bon pour có phải không?

– Vâng.

Ông Hạc Thần lên giọng:

– Nghe nói hôm qua lại mới thể,

Thể rằng chẳng đến pa-pi-ê,

Thể mà ông cú Bông pua mãi,

Chui ống, ơ kia, con cá trê!

Cả mấy chục người vỗ tay, reo lên ồn ào. Bỗng có tiếng ở ngoài cửa:

– Lạy các ông các bà, chả mấy khi có đám có xá, các ông các bà thí bỏ cho kẻ nghèo đồng cơm bát cháo!

Không muốn tiếng xin ăn xen lẫn với tiếng đọc thơ, anh Thừa sai người đuổi bọn hành khất đi, và đóng chặt cửa lại.

Ông Mân Châu ghi bài thơ đưa cho người đào hát. Tiếng phách đồn lách cách. Tiếng đàn thữ dây từng từng tưng.

Trống châu giục ba tiếng tông tông tông.

Ông Đào Trinh Nhất nhại tiếng phách, tiếng đàn và tiếng trống:

– Cô đầu gõ phách gọi kếp: “Khách khách khách khách!”. Kếp lên dây đàn hỏi: “Thằng nào đấy, thằng nào đấy?” Khách đập vào trống đáp: “Ông, ông, ông!”.

Lại hô hố một tràng cười.

Nghe hát, uống rượu. Ăn vĩa. Hút thuốc lá. Ai cũng cố nghĩ ra một chuyện để khoe là mình có duyên.

Ông Tham Bính đứng dậy, xoa hai tay vào nhau:

– Xin phép các tiên sinh văn sĩ cho tôi kể một câu chuyện cũng là đánh trống

qua cửa nhà sấm thôi. Nghe được, thì các tiên sinh bỏ vào tai. Không nghe được, xin các tiên sinh kể như là tôi không nói.

Mọi người thấy lời giáo đầu ngộ nghĩnh thì mủm mĩm và lắng nghe.

– Thưa các ngài, ngày xưa, cái hương án có tám chân, con vịt có một chân, con chó có ba chân, và cô đầu... không có chân nào.

Ông nhìn các cô đầu, làm bộ sợ hãi, lè lưỡi, rồi nói:

– Xin lỗi các chị nhé!

Ông Kính Đài bóp vào đùi cô Trà:

– Nào xem có chân không nào!

Cô Trà kêu đánh oái. Ông tham tiếp tục:

– Thừa đấy là ngày xưa ạ. Một hôm, con vịt đi qua cái hương án. Thấy cái này có nhiều chân, vịt bèn xin một cái. Hương án cho nhưng nói: “Chân này là chân thờ, không được để nó uế tạp”. Thế là con vịt có thêm một chân nữa. Con vịt gặp con chó. Chó hỏi lấy chân ở đâu. Vịt mách đến hương án mà xin. Chó đến xin hương án. Hương án cho chó một chân, và cũng dặn là chân thờ không được để uế tạp. Đến lượt cô đầu gặp vịt và chó. Cô đầu hỏi, rồi cũng đến xin hương án cho hai chân. Hương án lại cho, lại cũng dặn như đã dặn vịt và chó.

Nói đến đây, ông tham ngừng một lát, hút xong hơi thuốc lào mới nói:

– Thế là từ đó, hương án còn bốn chân, nhưng vệt có hai chân, chó có bốn chân, và cô đầu có hai chân.

– Chuyện có thể thôi à?

Có tiếng hỏi như vậy. Ông Tham Bính lại hút xong hơi thuốc nữa, mới trả lời:

– Vâng, chuyện có thể thôi. Cho nên cũng từ đó, khi ngủ vệt sợ mất cái chân thờ, phải rứt nó lên, và khi đá sợ chân thờ bị bắn, chó phải co một cái. Còn, thưa các ngài, khi cô đầu nằm với quan viên, các cô cũng phải dạng hai đùi ra cho chân thờ khỏi uế tạp!

Dứt lời, những tiếng phát đen đét vào lưng ông Tham:

– Phải gió cái anh này! Phải gió! Phải gió! Nhảm! Nhảm! Nhảm!

Cô đầu xúm lại đánh ông Tham đến năm phút. Và tiếng cười cũng ran lên đến năm phút.

Các bà ăn ở mâm trong, thấy nhà ngoài nhộn quá, thì ra cười góp. Nhưng từ lúc đó, không ai dám nhảm nhí nữa. Họ xoay ra chuyện đứng đắn.

Ông Nguyễn Mạnh Bổng có ý kiến tổ chức một thư xã, mua nhà in, xuất bản từng thư. Ông Đào Trinh Nhất phàn nàn cái nạn khách trú nắm quyền kinh tế ở Nam kỳ, ông đề xuất vấn đề di dân Bắc kỳ vào Nam.

Ông Hoàng Tích Chu nói muốn sang Pháp nghiên cứu nghề làm báo để

về nước thay đổi lại từ bộ mặt tờ nhật trình cho đến câu văn. Ông Nguyễn Thượng Huyền làm mặt ưu thời mẫn thế, nói muốn sang Quảng Đông học trường Võ bị Hoàng Phố. Ông Nguyễn Thống ngỏ ý lập mộ sở làm đơn, giúp quốc dân những việc kiện cáo. Riêng ông Hoài Tân Tử bàn về chuyện văn chương, ông định xin ra tờ báo, lấy tên là Văn chương An-nam, mục đích là yêu cầu nhà nước cấm tiệt các báo không được đăng mục Bình phẩm sách mới.

Chuyện đứng đắn dễ trở thành nhạt. Cho nên chưa đến mười giờ, khách khứa đã lục tục xin về.

Anh Thừa giữ năm cô đầu rượu ở lại để tiêm thuốc phiện hầu khách. Năm bàn đèn đặt trên năm cái phản ở hai góc. Ai muốn hưởng thú đi mây về gió thì cứ

tự ý. Rồi mặc cho khách tự do với nhau, anh bấm Ma-ri, bảo về nhà bên phố Bờ Hồ để nghỉ kéo mệt.

11

VỖ LÒNG

hấy chị Thừa ngất ngã lăn ra đất, cụ Điều và anh Xi vội vàng chạy xuống, vực chị và bế thẳng Mão vào nhà.

Hàng phố không ai hiểu, cho là người đàn bà nghèo có máu động kinh, được Phòng thuốc nhà giàu cứu chữa.

Cụ Điều xoa dầu khắp người chị và

lay gọi. Một lát sau, chị tỉnh dần. Chị nghiêng răng ken két, quật chân quật tay xuống giường như người lên cơn điên.

Cụ Điều an ủi chị:

– Chưa chi đã ghen. Ngộ không phải thì sao. Phải xem xét kỹ lưỡng kéo oan anh ấy.

Anh Xi lắc đầu, chỉ thở dài.

Vào lúc hai giờ, có lẽ giờ này, anh Thừa và Ma-ri đương lễ Tơ hồng, chị Thừa gọi cụ Điều:

– Tôi nhờ ông trông hộ cháu một lát, tôi đi đám này, tôi về ngay.

Cụ can:

– Đi làm gì! Biết anh ấy ở đâu mà tìm.

Chị không đáp.

Chị tắt tả sang Hàng Tiệm. Qua nhà có đám cưới chị không để ý. Chị đi thẳng Hàng Gai, Hàng Hải, vân vân, rồi đến Vườn hoa bà đầm xòe. Chị hỏi thăm đường ra ga. Người ta trở cho chị qua Chợ cửa Nam thì rẽ tay trái, là Hàng Lọng, cứ thẳng đến là Hàng Cỏ. Ga ở đấy.

Chị tìm đến bà lớn sắp chánh, vợ Phi-lô-mát.

Chị nức nở khóc, hối hận rằng đã trót dại không nghe lời dì mách từ mấy tháng trước mà ra giữ chồng, đến nỗi xảy ra cơ sự ngày hôm nay.

Rồi lau nước mắt, chị ngồi xồm xuống đất:

– Con biết rằng chỉ có bà lớn là thương con thôi. Ở Hà Nội này, con chả có ai là máu mủ để than thở.

Người vợ tây thở dài. Chị hỏi:

– Bà lớn có cách gì cứu con được hay không? Con ước đến chết mất!

Vợ Phi-lô-mát chép miệng:

– Khó đấy. Chính con ấy là con mẹ sắp phó Tu-nô, mà còn nhớ không?

Chị Thừa ngó mặt:

– Ấy! Con thấy gọi là cô đốc kia mà?

Vợ Phi-lô-mát bĩu môi:

– Đốc với đốc chó đâu! Giặt váy cho ký nhà thương không đáng! Vợ của ông sắp phó đấy!

– Thế thì bà lớn trình quan sắp phó cho con.

– Trình! Bỏ nhau từ đời tám hoánh nào rồi còn gì! Tao trông tướng con mẹ ấy, tao biết mà! Ngũ ấy thế nào cũng tranh cướp chồng người.

– Bây giờ bà lớn bảo con làm thế nào được?

Người vợ Tây lẩm bẩm để tính toán:

– Trình cấm cũng không được. Làm toang hoang ra thì nó đánh, nó giết, nó vu vạ để bỏ tù.

Bỗng sức nghĩ ra, hấn hỏi:

– Chúng mày lấy nhau có giấy giá thú không?

– Thừa cưới ở nhà, làm gì có giấy giá thú?

– Thế thì có gì làm bằng mà kiện ở tòa. Lấy nhau mà không có giấy giá thú, thì kể như nhân tình nhân ngãi, chứ không phải là vợ chồng, bỏ nhau lúc nào cũng được. Kiện về tận Tây cũng chẳng ăn thua.

Yên lặng để nghĩ ngợi một lát, hắc tặc lưỡi:

– Tao như mày ấy à. Đã bạc thì cùng bạc, cần gì đeo đẳng cho nặng mình. Nó lấy vợ khác, thì mày lấy chồng khác. Tội đểch gì!

Chị Thừa rùng mình lên. Chị biết

là ngồi đây thêm cũng không ích gì, chỉ tổ bắt con khóc mỗi miệng vì mong mẹ. Chị đứng dậy:

– Con xin phép bà lớn cho con về.

Vợ Phi-lô-mát nói:

– Về làm gì? Về với ai? Ở đây, ăn với tao bữa cơm. Ngộ may tao có nghĩ ra kế gì giúp được chăng.

Nghe bùi tai, chị Thừa ở lại.

Sự thực, trước khi được ăn với bà lớn bữa cơm, thì chị phải làm cơm hầu bà lớn, để bà lớn được rảnh tay đi châu rìa đám chăn.

Rồi ăn xong, bà lớn mượn chị giặt hộ một đồng lớn những quần trong, quần ngoài, áo cộc, yếm đầm, áo dài, và cả áo

gối, áo chăn, với một đôi chiếu nữa. Bà lớn đưa chị xuống vò nước trong buồng của dãy nhà, đúng như cái nhà phụ mà chị đã ở một dạo bên sếp phó. Cũng có hai buồng bồi bếp, không người ở, trong có kê chiếc phản. Bà lớn chỉ cho chị biết chỗ phơi và bảo:

– Mệt thì ngồi nghỉ tạm ở phản, rồi hãy giặt nốt.

Đường phố lên đèn đã lâu, chị mới giặt xong. Chị vừa mệt vừa xót ruột về con. Chị hối hận là không ở nhà. Thế nào sớm tối hôm nay chồng chị cũng phải về, để xem gặp chị thì ăn nói ra làm sao.

Chị phơi các thứ đã giặt, rồi ngồi trên phản trong buồng có ánh sáng đèn ở ngoài chiếu vào. Chị lên nhà, định giao các thứ cho bà lớn kiểm lại, để chị về.

Nhưng buông khóa. Bà lớn đi vắng. Chị lại phải xuống nhà dưới. Ruột chị rối như mớ bông bong. Luôn luôn chị thở dài. Chị ngồi chán, lại ra cửa, nhìn lên gác xem buồng ấy bật đèn chưa. Nhìn chán, lại vào phản ngồi. Đầu óc ngổn ngang trăm mối.

Bỗng có hai cánh tay lực lưỡng quàng lấy hai vai chị.

Chị giật mình, quay lại. Thì ra chị đương bị một thằng Tây nó ôm chặt.

Chị biết việc sẽ xảy ra thế nào. Chị giãy giụa, kêu lên. Lập tức, nó nhét mũi soa lấp miệng chị lại. Nó lấy chân đạp cho cánh cửa khép kín, rồi vật chị ngửa ra. Chị hết sức cưỡng, lấy hai tay quào vào mặt nó, nhưng nó túm được, ghì thật chặt. Chị dùng đến hai chân. Chị cựa

quậy, cổ đập nó ra xa. Nó suýt ngã xuống đất. Nhưng nó vồ ngay được chị. Lần này thì nó giữ hai tay chị bằng một tay thôi, còn một tay, nó cứ mạng mỡ chị nó thui. Chị không chịu. Chị còn răng. Chị cắn vào mặt, vào vai nó, xé rách áo nó. Nhưng bị đánh đau quá, chị đành phải thua. Chị nhắm nghiền mắt lại, nằm ườn ra, không còn sức giãy giụa nữa.

Có lẽ cũng lúc này, đám tiệc cưới ở Hàng Tiện bắt đầu.

Thỏa xong thú tính, con quỷ dâm dục huỳnh huych đi ra. Chị vừa ngồi dậy, vắn lại khăn, và sờ áo quần xem rách ở những chỗ nào, thì một thằng nữa ập luôn vào. Chị lại phải chống với nó một lát. Nhưng lần này chị đuối sức, không cưỡng được lâu. Chị đành cho nó hiếp.

Rồi thẳng thứ hai ra, thẳng thứ ba vào thay. Chị rú lên một tiếng, lại vật nhau với nó. Nhưng chân tay chị đã rã rời, chỉ không thể địch với sức đương hăng của con quỷ.

Rồi đến thẳng thứ tư. Lần này chị không cựa quậy được chân tay nữa rồi. Chị nằm như cái xác chết.

Thế mà còn thẳng thứ năm. Chị mê lên. Chị thiếp đi. Không biết nó ra lúc nào.

Bữa tiệc ở Hàng Tiệm giờ này, hẳn đương vào lúc vui nhộn nhất.

May cho chị là không còn thẳng thứ sáu! Nhưng chị lả rồi, không ngồi dậy được. Chị đành nằm, rên hừ hừ.

Lúc mở mắt, chị thấy ở kẽ cửa có một

vết ánh sáng. Thì ra chị đã mê man mà nằm ở đây cả một đêm.

Chị ngồi dậy. Mình đau như dằm. Chị cố đứng lên, ra mở cửa. Nhưng không tài nào đứng được. Cửa đã khóa.

Chị tru tréo một tiếng, rồi nằm gục xuống đất, thoi thóp thở.

Chị không ngờ là đã sa vào hang hùm. Chị ôn lại cái đêm kinh khủng vừa qua. Chị ôn lại cái ngày đau đớn vừa qua. Chị nhớ thằng Mão. Chị vật vã khóc.

Chị biết là chị bị giam ở đây, để đêm nay lại bị năm thằng nó hiếp lần nữa.

Xung quanh là ba bức tường. Trên là trần. Cửa thì khóa. Trong buồng chỉ mờ sáng. Nhưng chị cũng trông rõ để thấy là không thể tìm được một chỗ nào buộc

nổ cái dây lưng để thắt cổ cho thoát khổ nhục. Chị còn phải sống để chịu khổ, chịu nhục. Chị đành lên phản nằm để khóc.

Khóc một lát, chị thiu thiu. Chị thấy chồng chị vốn vãi chuyện trò với chị. Chị vui sướng quá, cười khanh khách. Bỗng mở choàng mắt ra, chị biết là chị chiêm bao. Con người bạc bẽo, bất nhân ấy, cưới vợ khác rồi, còn bao giờ vốn vãi, chuyện trò với chị nữa.

Rồi chị lại mơ màng. Chị thấy cái đám cưới xe song mã. Lúc xe cô dâu tiến đến trước chị, chị nhảy xổ lên, túm tóc con cô đốc xuống, xé khăn áo nó, và đánh cho nó một thôi một hồi. Chị vui sướng quá, lại cười khanh khách. Mở choàng mắt ra. Thì ra vẫn là chiêm bao. Cái xe cô dâu tiến qua mặt chị, con cô đốc đã

bữu môi với chị, đến nỗi chị tức ngã ngất đi, chứ không phải chị xé nó, đánh nó. Sự thật cay đắng thế, chứ có đẹp dễ như trong giấc mộng đâu. Bây giờ con cô đốc đã cướp chồng chị, nó như con chim sổ lồng. Còn chị bây giờ, bị nhốt trong buồng tối, để rồi đêm nay, làm mối cho năm thằng Tây lần nữa.

Chị đập chân đập tay một lúc, rồi nằm yên. Chị thấy thằng Mão đang nằm cạnh chị, hai tay nó vuốt má chị, chân nó gác lên bụng chị, rồi nó trở lên cái ảnh treo trên tường, gọi: Chề! Chề! Chị ôm nó, hít hơi thơm của má nó vào ngực. Nó cười sảng sặc, thò ngón tay vào nách chị, làm cho chị buồn.

Chị cựa, tỉnh dậy. Thì ra chị lại chiêm bao. Thằng Mão bây giờ thế nào? Chắc nó khóc mong mẹ đã khản tiếng. Nó ở

trong nhà của thầy nó đấy, nhưng thầy nó có nhận nó là con nữa không? Thầy nó cưới vợ khác, đám cưới mới linh đình làm sao? Thế thì thầy nó ở với con mụ lang ben, có nó bên cạnh, thấy nó khóc mếu, hửn là thầy nó bắt ông Điều hoặc anh Xi trông nó. Nó vắng mẹ thì nó khóc hết hơi, ai thương? Mà có lẽ con cô đốc còn đày đoạ, đánh chửi nó cũng nên. Con cướp chồng người ấy thì chỉ muốn giết con của vợ cả. Chị đã qua cái cầu dì ghê con chồng. Chị đã bị đày đoạ thế nào rồi. Chị thương thằng Mão bé bỏng chưa biết gì đã phải đày đoạ như chị.

Nghĩ lan man về con, bỗng chị lại chập chờn thấy thằng Tây nó vào hiếp chị. Chị vật nó ngã ngửa ra, bóp cổ nó. Mặt nó, máu đọng lại, đỏ bừng, nó thè lưỡi, kêu ằng ặc như con lợn bị chọc tiết. Nó van lạy chị. Nhưng chị không tha. Chị

bóp cổ nó chặt hơn. Nó chết, đầu lả như đầu gà toi. Nhưng có thằng Tây nữa vào, đánh nhau với chị. Trong lúc bất ngờ, chị bị nó quật xuống đất.

Chị mở mắt ra. Lại vẫn là chiêm bao. Chị không giết được thằng Tây nào, chị không đánh nổi thằng Tây nào. Nhưng tối hôm qua, một thằng đã thui vô hồi vào mạng mỡ chị. Và năm thằng nó hiếp chị, làm cho chị mệt thiếp như chết. Thế mà hôm nay nữa, nó còn giam chị ở đây. Chưa biết hôm nào chị mới ra thoát cái tổ quỷ này, hay là cứ ở đây để chờ cho bọn ma quái nó hiếp cho đến chết thật, không được về nuôi con nữa.

Rồi chị thấy chị ngồi trên xe song mã, bên cạnh chồng mặc áo gấm lam, đội khăn nhung đen. Trên lòng chị, thằng Mão đương nhảy nhót vì vui sướng. Nó

cầm tay chị đặt vào tay thầy nó, rồi nó dấm vào đít người ngồi giong xe ở đằng trước. Người này quay lại, thì ra một thằng Tây. Hẳn là thằng Tây nó hiếp chị. Xe ngựa đi qua Phòng thuốc, con cô đốc đứng ở hè, nó trông thấy chị, nó ngã lăn đùng xuống rãnh đường. Chị bảo xe dừng lại. Con cô đốc bò ra, khóc lóc, lạy van chị, xin chị cho làm vợ lẽ. Nhưng chị lắc đầu.

Chị tỉnh dậy, thì ra vẫn là nằm mê.

Chị không muốn chiêm bao vợ vắn, toàn những chuyện không đâu cả. Chị chỉ thương thằng Mão, nhớ thằng Mão. Giờ đây nó đương khóc ngằn ngặt bên cạnh người bố lạnh nhạt với nó. Chị thương nhớ con cồn cào cả ruột gan, nhưng lại muốn chỉ nghĩ đến con. Chị ngồi dậy, không nằm nữa.

Chị Thừa bị nhốt trong buồng này một đêm ngày thứ hai và một tối ngày thứ ba nữa. Đêm với ngày mới dài làm sao! Thằng Tây không nhớ rõ là thứ mấy, hiệp xong, thì nó ra. Chị không thấy có thằng khác vào, thì biết nó là thằng cuối cùng. Chị thấy cánh cửa mở rộng, mà không đóng, chị mừng quá. Dễ thường chúng nó thả cho chị về.

Lũ quỷ thả chị thật. Nhưng không phải do chúng nó. Không phải do chúng nó đã thỏa thuê thú tính. Cũng không phải do chúng nhân đạo. Lũ quỷ tha chị, là do chị. Hai đêm, hai ngày ở đây, chị không được ăn, không được uống, không được rửa ráy, không được ngủ. Thân thể chị

không còn là thân thể người. Nhiều lúc chị có thấy đói, nhưng lúc nào chị cũng thèm nước, khô cả cổ họng. Cái đói làm cho chị lả ra, nhưng cái khát bắt chị vật vã như điên như cuồng.

Đêm hôm thứ hai, biết rằng cưỡng lại không nổi, chúng nó còn đánh cho đau, khổ thân, nên chị không cưỡng, mặc kệ cho chúng nó làm tình làm tội. Chị chỉ mong rằng thằng nào cũng là thằng cuối cùng, để xong đấy, chị được nằm yên mà nghĩ đến thằng Mão, để nhớ, để thương nó.

Nhưng cũng phải hết năm lượt, chị mới được rảnh thân. Không rõ chúng nó là năm đứa khác nhau, hay chỉ có hai ba đứa nó hiếp đi hiếp lại. Chị không rõ mặt một thằng nào, vì buồn tối như bưng. Chỉ thấy thằng nào cũng thịt xương rắn

như sắt, lông lá nhọn như dùi.

Tối hôm thứ ba, chị cũng qua những phút khủng khiếp. Nhưng chị không biết là khủng khiếp nữa. Đầu óc bị căng quá, vì mệt nhọc thân thể, vì đau đớn tinh thần, hai đêm liền, chị không ngủ. Và còn vì rét, không chăn chiếu, chị không sao nằm yên được. Chị đã mê man bất tỉnh, thiếp như chết từ lâu rồi.

Chị lấy tay nắn thớ thịt. Nó nát nhẽo như cái ngày chị ốm, trời cả xương. Chắc là mặt chị gầy tọp, da nhăn nheo, mắt hõm sâu. Chị không còn hình người, huống chi còn đâu là mẽ đàn bà con gái. Chị là cây gỗ mục, vô tri, vô cảm. Chị là cái xác gần chết. Dù dăm dục đến mấy, lũ quỷ cũng không thèm hiếp một người đã như cây gỗ mục, như cái xác gần chết. Không những thế, quần áo, người ngòm

chị, vì không được rửa ráy, nên khăm lăm. Buồng lại có cứt đái, khai thối đến lợm buồn nôn.

Chỉ vì vậy mà lũ quỷ đói phải buông tha chị. Thằng cuối cùng hiếp xong, nó để cửa mở.

Thấy vậy, chị ngồi dậy. Nhưng không còn sức, chị đã dụi xuống phản. Song, chị vẫn còn trí để suy xét rằng nếu không ra thoát ngay khỏi nơi này, thì rồi sẽ chết, nếu không phải chết vì bị hiếp nữa, thì cũng chết vì đói, vì khát, vì mệt, vì rét.

Chị cố đứng dậy. Nhưng không thể bước được. Hai đầu gối chị run lẩy bẩy. Xương như long ra mất rồi. Chị vịn vào tường. Chị hoa cả mắt, choáng váng cả mày mặt. Chị cố gắng đưa cẳng bên phải ra đằng trước, rồi đứng thở. Chị đưa cẳng

bên trái ra đằng trước, rồi lại đứng thờ. Thế là chị đi được một bước. Một bước. Hai bước. Ba bước. Chị ra được ngoài. Chị nằm vật xuống sân. Thoát thân rồi!

 Gió bắc cầm cầm thổi. Ở trong buồng, chị không bị buốt đến xương như thế này. Vì đói, chị càng thấy rét. Chị không thể nằm thế này mãi. Chị cố ngồi dậy.

 Đèn trên nhà gác còn sáng. Bây giờ là mấy giờ rồi? Mới chập tối? Hay nửa đêm? Hay gần sáng? Nhiều lúc nằm nghỉ, chị đã nghĩ cho con mẹ này nó lừa chị ở lại để dắt mối cho mấy thằng Tây. Chị oán nó hết sức. Bây giờ nó còn thức, chị phải gọi nó để trách nó.

 Chị cố lấy hơi để gọi to:

– Bà sắp ời! Bà lớn ời! Bà Ình con ời!

Cửa chớp mở. Có cái đầu thò ra ngoài. Chị thấy rõ là đầu đàn bà. Chị lại gọi:

– Bà lớn ời! Bà lớn đấy phải không?

– Ai đấy?

– Con đây. Nhà Thừa đây.

Cửa đóng lại. Độ một phút sau, người vợ Tây lết bệt đôi guốc vệt gót, đã xuống đến sân. Đầu hấn bịt bằng khăn tua. Mình hấn bọc bằng áo len cộc. Hấn cúi nhìn:

– Ô, nhà Thừa thật đây mà. Làm sao thế?

– Con chết mất. Con bị năm thằng

nó thay nhau hiếp ba đêm liền.

– Thế nào? Sao lại thế? Đứng đây rét lắm. Theo tao lên nhà, tao hỏi.

Nói đoạn, hấn đi. Nhưng chị gọi:

– Bà lớn ơi! Bà lớn đỡ con, con đi không được.

Vợ Phi-lô-mát quay lại. Hấn vực chị đứng dậy, nhổ bèn bẹt:

– Gớm, bắn quá!

Chị tập tễnh theo hấn đi. Bỗng chị kêu:

– Bà lớn đi chậm cho con theo.

Hấn gắt:

– Mau lên. Người ngợm thế này mà bắt tao mó tay vào đến bao giờ.

Hắn không dắt chị lên gác. Hắn đưa chị sang buồng nhỏ ở bên cạnh.

– Vào mà rửa ráy đi đã. Gớm! Quàng lên. Đừng bắt tao chờ lâu. Rét lắm.

Hắn lại nhỏ đánh bệt.

Chị vặn nước, tu một hơi, rồi rửa tay, rửa mặt. Dạ dày được căng phồng bằng nước, chị thấy tỉnh người ra. Chị đóng vòi nước, đã thấy khỏe ra được một chút.

Chị đi nhanh hơn, ra với người vợ Tây. Hắn vẫn nhỏ, mắng:

– Sao không rửa ráy kỹ một tí, khỉ! Nào, vịn vào vai tao.

Chị theo người dì lên nhà. Chị bước từng bậc thang.

Đầu gối lại như long ra. Cố được đến nơi, chị đứng lại, hỗn hển thở. Nhưng hăn cũng chỉ cho phép chị đi đến đấy thôi:

– Có mệt thì ngồi xuống, tao hỏi chuyện. Thế nào, duyên do làm sao?

Chị kể lại nông nổi, có ý đổ tội cho hăn. Nghe xong, hăn chép miệng:

– Tội nghiệp mày. Có phải tại tao đâu. Tao biết đâu. Tao cứ tưởng mày về rồi. Tao cứ định cho mấy hào mua quà cho thằng bé con.

Câu nói xí xóa tội, xí xóa được sự ngờ vực nó lẫn quần mấy hôm nay trong óc chị. Chị lại nhìn hăn bằng con mắt

của người cháu nhìn người dì.

Lúc ấy, muốn chùng thẳng Phi-lô-mát nghe thấy tiếng xôn xao, nó mở cửa buồng ra xem. Thoạt trông thấy nó, chị lại suýt chết ngất. Người vợ Tây trở chồng:

– Quan lớn đấy, việc gì mà sợ.

Không phải chị sợ quan lớn, mà sợ cái thằng có thân hình to lớn, có mũi lõ, tóc quăn, có mắt xanh, da đỏ, có thịt xương như sắt, lông lá như dùi, cùng nòi giống với những con quỷ dâm dục nó hiếp chị.

Chị vẫn run, nhìn nó. Chị thấy mặt nó có một vết tím dài, như vết quào.

Thằng Phi-lô-mát nghe vợ thuật lại việc người đàn bà bị một lũ Tây hiếp, nó

gật gật, nói với chị:

– Mày cứ về, yên tâm. Quan lớn sẽ điều tra xem những kẻ làm bậy là ai.

Nói đoạn, nó vào. Người vợ Tây mỉm cười:

– Như thế, mày có bằng lòng không?

– Vâng, trăm sự nhờ quan lớn bà lớn. Con gặp mấy cái hạn. Ở Hà Nội này, chả biết trông cậy vào ai. Ngoảnh đi ngoảnh lại, chỉ có mỗi bà lớn là máu mủ ruột thịt. Xin bà lớn thương lấy con.

– Máu loãng còn hơn nước lã, vả vốn tao hay thương người, bất kể là con cháu hay người dưng. Xưa nay tao đã từ chối mày cái gì chưa? Tự nhiên, tao còn làm ơn cho mày chả vẻ thay nữa là. Chỉ có là mày dại, mày không nghe tao, mày tin

chồng mày, cho nên mới phải gánh cái nông nổi này.

Chị Thừa thở dài, rồi nức lên khóc.

Một lát, chị nhăn nhó kêu đau ở chỗ dạ con. Vợ Phi-lô-mát thương hại. Hấn an ủi:

– Không việc gì đâu. Mày đừng sợ. Ở đây các ông ấy toàn là người tử tế cả. Không ông nào có bệnh để đổ cho mày đâu. Tao biết.

Chị bóp bụng cho đỡ đau, rồi đứng dậy:

– Xin bà lớn cho con về.

– Mày về đâu?

Chị không đáp. Chị cũng chưa nghĩ

ra là về đâu thật. Hấn lại hỏi:

– Này, có đói thì tao còn ít cơm nguội ở trong nồi. Bỏ đi cũng phí. Mày lấy ra mà ăn vậy.

Chị vét nồi. Còn độ nửa bát vừa cơm vừa cháy. Chị ăn. Không có thức ăn, chỉ có cơm không. Nhưng sao mà ngon ngọt thế! Chị muốn nhai thật lâu cho đỡ thèm. Nuốt đến đâu chị thấy mát ruột đến đấy.

– Thế mày định về đâu bây giờ?

– Thưa bà mấy giờ rồi ạ?

– Gần mười giờ.

– Con định hãy về chỗ nhà con để thăm cháu.

Vợ Phi-lô-mát gật gù:

– À, lại còn vương thằng bé nhỉ. Nếu không, tao bảo mày là không thèm về đây nữa.

– Vâng, con với nhà con bây giờ là mặt giăng mặt giời rồi, không thể nào nhìn thấy nhau được.

– Phải, là kẻ thù hằn rồi, chứ còn tình nghĩa vợ chồng gì!

Bây giờ chị Thừa đã tỉnh táo hơn trước, đã tính toán được công việc. Chị nói:

– Con định thế này. Sáng mai, con cho cháu về nhà quê. Con mách tội thầy cháu cho ông bà cháu nghe, tùy ông bà cháu định liệu.

Người vợ Tây lắc đầu:

– Không ổn. Mày quần trí rồi. Đảng nào thì mày cũng chỉ là con dâu. Nó mới là con đẻ. Thế nào ông Bếp chẳng bênh con. Mấy lị nó giàu, có tiền nuôi ông ấy, thì thế nào ông ấy chẳng về hòa với nó. Không khéo thì ông ấy đuổi mày đi nữa đấy.

– Việc đuổi con đi, bà cháu đã muốn từ lâu rồi.

– Đấy. Mày nghĩ kỹ xem. Cho nên về nhà quê là không được. Lại thêm khổ nhục lần nữa thôi.

Chị Thừa thở dài:

– Thế thì bà lớn bảo con ở đâu? Ở với chồng không được, ở với bố mẹ chồng không xong, chẳng lẽ con về nhà con, nương tựa vào thằng em cậu với con em

dì. Ông bà con chết rồi, nhà cửa bị nước lụt làm trôi sạch, bây giờ chúng nó, mỗi người một phận.

Người vợ Tây gái mép:

– Khó nhỉ, ở nhà quê dù nhờ nhà ai, rồi ông ấy cũng tìm cách xúc xiểm người ta đuổi mày đi. Tao tính mày chỉ ở Hà Nội này là yên. Chẳng ai biết mày là ai. Nhưng ở với chồng mày không được, chẳng lẽ mày lại ở đây với tao! Trên gác này làm gì có chỗ. Mà nhà xép có mấy cái buồng đấy, chả biết mày có dám ở hay lại sợ?

Chị Thừa yên lặng. Hắn tiếp:

– Tao như mày thì tao không chịu nước lép. Sống chết tao cũng báo thù.

– Vâng, con cũng lập tâm thế.

– Mày định thế nào, nên hỏi tao, tao chỉ cách cho mà làm.

Vợ Phi-lô-mát nghĩ một lát, rồi nói tiếp:

– Có hai cách. Một cách là giết nó, phá nó. Nhưng khó lắm, mày không làm nổi đâu. Mà mày định thế, tao cũng khuyên mày là không nên, vì tòa án không để mày yên. Một cách dễ hơn, ai cũng có thể làm được, là thằng Thừa có nhân tình, thằng Thừa lấy vợ khác thì gái này cũng lấy chồng khác. Đã dở mặt thì cùng dở mặt, cho mà biết tay nhau. Thế mới là báo thù.

Chị Thừa im một lát. rồi nói:

– Ban nãy bà lớn bảo con nên ở Hà Nội, con nghĩ cũng phải. Có ở Hà Nội

mới giả được thù. Nhưng làm gì để kiếm ăn và ở vào đâu. Hay là...

– Hay là thế nào?

– Con trăm sự nhờ bà lớn. Con biết thổi cơm, con biết khâu vá. Con lại khỏe, làm phu phen cũng được. Bà lớn thì bạn hữu quen thuộc nhiều. Con nhờ bà lớn xem có ai muốn mượn con làm con sen, con đò, hay bất cứ làm việc gì, bà lớn mách con. Con chỉ lấy đủ cơm ăn thôi, không cần công xá.

Vợ Phi-lô-mát gật:

– Được, để tao xem.

Chị Thừa đứng dậy:

– Thế bây giờ con lạy bà lớn con về.

– Ủ, mà về. Nhưng tối nay mà ngủ ở đâu?

Rồi hần như sực nghĩ ra ý kiến hay:

– Này, tao bảo. Cứ đến đây, vào trong buồng ban nãy mà ngủ tạm đêm nay, rồi mai thế nào hãy hay. Có phản cao ráo sạch sẽ. Có cửa giả khỏi rét. Tao cho mượn cái bóng điện. Thắp sáng lên là chả sợ ai. Tao bảo quan ông đưa cho chiếc chìa khóa. Ngủ thì khóa lại, thế là yên trí.

– Vâng, đằng nào con cũng phải đến chỗ thầy cháu ở để bế cháu đi.

– Được rồi. Lúc nào về đây, mà cứ gọi cửa mà lấy bóng điện với chìa khóa.

– Đội ơn bà lớn.

Chị Thừa về đến hết phố Hàng Tiệm thì đi thẳng sang phố Cầu Gỗ. Cửa sau Phòng thuốc nhà giàu là cửa chị quen ra vào. Vả đi đằng trước, phải bấm chuông, có thể chị thấy mặt chồng, thì chị lại ngất đi mất. Vào đằng sau, chị gọi anh Xi cho gần.

Anh Xi mở cửa. Anh trông thấy chị không ra hồn người thì giật nảy mình. Anh hỏi vì sao, nhưng chị không trả lời. Chị hỏi lại:

- Thăng Mão nhà tôi đâu?
- Nó ngủ với tôi.
- Mấy hôm nay nó có quấy lắm không?

– Tối đầu, nhớ chị, nó khóc lắm.
Nhưng ngày hôm qua, nó chơi. Đến tối,
nó mơ đòi đi tìm mẹ.

Chị lắc đầu:

– Tội nghiệp thằng bé! Thế hấn ta
đâu?

– Đi vắng từ tối chưa về.

– Hấn ta đối với thằng Mão thế nào?

– Cũng có vài lần dỗ nó, nhưng vì
bận, anh ấy giao cho tôi.

– Có biết là tôi biết chuyện không?

– Biết.

– Có nói gì không?

– Có thì cũng chả nói với tôi hay với ông hai.

– Ông hai đâu?

– Đương tán thuốc ở trên gác. Tối nào chúng tôi cũng phải làm việc đến mười hai giờ đêm mới được nghỉ tay.

– Con kia đâu?

– Vẫn ở nhà hẩn.

– Không ở bên này à?

– Không. Hai người vẫn chưa ở với nhau.

– Tại vương có tôi chứ gì. Chắc họ biết là tôi còn ở Hà Nội, nên chưa dám sum họp!

– Tôi cũng nghĩ thế.

Chị Thừa rửa lại chân tay mặt mũi.
Anh Xi hỏi:

– Mấy hôm nay chị ở đâu mà xanh xao hốc hác hần đi, quần áo rách rưới, trông như con ma lem thế này? Thoạt thấy chị, tôi giật nẩy mình.

– Tôi ở nhà quen.

Chị giấu, không dám nói việc bị hiếp, sợ xấu hổ.

– Tôi về đón cháu, lại đi ngay, anh ạ.

– Chị đi đâu? Có nhà có cửa thì ở chứ?

– Nhà đâu của tôi nữa! Hắn ta tệt thế, thì trông mặt nhau làm gì.

Anh Xi thở dài:

– Mấy hôm nay, tôi cứ lo cho chị. Anh ấy tệ thật. Lắm lúc nghĩ chán, tôi cũng định thôi, chả muốn làm với anh ấy. Đối với chị, anh ấy còn thế, nữa là đối với ông hai Điều, đối với tôi.

Rửa ráy xong, chị Thừa lên gác với con. Thấy thằng Mão ngủ ngoan, chị khẽ lật cái chăn trùm đến má nó, cúi hôn khẽ nó một cái. Hai giọt nước mắt rơi xuống mặt nó. Nó cựa, thò tay giụi lau đi. Rồi nó nằm ngửa, hai cánh tay giơ ngược lên đầu.

Bỗng chị khóc nức lên.

Cụ Điều ở gian làm việc, hỏi:

– Thằng Mão lại khóc đấy à?

Chị Thừa đáp:

– Cháu đây, ông ạ.

Cụ Điều vội vàng chạy sang. Thấy chị thì cụ mừng nhưng khi nhìn mặt mũi và áo quần chị, thì cụ ngớ mặt ra. Chị nói với anh Xi:

– Tôi nhờ anh ra gác ngoài, lấy giùm tôi cái tay nải.

Anh Xi lắc đầu:

– Cửa khóa, chìa anh ấy cầm.

Cụ Điều càng ngớ mặt. Anh Xi mới nói rõ cho cụ biết những điều mà chị Thừa vừa nói với anh. Cụ hỏi:

– Chị định đi đâu bây giờ? Đêm hôm khuya khoắt, rét mướt.

– Đi đâu cho khuất mắt thì đi.

Chị sửa soạn quần áo cho thằng Mão, rồi lay gọi nó.

Nó cựa, mở đôi mắt để nhìn. Khi nhận ra mẹ, nó nhoẻn cười, ngồi nhồm dậy hai tay ôm cổ chị.

Chị bế nó vào lòng, khóc rưng rức. Anh Xi ái ngại:

– Chị cứ để nó ngủ yên ở đây. Nó không quấy đâu. Chứ lạnh thế này, chị bế nó đi đâu cho khổ nó, Rồi mai, chị đến lấy quần áo, hãy cho nó đi một thể.

Chị Thừa cương quyết:

– Không, tôi đã định rồi. Đến đây lúc này khỏi phải nhìn thấy mặt con người tệ bạc là may cho tôi. Chứ mai đến đây để

hai đứa nó chọc vào mắt tôi ấy à. Tay nải của tôi, tôi không lấy được, thì tôi đành bỏ lại.

Chị cầm gói quần áo của con. Anh Xi cuộn cái chăn chiên của anh, đưa cho chị, và nói:

– Chị đem đi mà đắp với cháu. Chị muốn giả, thì cứ giúi ở khe cánh cửa. Không giả cũng được, tôi đắp chung với ông Hai.

Chị Thừa cảm động, thở dài. Bỗng cụ Điều hỏi:

– Có dễ con mẹ này chiều nay chưa ăn cơm.

Chị thú thật:

– Vâng, tôi cũng thấy đói.

Anh Xi vội vàng xuống bếp lấy chỗ suất cơm của anh Thừa không ăn bữa chiều. Còn một nửa bát canh và hai miếng đậu rim. Anh hâm lại cho nóng, rồi dọn cho chị ăn.

Ngồi cạnh chị Thừa, anh Xi bế thẳng Mão vào lòng, hỏi:

- Chị định về quê à?
- Không.
- Thế chị ở đâu? Làm gì để sống?
- Hãy biết đi đã, giòì sinh voi sinh cỏ, cần gì.
- Không được, chị phải nghĩ cho kỹ. Liều không được đâu. Hà Nội bây giờ nó bất nhân lắm, chị ạ. Coi không khéo thì phải lừa.

Nói đoạn, anh móc ví, lấy bảy đồng bạc đưa cho chị:

– Chị cầm tạm mà tiêu. Chị nhịn đói được, chú thằng cháu không nhịn đói được.

– Anh tốt bụng quá! Biết bao giờ tôi giả lại anh đây!

– Có thì giả, chưa có chị cũng đừng nghĩ ngợi gì. Chả giả thằng tôi thì chị về nhà quê, chị đưa cho thày u tôi. Chị ở đâu, chị cứ cho tôi biết. Mai lúc nào rồi, tôi đem tay nải đến cho.

Chị Thừa lắc đầu:

– Không phải tôi giấu anh, nhưng tôi không muốn cho hấn ta biết là tôi ở đâu, với ai.

Anh Xi không hỏi nữa:

– Thế thì bạn sau muốn gì, chị cứ lại đây bảo tôi. Chị gọi cửa sau.

Chị Thừa đứng dậy, chào hai người. Cả cụ Điều lẫn anh Xi cùng tiến ra cổng. Gió rít như thổi dài.

Hai người trông theo, thấy chị đi về phía Hàng Gai.

Chị Thừa tay bế con, tay ôm bọc chăn chiên với quần áo của thằng Mão, thất thểu đi, định bụng đến ngủ nhờ vợ Phi-lô-mát.

Bỗng có ba chiếc xe cao su kéo ba thằng lính tây say rượu vừa gục đầu xuống vừa hát rống lên. Chị sức nghĩ đến mấy đêm kinh khủng vừa qua. Không lẽ thoát khỏi tổ quỷ, bây giờ chị lại

đâm đầu vào. Chị nhớ lại cảnh ấy như cơn ác mộng. Những thân hình vạm vỡ của mấy thằng tây khỏe như vâm nó đầy dọa chị, như hiện ra trước mắt chị. Chị kinh tởm, rợn tóc gáy. Chị không dám đi nữa, quay nhìn lại phía phố Cầu Gỗ. Hay là trở về, ngủ một đêm ở gác trong? Nhưng chị rùng mình. Nhà ấy cũng là cái tổ quỷ nó đầy dọa chị.

Vậy thì đi đâu bây giờ? Đường phố vắng tanh. Gió bắc rít mạnh.

Chị nhìn trước nhìn sau. Cúi đành liều thôi!

Đến gần ngã tư hết Hàng Bông đêm, chị thấy một nhà còn sáng đèn. Có tiếng máy chạy rầm rầm, và có nhiều người đi lại tấp nập ở bốn phía sân. Chị đứng ngoài hàng rào đâm bụi nhìn vào. Đây

là nhà gì? Hay là trong này có đám cưới? Có một người đi ra cổng. Chị hỏi thăm, biết là tòa báo Trung Bắc tân văn, máy in chạy suốt đêm. Cứ liều bế con vào dưới cái mái hiên kia có được không? Ở đây làm việc đến sáng, thì lúc nào cũng có người thức. Chị được yên tâm, không sợ lính Tây nó dám vào làm bậy. Nghĩ thế thôi, nhưng chị lại đi. Đến giữa ngã tư, chị nhìn phía tay trái. Một con đường hẹp trải gạch vụn còn để lổn nhổn. Cạnh đường là ao sen Nhật Bản. Rồi tối mù mịt, thăm thẳm. Bỗng có tiếng kêu thất thanh ở phía ấy: “Ồi giời ôi, nó giết tôi!” Chị Thừa rụng rời cả chân tay. Trước mắt chị, phố này cũng thẳng tắp, cũng thăm thẳm, như dọa chị sẽ gặp một tai nạn bất ngờ. Gió thổi như quất roi vào mặt chị, buốt thon thót. Hai hàm răng thẳng Máo đập vào nhau cầm cập. Chị vừa lo cho mình, vừa thương con. Chị

không dám đi nữa. Chị quay lại tòa báo, lén hàng rào, đến chỗ có mái hiên.

Chị đặt thùng Máo vào góc tường, khuất lần gió lộng. Chị ru nó ngủ, rồi đặt nó nằm trên nền gạch, đắp chăn kín lên. Chị ngồi ở đầu gió để che cho nó. Rồi mệt, chị tựa vào tường, lả đầu xuống. Đến tận lúc tai nghe tiếng bánh xe sắt lọc cọc trên đường đá, chị mới thức dậy. Quần áo chị ẩm nước sương. Đèn phố đã tắt. Trời đã mờ mờ trắng.

Chị bế con đi loanh quanh để chờ thật sáng, mới ra ga. Xương thịt như rã rời. Chị tập tễnh đi mua bát phở, bón cho con ăn chung, rồi đến nhà Phi-lô-mát.

Người vợ Tây đưa chị chiếc chìa khóa, cho chị mượn bóng điện và manh chiếu. Hấn bằng lòng cho chị thổi cơm

nhờ tạm mấy hôm, vì chị xin là cơm của hẳn, chị cũng thối hộ.

Chị mượn cái thùng kín nước và cái chổi sể, rồi xuống buồng cũ. Nhớ lại cảnh mấy đêm trước, chị nhìn từng chỗ. Cái nhà bên sếp phó trước chị ở, cũng thế này. Chồng chị hay đứng ở đây. Con đầm lai ở trên gác kia. Thế mà bây giờ... Chị ôm thẳng Mão vào lòng. Bây giờ, chỉ có thẳng Mão là mối an ủi của chị.

Chị thở dài, đương bản thần, thì anh Xi đến. Anh mừng rỡ, đưa chị cái tay nải:

– Tôi đoán là thế nào chị cũng ở đây.

Chị Thừa cười:

– Tại sao?

– Tại khắp Hà Nội này, chị không quen ai nữa.

Chị hỏi dò:

– Hẳn ta về chưa? Thấy tôi đem thằng Mảo đi, có nói gì không?

– Anh ấy về rồi. Không gặp cháu, thì anh ấy gắt tôi là sao để cho chị bế nó đi lúc đêm hôm rét mướt.

Chị cười khinh:

– À, ra cũng biết thương con đấy! Nhưng tôi xin anh giữ kín cho, đừng nói là tôi ở đây nhé.

– Chị không phải dặn.

Nói xong, anh Xi yên lặng một lát, rồi nhổ một bãi nước bọt, có ý tìm tòi cái gì:

– Quái, mùi khai thối ở đâu thế nhỉ?

Chị Thừa vừa ngượng vừa sợ, nhưng không đáp vào câu hỏi. Chị nói:

– Tôi đã mượn được cái thùng và cái chổi, sắp cộ nhà thì anh đến. Anh đã gặp bà ĩnh con chưa?

– Tôi không muốn gặp bà ấy.

Chị yên tâm là anh Xi không biết việc chị bị hiếp, ỉa đái cả ra trong buồng này.

Chị đi xách nước. Anh Xi tranh việc quét. Nhưng nhất định chị giăng cho được chổi. Anh Xi đành giúp chị việc khác, sạch sẽ hơn. Bỗng anh ngạc nhiên, hỏi:

– Quái, sao trên phản lại có máu?

Chị cúi nhìn. Đúng là máu thật. Máu

của chị! Tự nhiên chị lại thấy trong mình đau nhói. Chị ôm bụng nhăn nhó. Anh Xi vừa dội nước, vừa nói:

– Quanh đây, có bọn Tây hỗn lắm. Tôi sợ chị ở không yên đâu. Trước kia, tôi cũng ở buồng này, nhưng được một đêm, hôm sau tôi phải đi ngay. Là vì có hai thằng tây nó đến gạ tôi.

Chị Thừa ra ý không tin:

– Anh nói thế! Anh là đàn ông chứ có là đàn bà đâu mà nó gạ?

Anh Xi trợn mắt:

– Thế mới gớm chứ! Chúng nó tưởng tôi cũng làm nghề đi đực, cứ vừa cười, vừa vỗ vỗ vào chỗ này.

Anh trở mông đít của anh. Chị Thừa

không hiểu. Nhưng anh Xi không giảng thêm, nói tiếp:

– Tôi sợ quá, vùng chạy. Thế là chúng nó đuổi theo, đánh tôi túi bụi.

Anh lại nhìn kỹ vết máu, rồi lắc đầu:

– Tôi nghi lắm, chị ạ. Máu là máu mới, cút là cút mới. Không khéo thì...

Anh ngừng lại để nghĩ. Anh không nói hết câu.

Từ này, chị Thừa giật mình thon thót, cứ phải cúi để quét, sợ anh Xi trông rõ mặt chị biến sắc chẳng. Anh Xi lắc đầu:

– Không khéo thì buồng này có ma, chị ạ. Chị không nên ở. Rõ ràng là có người bị giết ở đây, nên mới có máu thế này.

Chị Thừa trả lời:

– Để tôi hỏi bà sếp chánh. Nếu đúng như lời anh nói, thì các vàng tôi cũng không dám ở. Nhưng nếu không phải, thì tôi chả sợ. Tôi có đèn sáng, lại có chìa khóa. Chập tối đến, tôi vặn đèn lên và khóa ngay cửa lại. Chả đứa nào vào nổi.

– Biết đâu đấy!

– Có xảy ra sự gì thì tôi gọi tướng ông bà sếp chánh lên.

Chị nói vậy, vì chị tin lời thằng Phi-lô-mát nó hứa là sẽ điều tra xem những thằng nào hiếp chị.

Anh Xi lắc đầu:

– Ông bà sếp chánh ấy à? Họ không tốt đâu.

– Nhưng tôi ở đây, không trông cậy vào ông bà ấy, thì trông cậy vào ai?

– Được, hãy biết thế. Để rồi tôi tìm cho chị một chỗ tử tế mà trọ.

– Tôi cảm ơn anh. Nhưng tôi xin anh là nhất định anh không bảo ai là tôi ở đâu.

– Chị đừng ngại điều ấy.

Quét dọn sạch sẽ xong, anh Xi đưa thêm chị Thừa ba đồng nữa. Chị cảm động quá, rưng rưng nước mắt.

Ba hôm sau, vợ Phi-lô-mát xuống buông chị Thừa. Thấy chị hẩn gật gật:

– Ủ, hôm nay trông mày đã ra mẽ con người. Chứ cứ như hôm nọ thì gớm chết! Tao mới hỏi việc được cho mày.

Mày muốn đi khâu đầm, hay đi chị hai?

Chị Thừa không hiểu những tiếng mới lạ.

Hắn giảng đi khâu đầm là mỗi ngày hai buổi, đến làm ở một nhà người Tây có vợ, khâu vá cho bà đầm. Làm khâu đầm thì phải ăn mặc cho đằm dáng. Thường các cô khâu đầm hay mặc quần lĩnh thâm và áo dài nâu non gài khuy. Cô nào mặc buộc vạt thì thắt lưng thâm bỏ giọt. Đi chị hai là trông con cho tây đầm, tức là làm vú em, nhưng không phải cho bú, mà cho ăn sữa. Hết giờ làm việc thì về. Vì giữ con Tây, nên chị hai không mặc như khâu đầm, phải sạch sẽ hơn, tức là cái áo dài phải hồ lơ cho trắng, cái thắt lưng phải nhuộm cho đen, không có trở cũng phải đội khăn trắng, và lúc nào chân cũng phải dận guốc hoặc dép Nhật.

Chị Thừa chưa biết nên làm nghề nào. Chị hỏi:

– Nhưng cháu không biết tiếng Tây thì làm thế nào được với Tây?

– Không ngại. Mới đầu, nhờ bồi bếp người ta thông ngôn hộ cho. Rồi học nói dần. Như tao ấy. Tiếng Tây cũng dễ thôi.

Sẵn có riêng năm đồng, lại có thêm mười đồng của anh Xi cho mượn, chị Thừa may cái quần lĩnh, cái áo dài nâu non, mua cái khăn xa-tanh, cái thắt lưng sạ, cái nón ba tầm, và đôi guốc Sài Gòn. Chị làm nghề khâu đầm cho vợ chồng người Tây, nhà ở xế cửa hội Tam Điểm, ngay gần ga. Chị ở nhờ cái buồng trong nhà phụ của sếp chánh Phi-lô-mát.

Tìm được việc không phải chân lấm

tay bùn, chị rất hàm ơn người vợ Tây. Bởi vì chị không rõ rằng phần lớn các cô làm nghề khâu đầm hoặc nghề chị hai là đi học lớp vỡ lòng để làm nghề khác. Là nghề truy lục, bán tròn cho Tây để nuôi miệng.

